làng văn

199
Tháng 3, 2000

Nha-sĩ NGUYỄN CHÍNH CƯƠNG
Nha-sĩ VÕ THỊ LAN ĐÀI
Chirurgien Dentiste/Clinique Médicale RACHEL
4298 Rue St-Denis, Montréal, lầu hai, phòng 04
(Métro Mont-Royal hoặc Bus 30) **Tel: (514) 849-1038**

A fast growing Information System services firm has short & long term contracts or permanent positions for experienced Programmer/Analyst 3 years and up in DB2, CICS, IDMS, ADS/O, IMS, UNIX, ORACLE, CLIENT/SERVER technology.
Please forward your résumé to:
DANCOM CONSULTING
790 Marcel Laurin, Ste #218
St-Laurent, Qc H4M 2M6
Attention: Dany Dinh
Fax #: 514-748-9399
DANCOM *Consulting Inc.*

ALCO
SOLUTION INFORMATIQUE
PLACE-DES-ARTS
95 Ste-Catherine Ouest, Montréal
Tél. (514) 843-3155
www.alco.qc.ca Email: service@alco.qc.ca

Chuyên viên Tài-chánh & Bảo-hiểm Nhân-mạng
Châu Võ Thành Tường, B.SC., A.V.C.
279 Place de la Poudière, Verdun, Qc., H4G 3K5
(Métro Lasalle) - Tél: **(514) 767-2874**

Luật sư / Avocat
LƯƠNG VĂN TUẤN
1114 Beaubien Est, Suite 206, Montréal
Tél: (514) 272-0503 - Fax: (514) 270-1143

TIỆM VÀNG BIJOUTERIE
HOÀNG KIM
Mua bán & sửa chữa nữ trang
Vàng • Cẩm Thạch • Hột Xoàn
6700 Côte des Neiges #214
Montréal, Québec H3S-3B2
Tel: (514) 344-5692
Fax: (514) 344-8221

CALIFORNIA & D.C.
Luật-Sư **NGUYỄN XUÂN NGHĨA**
chuyên về di-trú vào Hoa-kỳ
▪ Văn phòng Cali:
19112 E. Center Ave., Orange, CA 92869
Tel / Fax: (714) 633-5997
▪ Văn-phòng DC: **6269 Leesburg Pike, Suite #306, Falls Church, VA 22044**
Tel: (703) 237-5273 / Fax: (703) 532-7453

Luật sư **ĐÀO XUÂN HÒA**
(Nguyên Luật-sư Tòa Thượng-thẩm Sài-gòn)
7204 St. Denis, Montréal, H2R 2E2
Tel: (514) 279-7540

Văn-phòng Bảo-hiểm và Dịch-vụ
NGUYỄN BÁ DĨNH
4860 Circle Rd., Montréal
Tél: (514) 482-9153

Xin nhắc thân-nhân ở quê nhà nghe
ĐÀI VIỆT-NAM TỰ-DO
từ 7g30 đến 8g30 tối (giờ VN)
từ Thứ Hai đến Thứ Sáu
tần-số 9965 KHz (31 mét)
và GIỜ VĂN HỌC NGHỆ THUẬT
do tạp-chí Làng Văn thực-hiện:
chiều Thứ Hai (7g30 tối - 8g30 tối)

1975-2000 MỘT PHẦN TƯ THẾ KỶ LỊCH SỬ THUYỀN NHÂN

Một phần tư thế kỷ thăng trầm và hy vọng của người Việt hải ngoại

Nguyên nhân ly hương? Bao nhiêu đồng bào ra đi từ mùa Xuân 1975? Bao nhiêu nạn nhân mất mạng? Hải trình kinh hoàng. Thảm trạng hải tặc cướp của, giết người, bắt cóc thân nhân. Kế hoạch buôn dân của Hà Nội. Chính sách quốc tế. Phong trào cứu trợ tị nạn vĩ đại. Hiện tượng bộ nhân. Tệ nạn thanh lọc bất công. Khó khăn và thành công hiển vinh tại hải ngoại.

Tài liệu ***Thuyền Nhân: Ấn Tích Lịch Sử*** là một cố gắng nhỏ hơn 10 năm qua với mục đích thu thập và phân tích các dữ kiện lịch sử, chính sách quốc tế liên quan đến thuyền nhân Việt Nam cũng như nghiên cứu sinh hoạt cộng đồng hải ngoại và sự thành công của khối người tị nạn, đặc biệt là thế hệ trẻ - *thế hệ con cháu thuyền nhân.*

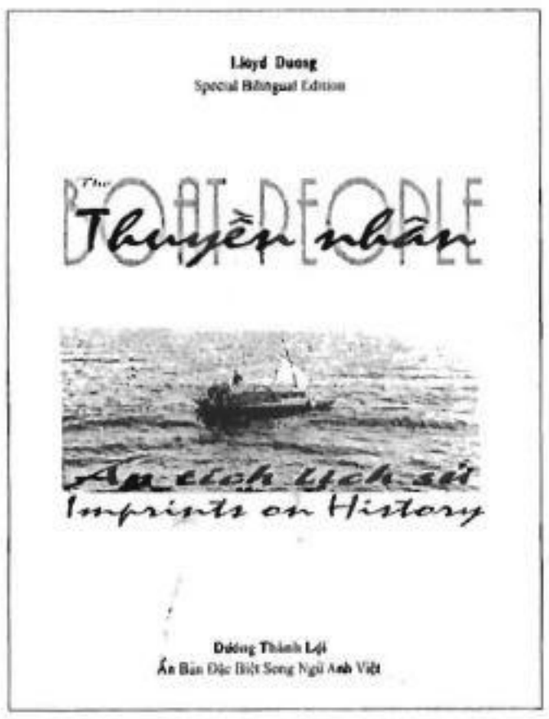

Ấn bản đặc biệt song ngữ Anh Việt phát hành dịp **Lễ Giáng Sinh 1999 & Tết Nguyên Đán Canh Thìn 2000**

The* BOAT PEOPLE: *Imprints on History* THUYỀN NHÂN: *Ấn Tích Lịch Sử

trên 1000 trang với nhiều văn kiện quốc tế và hình ảnh đặc sắc suốt 25 năm qua từ bể cả đến đệ tam quốc gia.

Một tài liệu lưu niệm mà mỗi người tị nạn có thể nhận diện quá khứ thuyền nhân của mình và ôn lại một chặn đường gian nan đáng ghi nhớ cũng như truyền đạt lại cho con cháu kinh nghiệm quý báu. Một món quà lưu niệm giá trị cho thân quyến và bằng hữu ngoại quốc.

Tác giả: ***Dương Thành Lợi*** nguyên là một thuyền nhân thiếu niên từng hoàn tất nhiều tài liệu như *International Trade and Developing Nations, Triết Lý Quốc Trị Đông Phương,* đã nghiên cứu văn kiện tại nhiều quốc gia khi biên khảo tài liệu này, hiện là luật sư tòa án (trial attorney) ở Canada.

Tất cả lợi nhuận ấn hành sẽ được sử dụng để tiếp tục thâu thập tài liệu và tín vật lưu niệm cho một bảo tàng viện Thuyền Nhân dự định trong tương lai.
Xin gởi Money Order U.S. $25 (1 ấn bản) cho **'OPTIMAL WORLD'** về địa chỉ **OPTIMAL WORLD PUBLISHERS 1231 King St. West, Toronto, Ontario M6K 1G3 Canada.** Vì ấn bản đặc biệt song ngữ Anh Việt có giới hạn cho nên M.O. sẽ được hoàn trả nếu không còn sách.

làngvăn

E-mail: langvan@ilap.com
www.vietnamlangvan.com/vietnews
Publisher: Langvan of Canada Inc.

P.O. Box 218, Station "U"
Toronto, Ont., M8Z 5P1, Canada
Tel: (905) 607-8010 / Fax: (905) 607-8011

Canadian Publications Mail Product Sales Agreement #461709
Customer Account No: 2042916-99
Printed in Canada - Published 24 times a year
(Publications Class Mail Reg. No: 8040)
ISSN: 0832-1922 - LDN: 310578

Volume XVII - No 199 - March 2000
Năm thứ 17 - Bộ 17 - số 199 - tháng 3 năm 2000

TRONG SỐ NÀY:

Vòng quanh thế-giới 30 ngày qua.....2
Từ thành đến tỉnh.....5
Tin Việt-nam.....7
Trong làng.....16
Ngoài xã.....18
Egon Krenz vào tù, *Trần Văn Tích*.....24
Đi tìm nhân-vật Việt-nam thế-kỷ 20.....26
Cho một ngày đầu năm, *thơ Y. Ng*.....31
Ta bà thế-sự, *Phan Nguyễn Minh Minh*.....32
Xuân nhớ Chi Phương, *thơ Lộc Quy*.....36
Chuyện người chuyện ta: Xin chúc mừng và báo tin với bà Sonneborn....26
Phạm Kim Vinh, chiến-sĩ cầm bút, *Sơn Tùng*.....41
Từ miền nắng ấm: Mùa xuân hoài niệm và tiễn đưa, *Phan Thịnh*.....43
Về những cái tên, *Hồng Huy*.....45
Ngậm ngải tìm trầm, *Hương-giang Thái Văn Kiểm*.....55
Viễn xứ, *thơ Vạn Giả*.....56
Ngoảnh lại phía sau, *truyện ngắn Hoàng Nga*.....59
Đi rước vợ, *truyện ngắn Phùng Nhân*.....65
Đường hầm thời-gian, *truyện ngắn Ngọc Huy*.....68
Đêm, *thơ Nguyễn Duy Tâm*.....74
Một đời vấn nhớ, *truyện ngắn Dương thị Vành Khuyên*.....76
Mưa, *thơ Thu Tứ*.....78
Khát yêu-thương, *thơ Nguyễn Văn Cường*.....81
Lụt bát miền nhiệt-đới, *thơ Vĩnh Hoà Hiệp*.....82
Xóm cũ: Từ một con đường hẻm, *Diên Khánh*.....85
Nụ hôn đầu ngày, *thơ B.H.T.*; Trăng xưa, *thơ Lê Hữu Minh Toán*....89
Quê nội quê ngoại, *truyện dài đồng quê miền Nam của Xuân Vũ*....90
Tình riêng vẫn giấu, *thơ Trần Vấn Lệ*.....92
Muộn phiền, *thơ Thiên Di*.....94
Vạch mặt, *truyện dài xã-hội đen của Tống Minh Long Quân*.....96
Sầu viễn xứ, *thơ Bảo Trân*.....98
Xót xa, *thơ Phan Long Yên*.....101
Những mảnh đời, *truyện dài miền Bắc của Phương Liên*.....102
Chùm hoa gửi bạn, *thơ TT Mây Trên Ngàn;*
Rừng chợt tỉnh cơn say, *thơ Tuỳ Anh*.....105
Dấu chân trên cát, *truyện thiền của Nguyên Phong*.....106
Độc giả thắc mắc, *Bút Chì*.....109
Lạnh áo hoàng hoa, *thơ Tuệ Nga*.....111
Cười chết bỏ, *Cả Cười*.....112
Nhận được giới-thiệu, *Khải Chính*.....114
Thư đi tin lại, *Nguyên Hương*.....116

Chủ-nhiệm, Chủ-bút:
Nguyễn Hữu Nghĩa

Toà-soạn và trị-sự:
Nguyên Hương

Cộng-tác thường-xuyên:
Bùi Hữu Trí - Bút Chì - Cao Hoàng Nhân - Cung Vũ
Diên Khánh - Dương Thị Vành Khuyên
Đào Trường Phúc - Hoàng Chính - Hoàng Nga
Hồng Huy - Hương Giang Thái Văn Kiểm
Khải Chính Phạm Kim Thư - Lãng Nhân Phùng Tất Đắc
Lộc Quy - Lê Hữu Mục - Mõ Làng Văn
Ngô Nguyên Dũng - Nguyên Hương - Nguyên Phong
Nguyễn Duy Tâm - Nguyễn Đăng Tuấn
Nguyễn Hoài Phương - Nguyễn Hữu Nhật
Nguyễn Huy Phước - Nguyễn Nhạn Sơn
Nguyễn Văn Cường - Nguyễn Văn Ngọc
Nguyễn Văn Thông - Phan Các Chiêu Hằng
Phan Long Yên - P. Đan Hà
Phan Nguyễn Minh Minh - Phan Thịnh - Phương Liên
Sơn Tùng - Thăng Bờm - Thuý Sơn - Tiểu Đăng - Tuệ Nga
Tự Tỉnh - Tống Minh Long Quân - Trần Ngân Tiêu
Trần Văn Tích - Trần Vấn Lệ - Tuỳ Anh - Vạn Giả
Vạn Lam - Vân Nương - Việt Chi - Việt Phương
Việt Thao Đào Đức Chương - Xuân Tước - Xuân Vũ

Đóng góp bài vở:
Bạch Thái Hà - Cao Xuân Lý - Diệu Tần - Dương Kim
Đặng Thị Quế Phượng - Đông Nghi - Hoàng Du Thụy
Hoàng Hải Thủy - Hồng Ân - Huy Vũ - Huỳnh Liễu Ngạn
Lâm Thúy - Minh Đức Hoài Trinh
Nam Chi Thượng Nhân - Nam Man Lâm Nam Triều
Ngô Du Trung - Nguyên Khanh - Nguyễn Bá Dĩnh
Nguyễn Hải Hà - Nguyễn Mạnh An Dân
Nguyễn Thị Vinh - Nguyễn Tư - Nguyễn Ước
Nguyễn Xuân Hiển - Nguyệt Cầm
Phạm Hồng Đậm - Phạm Quang Ngọc - Phạm Tâm Phố
Phạm Thăng - Phùng Nhân - Thiên Di - Thủy Trang
Trần Mộng Lâm - Trường Sơn Lê Xuân Nhị
TT Mây Trên Ngàn - Vi Vi - Võ Phiến

Minh-hoa:
Nguyễn Nhật Tân

Góp tranh, ảnh:
Babui - Bùi Mỹ Hoa - Lê Quang Xuân - Minh
Nguyên Khai - Nguyễn Đồng - Nguyễn Thị Hợp
Tăng Sở Dương - Thái Tuấn - T. Nguyễn
Vi Vi - Vũ Thái Hòa

Liên-lạc quảng-cáo:
Minh Trang

Tri-ân các cộng-tác-viên quá-cố:
Thanh Nam, Trần Cao-Lĩnh, Tử-Vi Lang
Bình Nguyên Lộc, Nguyễn Tất Nhiên
Kinh Tân, Phạm Văn Cương, Lê Thao Chuyên,
An Khê, Ngọc Khôi, Duyên Anh, Trương Ái Minh,
Vi An, Mai Thảo, Tô Giang, Nguyễn Văn Ba,
Vũ Kiện, Quỳ Hương, E.P. (Lê Kiều Phương),
Đinh Huỳnh, Đan Quế, Huỳnh Hữu Cửu

Giá báo bán lẻ
Gia-nã-đại: 5 gia-kim; Hoa-kỳ: 5 mỹ-kim
Pháp: 50 quan; Úc: 6 úc-kim; Bắc Âu: 50 krones
Nhật: 700 yen; các nước khác: 5 mỹ-kim
Mua báo dài hạn:
xem trang 115

ĐẠI-DIỆN LÀNG VĂN

. **TORONTO:**
Minh Trang
ĐT / Fax: (416) 539-0442

. **MONTRÉAL:**
Võ Bá Thiện
ĐT: (514) 766-8323
Fax: (514) 766-8531
Pagette: (514) 202-7256

. **MASSACHUSETTS:**
Hoàng Thị Kim Sinh
ĐT / Fax: (781) 961-3467

. **TEXAS:**
Trương Sĩ Lương
ĐT: (817) 265-6356
Fax: (817) 548-8563

. **NAM CALIFORNIA:**
Võ Thắng Tiết
ĐT / Fax: (714) 527-5761

. **FLORIDA:**
Linh Phương
Điện-thoại: (407) 578-8006

. **PA & NEW YORK:**
Nguyễn Đăng Tuấn
ĐT: (610) 258-1719
Fax: (610) 258-2037

. **PHILADELPHIA:**
Lê Thành Quang
Điện-thoại: (215) 467-5923

. **NEW JERSEY:**
Nguyễn Huy Phước
ĐT: (609) 665-3654

. **HÒA-LAN:**
Hồ Thị Chiến
ĐT: 0229-231-666

. **ĐỨC:**
Dr. Ngô Việt Dũng
Điện-thoại: 2316-56949
Nguyễn Hoà Phù Vân
Điện-thoại: 4102-30337

. **NA-UY:**
Dương Kim
ĐT / Fax: 9288-8393

vòng quanh thế giới ba mươi ngày qua

Gore và John McCain thắng lợi sơ-khởi

Ứng-viên đảng Dân-chủ, đương kim Phó Tổng-thống Al Gore và ứng viên đảng Cộng-hoà, Nghị-sĩ John McCain đã thắng vòng sơ-khởi trong nội-bộ đảng tại tiểu-bang đầu-tiên, New Hampshire.

Đảng Cộng-hòa chỉ còn lại 3 ứng-viên, dẫn đầu là McCain và Bush Jr. Sau khi thua ở New Hampshire, Bush thắng McCain ở South Carolina.

Ứng viên Steve Forbes, trùm báo-chí Mỹ, đã rút lui sau khi tiêu mất 66 triệu mỹ-kim trong số 500 triệu gia-tư điền sản của ông vào việc chuẩn-bị tranh cử tổng-thống, bắt đầu từ 6 năm trước.

Nghị-sĩ McCain được lòng giới truyền-thông Mỹ và được quần-chúng Mỹ gọi là anh-hùng dân-tộc với thành-tích tham-gia chiến-tranh Việt-nam, bị bắn rớt máy bay và bị CS Bắc Việt bắt làm tù-binh trong 6 năm.

Ứng-viên George W. Bush có ưu-thế khác, là thống-đốc tiểu-bang đông dân Texas, có em làm thống-đốc Florida, có bạn làm thống-đốc Michigan và có bố là cựu tổng thống.

Thống-đốc Texas George W. Bush

Chinh-phụ Cindy McCain, và...

"Giặc lái" John McCain, người tù 6 năm tại Hoả Lò Hà-nội

Mỹ vớt 84 thuyền-nhân Ecuador

Hôm 9.2, tàu tuần duyên của Mỹ vớt được 84 thuyền-nhân Ecuador khi chiếc tàu mong manh của họ đangchìm ngoài khơi Guatemala.

Không-tặc A-phú-hãn đáp xuống Luân-đôn

Một toán không-tặc thuộc lực-lượng kháng-chiến A-phú-hãn đã cướp chiếc máy bay 727 của hãng hàng-không Ariana, A-phú-hãn chở 186 hành-khách và phi-hành-đoàn, ra lệnh bay từ thủ-đô Kabul (A-phú-hãn) tới Tashken, Kazakhstan, rồi Mạc-tư-khoa và cuối cùng đáp xuống phi-trường Stansted, Luân-đôn lúc 2 giờ sáng hôm 7.2 vừa qua.

Nhóm không-tặc đã thả bớt 10 hành-khách khi đáp xuống Tashkent, thả 3 người khi đáp xuống Kazakhstan, thả thêm 10 người khi đáp xuống Mạc-tư-khoa. Tại Luân-đôn, không-tặc lại thả thêm 9 người nữa.

Toán không-tặc gồm 4 người có súng và một số khác cầm dao hoặc tay không. Họ không trực-tiếp đưa ra một đòi hỏi nào, ngoại trừ thuốc-men và lương-thực. Cảnh-sát Anh cũng không hứa-hẹn điều gì ngoài thức ăn và thuốc trị bệnh.

Hôm 8.2, trong khi cuộc thương-lượng đang diễn ra, 4 nhân-viên phi-hành gồm phi-công trưởng và phó, kỹ-sư phi-hành cùng trưởng toán tiếp-viên đã từ cửa sổ buồng lái đã dùng dây leo xuống đất và chạy thoát về phía cảnh-sát Anh bao vây chung quanh.

Rạng sáng ngày 10.2, toán không-tặc thả thêm 85 hành-khách. Vài giờ sau, thả thêm 65 người nữa, và cuối cùng toán không-tặc đã đầu hàng, nộp cho cảnh-sát 4 khẩu súng ngắn, 5 con dao, 2 trái nổ và 2 quả lựu-đạn không có ngòi. Cảnh-sát Anh bắt giữ 21 người về tội không-tặc.

Trong số các hành-khách, 74 người làm đơn xin tị-nạn chính-trị tại Anh.

Chính-phủ xác-định "không khoan hồng", sẽ đưa 13 không-tặc ra toà xét xử. Trước đây Anh quốc từng kết án và phạt các không-tặc khác tới 9 năm tù giam mặc dù họ chỉ cướp máy bay để tới Anh xin tị-nạn chính-trị.

Hôm 14.2, chính-phủ Anh đã cho phép 73 hành-khách trở về A-phú-hãn theo nguyện-vọng. Số còn lại xin tị-nạn chính-trị.

Tổng-trưởng Quốc-phòng Nam-tư bị ám-sát

Hôm 8.2, ông Pavle Bulatovic, Tổng trưởng Quốc-phòng Nam-tư đã bị một sát thủ dùng súng trường bắn gục ngay tại bàn ăn tối trong một nhà hàng sang-trọng giữa thủ-đô Belgrade, bất chấp hàng tá cận-vệ và công-an canh giữ chung quanh.

Bulatovic, 51 tuổi, là một trong những vật vật cao cấp trong đảng Nhân-dân Xã-hội Nam-tư, nhưng ông cũng là người xứ Montenegro, tiểu-quốc duy nhất còn lại trong Liên-bang Nam-tư do Milosevic lãnh-đạo.

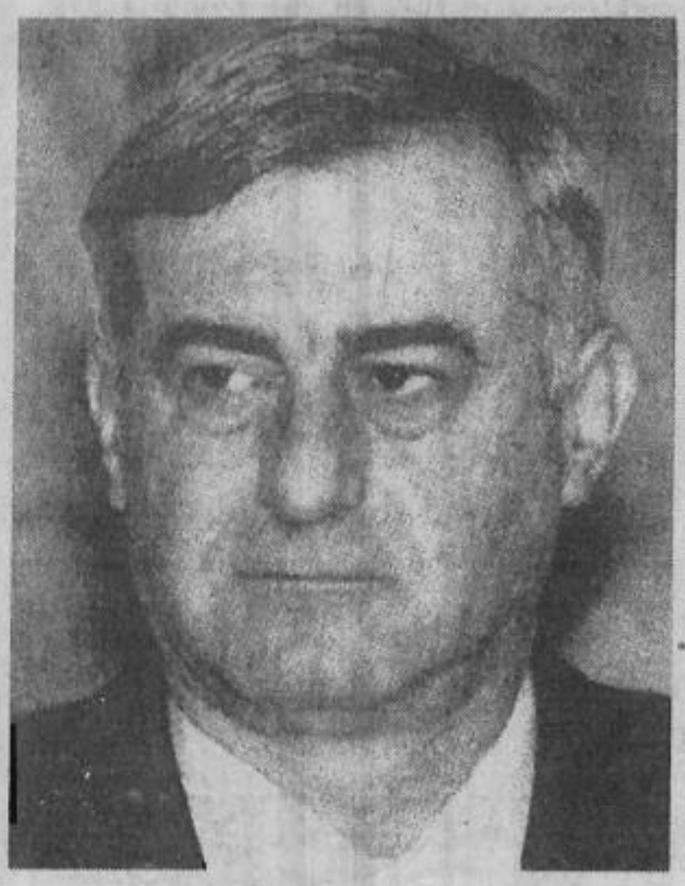

Bulatovic, Tổng trưởng Quốc-phòng Liên-bang Nam-tư (người Montenegro)

Trong mấy tháng gần đây, Montenegro rục-rịch tuyên-bố ly-khai khỏi Nam-tư khiến tình-trạng nội-bộ hết sức căng thẳng.

Trung-tướng Obradovic ăn cùng bàn và bị thương trong vụ ám-sát. Sát-thủ sử-dụng AK-47, bắn từ ngoài cửa kính vào. Nhà hàng này nằm đối diện Quân-y-viện trung-ương và tổng hành-dinh Mật-vụ Nam-tư, chỉ cách tư-dinh Tổng-thống Milosevic chưa tới một cây số.

Ngày 15.2 Milosevic đã cất nhắc tướng Tổng Tham-mưu trưởng Dragoljub Ojdanic, 58 tuổi, lên nắm bộ Quốc-phòng. Cả Milosevic lẫn Ojdanic đều bị Liên-hiệp-quốc điều-tra về tội-phạm chiến-tranh, đã ra lệnh tàn-sát tập-thể người Albany sống tại Kosovo trước đây.

Montenegro đã lên tiếng than-phiền rằng Milosevic đã vi-hiến khi tự ý chọn tổng-trưởng Quốc-phòng mà không hề tham-khảo ý-kiến của tiểu-quốc này. Sự rạn nứt giữa Nam-tư và Montenegro ngày càng trầm-trọng hơn, khi dân-chúng Montenegro nghi-ngờ Milosevic đã ra lệnh ám-sát vị tổng trưởng cũ, đồng chủng với họ.

Nga chiếm được Grozny

Hôm 4.2, quân Nga đã chiếm gần trọn thủ-đô Grozny của Chechnya. Tuy nhiên quân Nga chỉ làm chủ được tình-hình vào ban ngày và vội-vàng lui quân về các trọng-điểm phòng-thủ vào ban đêm.

Nga cho biết đã truy-kích và hạ được 586 tàn quân Chechen. Khoảng 2000 kháng-chiến-quân Chechen bị trọng-pháo của Nga dồn xuống phương Nam, đã chạy ngang qua một bãi mìn khổng-lồ và tổn-thất như trên.

Không rõ số thương-vong thực

sự của Nga, nhưng Mạc-tư-khoa đã mất một trung-tướng và trong tuần qua, thêm một đại-tá tử trận.

Ngoại-trưởng Albright của Mỹ đã bay sang Mạc-tư-khoa, yết-kiến Tổng-thống Nga Vladimir Putin để mưu tìm một giải-pháp êm-đẹp cho Chechnya, nhưng hoàn-toàn vô vọng.

Thủ-đô Grozny với dân-số 400.000 đã trở thành một đống tro tàn, khét lẹt mùi thuốc súng pha lẫn mùi hôi hám của các xác người thối rữa bị vùi nông dưới những đống gạch vụn. Không ai biết có bao nhiêu người chết, chỉ biết có khoảng 40.000 thường dân còn kẹt lại thành-phố lúc Nga mở cuộc không kích được mô tả "kinh-khủng như thời đệ nhị Thế-chiến." Số người sống sót lần lượt chui ra khỏi cáchầm núp trong tuần qua chưa tới 5000.

Không một tổ-chức quốc-tế nào tới Grozny để cứu-trợ nạn-nhân chiến-tranh hay ước tính thiệt-hại về nhân-mạng và vật-chất.

Quân Nga đã rút đi phân nửa số bộ-binh, để lại 50.000 quân chiếm-đóng, phần lớn là Nhảy dù, Thủy quân lục chiến và đặc công để chuẩn-bị truy-kích tàn quân Chechen rút ra các vùng rừng núi chung quanh Grozny.

Chiến-tranh tạm kết-thúc nhưng tiếng súng và tiếng mìn vẫn vang lên từng giờ. Lính Nga nã đạn vào các hầm hố tình nghi. Đội quân xâm-lăng tiếp tục bị thương vong từng giờ vì dẫm phải mìn bẫy, trái nổ do kháng-chiến-quân Chechen gài lại khắp nơi trong thành phố trước khi triệt-thoái.

Primakov rút tên tranh cử tổng-thống Nga

Cựu Thủ-tướng Nga, ông Yevgeny Primakov đã tuyên-bố rút tên khỏi danh-sách ứng-cử tổng-thống xứ này, lý do là Nga không có "dân-chủ thực-sự" để ông ta có thể tranh cử một cách công-bằng vào ngày 26 tháng 3 sắp tới, trước một đối-thủ khổng-lồ và nhiều thủ-đoạn là đương-kim quyền Tổng thống Vladimir Putin.

Do-thái oanh-tạc Li-băng

Không-lực Do-thái đã oanh-tạc các cứ-điểm của du-kích-quân Hezbollah ở Li-băng trong ba ngày 7, 8 và 9 tháng 2 để trả đũa vụ tấn-công và sát-hại 6 binh-sĩ Do-thái tại vùng nam Li-băng trước đó.

Tàu Mỹ bắt giữ tàu Nga

Bang-giao Nga Mỹ được "hâm nóng" khi Hải-quân Mỹ bắt giữ tàu dầu Volga-Neft-147 của Nga tại vùng vịnh Ba-tư. Lý-do bắt giữ là tình-nghi chở lậu từ Iraq, vi-phạm lệnh cấm-vận của Liên-hiệp-quốc.

Mạc-tư-khoa yêu-cầu Mỹ phải lập-tức thả chiếc tàu. Trong khi đó các viên-chức cho biết sẽ giải chiếc tàu tới quốc-gia Oman để khám-nghiệm dầu trên tàu hầu tìm hiểu xuất-xứ.

Hôm 8.2, Tổng trưởng Quốc-phòng Mỹ, ông William Cohen xác-định, dầu trên tàu Volga-Neft-147 đúng là do Iraq gửi lậu ra.

Trong khi đó, Nga tiếp-tục đòi Mỹ phóng-thích vô-điều-kiện chiếc tàu vi-phạm lệnh cấm-vận của LHQ.

Trung Cộng bạo-hành tín-đồ Pháp-luân-công

Cảnh-sát Trung Cộng đã công khai đánh, đá và bắt giữ 50 tín-đồ Pháp-luân-công ngay tại Thiên-an-môn hôm Tết âm-lịch vừa qua.

Trước giờ giao-thừa vài phút, tín-đồ Pháp-luân-công túa ra giữa công-trường Thiên-an-môn chuẩn-bị làm lễ đón mừng năm mới thì bị cảnh-sát phục-kích sẵn, trấn-áp ngay lập tức.

và đàn-áp Zhong Công

Sau khi đàn-áp Pháp-luân công, Trung Cộng đã ra lệnh đóng cửa 100 địa-điểm thờ phượng và hội họp của Zhong Công, một giáo-phái tương-tự như Pháp-luân-công.

Zhong công là phương-pháp thực-hành khí-công tâm pháp cổ-truyền có 10 triệu người luyện-tập hàng ngày vì lý-do sức khoẻ.

Quân Nga đã chiếm được đống gạch vụn Grozny.
Ảnh trên: đại-lộ chính của thủ-đô Cộng-hòa Chechnya

Chính-khách đi tù: sinh-viên chết thảm

Sau khi toà Ấn-độ xử bà Jayalalitha Jayaram, 52 tuổi, lãnh-tụ địa-phương của đảng Kazhagam, 1 năm tù ở về tội hình, các thành-phần quá-khích ủng-hộ bà ta đã tổ-chức đập phá, đốt xe cộ qua lại, thiêu sống tại chỗ 3 nữ sinh-viên trên một chiếc xe buýt. Một người đàn ông đã tự sát, đòi chính-phủ Ấn trả tự do tức khắc cho Jayaram.

Jayalalitha Jayaram

Bà Jayaram, diễn-viên điện-ảnh người Tamil, nguyên thống-đốc tiểu-bang Nadu, bị kêu án tù vì vi-phạm luật-lệ xây cất.

Thiên-thạch bay về hướng địa-cầu

Tờ *New York Timers* hôm 7.2 loan tin, một khối thiên-thạch đường kính 800 mét đang tiến về trái đất. Nếu nó không đổi hướng, hoặc loài người không có biện-pháp làm cho nó bay chệch đi, khối đá khổng-lồ này sẽ va vào trái đất năm 2022.

Ông James Scotti, tiến-sĩ Không-gian-học đã nhìn thấy khối thiên-thạch này nhờ viễn-vọng-kính Spacewatch đặt trên đỉnh Pitt Peak ở tiểu-bang Arizona. Ông đặt tên cho khối đá là 2000BF-19.

Tuy-nhiên, theo ban Không-gian Đại-học Pisa ở ý cho biết, xác-suất để thiên-thạch 2000BF-19 đụng vào trái đất rất nhỏ: 1/1000000, và cho dù có đụng chạm thì thiệt-hại tuy rất lớn nhưng không đến nỗi làm vỡ tung trái đất.

Bão lốc tại Georgia, 20 chết

Một cơn lốc với sức gió 235 cây số giờ đã tàn-phá 4 quận thôn-dã chung quanh thị-trấn Camilla ở miền Nam tiểu-bang Georgia, Hoa-kỳ hôm 14.2 trong 40 phút, giết chết 20 người và gây thương-tích cho hàng trăm người khác.

Lụt tại Mozambique

Hàng chục ngàn căn nhà ở ngoại-ô thủ-đô Maputo của Mozambique ở miền Nam châu Phi đã chìm ngập trong một cơn mưa kéo dài 7 ngày, khiến 45 người chết và 250.000 lâm cảnh màn trời chiếu đất.

Máy bay đâm xuống biển: 169 chết

Hôm 31.1, chiếc Airbus 310 của Kenya Airway đã đâm đầu xuống biển, cách bờ Ivory Coast 1 cây số, khiến 168 người chết thảm, trong số này có vợ chồng một nhà truyền giáo người Gia-nã-đại ở Hamilton, tỉnh-bang Ontario.

Trong số 179 hành khách và nhân-viên phi-hành, có 10 người thoát được khỏi phi-cơ, bơi vào bờ và sống sót.

Lại đâm xuống biển: 88 chết

Chưa đầy hai ngày sau, chiếc MD-80 của hãng Alaska Airlines, chở 88 người, hầu hết quốc-tịch Mỹ, đâm xuống Thái-bình-dương, gần bờ California, Hoa-kỳ.

Máy bay nhỏ đụng nhau, 4 chết

Hai chiếc máy bay nhỏ đụng nhau trên không trung thành-phố Los Angeles hôm 7.2 khiến 4 người chết.

từ thành đến tỉnh

Ý: Mỗi tháng một ngày không xe

Để giảm bớt ô-nhiễm không-khí, bắt đầu từ tháng 2.2000 vừa qua, mỗi tháng một lần, chính-phủ ý cấm tất cả các loại xe cộ vận-hành bằng xăng, không được vào trung-tâm các thành-phố lớn vào ngày Chủ-nhật đầu tháng. Các loại xe buýt, xe lửa và hệ-thống giao-thông ngầm được đặc miễn.

Dân nước nào dùng mạng thông-tin nhiều nhất?

Qua thống-kê mới công-bố, nếu tính theo đầu người, dân Mỹ dùng "internet" nhiều nhất thế-giới:

1) Mỹ:	110.825
2) Nhật:	18.165
3) Anh:	13.975
4) Gia-nã-đại:	13.277
5) Đức:	12.285
6) Úc:	6.837
7) Ba-tây:	6.790
8) Hoa-lục:	6.308
9) Pháp:	5.696
10) Nam Hàn:	5.688

11) Đài-loan: 4.790
12) ý: 4.745
13) Thuỵ-điển: 3.950
14) Hoà-lan: 2.933
15) Tây-ban-nha: 2.905

Nếu tính theo tỉ-lệ dân-số, Thụy-điển đứng đầu với tỉ-lệ cao nhất: cứ 100 người có 44 người dùng "internet".

Kế đó là Gia-nã-đại: 43; Phần-lan: 41 và Mỹ: 40.

Bác-sĩ giết người

Bác-sĩ Harold Shipman, 54 tuổi, đã bị toà án Anh quốc xử 15 án tù chung thân về tội chích chết 15 nữ bệnh-nhân tuổi từ trung-niên đến cao-niên, phần lớn sống độc thân vì goá bụa hoặc ly-dị.

Cảnh-sát tiếp-tục điều-tra 23 hồ-sơ nữa.

Bác-sĩ Shipman là một người đàn ông đẹp trai, lịch-sự và dịu-dàng với mọi người.

Sổ thông-hành cho cho mèo

Anh-quốc là quốc-gia có chính-sách gắt-gao nhất thế-giới đối với chó mèo nhập-cảnh: mỗi con sẽ bị biệt giam trong 6 tháng trước khi được trả lại cho chủ.

Từ 28.2 năm nay, Anh đặc-cách cho chó mèo từ các nước Âu-châu đến được miễn cách ly, nếu có sổ thông-hành riêng. Muốn có sổ thông-hành, chủ chó mèo phải làm đơn xin, đóng lệ phí và xuất-trình giấy tờ chứng-nhận đã được tiêm ngừa dại.

Tại Gia-nã-đại và Mỹ, chó mèo nhập-cảnh chỉ cần có giấy chích ngừa dại là đủ.

"Đao phủ thủ" trẻ nhất

Hôm 14.2, chính-phủ A-phú-hãn tổ-chức xử tử một tội-nhân về tội sát-nhân. "Đao-phủ-thủ" là một cậu bé 10 tuổi, thay vì cầm đao, được cho cầm súng trường. Theo luật Hồi-giáo Taleban, con cái của nạn-nhân sẽ được phép tự tay hành quyết kẻ sát-nhân sau khi tòa tuyên án tử hình. Cậu bé 10 tuổi này là con trai lớn nhất của người đã giết cha cậu. Cậu bé đã cầm súng, bắn bốn phát và cả bốn đều trúng mục-tiêu.

Thống-sứ Canada viết sai tên mình

Báo-chí và các anh hề Mỹ thường lôi cựu phó tổng-thống Dan Quayle của họ ra giễu-cợt mãi vì có một lần ông này viết sai chữ potatoes (khoai tây).

Bên Gia-nã-đại cũng có trường-hợp tương-tự, bà Thống-sứ (governor-general), nhân-vật số 2 của đất nước này (sau Nữ-hoàng Anh, nguyên-thủ quốc-gia) còn viết sai chính tên của bà ta!

Bà Adrienne Clarkson là người Trung-hoa, sinh ở Hương-cảng, ngoài tên Ăng-lê còn có tên gốc. Bà xưng là "Ing Binh Chee", nhưng đúng ra là "Ing Binh Chi." Khi viết bằng chữ Trung-hoa, lại sai nhiều hơn: "Ngô Băng Chí", trong khi bà họ Ngũ, tên Băng-Chi!

Thân-phụ bà cho biết, họ Ngũ thuộc bộ "nhân" với chữ "ngũ" là năm bên cạnh; chữ "Chi" nghĩa là cành, thuộc bộ "mộc". Trong khi đó, bà xưng là họ Ngô, tên Chí với chữ "Chí" thuộc bộ "tâm" với chữ "sĩ" nằm ở trên.

Bà Ngũ Băng Chi (Adrienne Clarkson), Thống-sứ Gia-nã-đại

Ông cụ cho biết, tên "Băng Chi" là tên con gái, nghe yểu-điệu thục-nữ hơn.

Bà thống-sứ hiền-lành này cho biết, có thể bà có cái tên rất con trai "Băng Chí" từ bà mẹ đã quá cố, với ý niệm lập chí, tu thân chăng. Điều này cũng có thể đúng, bằng chứng là ngày nay bà đã được giao cho nhiệm-vụ cao quí nhất nước Gia-nã-đại, với gần 30 triệu dân và 80% dân-số là da trắng.

Từ ngày nhật-báo hoa-văn *Tinh-đảo* phỏng-vấn cụ ông và biết được tên đúng của bà Thống-sứ, báo này bắt đầu gọi bà là Ngũ Băng Chi thay vì Ngô Băng Chí như trước.

Canada bán xe của Hitler

Chiếc Mercedes-Benz của Adolf Hitler, trùm Quốc-xã Đức, hiện được trưng bày ở Viện Bảo-tàng chiến-tranh của Gia-nã-đại tại thủ-đô Ottawa. Chiếc xe nặng hơn 4 tấn, có kính chắn đạn chung quanh và lá thép chắn đạn ở phía sau, trước đây do thương-gia Pratte mua tặng viện bảo-tàng, với giá 2000 mỹ-kim.

Chiếc xe được trưng bày cùng lá cờ Quốc-xã và hình nộm một sĩ-quan SS, vô-tình trở thành một biểu-tượng uy-nghi, thay vì gợi lại những tội ác ghê-rợn mà một phần nhân-loại đã phải gánh chịu. Một số người thường-ngoạn không thuộc sử, đã coi Hitler ngang với ...Napoléon hay Caesar ngày xưa, khiến Viện Bảo-tàng phải quyết-định bán chiếc xe này đi.

Viện Bảo-tàng cho biết, nếu bán đấu giá sẽ thu về được hàng triệu gia-kim, nhưng không biết ai sẽ làm chủ chiếc xe. Các viên chức ngại thành-phần Tân-quốc-xã sẽ tung tiền ra mua, mang về dùng làm biểu-tượng sùng kính, trong khi họ muốn người chủ mới của chiếc xe cũng chỉ dùng vào việc triển-lãm mà thôi!●

tin việt-nam

Hà Nội quạu vì phái đoàn Mỹ gặp HT Quảng Độ

Chính phủ cộng sản Việt Nam vừa lên tiếng chỉ trích phái đoàn quốc hội Hoa Kỳ là đã đi chệch khỏi chương trình chính thức của phái đoàn để gặp một trong những nhà ly khai hàng đầu tại Việt Nam và coi hành động của phái đoàn là "không thích hợp."

Phái đoàn do Dân biểu Ed Royce, Cộng Hòa, Cali, dẫn đầu, viếng thăm Việt Nam từ 13 tới 17 tháng Giêng để gặp một số viên chức cao cấp của chính phủ. Phái đoàn cũng tới gặp Hòa Thượng Thích Quảng Độ của Giáo Hội Phật Giáo Thống Nhất đã bị nhà cầm quyền cộng sản Việt Nam cấm hoạt động.

Tuy quan hệ bang giao giữa Việt Nam và Hoa Kỳ đã nồng ấm trở lại kể từ khi hai nước bình thường hóa bang giao, nhưng Hà Nội vẫn bị chỉ trích về nhân quyền. Theo hiến pháp VN, tôn giáo được tự do, nhưng trong thực tế, chính phủ duy trì kiểm soát chặt chẽ các giáo hội, gồm cả các cuộc bổ nhiệm của giáo hội Thiên Chúa Giáo La Mã. Ngoài ra, bất cứ tôn giáo nào không được chính phủ cho phép thì bị coi là mê tín dị đoan và bị đàn áp thẳng tay

Ngân Hàng VN: thiếu an toàn nhất thế giới

Trong một bản nhận định công bố ngày 24.1.2000, Cơ Quan Thẩm Định Tín Dụng Quốc Tế kết luận là hệ thống ngân hàng ở Việt Nam bị xếp vào loại nhiều rủi ro nhất thế giới. Nhận định này dựa vào 4 khiếm khuyết hiện nay tại 4 ngân hàng thương mại nhà nước Việt Nam, đó là: tích sản kém chất lượng, thiếu thông tin, thiếu công khai minh bạch, hệ thống giải quyết rủi ro kém phát triển. Những thách thức chính yếu đối với Việt Nam, theo tổ chức quốc tế nêu trên là sự yếu kém trong việc công bố dữ liệu tài chánh, thiếu minh bạch trong kế toán, và khung pháp lý còn rất yếu kém, chưa ổn định.

Giới quan sát ghi nhận là các ngân hàng nhà nước Việt Nam cung cấp 80% ngân khoản tín dụng trong nước, nhưng đa số tín dụng cấp phát đều dựa trên tiêu chuẩn chính trị hơn là các tiêu chuẩn về kinh doanh. Đa số các ngân hàng đều bị ép buộc cho các doanh nghiệp nhà nước vay tiền dù đó là những công ty bệ rạc yếu kém. Ngoài ra, các ngân hàng nhà nước còn mang nhiều tiếng xấu trong năm qua, sau một loạt bê bối tài chánh, điển hình là vụ Minh Phụng Efco, trong đó 2 viên chức nhà nước bị lãnh án tử hình.

Lạng Sơn: Tìm thấy di chỉ cổ sinh vật

Giới khảo cổ vừa phát hiện di chỉ cổ sinh vật tại hang Lý Lân thuộc thôn Bến Cốn, xã Minh Tiến, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn. Theo đánh giá sơ bộ, các di chỉ này có niên đại cách đây hàng chục vạn năm, gồm 63 kg hiện vật gồm xương vi, tê giác... đã hoá thạch. Trên di vật đã thấy có sự tác động của con người như các vết mài, đục, khoét trên xương.

Hang Lý Lân nằm ở vùng cuối của vòng cung núi đá Bắc Sơn (Lạng Sơn), được một người dân trong thôn đi bắt rắn phát giác.

1.400 sinh viên VN du học

Theo tin nhà nước CSVN thì trong năm nay, Bộ Giáo dục và Đào Tạo sẽ cấp 1.400 học bổng cho sinh viên ra nước ngoài du học.

Một nhân viên của Văn phòng Đối ngoại Bộ nêu trên cho biết mục tiêu của Bộ là mở rộng cơ hội du học ngoại quốc cho những sinh viên có khả năng, nhưng không nói rõ là thi tuyển hay chỉ lấy các sinh viên con cháu của cán bộ đảng và nhà nước. Số sinh viên đi du học từ trước đến nay có nhiều con cháu cán bộ cao cấp, thường rủ rê ăn chơi và tiêu xài hoang phí vô độ. Số này thường thuê người thông dịch trong lớp học và thuê người hướng dẫn đi những nơi ăn chơi. Trong tổng số 722 học bổng dài hạn có 700 học bổng ngắn hạn tại nhiều nước đang phát triển. Hầu hết các học bổng được Úc, Nga, Ấn và Trung Cộng bảo trợ.

Khoai tây nhiễm ghẻ bột

Theo báo *Lao Động* ngày 26.1, vào năm 1999, 8.230 tấn khoai tây Trung quốc đã được nhập vào Việt Nam qua cửa khẩu Lào Cai, trong đó 2 lô hàng trọng lượng 530 tấn bị nhiễm bệnh bệnh ghẻ bột, một dịch hại kiểm dịch thực vật nhóm 1 của Việt Nam.

Theo bài báo, bệnh ghẻ bột ở khoai tây do nấm Spongospora Subterranea gây ra. Đây là căn bệnh phổ biến của khoai thường thấy ở châu Âu, châu Mỹ, châu Phi và ở một số nước châu Á như Nhật Bản, Trung Quốc, Phi Luật Tân.

Thời gian đầu khi bị nhiễm loại nấm này, khoai tây thường có những vết sần sùi trên vỏ và nhiều vết thâm phía trong. Chỉ sau một thời gian rất ngắn, củ khoai nhiễm nấm sẽ bắt đầu thối và khô dần để lại những vết nứt hình chân chim, hình sao và để lộ lớp bột màu nâu nhạt gồm những bào tử nấm. Căn bệnh này rất nguy hiểm đối với khoai tây bởi nó có thể làm giảm đến 50% năng suất và chất lượng sản phẩm. Nghiêm trọng nhất là căn bệnh này có mức độ lây lan rất nhanh. Chỉ cần 1 củ khoai bị nhiễm nấm cũng có thể làm cho một số lượng lớn khoai tây để cùng kho với nó bị nhiễm bệnh trong thời gian ngắn.

Đặc biệt, khi khoai tây giống bị nhiễm nấm được đem trồng trên đồng ruộng, bào tử nấm Spongospora Subterranea sẽ rơi ra và có thể tồn tại lâu tới 5-6 năm trong đất để gây bệnh cho khoai tây trong nhiều mùa vụ sau. Bào tử nấm còn có thể lây lan qua đường phân của gia súc, gia cầm ăn phải khoai nhiễm bệnh. Hiện chưa có tài liệu khoa học nào có kết luận chính thức về tác hại của khoai tây nhiễm bệnh ghẻ bột tới sức khoẻ con người. Tuy nhiên, khi được đem ra chế biến, các món ăn từ khoai tây nhiễm bệnh sẽ bị giảm chất lượng, có vị đắng bởi đã bị mất mùi thơm ngon đặc trưng của khoai tây. Theo dư luận, một số người ăn phải khoai tây nhiễm bệnh đã bị ngứa.

Khi kiểm tra và phát hiện bị nhiễm nấm, số khoai tây này sẽ bị tiêu huỷ ngay bằng cách: đào hố sâu, đổ khoai tây xuống, tẩm xăng, đốt và rắc vôi bột lên trên trước khi lấp kín. Từ nhiều năm nay do làm tốt công tác kiểm dịch nên bệnh ghẻ bột chưa lần nào xuất hiện ở khoai tây Việt Nam.

Theo bài báo, thời gian gần đây, nhiều loại nông sản thực phẩm của Trung Quốc trong đó có khoai tây ồ ạt tràn vào thị trường nước ta. Chúng đã nhanh chóng được người tiêu dùng Việt Nam ưa thích bởi củ to, thuận tiện trong quá trình chế biến món ăn và giá thành nhập vào thấp hơn khoai ta. Mặc dù củ to hơn nhưng khoai tây Trung Quốc kém xa khoai tây ta về chất lượng. Khoai tây ta có màu vàng óng và mùi thơm đặc trưng tạo sức hấp dẫn cho món ăn. Tuy vậy khoai tây Trung Quốc vẫn được tiêu thụ với số lượng lớn ở Việt Nam là do nó xuất hiện vào đúng thời điểm khoai tây ta đang khan hiếm vì chưa vào vụ thu hoạch.

Mỗi ngày có thêm 100 người nhiễm HIV

Theo Ủy ban Phòng chống bệnh liệt kháng AIDS, số người nhiễm HIV tìm thấy được ở Việt Nam tính tới cuối năm 1999 là 16.663 bệnh nhân, trong đó có 2.971 người đã chuyển sang giai đoạn AIDS. Đã có 1.549 người chết vì căn bệnh này.

Chỉ trong 11 tháng của năm 1999, cả nước Việt Nam có thêm gần 5.000 bệnh nhân mới và theo đánh giá của các chuyên gia dịch tễ học, mỗi ngày, Việt Nam sẽ có thêm khoảng 100 người mới nhiễm bệnh.

Đến thời điểm này, HIV không chỉ lây lan trong những người có nguy cơ cao như nghiện chích ma túy, mãi dâm... mà đã lan ra nhóm dân cư bình thường. Các chuyên gia đánh giá là dịch AIDS ở Việt Nam đã chuyển sang giai đoạn 2, lan truyền trong cộng đồng. Đáng lưu ý là ngay cả trong cộng đồng nhân viên các doanh nghiệp cũng bị HIV/AIDS tấn công. Tỷ lệ thanh niên khám tuyển nghĩa vụ quân sự có mang siêu vi khuẩn HIV và tỷ lệ phụ nữ mang thai nhiễm HIV/AIDS cũng đang tăng lên khá nhanh.

Theo báo *Tuổi Trẻ*, Ủy ban Quốc gia Phòng chống AIDS ước tính là đến đầu thế kỷ 21, số người nhiễm HIV/AIDS ở Việt Nam có thể vào khoảng 135.000-160.000 người. Nhóm tuổi nhiễm HIV chủ yếu từ 20-29 tuổi. Nhưng Liên Hiệp Quốc đánh giá số bị nhiễm HIV có thể lên tới 500.000 người.

Trẻ em bán ma túy

Theo tài liệu của các báo VN, Sài gòn hiện có trên 6,200 trẻ lang thang và vẫn tiếp tục gia tăng vì trẻ lang thang từ khắp các tỉnh, thành đang đổ dồn về thành phố. Để mưu sinh, các em đã phải làm đủ nghề, từ lượm bọc ni-lông ở các thùng rác công cộng, đến bán vé số dạo, hoặc phụ giúp công việc tạp vụ ở các chợ đầu mối. Đó là những em đã kiếm sống bằng chính sức lao động của mình. Tuy nhiên có một số em đã bị các băng nhóm buôn bán ma túy lợi dụng, mua chuộc, dụ dỗ để chuyển và bán ma túy.

Điển hình vào một tối tại công viên 29-3, nơi được mệnh danh là "bốn vùng" gồm mại dâm, ma túy, phạm pháp và trẻ đường phố, một cậu bé ngăm đen, lem luốc, mắt to, chừng 10-12 tuổi đảo mắt nhìn quanh, bảo khách chờ hàng và thoắt ẩn thoắt hiện ở một công viên, cậu

ta moi từ dưới đất lên một gói ni-lông bằng hai đầu ngón tay được buộc chặt, bên trong cộm lên một gói giấy bạc. Sau khi đưa một ngón tay ám hiệu cần hàng, con nghiện, một thanh niên ốm yếu với dáng vẻ đờ đẫn, nhanh chóng kiểm tra cái viên màu trắng trong gói giấy bạc kia và lặn mất sau những hàng cây. Nơi đây không chỉ là một cậu bé thường xuyên bán hàng cho các tay ma cô cũng như gái ăn sương, mà lẫn trong đám bụi đời còn có hai em được huấn luyện bán hàng một cách điêu luyện.

Trên các đường Đoàn Văn Bơ, khu chợ Xóm Chiếu, Tôn Đản, Bến Vân Đồn quận 4, cao điểm tuồn hàng đi thường vào giờ ngọ (12 giờ) giờ công an nghỉ ngơi. Tại khu Mã Lạng quận 1, hoạt động mua bán ma túy không có giờ cao điểm mà kéo dài từ tinh mơ đến khi sắp sửa lên đèn. Ma tuý được cất giấu ở khắp mọi chỗ, từ dáy một chiếc dép nhựa đế cao ở cửa như là của ai đó vừa buông chân đi vào nhà. Cũng có khi được lấy ra từ một chiếc ống hút trong một bó ống hút, trong một cục kẹo giữa hàng trăm cục kẹo, trong một quân cờ đồ chơi giữa một bàn cờ, hoặc dưới một cái ghế đẩu vô chủ. Một người dân ở đây đã nói: Con nít ở khu này ranh lắm, mới bảy tám tuổi đầu đã được huấn luyện canh chèo, cò mồi giao hàng, nhận tiền thành thạo lắm.

Tất cả các em bán ma túy phải hiểu rõ "luật" của các tay chủ là khi thấy công an thì phải vứt hàng ngay lập tức, khi bị bắt thì phải im lặng, đường dây nào thì biết đường dây đó, người thứ ba thì không bao giờ biết được người thứ nhất, và điều quan trọng là không khai kẻ đã đưa các em vào con đường nguy hiểm này!

1999: Người Việt hải ngoại gửi về VN 3 tỉ mỹ kim

Theo ông Nguyễn Ngọc Lân - Phó vụ trưởng Vụ Quản lý ngoại hối, Ngân hàng Nhà nước CSVN - trả lời phóng viên báo *Lao Động*, "Càng gần thời điểm áp Tết Nguyên đán, lượng ngoại tệ do người Việt Nam sống, làm việc ở nước ngoài gửi về nước cho thân nhân càng tăng cao... Đây là một nguồn ngoại tệ rất lớn, cần thu hút khuyến khích. Chỉ tính riêng nguồn ngoại tệ mà người Việt Nam ở nước ngoài chuyển về Việt Nam trong năm 1999 qua hệ thống ngân hàng đã hơn 1 tỉ USD, ước tính với cả những hình thức gửi tắt, chui vào Việt Nam phải lên đến 3 tỉ USD."

LHQ báo động nạn buôn lậu trẻ em tại VN

Việc buôn lậu trẻ em rồi đem bán cho ngoại quốc làm con nuôi đã tăng vọt trong những năm gần đây, trở thành mối kinh doanh lớn hàng triệu đô la. Tin trên là do một bản tường trình đưa ra trước Hội nghị về nạn buôn lậu trẻ em ở Đông Nam Á, kết thúc hôm thứ sáu 28-1 ở tại Vọng Các.

Bản tường trình do Tổ chức Quốc tế về di dân soạn thảo. Tổ chức này thuộc một nhóm Nhân quyền có trụ sở ở Geneva. Bản tường trình viết: "Với mỗi đứa nhỏ được đem bán tới 5,000 đô la, nghề buôn lậu này trở thành một cách làm ăn có lời nhiều". Bản tường trình tiếp: "Để đáp ứng kịp nhu cầu ngày một gia tăng, tin cho biết phụ nữ ở Việt Nam đang đua nhau đẻ con để đem bán cho người ngoại quốc, không như trước đây các trẻ em được bán làm con nuôi đều là những đứa trẻ bơ vơ, bị bỏ rơi hay con các gia đình nghèo."

Bản tường trình ghi nhận rằng nhà cầm quyền Việt Nam mới đây đã khám phá những băng chuyên mua bán trẻ em lậu. Trong những năm qua, các băng này đã cung cấp hàng ngàn trẻ em sau khi mua được của những gia đình nghèo, bán cho những khách hàng tìm con nuôi bất hợp pháp. Người ta không thể rõ việc gì đã xảy ra cho những đứa nhỏ sau khi chúng được đem lậu ra ngoại quốc. Bởi vì cũng có những trường hợp mua trẻ làm con nuôi chỉ là cái cớ che đậy bề ngoài, để sau đó dùng trẻ em vào việc khác. Mỗi năm có đến hàng ngàn trẻ em được mua làm con nuôi với những lý do như vậy.

Những người ngoại quốc, phần lớn là Mỹ hay Pháp, khi muốn nhận trẻ làm con nuôi thường phải đi qua nhiều thủ tục giấy tờ có khi lâu đến 3 tháng, có khi hơn. Nhiều người vô tình hay cố ý đã mướn những tay có móc nối với các quan chức tham nhũng Việt Nam để đơn xin nhận con nuôi được tiến hành mau lẹ. Giá phải trả cho bọn tham nhũng

Góp phần gửi tin-tức hải-ngoại về quê nhà:
báo tin cho thân-nhân tại Việt-nam theo dõi

Giờ Văn Học Nghệ Thuật Làng Văn

ĐÀI VIỆT-NAM TỰ-DO

từ 7 giờ 30 đến 8 giờ 30
Tối Thứ Hai (tới Thứ Sáu)
làn sóng 9965 KHz (31 mét)

rất mắc.

Cái bàn 250 tuổi tự di động

Có thể đã tới lúc các sức mạnh siêu hình dạy cho nhà nước CSVN về tâm linh: một chiếc bàn tự nhiên xoay tròn, mà các nhà khoa học xã hội chủ nghĩa của chế độ đều chịu thua, không đưa ra được giải thích nào.

Theo báo *Pháp Luật*, tại một ngôi nhà ở Đà Lạt có một chiếc bàn tuổi thọ hơn 250 năm có khả năng tự xoay tròn trong một số trường hợp nhất định, không cần đến một lực phụ nào.

Theo phóng viên báo trên, "Khi chúng tôi đến căn nhà có chiếc bàn xoay (số 30 đường Khe Sanh, TP Đà Lạt), nhẩm tính có gần 100 người lần lượt thay nhau vào thử bàn xoay. Phải đến gần 6 giờ chiều khách mới vơi dần... Bàn cao khoảng 1 mét, nặng gần 30kg, hình tròn, đường kính 0,9m gồm hai mảnh ghép làm bằng ván gõ. Chân trục to bằng bắp chân người, phía dưới có ba chân đế như chân kiềng, được làm bằng loại gỗ quý trắc cẩm lai. Dưới mặt bàn ngay giữa tâm được thiết kế một lỗ tròn sâu cỡ năm phân. Xung quanh lỗ tròn bố trí bốn chân trục nhỏ bằng ngón chân cái, chạm trổ rất công phu. Lỗ tròn này có tác dụng làm cho bàn có thể xoay tròn quanh trục của nó."

Bài báo ghi, "Theo lời anh Mến (chủ nhân cái bàn), cái sự xoay của chiếc bàn lúc đó không dễ dàng và muốn bàn xoay thì ít nhất phải có năm người trở lên. Hơn nữa phải là người cùng phái và cùng đặt tay sấp hoặc ngửa. Những người tham gia phải ăn mặc chỉnh tề, sạch sẽ. Trong lúc 'hành sự', không khí phải trang nghiêm, tuyệt đối không đùa giỡn. Điều thú vị là nó rất kỵ phụ nữ và người say rượu."

Báo *Pháp Luật* tiếp, "Người viết bài đã 'canh me' hai ngày trời mục kích từng chi tiết một và đích thân tham gia không sót một trò nào. Muốn bàn xoay, phải đặt tay lên bàn và ra lệnh (nói to hoặc chỉ nghĩ trong đầu): "Xoay qua phải" hay "Xoay qua trái". Dứt lời, mặt bàn giật một cái và từ từ xoay theo hướng phải hoặc trái. Nếu muốn chạy nhanh chỉ cần nói "Chạy nhanh lên" thì mặt bàn đột nhiên tăng tốc. Muốn bàn chạy chậm lại hoặc dừng hẳn thì ra lệnh ngược lại. "Độc" hơn, nếu lệnh cho nó chạy bao nhiêu vòng thì nó sẽ dừng lại đúng điểm đó sau khi chạy đủ bấy nhiêu vòng."

Đặc biệt, nhà báo cho biết là có gắng trì kéo cũng vô ích: "Tôi nảy ra sáng kiến: thử dùng tay đè hết lực lên mặt bàn xem nó có xoay được hay không. Anh Mến đồng ý ngay. Và trên chiếc bàn nhỏ nhắn, cũ kỹ ấy, tôi đã đánh đu cả thân hình gầy nhom của mình (chừng 55kg) cộng thêm ba thân hình mập ú (hơn hai tạ) của ba ông khách nhưng lạ thay, chiếc bàn vẫn nhích đều từng chút một. Tôi gạ anh Mến: "Hay ta thử tháo nó ra xem bên trong nó có gì lạ không?". Anh Mến đồng ý ngay. Do cấu tạo đơn giản (chỉ dùng mộng chứ không dùng đinh) nên không đầy năm phút cái bàn xoay đã được tháo rời ra từng mảnh. Tôi cầm lên săm soi từng cái một với hy vọng phát hiện ra một
sự bất thường nào đó nhưng đành chịu. Chỉ toàn gỗ là gỗ.

Trước khi chia tay, anh Mến đưa cho tôi xem một đoạn cảm tưởng của một tiến sĩ vật lý người Áo: "...Chiếc bàn này là của thiên nhiên ban tặng cho gia đình. Đặc biệt, hiện tượng độc đáo của nó là hiện tượng lạ của toàn thế giới chứ không riêng gì của Việt Nam. Mong sao gia đình hãy cố gắng giữ lấy nó. Sẽ có một ngày nào đó, các nhà khoa học sẽ tìm ra lời giải đáp xác đáng về hiện tượng này..."

Phải chăng những hiện tượng huyền bí này chỉ mới xảy ra từ năm 1994 theo như chủ nhân đã nói với ký giả trên? Không ai biết chính xác hiện tượng này có phải là thế giới siêu hình đang lên tiếng giảng dạy cho dân Việt Nam về các sai trái của chủ nghĩa duy vật hay không, nhưng cầm chắc là các bộ sách kinh điển Mác-Lê phải chịu thua rồi vậy.

Dự án xa lộ xuyên Saigon

Thủ tướng CSVN Phan văn Khải vừa chấp thuận dự án ODA lớn nhất từ trước đến nay. Đó là dự án xây dựng xa lộ xuyên Saigon trị giá 8.000 tỷ đồng để giải tỏa sự bế tắc giao thông trong thành phố lớn nhất Việt nam này.

Quyết định hôm 14 tháng Giêng chấp thuận việc bắt đầu nghiên cứu việc xây cất 21,4 cây số theo trục Đông-Tây, được dân thành phố Saigon gọi là Dự án trục giao thông Đông-Tây.

Xa lộ này gồm 3 đoạn đường: đoạn thứ nhất 13,6 cây số từ điểm phía tây của Quốc lộ 1 ở Bình Chánh tới cầu Calmette ở quận 1. Đoạn thứ hai 1,9 cây số dưới sông Saigon và đoạn thứ ba 5.9 cây số từ Thủ Thiêm tới nơi bắt đầu xa lộ Hà nội ở Quận 2. Việc xây cất dự án này sẽ bắt đầu từ tháng 8 năm 2001.

Xa lộ này sẽ giúp làm giảm bớt kẹt xe trên cầu Saigon và những con đường liên hệ quan trọng của thành phố nhờ ở đường hầm dưới sông Saigon.

Đường hầm này rộng 31 thước, cấm người đi bộ và đi xe đạp, có 6 đường xe. Việc làm đường hầm tốn 3000 tỷ đồng trong dự án 8000 tỷ.

Để tái định cư những người bị dự án choán nhà cửa đất đai, 15 nơi định cư mới sẽ được thiết lập với

5.600 đơn vị gia cư. Việc mua lại đất đai, bồi thường và phát triển các nơi định cư mới tốn 1.467 tỷ đồng, tương đương trên 457 triệu mỹ kim.

Thứ trưởng Vận tải cho biết việc xây cất toàn thể dự án xa lộ xuyên Saigon sẽ hoàn thành vào năm 2005.

Đại học tư: 525.000 sinh viên

Theo Bộ giáo dục và đào tạo CSVN, hiện nay tại Việt Nam có 15 trường đại học dân lập, với gần 350.000 sinh viên. Theo kế hoạch, từ sau năm 2000 số lượng các trường đại học ngoài công lập sẽ tăng gấp 1,5 lần.

Nhà nước CSVN từ lâu muốn giữ độc quyền giáo dục nên né tránh từ ngữ "trường tư" hoặc "đại học tư" mà dùng các loại từ ngữ kiểu cách như "đại học dân lập" hoặc "đại học ngoài công lập." Thực tế, nguồn tin trên cho thấy trong tương lai ngắn, số sinh viên đại học tư tại Việt Nam sẽ lên đến 525,000.

Trong những năm qua, các trường đại học dân lập vẫn chưa thực sự có chỗ đứng vững chắc trong sự phát triển, còn chịu nhiều hạn chế, đặc biệt trong vấn đề quản lý. Để khắc phục tình trạng trên, trong thời gian tới, Bộ Giáo dục và Đào tạo CSVN cho biết sẽ phối hợp cùng tổ chức SEAMEO, UNESCO tổ chức các cuộc hội nghị về đại học, cao đẳng ngoài công lập.

Tham dự các hoạt động này có đại diện của các trường đại học, cao đẳng dân lập trên cả nước, các chuyên gia quản lý đại học ngoài công lập của Trung Quốc, Phi Luật Tân, Thái Lan và tổ chức SEAMEO.

Theo một quan sát viên, mặc dù CSVN cho phép mở đại học dân lập, nhưng cùng lúc cũng tổ chức các cơ sở đoàn thanh niên nhằm kiểm soát không những cả giáo sư mà là tất cả các sinh hoạt của sinh viên.

Sài gòn: Các chợ quá dơ bẩn

Chợ ở đất Sài Gòn xưa nay vẫn nổi tiếng là muôn mặt, những ngôi chợ khang trang không ít, chợ chồm hổm, lề đường cũng nhiều và đặc biệt... chợ nhớp nhúa lầy lội cũng chẳng thiếu. Nhưng nay, tình trạng vệ sinh ra sao?

Theo báo *Công An* ngày 27.1, chợ Cầu Muối - đầu mối khổng lồ của các mặt hàng rau củ, trái cây từ các tỉnh miền Đông - Tây Nam Bộ đưa về và họp chợ trên phạm vi của hai con đường Nguyễn Thái Học và Bến Chương Dương - ấn tượng đầu tiên khi vào chợ phía đường Nguyễn Thái Học là mùi hành tỏi xông vào mũi rất khó chịu. Ngoài những rác rưởi vung vãi khắp nơi, trong chợ còn có thêm những đống rác to, nhỏ đủ loại đủ cỡ. Tuy thế vẫn chưa thấm vào đâu so với nỗi đáng sợ khi lội vào khu vực hàng hải sản tươi sống. Suốt một đoạn dài đường Bến Chương Dương, bắt đầu từ đường Calmette đến đầu đường Đề Thám gần như là thế giới của hàng hải sản. Phía trên giáp với đường Calmette chiếm lĩnh nghêu, sò, ốc, hến..., xuống dần đoạn dưới là cá, mực, tôm, cua... Bất kể trời mưa hay nắng, khúc đường này lúc nào cũng lai láng nước, người xe chen chúc qua lại rất khó khăn. Nước hoà với sình lầy, thêm vào ít rác rưởi, lai rai có cả đấu cá, đầu tôm vương vãi, nhèm nhẹp dưới chân người đi. Đã vậy, xen kẽ giữa các sạp cá mắm này còn có những sạp bán hàng ăn uống, đồ nhậu... và người người vẫn vui vẻ thưởng thức giữa không gian tưởng chừng đặc quánh bao nhiêu là vi trùng ấy.

Chợ Bà Chiểu trông mặt tiền khang trang đẹp đẽ như thế, nhưng có thử đi vào gian hàng thực phẩm tươi sống rồi mới biết. Bắt đầu từ con đường Bùi Hữu Nghĩa bên hông chợ là một đoạn dài bán cá tôm, bùn nước ngập ngụa. Vô thêm một đoạn ngắn bên cạnh nhà lồng khu bán cá là một đống rác khổng lồ chào đón quý khách ngay bên cạnh nhà vệ sinh của chợ, bốc mùi hôi thối khó chịu. Một dãy hàng hải sản được bán cạn đó, kéo dài từ bên này sang bên dọc khu nhà lồng. Các sạp kê cao khoảng vài ba tấc, các thứ thịt, cá, gà làm sẵn được bày trên đó và trong cả thúng mâm là là mặt đất.

Chưa hết, theo bài báo, phía cuối hàng này còn có hai chiếc máy xay cua (để nấu bún riêu), thau thúng được để ngay dưới đất, mà mặt đất nơi này đã lở lói nhiều, lại được bồi thêm nước xối hàng ngày tạo thành một thứ bùn đen xì, rồi rác và các chất rửa ra cũng đổ ngay tại chỗ. Màu của cua cũng thật hài hoà với màu của nền đất nơi đây, khiến người ta liên tưởng đến món bún riêu mà phát sợ. Cạnh bên, phía góc trong cùng chợ có một lò mổ gà vịt, tiêu chuẩn vệ sinh cũng đạt chất lượng không thua kém chỗ xay cua còng.

Chợ Thị Nghè: Ngoài ngôi chợ chính còn hai, ba khu chợ vệ tinh lấn vào các con hẻm ra ngoài nhà lồng tương đối cao, xung quanh chợ vốn là đường đi nhưng nay đã bị... chợ hoá với đủ thứ hàng chen lấn vào nhau. Lòng đường hẹp và nhày nhụa một thứ nước bùn đen như mực, vậy mà đủ thứ thực phẩm tươi sống, ăn ngay được bày bán không cao hơn hai tấc kể từ mặt đường. Một mảnh ni-lông trải trên tấm gỗ chừng 1 mét vuông là sạp bán gà vịt làm sẵn, kế đó là một miệng cống đầy rác rưởi. Chỉ cần bước mạnh chân một chút là nước bùn có thể văng lên thực phẩm. Cách đây không xa là đống rác, tuy không to lắm nhưng lại đủ thứ xú uế và kế đó là chỗ bán thịt heo quay. Thịt

quay, bánh hỏi, rau sống...

Lội qua khu bán cá, tất nhiên mặt bằng vẫn như thế, có điều được nhấn mạnh thêm bằng cái mùi tất yếu của thuỷ sản sống. Có một người cùi chân tay băng bó tùm lum đang nằm chắn lối để xin tiền. Khách đi chợ dường như không ai còn thấy xúc động hay e ngại gì trước cảnh này, và có lẽ họ cũng quá quen mắt; rồi các mảnh ni-lông trải bán trái cây chỉ cách đống rác gang tấc và ngay cạnh đó là một gánh hàng ăn với ba, bốn phụ nữ ngồi chồm hổm đang ăn uống xì xụp. Để ý một chút bạn sẽ thấy ngay một xô đựng nước, thứ nước màu vàng, đùng đục, mỡ màng lềnh lềnh, người bán hàng rửa chén đũa trong đó, vậy mà khách ăn vẫn yên tâm thoải mái sinh hoạt.

Hà Nội: Chợ thuốc "kinh dị"

Từ lâu, góc ngã tư Hàng Chiếu - Đồng Xuân đã nổi tiếng trong giới đàn ông chơi bời ham vui về những loại thuốc, loại "đồ" có khả năng kích dục. Chợ chỉ bắt đầu họp khi trời nhập nhoạng tối. Gọi là chợ nhưng người bán người mua thường xuyên thì thà thì thụt dưới góc khuất và bóng tối, nhanh chóng và khá gọn gàng. Dân giang hồ ở đây đồn rằng "chợ thuốc Hàng Chiếu có đủ loại thuốc kích dục, đủ loại "đồ nghề" chơi bời rất "độc", kể cả... viagra". Báo *Lao Động* ngày 26.1 cho biết như vậy.

Nắm đúng tâm lý của những kẻ đi mua, những người đàn bà bán hàng ở đây - toàn phụ nữ - chỉ bày hàng dưới bóng tối mờ mờ. "Chẳng ai chường mặt, mà chẳng dại gì chường mặt, đi mua dăm ba thứ "của nợ" ấy giữa khu phố cổ...".

Dừng xe bên vỉa hè đầu Hàng Chiếu, một người đàn bà từ sau gốc cây nhảy xổ ra hỏi khách: "Chú em cần gì đấy, chị giúp cho". Khách cúi xuống giỏ thuốc trước mặt. Trong giỏ lỏng chỏng vài ba hộp thuốc vuông vuông, dài dài đủ loại với những hình cô gái trong tư thế hết sức khêu gợi kèm mấy cái vỏ hộp OK đỏ chót.

"Toàn hộp không thôi. Cần gì cứ nói, gì chị cũng có". Người đàn bà son phấn bợt bạt cả khuôn mặt, rất khó đoán tuổi cứ mồm năm miệng mười hỏi han. Rồi nhanh nhảu, chị ta cúi xuống vén ống quần, lôi từ bắp chân một túi vải được quấn chặt. Trong chiếc túi vải căng phồng của chị ta lèn chặt cứng những hộp giấy, những túi ni-lông xanh đỏ. Đưa cho khách một vỉ thuốc màu bạc, chị ta giới thiệu đây là loại thuốc Tentex forte dành cho nam giới, chính hiệu Nhật Bản, chỉ cần uống 2 viên là "hơn hẳn mấy chai rượu cá ngựa". Thấy khách ngần ngừ, chị ta lại rút ra một hộp giấy bảo là thuốc xịt "hiệu quả mà đơn giản lắm - chỉ cần xịt vài cái như xịt muỗi là ngon lành" - người đàn bà xoen xoét.

Rồi như thấy khách không "áp phê" lắm, chị ta lại tiếp tục móc ra một hộp giấy khác: "Đây là thuốc bôi. Hàng xách tay của Nhật đấy". Dưới ánh đèn tù mù, hộp thuốc mang dòng chữ "Playboy Cream" được sản xuất tại Thái Lan với hạn sử dụng đã hết từ tháng 7.1998. Người đàn bà chặc lưỡi: "úi dào, nó đề ngày cho oai chứ dùng vẫn tốt chán". Chị ta ghé tai: "Tớ có mấy lọ thuốc này hay lắm. Hàng độc" và chạy le te sang đường, lúi húi dưới chân một cột điện. Chị ta mang về một chai thuốc nhỏ bằng ngón tay cái, xanh xanh như một lọ dầu cù là. "Thuốc uống đấy - Dành cho nữ. Chỗ này 2 liều. Một trăm nghìn. Bốc lắm". Trong khi khách đang "nghiên cứu" những loại thuốc thang kinh doanh và quái đản này, chị ta lại nhanh chóng "tiếp thị" một người khách bằng... bao cao su. "Bao này của Mỹ đấy, có lồng vòng bi. Hay là mày lấy cho chị mấy cái bao gai (!)?".

Những loại thuốc "Hàng Chiếu" trôi nổi ấy khó mà biết được tác dụng và hậu quả của nó ra sao. Theo Cục quản lý Dược, những loại sản phẩm này chỉ được gọi là thuốc trên phương diện chữa bệnh, kể cả viagra cũng chỉ là một loại thuốc chữa bệnh, phải sử dụng theo toa của bác sĩ. Như thế có nghĩa là những người mua và sử dụng các loại thuốc ở đây, dù thứ đắt nhất, nếu may mắn thì sẽ không làm sao, nhưng cũng không loại trừ hẳn khả năng bị tác dụng phụ gây ảnh hưởng tác hại đến sức khoẻ.

VN và Nga đẩy mạnh hợp tác quân sự trong thế kỷ 21

Trong một bản tin ngắn đánh đi từ Moscow, thông tấn xã ITAR-Tass của Nga cho biết Nga và Việt Nam sẽ đẩy mạnh hợp tác quân sự trong thế kỷ thứ 21, nhưng không nhằm mục đích chống lại hay đe doạ bất kỳ quốc gia nào nhân kỷ niệm 50 năm ngày Moscow và Hà Nội thiết lập quan hệ hữu nghị hôm 30.1 vừa qua.

Sự kiện đáng chú ý trong quan hệ và hợp tác về quân sự giữa hai nước là việc Hà Nội đã thương lượng để mua 12 chiến đấu cơ hai chỗ ngồi Su-30K của Nga hồi cuối năm ngoái, với giá từ 30 đến 35 triệu đôla một chiếc. Ngoài ra, Việt Nam còn ký hợp đồng với Nga để hiện đại hóa loại phi cơ Su- 27 SK và Su- 27 UBK mà không quân Việt Nam được trang bị từ năm 1995 đến 1998.

Đây là hai loại máy bay có mang hỏa tiễn không không và địa không. Các chuyên gia Nga tin rằng việc hiện đại hóa và cung cấp thiết bị sẽ giúp không quân Việt nam tăng cường khả năng phòng thủ và được dịp làm quen với loại vũ khí tối tân.

Quyết định bán thêm võ khí

hiện đại cho Việt Nam đã từng được Moscow loan báo từ hồi đầu năm ngoái, sau các chuyến viếng thăm Nga của các viên chức đại diện cho đảng, chính phủ và quân đội Việt Nam. Bên cạnh đó, việc Hà Nội đồng ý cho Nga tiếp tục thuê hải cảng quân sự Cam Ranh cũng được nhiều người coi là một dấu hiệu chứng tỏ mối quan hệ chặt chẽ giữa hai nước về mặt quốc phòng.

Các quan sát viên quân sự Á Châu cho rằng việc Hà Nội cần sự hỗ trợ của Nga là điều hoàn toàn không gây ngạc nhiên. Thứ nhất là hầu hết các võ khí mà Việt Nam đang sử dụng đều do Nga sản xuất, do đó, bắt buộc Việt Nam phải mua phụ tùng rời thay thế của Nga, kế đến là sự kiện Trung Quốc hiện đang đẩy mạnh kế hoạch hiện đại hoá quân đội và gây một số khó khăn ở vùng biển Đông, buộc Việt Nam cũng phải hiện đại hoá quân đội của mình, nếu muốn bảo vệ an ninh lãnh thổ.

Không những chỉ thắt chặt quan hệ quân sự với Việt Nam; trong những năm gần đây, chính phủ Nga còn rao bánvõ khí cho một số nước khác trong vùng, như Mã Lai, Ấn Độ hay Trung Quốc. Các tạp chí chuyên về tình báo quốc phòng xuất bản tại những nước tây phương đều nói là số lượng võ khí đủ loại mà Nga bán cho nước ngoài đã góp phần không nhỏ trong việc có thêm ngoại tệ.

Dùng diêm tiêu phải cẩn thận

Dịp Tết vừa qua, báo chí ở VN đều lên tiếng cảnh giác dân chúng về các loại thực phẩm có ướp diêm tiêu. Đây là một chất giúp bảo quản thực phẩm được phép sử dụng, nhưng nếu dùng quá liều sẽ dẫn đến ngộ độc.

Diêm tiêu có tên hoá học là Kali Nitrat, công thức là NO3K, thường chỉ dùng trong tiến trình chế biến dăm-bông, xúc-xích, lạp-xường, nem chua.... để giữ được lâu, đồng thời đem lại màu đỏ đẹp tự nhiên cho sản phẩm. Nay chất này đang bị lạm dụng để bảo quản thịt tươi sống (trâu, bò, lợn), tôm cá, để giữ được lâu không bị ôi thối, lại tăng thêm màu sắc hấp dẫn.

VN là một nước nhiệt đới, nhiệt độ luôn thích hợp cho sự phát triển của vi sinh vật, nên thịt cá tươi sống chóng dễ ôi hỏng, màu sắc thâm tái, nhợt nhạt, kém hấp dẫn. Nếu sử dụng diêm tiêu để bảo quản thì do tác dụng thẩm thấu, diêm tiêu sẽ ngấm sâu vào bên trong các tế bào thịt, đồng thời do tính chất sát khuẩn, ngăn cản được vi sinh vật xâm nhập, phát triển, hạn chế được việc gây thối rữa do vi sinh vật đem lại, mặt khác diêm tiêu tác dụng với hêmôglôbin giữ cho thịt có màu đỏ tươi tự nhiên.

Nhưng nếu ướp ngâm lâu, diêm tiêu sẽ thẩm thấu liên tục vào bên trong thịt tới mức cân bằng với nồng độ bên ngoài tạo độ đậm diêm tiêu trong thịt rất cao. Khi sử dụng ngâm rửa không kỹ, không thôi hết, chất này vẫn tồn đọng trong thịt, không thoát được ra ngoài. Đó là không kể tới nếu sử dụng diêm tiêu công nghiệp, không phải là loại tinh khiết dùng cho thực phẩm thì lại có nguy cơ nhiễm độc kim loại độc như chì, asen, bari... là những tạp chất thường có trong diêm tiêu công nghiệp. Những chất độc này không những có khả năng gây độc cấp tính mà còn tích luỹ mỗi ngày một ít lâu ngày thành ngộ độc trường diễn và phát bệnh.

Thí nghiệm độc chất trên trâu, bò người ta thấy nếu cỏ khô có 1,50% Nitrat Kali thì sẽ gây tử vong cho súc vật, do vi sinh vật trong đường ống tiêu hoá chuyển Nitrat thành Nitrit và chính Nitrit này gây độc.

Người sử dụng kiểu 1 gam/lần hay 4 gam/ngày sẽ bị ngộ độc. Trẻ em nhạy cảm hơn, càng ít tuổi càng dễ bị ngộ độc hơn. Nhiều trường hợp trẻ em uống nước có hàm lượng Nitrat từ 93-143mg/l cũng bị ngộ độc, do đó các sản phẩm có Nitrat không được dùng cho trẻ.

Mức ngộ độc phụ thuộc vào tỷ lệ hêmêglôbin chuyển thành mêthêmôglôbin và khả năng tái tạo mêthêmôglôbin thành hêmôglôbin.

Ngộ độc cấp tính xuất hiện nhanh, đột ngột, khi ăn phải một liều lượng diêm tiêu lớn, hoặc nước có hàm lượng Nitrat cao, hoặc ăn nhầm diêm tiêu tưởng là muối ăn (NaCl), thể hiện ở nhức đầu, buồn nôn, nôn mửa, tiêu chảy, tứ chi tím tái, mặt mày tím tái, nếu không cứu chữa kịp thời sẽ bị ngạt, hôn mê, rồi chết.

Ngộ độc mãn tính thì niêm mạc mũi phồng lên, sau đó xẹp đi và thủng thành lỗ tròn hay ô van ở vách mũi. Nhưng quan trọng nhất là gốc Nitrat, Nitrit kết hợp với các axít amin bậc 2 để tạo thành các Dialkyl Nitrosamin rất độc, gây ung thư gan, gây đoản thọ.

Mưa lũ, rét đậm

Nguồn tin từ miền Trung VN cho hay từ 24 tháng Giêng đến nay tại nhiều nơi ở miền Trung đã có mưa và thời tiết ngày càng trở nên lạnh giá. Do mưa lớn, tại Thừa Thiên-Huế và Quảng Ngãi đã xảy ra tình trạng úng ngập. Tại Thừa Thiên-Huế có 7 huyện ở vùng đồng bằng và thành phố Huế bị ngập úng. Đây là lần thứ nhì (kể từ sau năm 1999) có lượng mưa lớn trong tháng Giêng, kể từ năm 1980 đến nay.

Sau đợt lạnh kéo dài từ ngày 18 đến 21 tháng Giêng, đợt thứ nhì đã diễn ra từ ngày 26 và kéo dài đến nay, trong đó có bốn ngày nhiệt độ xuống dưới 13 độ C. Nhiệt độ từ Huế đến Quảng Ngãi ở mức thấp nhất là từ 15 đến 17 độ C và cao

nhất từ 20 đến 22 độ C.

Tại Hải Lăng, Quảng Trị, do ảnh hưởng của mưa lớn và triều cường nên 10 đoạn đê ở Hải Thọ, Hải Thành và Hải Dương bị vỡ với số lượng đất sạt, trôi đến gần 25,000 thước khối. Toàn bộ diện tích lúa vừa gieo cấy đã bị ngập trong đó có khoảng 3,000 mẫu bị ngập nặng và 200 mẫu bị hư hỏng hoàn toàn. Khoảng hơn 100 tấn lúa giống đã ngâm ủ và mạ già không gieo cấy được cùng hơn 200 mẫu trồng rau hoa màu vụ đông xuân để chống đói cũng bị hư hại nặng nề.

Tại miền Bắc, đợt rét đậm vẫn tiếp tục, nhiệt độ trung bình hàng ngày dưới 13 độ C. Đây là đợt rét đậm thứ tư kể từ đầu mùa đông đến nay, vào sâu đến Quảng Bình, Quảng Trị, Hà Tĩnh.

Ngày 30 tháng Giêng vừa qua có mưa đá ở Sa Pa; sang đến ngày 31 có tuyết với độ dầy trung bình khoảng 10cm, có nơi lên đến 50cm. Tại một số vùng núi cao có tình trạng ngựa và trâu bò chết lạnh.

Kinh tế VN bi đát

Việt Nam đã nhanh chóng trở thành nghèo mạt. Đầu tư ngoại quốc trực tiếp đang từ 8 tỷ 300 triệu mỹ kim năm 1996, hiện chỉ còn dưới 2 tỷ và vẫn đang tiếp tục tuột dốc. Đặc biệt, việc Trung Quốc thình lình ký thương ước song phương với Mỹ và sửa soạn gia nhập WTO có vẻ như đã bồi thêm cho kinh tế Việt Nam một đòn chí tử. Tuần báo quốc tế *The Economist* của Anh vừa nhận định như trên.

Trong bài báo tựa đề "Giã từ Việt Nam," chuyên gia của *The Economist* ghi nhận: Năm 1994 Hoa Kỳ bãi bỏ luật cấm vận buôn bán với VN. Các xí nghiệp Âu châu và Á châu bấy giờ được nối tay với các hãng như Procter & Gamble, 3M, Ford và trên 400 hãng Mỹ khác. Cho tới năm 1996 thì đầu tư ngoại quốc trực tiếp đã lên tới 8 tỷ 300 triệu đô mỗi năm; con số này tương đương với hơn 1/3 tổng sản lượng Quốc nội Việt Nam.

Giờ đây thì các hãng ngoại quốc đang rút ra với một tốc độ hầu như cũng lẹ như hồi họ đổ xô vào. Trong thời gian ba năm qua, đầu tư mới đã sụt xuống, các hãng đã cắt giảm những nghiệp vụ kinh doanh hiện hữu và trả nhiều nhân viên về nước. Devon Standard, giám đốc điều hành công ty Colgate-Palmolive tại Việt Nam, than vãn: "Hồi này thú tiêu khiển chính của chúng tôi là đi dự các buổi tiệc giã từ". Ngày hôm nay đầu tư ngoại quốc đã sụt xuống dưới mức năm 1992 và mỗi năm giảm thêm lối một nửa nữa. Ngay cả đến tờ *Vietnam Investment Review* (Tạp chí Đầu tư Việt Nam), một bản tin hàng tuần có mục đích khuyến khích đầu tư ngoại quốc, cũng không còn được ngoại quốc tài trợ nữa.

Theo tờ báo quốc tế này, việc Trung Quốc được gia nhập WTO cho thấy thuế quan rất có cơ hạ giảm và hạn ngạch nhập khẩu có cơ gia tăng. Điều này sẽ thu hút giới đầu tư quốc tế và làm cho họ thấy "những nét duyên dáng của Việt Nam sẽ ngày một phai tàn".

Môi sinh: Na Uy đứng đầu, VN đứng chót

Diễn Đàn Kinh Tế Thế Giới tuần qua vừa tung ra Chỉ Số Phù Hợp Môi Sinh (Environmental Sustainability Index) nhằm theo dõi và xếp hạng các nước theo các mức độ gìn giữ môi sinh. Chỉ số này sẽ đi song song trong Bản Tường Trình Sự Cạnh Tranh (Competitiveness Report), một bản văn được in vào tháng 6 mỗi năm. Bản Tường Trình xếp hạng các nước hàng đầu thế giới dựa theo sức mạnh kinh tế của quốc gia ấy.

"Chúng tôi muốn tìm một cách để đo lường sự giữ gìn môi sinh trong cùng cách mà số đo Tổng sản Lượng Quốc Dân GDP đo lường nền kinh tế," Kim Samuel-Johnson, giám đốc của Samuel Group và là một trong những người tổ chức chỉ số mới, giải thích.

Chỉ số này chưa xuất hiện cho tới tháng 6, nhưng đã gây tranh cãi ầm ĩ. Các nước đang phát triển lý luận rằng các tiêu chuẩn môi sinh xiết chặt hơn chỉ là một cách để không cho hàng hóa của họ xâm nhập các thị trường các nước đã phát triển.

Bản tường trình nói rằng mức tăng kinh tế và chỉ số giữ gìn môi sinh không cần phải mâu thuẫn. "Các nước giữ gìn môi sinh tốt cũng có mức tăng kinh tế cao," cô Samuel-Johnson phát biểu.

Theo các bản văn sơ khởi của nhóm thực hiện chỉ số, Na Uy là nước đứng đầu về môi sinh trên toàn cầu, trong khi Việt Nam là nước đứng bét. Iceland may mắn có môi sinh tự nhiên trong sạch nhất, trong khi Thụy Sĩ có các cơ chế tốt nhất để giữ gìn môi sinh.

Lê Khả Phiêu: VN trung kiên với chủ nghĩa xã hội

Mới đây Tổng bí thư đảng Cộng Sản Lê Khả Phiêu đã tuyên bố là Việt Nam sẽ kiên trung với các chính sách xã hội, tuy nhiên phát triển kinh tế, một vấn đề làm cho các chế độ xã hội chủ nghĩa Đông Âu sụp đổ, vẫn là một công tác then chốt của đảng.

Trong một bài diễn văn, ông Phiêu nói rằng "Kiên trung với độc lập của đất nước và với chủ nghĩa xã hội
trong bối cảnh sụp đổ của chủ nghĩa xã hội tại Liên Sô cũ và tại các nước Đông Âu - là một trong những thành quả quan trọng nhất

của việc xây dựng đảng trong hơn 70 năm qua." Ông Phiêu mô tả việc sống sót của Việt Nam trong vấn đề sụp đổ chính trị là một "thắng lợi" và đã "xác nhận con đường chúng ta đang đi là đúng đắn."

Những lời tuyên bố này đã được ông Lê Khả Phiêu đưa ra trong một buổi lễ kỷ niệm 70 năm thành lập đảng, với sự tham dự của hơn 1000 đại biểu đảng.

Ông Phiêu nói rằng "Chúng ta quyết tâm tập trung nỗ lực vào công tác xây dựng đất nước, lấy phát triển kinh tế làm công tác then chốt." Ông Phiêu cũng nhấn mạnh là đảng sẽ duy trì lãnh vực quốc doanh do nhà nước quản lý để làm xương sống cho nền kinh tế, trong lúc kêu gọi các cá thể và các gia đình làm giàu cho cá nhân mình, gia đình mình, và cho xã hội. Quốc doanh tại Việt Nam là lãnh vực mà cả giới doanh nghiệp nước ngoài và giới doanh nghiệp người Việt đều xem là yếu ớm, phiền hà, và không hữu hiệu.

Tuổi trẻ VN chê Đảng

Trong khi các cơ quan truyền thông nhà nước loan
báo ầm ĩ về tin kết nạp thêm 114,000 đảng viên mới trong năm ngoái, cũng là mức tăng lớn nhất trong hơn một thập niên, một ký giả của báo S.J. Mercury News lại cho rằng các lãnh tụ Hà Nội đang trong cơn lo rằng tuổi trẻ Việt Nam, nhất là thanh niên thành thị, không ưa vào đảng. Và họ nói công khai, chẳng sợ hãi gì, trái với thời thập niên trước, khi ai ai cũng phải nhờ cái dù của đảng để tiến thân.

Vậy thì có bao nhiêu người trong đảng? Ký giả Mark McDonald viết rằng chỉ khoảng 3% dân số là đảng viên Đảng CSVN, nghĩa là tổng cộng khoảng 2.4 triệu đảng viên, hầu hết là nông dân, công chức, sĩ quan, thợ thuyền hãng quốc doanh, vân vân.

Khuynh hướng tuổi trẻ chê đảng rõ nét tới nỗi Phạm Văn Đồng phải lo ngại, theo bài báo trên: Tuổi trung bình đảng viên đều sắp về hưu. Một lãnh tụ Đảng ở Thái Nguyên than phiền là tuổi trung bình đảng viên nơi đây hiện là hơn 55 tuổi.

Trên 300.000 "Việt kiều" về nước Ăn Tết

Theo ước lượng của Ủy Ban Việt Kiều Trung Ương đảng CSVN, trong đầu năm Canh Thìn có trên 300.000 "Việt kiều" đã về nước ăn Tết.

Tuy nhiên, đây là con số của Hà Nội thì đưa ra, nói rằng đa số là "Việt kiều" từ Hoa Kỳ, Gia Nã Đại, Pháp, Úc và các nước Âu châu. Mặt khác, các văn phòng bán vé máy bay cho biết số đồng-bào về Việt Nam không đông, vì sợ các thức ăn ở Việt Nam có chất độc như cá loại phở, mì, nước mắm...

Việt kiều về nước ăn Tết đều than phiền bị làm tiền trắng trợn tại phi trường Tân Sơn Nhất. Nhà nước CSVN thì lại trơ-tráo giải-thích: "đó là tự ý Việt-kiều muốn bồi dưỡng cho công-an hải-quan."

Báo *Tuổi trẻ* VC đăng tin, chiều 26-1, trong một chuyến bay từ Mỹ về, một "Việt kiều" đã than với phóng-viên báo Tuổi Trẻ rằng ông đã phải mất 100 mỹ kim cho "các cửa", mỗi chặng như vậy từ 10 cho đến 20 đô-la!"

Một Việt-kiều khác cũng từ Mỹ về, chỉ hối lộ 10 mỹ-kim thôi, đã bị "dần mặt" nhục-nhã khiến phải nộp thêm mới được cho qua.

Một nhân viên trong đội kiểm soát của Hải quan Tân Sơn Nhất giải-thích: "Hành khách Việt kiều nào cũng mang về quá giá trị số hàng hóa qui định là 300 đô la, nên muốn được kiểm soát nhanh chóng, thì phải "biết điều" một chút chứ!"

Ông Huỳnh Anh Dũng, "Việt-kiều" ở Mỹ, nói với báo *Tuổi Trẻ*: "Hầu hết Việt kiều về quê đều bị sách nhiễu khi làm thủ tục hải quan..."

Hãng Reuter (Anh) tiếp-xúc BS Nguyễn Đan Quế

BS Nguyễn Đan Quế, người đã bị tù 20 năm kể từ 1975 tới nay, cho biết đã bị tra tấn, ngược đãi khi bị giam cầm, ngày nay ông cũng lên tiếng phản đối một sự kiện khác: vấn-đề đầu-tư của doanh gia trong và ngoài nước.

Ông xác-định, thành phần lãnh đạo đảng CSVN không đẩy mạnh việc cải cách kinh tế và chấp nhận những tư tưởng mới, đã làm cho 79 triệu người dân Việt Nam mất đi cơ hội phát triển cho ngang hàng với các quốc gia khác trong vùng. Ông nói: "Nhà cầm quyền CSVN không có chính sách rõ ràng và hoàn toàn bất lực trước những cơn bão đổi thay gay gắt trên thế giới".

BS Quế nhận-xét rằng, "Thành phần lãnh đạo CSVN lo sợ rằng nếu mở cửa nền kinh tế và đẩy mạnh mức độ cải cách, họ sẽ bị mất đi vị thế độc tôn quyền lực của mình".

Hãng Reuter cho biết, đảng CSVN cho rằng họ được "toàn thể nhân-dân" chọn lựa. Họ không để cho nhưng người như ông Quế lên tiếng là để "tránh hỗn loạn xã hội và đẩy lùi những tiến triển đã đạt được nhờ vào công cuộc đổi mới vốn được đưa ra vào cuối thập niên 1980."

Về phía dân-chúng, càng ngày người dân Việt Nam càng trở nên quan ngại rằng không hiểu đảng CSVN sẽ đưa đất nước Việt Nam đi đến đâu. Đại đa số không trả lời được câu hỏi then chốt này. Vận mệnh đất nước nằm trong sự quyết định của một thiểu số lãnh đạo, cuộc đổi mới tung ra năm 1986 nay đã coi như đến lúc hết hơi. ●

trong làng

Luật sư Phạm Kim Vinh qua đời

Luật-sư Phạm Kim Vinh đã qua đời tại Fountain Valey, quận Cam hôm 25.1.2000, hưởng thọ 68 tuổi.

Ông vừa là luật-sư, vừa là quân-nhân (từng làm Trung-đoàn trưởng Bộ-binh), vừa là nhà bình-luận (tác giả 37 cuốn sách nghị-luận) và vừa soạn nhạc. LS Phạm Kim Vinh từng là giáo-sư tại trường Chỉ-huy Tham-mưu, Chiến-tranh chính-trị (Đà-lạt) và các đại-học Vạn Hạnh, Cửu-long. Ông còn là người soạn binh-thuyết cho Tổng Cục Quân Huấn Quân-lực VNCH.

Về báo-chí, LS Phạm Kim Vinh viết bình-luận cho các báo *Chính Luận, Diều Hâu, Diễn Đàn Chính Đảng, Phát Triển, Cao Đẳng Quốc Phòng*, nội-san Luật-sư đoàn và tập san *Quadrant* (Úc).

Tại Hoa Kỳ, ông dạy Chính Trị Học tại Đại học San Diego; chủ nhiệm, chủ bút các bản tin *Post-Vietnam Era* và *L'Après Vietnam.*

Về văn-nghiệp, ông đã viết và xuất bản 37 cuốn sách chính trị và văn-hoá bằng Việt và Anh văn. Các cuốn sách tiêu-biểu của ông để lại gồm có:

- *Phê bình tài liệu 'Đại Thắng Mùa Xuân' của tướng VC Văn Tiến Dũng.*
- *Những bí ẩn về cái chết của Việt Nam Cộng hòa.*
- *Lịch sử cuộc chiến đấu của Quân lực VNCH.*
- *Chiến tranh Việt Nam: Những huyền thoại và thực tại.*
- *In Their Defense: US Soldiers in the Vietnam War* (Lên tiếng thay cho các quân nhân Mỹ trong chiến tranh Việt nam).
- *The Vietnamese Holocaust and the Conscience of Civilized Nations* (Cuộc tàn sát ở Việt Nam và lương tâm của các nước văn minh trên thế giới).
- *Lịch sử hai cuộc di cư vĩ đại (1954-1975).*
- *Culture in Exile: The Vietnamese Experience* (Văn hóa trong lưu đày: Kinh nghiệm Việt Nam).
- *Văn hóa dân tộc và văn hóa lưu vong.*
- *Vietnam: The Country and the People* (Việt Nam: Đất nước và dân tộc).

Trong vụ khủng-hoảng Văn Bút Việt Nam Hải-Ngoại, luật-sư Phạm Kim Vinh đã khẳng-khái chọn đứng về phía đa-số có chính-nghĩa để bảo-vệ tổ-chức khỏi bị bán đứng cho bọn "giao lưu văn-hóa" và cánh "Thông Luận". Sau khi cựu chủ-tịch Viên Linh mời các đại-biểu về họp (11.1995) rồi khoá cứng cửa trụ-sở không cho vào, LS Phạm Kim Vinh đã cho phép các đại-biểu của 6 Trung-tâm sử dụng phòng khách của ông làm nơi họp. Sau đó, ông tham gia Hội-đồng Nhân-sĩ để giúp giải-quyết vấn-đề.

Nhạc-sĩ Trầm Tử Thiêng đã ra đi

Nhạc-sĩ du-ca Trầm Tử Thiêng, tên thật Nguyện Văn Lợi, quê ở Quảng-nam, đã qua đời hôm 21.1.2000 tại quận Cam, hưởng thọ 63 tuổi, để lại khoảng 400 ca-khúc, trong đó có 100 bài hát thiếu nhi và 50 bản nhạc chiến-dịch viết cho Cục Tâm-lý-chiến VNCH.

Ông bị ung-thư phổi từ giữa năm 1999. Các bác-sĩ dự-trù ông sẽ qua đời vào tháng 10.1999. Trước căn bệnh nan-y, nhạc-sĩ Trầm Tử Thiêng quyết-định tự điều-trị bằng phương-pháp Oshawa (gạo lức muối mè), tập khí-công và thiền-định. Trong những ngày cuối đời, ông ở trọ nhà văn Nguyễn Đức Lập để được giúp-đỡ. Tháng 10.1999 tái khám, các bác-sĩ ngạc-nhiên cho biết các tế-bào ung-thư trong phổi ông đã thu gọn lại. Ông tiếp-tục theo phương-pháp cũ mà trị bệnh, nhưng ba tháng sau đã qua đời vì kiệt lực. Khi mất, ông chỉ nặng có 60 pounds (khoảng 27 kí).

Cái chết của Trầm Tử Thiêng gợi nhớ đến sự ra đi của một nhạc-sĩ du-ca khác, Giang Châu, chết năm 1973, sau 50 ngày tuyệt thực để chữa bệnh. Đến ngày thứ 49, đúng lúc phải ngưng tuyệt thực, ông cảm thấy trong người hết sức thư thái và quyết-định "đi luôn." Hai nhạc-sĩ du-ca này sinh cùng một năm, 1937.

Nhạc-sĩ Trầm Tử Thiêng sống độc thân tại quận Cam. Ông xuất thân giáo-viên tiểu-học, bắt đầu viết nhạc từ năm 18 tuổi, nổi tiếng vào khoảng 1965 qua hai ca khúc: *Hai mươi năm sau, lời của mẹ* và *Hai mươi năm sau, lời của con.* Năm 1966, ông trình làng tập nhạc đầu tay *Trên đỉnh yêu thương*, nhưng các ca-khúc làm nên tên tuổi ông là *Đưa em vào hạ, Bảy ngàn đêm góp lại, Kinh khổ, hát nữa đi Hương.*

Trầm Tử Thiêng tham gia Phong-trào Du Ca, hoạt động cùng các nhạc sĩ Nguyễn Đức Quang, Ngô Mạnh Thu, Giang Châu,..

Sau 1975, ông vượt biên bất thành, bị giam hơn một năm. Trong tù ông viết các bài *Tâm ca của người tù vượt biển* và *Hành ca trên công trường oan nghiệt*. Ra tù năm 1981 ông tiếp tục vượt biên và tiếp tục thất bại không biết bao nhiêu lần, tới 1985 mới tới được đảo Kuku, rồi Galang, cuối cùng sang Mỹ vào cuối năm đó.

Ở Mỹ ông viết các ca-khúc về tị-nạn, quê-hương, thân-phận như *Một ngày Việt Nam, Hãy vui lên khi lòng còn biết buồn,..* cùng lời ca của các bài *Bên em đang có ta, Có tin vui giữa giờ tuyệt vọng, Việt Nam về trong nỗi nhớ* (nhạc Trúc Hồ), *Từ đốm lửa Thái bình Xuân lộc* (trong CD *Thắp lửa tự-do* của Phong-trào Hưng Ca Việt-nam).

Trầm Tử Thiêng là một nhạc-sĩ có lý-tưởng, sống đạo-đức và khắc-khổ như một tu-sĩ. Cuộc đời ông là một tấm gương sáng, không riêng cho giới văn-nghệ, mà cho cả cộng-đồng. Tang-lễ của ông nghiêm-trang và cảm-động với 300 tràng hoa kết lại thành một quả đồi con trước lò thiêu xác và quan-tài được Liên Hội Cựu Chiến-sĩ phủ quốc-kỳ. Toàn thể 700 người đưa tiễn ông, gồm tu-sĩ, thân-hữu, văn-nghệ-sĩ sáng-tác và trình-diễn đã đồng ca bài *Một ngày Việt-nam*. Tiếng hát vút cao từ nghĩa-trang Peek, lan xa khắp thị-xã Westminster, bên những dòng nước mắt long lanh, là một kỷ-niệm khó quên cho mọi người.

Hội Đồng Giám Sát Quận Cam đã quyết-định vinh-danh nhạc-sĩ Trầm Tử Thiêng, người Việt-nam đầu-tiên được hưởng vinh-dự này. Trong bài diễn-văn vinh-danh đọc trong lễ tưởng-niệm Trầm Tử Thiêng, ông Chủ-tịch Smith nhấn mạnh: "Nhạc sĩ Trầm Tử Thiêng là sức mạnh đoàn kết trong cộng đồng Việt Nam, và hình ảnh nhạc sĩ sẽ sống mãi xuyên qua di sản âm nhạc của ông."

Nhạc-sĩ Văn Phụng tạ-thế

Nhạc-sĩ Văn Phụng, tác-giả các bài *Ô-mê-ly, Ghé bến Sài-gòn, Trăng sáng vườn chè, Suối tóc, Tôi đi giữa hoàng hôn,..* đã qua đời hôm 17.12.1999 tại Virginia, Hoa-kỳ, hưởng thọ 69 tuổi.

Nhạc-sĩ Văn Phụng học trung-học Albert Sarraut, đậu tú-tài Pháp năm 16 tuổi. Về âm-nhạc, năm 15 tuổi, ông đã đoạt giải nhất dương-cầm tại Nhà Hát Lớn Hà-nội.

Năm 1948, ông gia-nhập ban Quân-nhạc cùng Đan Thọ, Nhật Bằng, Nguyễn Túc, Nguyễn Khắc Cung, Hoàng Trọng, Vũ Thành,.. và học thêm về hoà-âm để phối khí cho dàn nhạc đại hoà-tấu 80 nhạc-công. Cũng năm đó, 1948, ông viết bài hát đầu tay, *Ô-mê-ly*.

Về ca-khúc, ngoài các bài kể trên, ông còn có: *Các anh đi, Tình, Yêu, Mưa, Tiếng hát với cung đàn, Tiếng dương-cầm, Trở về Huế, Bóng người đi, Bức hoạ đồng quê, Nhớ bến Đà-giang, Xuân miền Nam, Ta vui ca vang,..* đều là những tác-phẩm có đời sống iêng.

Giải Sáng tác nhạc 2000

Giải Sáng-tác nhạc 2000 đã được công-bố, với thành-phần ban giám khảo: Bạch Yến, Lê Thành Đông, Trần Quang Hải và Lê Mộng Nguyên đã đồng nhất chọn lựa những bài trúng tuyển sau đây:

- Giải nhất: *Tháng chín và một người* (Trang Thanh Trúc)
- Giải nhì: *Khúc ca trở về* (nhạc: Ngô Ngọc Tuệ; thơ: Huỳnh Văn Mỹ)
- Giải ba: *Tâm Khúc* (nhạc: Hoàng Hoa; thơ: Huy Giang)
- Giải khuyến khích:

. *Loài hoa mất gốc* (Hoàng Nhã)

. *Mộng* (Nguyễn Linh Quang)

Ban Giám khảo nhận thấy có nhiều bài dự thi có giá trị nên đề nghị thêm hai giải khuyến khích đặc biệt.

Chép 28 chữ, chủ báo Mỹ phải xin lỗi báo Việt

Theo tin của báo *Wall Street Journal*, ông Jay Harris, chủ bút tờ *Việt Mercury*, đã có ý xin lỗi báo *SaigonUSA* về việc đã chép 28 chữ trong một bản tin của báo *SaigonUSA* mà không ghi xuất xứ. Ông Nguyễn Tâm, chủ nhiệm báo *SaigonUSA*, trước đó đã kiện báo *Việt Mercury* và công ty mẹ để đòi bồi thường thiệt hại nhiều triệu mỹ kim.

Từ khi công ty Knight Ridder Inc. xuất bản tờ *Viet Mercury* thì các báo Việt ngữ ở San Jose gặp nhiều khó khăn về tài chánh do cạnh tranh quảng cáo. Trước đó cách đây ba năm, công ty Knight Ridder Inc. đã cho xuất bản tờ báo tiếng Tây ban nha *Nuevo Mundo*, làm cho báo chí tiếng Tây ban nha ở San Jose bị khốn đốn và ông Hilbert Morales, chủ nhiệm tờ *El Observador*, một tờ báo đã xuất bản từ 20 năm nay, phải tuyên bố rằng tự do báo chí bị đe dọa. Ông đã phản đối việc này với bộ Tư pháp Hoa kỳ, tố cáo công ty xuất bản tờ Mercury là cạnh tranh bất chánh vì kiểm soát quá nhiều tờ báo.

Ông Nguyễn Tâm, chủ nhiệm tờ *SaigonUSA* thì nói rằng "họ có thế lực tuyệt đối. Họ áp đảo chúng tôi. Chúng tôi không có tiếng nói nào khác".

Hiện nay vùng San Jose có 4 tờ tuần báo độc lập tiếng Tây ban nha và khoảng hơn 12 tờ báo Việt ngữ ra bán tuần, hàng tuần và hàng ngày. Theo các số liệu từ bộ Tài chánh thì tới năm 2010, California sẽ có một dân số như sau: 44% là dân da trắng không phải gốc Tây ban nha, gần 35% là dân nói tiếng Tây ban nha, và 13% là người gốc Á châu.

Sinh hoạt
Văn Bút VN Ontario

Trung-tâm Ontario tổ-chức buổi hội-luận về *Văn pháp tiếng Việt* lúc 2 giờ chiều Thứ Bảy, 4.3.2000 tại thính-phòng Thư-viện Parkdale, 1303 Queen St. West, Toronto. Diễn-giả là GS Phạm Kim Thư, tức nhà văn Khải Chính.

Cũng trong buổi sinh hoạt này, GS Đỗ Quang Vinh sẽ ra mắt cuốn *Tiếng Việt tuyệt vời*, ấn-bản 2 (có sửa chữa và bổ-túc) của ông.

Đây là buổi sinh-hoạt hàng tháng lần thứ III trong năm 2000 của Văn Bút VN Ontario.

Buổi thứ nhất đã được tổ-chức ngày 1.1 tại lớp Linc Toronto, GS Đỗ Quang Vinh nói về *"Tiếng Việt với triết-lý âm-dương và đạo sống thái-hoà."*

Buổi thứ hai, được tổ-chức tại Thư-viện Parkdale, Toronto hôm 12.2.

Hai tiết mục chính là hoạ-sĩ Nguyễn Nhật Tân tức nhà văn Tự Tỉnh nói chuyện về *Tranh Tết dân gian Việt-nam;* và dịch-giả Nguyễn Ước giới-thiệu tác-phẩm *Chuyện Kinh Thánh* của Pearl Buck, do ông dịch ra việt-văn.

Buổi sinh-hoạt qui-tụ thành-phần tham-dự chọn-lọc, gồm hội-viên của Trung-tâm cùng một số văn-nghệ-sĩ và thân-hữu.

---

ngoài xã

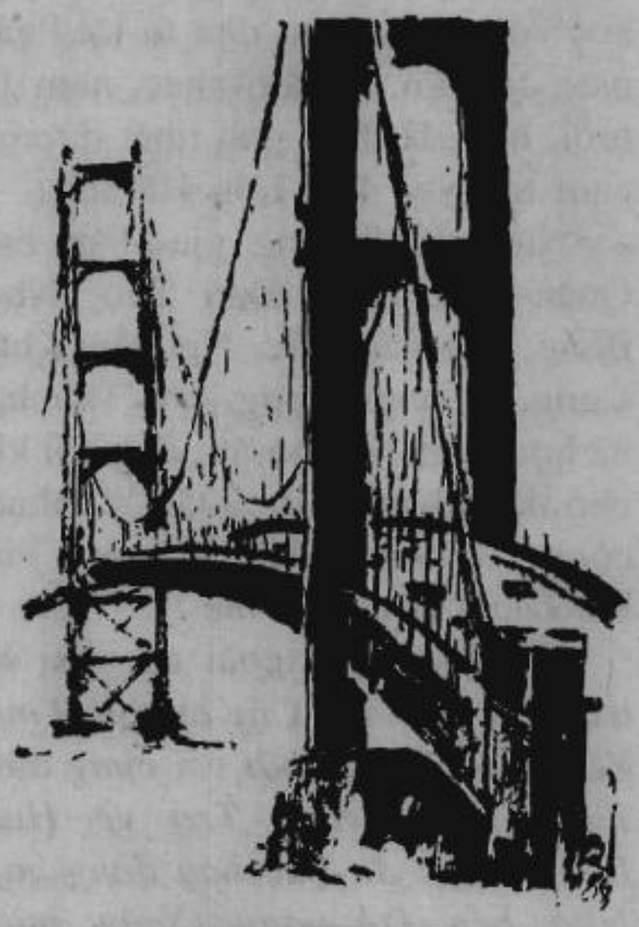

Chiếu khán du lịch nhập cảnh Mỹ

Một vấn đề mà người Việt ở Hoa Kỳ cũng như ở nước nhà hằng quan tâm là việc xin cho thân nhân được đi du lịch Hoa Kỳ để thăm bà con, bằng hữu.

Sau đây là những tin tức cập nhật nhất về việc xin nhập cảnh Mỹ, các thủ tục căn bản trong việc xin cấp chiếu khán du lịch.

Xin cấp chiếu khán tại đâu?

Tòa Tổng Lãnh Sự Hoa Kỳ tại Saigon là cơ quan tiếp nhận đơn, cứu xét và cấp chiếu khán cho người Việt Nam xin đi du lịch Hoa Kỳ.

Hồ sơ xin chiếu khán gồm những gì?

A. Các giấy tờ của người bên Việt Nam: Ngoài mẫu đơn căn bản xin chiếu khán du lịch, (có thể đến lấy miễn phí tại Tòa Tổng Lãnh Sự Hoa Kỳ ở Saigon), đương sự cần phải chuẩn bị các giấy tờ sau đây để chứng minh sự ràng buộc với Việt Nam về phương diện gia đình và kinh tế:

. Giấy chứng nhận việc làm tại Việt Nam (và việc làm vẫn có hoặc vẫn tiếp tục sau khi du lịch trở về),

. Giấy chứng nhận tiền trong ngân hàng,

. Giấy chứng minh tài sản,

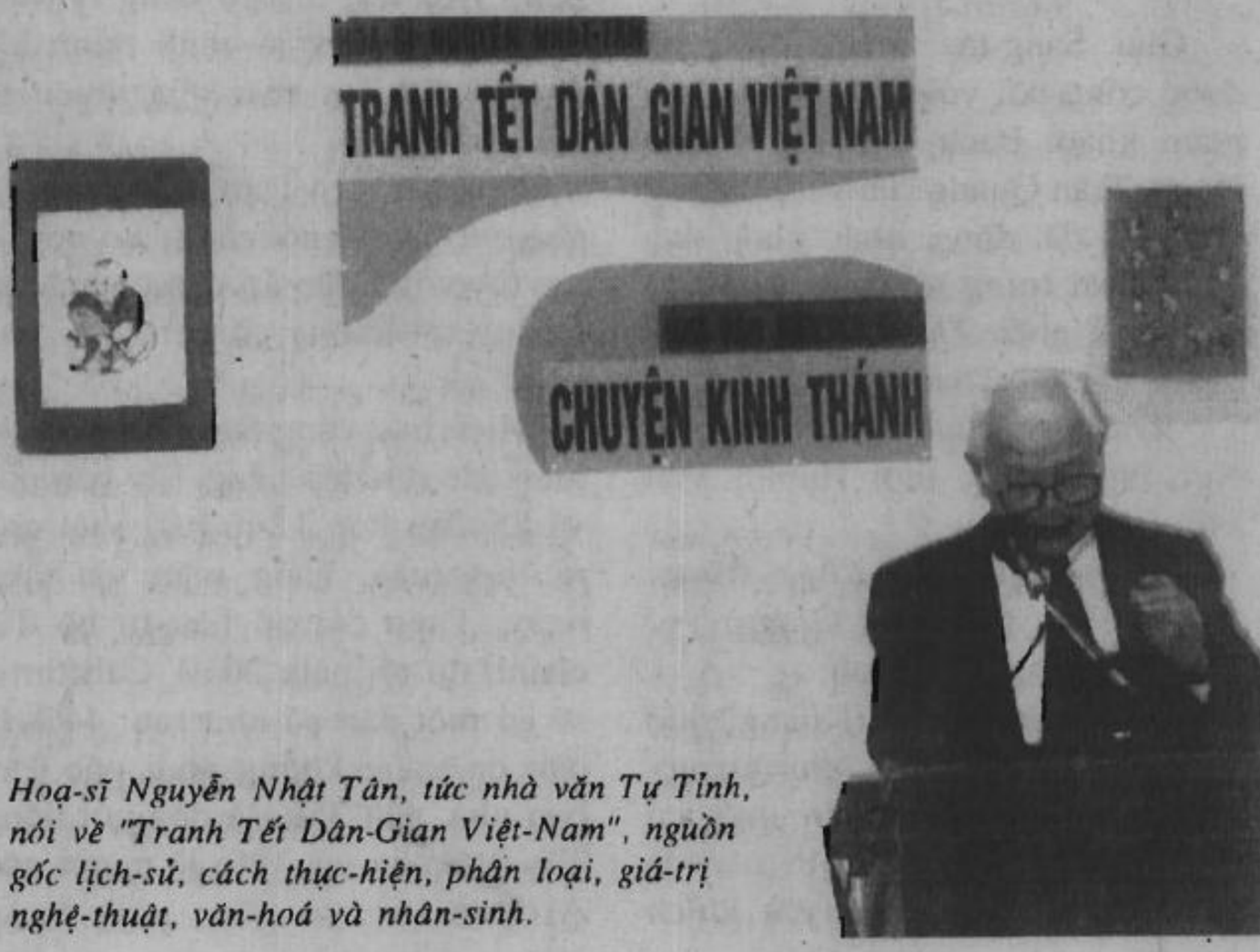

Hoạ-sĩ Nguyễn Nhật Tân, tức nhà văn Tự Tỉnh, nói về "Tranh Tết Dân-Gian Việt-Nam", nguồn gốc lịch-sử, cách thực-hiện, phân loại, giá-trị nghệ-thuật, văn-hoá và nhân-sinh.

Dịch-giả Nguyễn Ước nói về tác-phẩm "Chuyện Kinh Thánh" của nhà văn Trung-hoa Pearl Buck

. Giấy chứng minh cơ sở thương mại, kinh doanh,

. Giấy chứng minh hoặc biên nhận khai thuế.

Các giấy tờ nói trên phải là bản chánh và không cần phải kèm theo bản dịch ra Anh ngữ.

B. Các giấy tờ của người đứng bảo lãnh bên Hoa Kỳ: Ngoài các giấy tờ thực hiện ở Việt Nam nói trên, hồ sơ xin chiếu khán du lịch còn phải kèm theo các giấy tờ của bà con hoặc bạn bè bên Hoa Kỳ thiết lập và gởi về.

Những giấy tờ này gồm có:

. Một thơ mời đi du lịch Hoa Kỳ (nếu cần),

. Một giấy bảo trợ tài chánh, mẫu I-134,

. Giấy chứng nhận lợi tức và giấy chứng nhận ngân
hàng,

. Giấy khai thuế mới nhất,

. Bản sao passport, hoặc bằng quốc tịch, hoặc thẻ xanh.

Hồ sơ xin chiếu khán du lịch nộp tại Tòa Tổng Lãnh Sự Hoa Kỳ (tại văn phòng số 51 Nguyễn Đình Chiểu, Quận 3, TP/HCM) từ thứ hai đến thứ sáu và từ 8 giờ sáng đến 3 giờ chiều.

Hồ sơ kèm theo 2 tấm ảnh loại dán thẻ, theo mẫu như ảnh dán thẻ xanh. Lệ phí nộp đơn là 45 mỹ kim, không được hoàn lại trong mọi trường hợp.

Những trường hợp có thể bị từ chối:

Hiện nay tuy việc cấp chiếu khán du lịch Hoa kỳ đã được mở ra cho người Việt Nam, nhưng trên thực tế vẫn có nhiều khó khăn và đơn xin chiếu khán cũng không được chấp thuận dễ dàng như chúng ta nghĩ.

Ngoài ra, các trường hợp sau đây cũng có thể bị từ chối cho đi du lịch Hoa Kỳ:

1. Những người đã nộp đơn xin định cư tại Hoa Kỳ theo các diện cựu tù cải tạo (HO), diện ROVR, McCain, con lai, hoặc các diện tỵ nạn khác, mặc dù đơn đã bị bác hoặc không đủ điều kiện theo diện tỵ nạn.

2. Những người đã được thân nhân bảo lãnh diện di dân hoặc diện vị hôn thê/hôn phu, mặc dù hồ sơ chưa đáo hạn phỏng vấn hoặc đơn bảo lãnh đã bị hủy bỏ,

3. Những người có cha hay mẹ, có vợ hay chồng hoặc có con thành niên là công dân Hoa Kỳ,

4. Những người trước đây có di dân sang Hoa Kỳ,

5. Những người không có việc làm, không có cơ sở kinh doanh, thương mại hoặc không có tài sản.

Dự án xây dựng tượng đài Việt-Mỹ

Tối 20.1.2000, khoảng 200 đại diện các đoàn thể tôn giáo, Cộng đồng và các hội đoàn và Liên Hội Cựu Chiến Sĩ đã họp bàn vận động các giới đồng bào tiếp tục yểm trợ công tác xây dựng tượng đài Việt-Mỹ tại thành phố Westminster, với sự hiện diện của ông Frank Fry, Thị trưởng thành phố Westminster, và phu nhân.

Sau nghi thức khai mạc, ông Nguyễn Văn Ức, Chủ tịch Hội Đồng Chỉ Đạo Xây Dựng Tượng Đài, đã tường trình với cử tọa về nguyên ủy của công tác xây dựng tượng đài nhằm vinh danh các chiến sĩ Việt Nam Cộng Hòa và Hoa Kỳ đã hy sinh hay đóng góp xương máu cho công cuộc chiến đấu bảo vệ tự do cho Việt Nam Cộng Hòa trước 1975.

Ngân khoản xây dựng tượng đài được thành phố Westminster chấp thuận trên nguyên tắc với điều kiện cộng đồng Việt Nam tại Nam California phải trang trải chi phí xây dựng ước lượng là 500,000 đô la. Cho đến nay, Ủy ban Vận động mới thu được 150,000 đô la.

Trong buổi họp, Hội đồng Chỉ Đạo Xây Dựng Tượng Đài đưa ra 3 đề tài thảo luận:

1. Làm thế nào vận động Hội Đồng Thành Phố Westminster chấp thuận việc xây dựng tượng đài chiến sĩ VNCH và Hoa Kỳ như là một dự án công cộng.

2. Làm thế nào vận động đồng hương tiếp tục và gia tăng ủng hộ tài chánh để hoàn tất tốt đẹp xây dựng
Tượng Đài đúng thời hạn, dự trù đặt viên đá đầu tiên vào ngày 30 tháng 4 năm 2000.

3. Làm thế nào để đồng hương tham gia, hỗ trợ và bổ sung nhân sự hoạt động cho Ủy Ban Xây dựng tượng đài.

Giải đáp hồ sơ con cái gia đình HO

Cuối năm 1999, Quốc Hội thông qua đạo luật HR 3194, với điều khoản 255 nới rộng Tu Chính Án McCain. Sau đây là phần giải thích:

1. Những Thành Phần Nào Được Cứu Xét?

Theo Tu Chính Án McCain Nới Rộng và điều lệ nội bộ của Sở Di Trú, có ba thành phần sau đây sẽ được cứu xét.

a. Thành phần bị từ chối <u>sau</u> ngày 1 tháng 4, 1995: Thành phần này được quyền yêu cầu mở lại hồ sơ cứu xét bất luận lý do bị từ chối. Không có hạn tuổi cho những hồ sơ này, miễn là phải còn độc thân vào thời điểm bị từ chối.

b. Thành phần bị từ chối <u>trước</u> ngày 1 tháng 4, 1995 nhưng <u>dưới</u> 21 tuổi vào thời điểm bị từ chối: Thành phần này được quyền yêu cầu mở lại hồ sơ cứu xét bất luận lý do từ chối, miễn là phải còn độc thân vào thời điểm bị từ chối.

c. Thành phần bị từ chối <u>trước</u> ngày 1 tháng 4, 1995 nhưng <u>trên</u> 21 tuổi vào thời điểm bị từ chối: chỉ những người con bị từ chối thuần tuý vì lý do không cùng hộ khẩu

liên tục với cha mẹ (và phải còn độc thân vào thời điểm bị từ chối) thì mới được cứu xét.

d. Những thành phần còn lại: Chính sách hiện nay chưa cho phép giải quyết các hồ sơ nằm ngoài ba thành phần kể trên. Chẳng hạn những người con trên 21 tuổi bị từ chối phỏng vấn trước thời điểm 1 tháng 4, 1995 vì lý do nghi ngờ quan hệ gia đình thì hiện nay không được cứu xét theo Tu Chính Án McCain Nới Rộng. Đối với những trường hợp này, hiện nay chỉ có cách là bảo lãnh theo diện di dân nếu cha mẹ đã có quốc tịch hoặc người con vẫn còn độc thân.

2. Làm Sao Để Biết Lý Do Từ Chối?

Thường thường khi bị từ chối thì gia đình sẽ nhận được một tờ đơn từ cơ quan Joint Voluntary Agency (ICMC) báo cho biết lý do bị từ chối (thường là viết tay ở cuối tờ đơn). Chiếu theo đó, quý vị có thể biết được rằng con cái của mình nằm trong thành phần nào kể trên.

Tuy nhiên cũng có một số gia đình không hề nhận được giấy báo lý do từ chối, hoặc có nhận được giấy từ chối nhưng giấy này lại không ghi rõ lý do. Trong những trường hợp này chúng tôi đề nghị vẫn mở hồ sơ như thể bị từ chối vì lý do hộ khẩu không liên tục để xem Sở Di Trú sẽ trả lời ra sao. Tuỳ theo sự trả lời này quý vị sẽ biết được con cái của mình ở trong thành phần (a), (b), (c), hoặc (d).

Ngoài ra còn có một số trường hợp cùng một người nhưng bị từ chối vì nhiều lý do khác nhau cùng một lúc. Chẳng hạn có người con đã bị từ chối phỏng vấn vì cả hai lý do: tình nghi quan hệ gia đình và không cùng hộ khẩu liên tục, và trên 21 tuổi khi bị từ chối. Theo đúng ngôn ngữ của điều khoản 255 của đạo luật HR 3194, thì những trường hợp này sẽ không được giải quyết. (Ngôn ngữ này nhấn mạnh là chỉ cứu xét cho những trường hợp bị từ chối trước ngày 1 tháng 4, 1995 nếu lý do từ chối thuần tuý là vì không cùng hộ khẩu liên tục.)

Trong những trường hợp này, việc trước hết cần làm là xác minh quan hệ gia đình; sau đó lập luận rằng sau khi đã xác minh được quan hệ gia đình thì lý do bị từ chối độc nhất còn lại là "không cùng hộ khẩu liên tục;" hồ sơ do đó rơi vào thành phần (c) ở trên. Lại cũng có một số gia đình có nhiều con cái cùng bị từ chối một lúc nhưng vì những lý do khác nhau; có người bị từ chối vì không cùng hộ khẩu liên tục với cha mẹ; có người bị từ chối vì quan hệ gia đình không rõ ràng. Trong trường hợp này, hồ sơ phải được tách ra và giải quyết riêng rẽ.

3. Những Trường Hợp Con Cái Đã Có Chồng, Có Vợ:

Theo chính sách kể trên, điều kiện độc thân chỉ tính vào thời điểm khi bị từ chối phỏng vấn. Nếu sau đó người con lấy vợ, lấy chồng, và có con cái thì vợ, chồng, và con cái sẽ được giải quyết cho đi cùng.

Trước đây việc lấy vợ lấy chồng phải xảy ra trước khi người con (hay người xin tị nạn nói chung) được ban cấp quy chế tị nạn tại bàn phỏng vấn. Theo điều lệ do Sở Di Trú ban hành tháng 2 năm 1998 thì việc lấy vợ lấy chồng có thể xảy ra sau khi phỏng vấn, nhưng phải trước khi người con lên đường đi định cư.

Lợi dụng điều lệ mới này, công an cùng với một số người chạy mối ở Việt Nam đã thành lập dịch vụ "ghép hộ" lấy tiền, thường là 10 đến 15 ngàn mỹ kim cho mỗi người muốn ghép hộ. Bộ Ngoại Giao và Sở Di Trú Hoa Kỳ đã phát hiện tình trạng này và đang có những biện pháp để phòng ngừa. Hành động bất chính này của công an Việt Nam đang làm khó dễ cho cả những trường hợp vợ chồng thật; nhân viên di trú lúc nào cũng nghi ngờ và sẽ kiểm tra hết sức khắt khe, nhất là những trường hợp vừa mới lấy vợ, lấy chồng sau khi có tin tức về Tu Chính Án McCain Nới Rộng.

4. Cách Thức Can Thiệp Hồ Sơ:

Đối với các thành phần hồ sơ (a), (b) và (c) đã nhận được, chúng tôi đang thực hiện các bước sau đây.

a. Thảo các thư mẫu để chính mỗi gia đình gởi đi cho vị dân biểu và 2 vị thượng nghị sĩ của mình để nhờ can thiệp với Văn Phòng Tị Nạn của Bộ Ngoại Giao.

b. Nộp hồ sơ đầy đủ cho mỗi trường hợp con cái còn ở Việt Nam. Trong trường hợp người con đã lập gia đình (sau khi bị từ chối phỏng vấn) thì hồ sơ này sẽ phải gồm có cả giấy hôn thú và nếu đã có con cái thì phải có cả giấy khai sanh của con cái, kèm với bản dịch Anh ngữ. Các hồ sơ này chính các gia đình HO sẽ chuyển thẳng cho Bộ Phận Định Cư Tị Nạn của Toà Tổng Lãnh Sự Hoa Kỳ ở Sàigòn.

c. Đối với các trường hợp bị từ chối vì lý do quan hệ gia đình khả nghi thì việc can thiệp sẽ công phu hơn, vì trước hết phải xác minh quan hệ gia đình. Với sự can thiệp của Quốc Hội, Sở Di Trú gần đây chấp nhận cứu xét dựa trên các chứng từ phụ trội như học bạ, y bạ, sổ gia đình trước năm 75, giấy rửa tội... mà có ghi tên của người con cùng với cha mẹ. Hơn nữa, Sở Di Trú cũng đồng ý ra điều lệ quy định là nếu kết quả DNA với xác suất trên 99% thì phải được công nhận.

5. Người Phối Ngẫu Kẹt Ở Việt Nam

Trong một số ít trường hợp, khi con cái bị kẹt lại thì người mẹ cũng không chịu ra đi vì muốn ở lại trông nom con cái. Điều đáng tiếc là Tu Chính Án McCain dù đã nới rộng, vẫn chỉ áp dụng cho con cái chứ không áp dụng cho người mẹ. Trong trường hợp này, người chồng ở Hoa Kỳ phải làm bảo lãnh tị nạn

cho vợ (mẫu I-730). Nếu người chồng đã đến Mỹ từ trước ngày 28 tháng 2 năm 1998 thì hạn chót để bảo lãnh theo diện tị nạn là ngày 28.2.2000. Những người qua sau đó có đúng 2 năm để bảo lãnh kể từ khi đặt chân đến Hoa Kỳ. Một điều cần lưu ý là người chồng nếu đã có quốc tịch thì xem như mất quy chế tị nạn và do đó không thể bảo lãnh cho vợ theo diện tị nạn nữa, mà phải bảo lãnh theo diện di dân (mẫu I-130).

6. Tiến Trình Giải Quyết Hồ Sơ

Văn phòng định cư tị nạn ở Toà Tổng Lãnh Sự Hoa Kỳ chỉ vừa mới mở cửa hoạt động tháng Giêng này. Hiện nay còn 400 hồ sơ thuộc diện McCain đã lên danh sách nhưng bị đình hoãn phỏng vấn từ năm ngoái. Số hồ sơ này sẽ được ưu tiên giải quyết trước. Còn các hồ sơ con cái HO hội đủ tiêu chuẩn McCain nới rộng sẽ được giải quyết kế tiếp.

Hồ sơ ở California, xin gởi về địa chỉ:

S.O.S. Service Center/HO Children
6885 Lindale Drive
Sacramento, CA 95828
Số Hồ Sơ: _____

Các hồ sơ ngoài California, xin gởi về

S.O.S. Service Center/HO Children
2800 Juniper Street, # 8
Fairfax, VA 22031-4411
Số Hồ Sơ: _____

Chương trình tập-sinh của Uỷ Ban Cứu Người Vượt Biển

Mỗi năm Uỷ Ban Cứu Người Vượt Biển đều nhận một số sinh viên vào chương trình thực tập sinh, kéo dài 3 tháng. Chương trình này nhằm mục đích khuyến khích người trẻ phục vụ cộng đồng, vừa giúp họ thu thập các kỹ năng lãnh đạo.

Thực tập sinh sẽ được huấn luyện về kỹ năng nghiên cứu, lý giải, và tìm đáp số cho các vấn đề xã hội và chính trị; sẽ được hướng dẫn về những lãnh vực chuyên biệt về luật tị nạn và di dân, và về tiến trình lập pháp; sẽ được đào tạo để làm việc hữu hiệu với cả hai ngành hành pháp và lập pháp Hoa Kỳ; và sẽ có cơ hội để tiếp thu và phát triển khả năng lãnh đạo.

Bắt đầu từ mùa hè này, thực tập sinh sẽ được bổ nhiệm làm việc ở văn phòng trung ương của Uỷ Ban tại Bắc Virginia hoặc tại các văn phòng chi nhánh ở Sacramento (California) và Houston (Texas). Thực tập sinh sẽ được đài thọ chỗ ở, vé máy bay, và một ngàn mỹ kim tiền túi cho cả khoá thực tập.

Sinh viên muốn ghi danh cần hội đủ các điều kiện sau đây:

- Phải là sinh viên đại học.
- Nói và viết Anh văn lưu loát để liên lạc với các giới chức Hoa Kỳ và quốc tế (nếu biết tiếng Việt thì càng tốt nhưng không bắt buộc).
- Cần phải có tinh thần hiếu học và chịu khó.
- Có kinh nghiệm sinh hoạt trong cộng đồng Việt hay trong xã hội Hoa kỳ.

Đơn ghi danh gồm:

- Một bài luận văn dài 500 chữ nêu lý do ghi danh tham gia chương trình thực tập sinh.
- Một tiểu sử tóm lược.
- Ba lá thư giới thiệu về phẩm hạnh và khả năng.

Một hội đồng tuyển chọn sẽ cứu xét dựa trên khả năng của mỗi sinh viên nộp đơn.

Cần thêm chi tiết xin gọi cô Ngô Kim Việt ở số 703-205-3916 hay qua địa chỉ điện thư: bpsos@aol.com.

Tình trạng thuyền nhân ở Phi

Mấy tuần gần đây Ủy ban Cứu Người Vượt Biển nhận được nhiều thắc mắc từ đồng bào ở Phi Luật Tân về tin đồn rằng các quốc gia đệ tam sắp cử phái đoàn cứu xét định cư cho tất cả thuyền nhân đang kẹt ở Phi. Những tin đồn này không chính xác. Sự thật như sau:

1. Chính quyền Phi Luật Tân vẫn chưa quyết định về số phận của khoảng 2,000 người Việt tạm cư ở Phi, gồm thuyền nhân lẫn các trường hợp con lai. Uỷ Ban Liên Bộ do Tổng thống Estrada chỉ định thành lập trước đây hứa hẹn sẽ tuyên bố giải pháp vào cuối năm 1999. Đến nay vẫn chưa có gì. Mới đây, trước khi giải tán, Uỷ Ban Liên Bộ chỉ thông báo kết quả cuộc kiểm tra nguyện vọng của người Việt tạm cư. Theo đó, trong số 964 gia đình gồm cả thuyền nhân lẫn gia đình con lai thì có 3 gia đình xin hồi hương, 362 gia đình xin ở lại Phi, và 363 gia đình xin đi định cư ở một quốc gia đệ tam (số này cũng xin thường trú ở Phi trong trường hợp không quốc gia nào khác nhận định cư).

2. Tại Hạ viện Phi, Dân biểu Golez có đưa ra một dự luật nhằm cho phép thuyền nhân được hưởng quyền thường trú. Qua cuộc tiếp xúc hồi đầu năm nay giữa Luật sư Trịnh Hội và cô Alison Phan, đại diện cộng đồng Việt ở Úc và LAVAS, với Dân biểu Golez và Dân biểu Alvarez thì sẽ phải mất từ một đến hai năm dự luật này mới được đưa ra biểu quyết ở Hạ Viện Phi. Nếu được thông qua, dự luật sau đó lại phải đưa qua Thượng Viện để biểu quyết.

3. Để khuyến khích Phi trong việc biểu quyết này, cuối năm 1999 cộng đồng người Việt ở Úc vận động chính quyền Úc nhận định cư cho những trường hợp tuy không đủ tiêu chuẩn di dân bình thường nhưng có thân nhân ở Úc, với mục đích giảm bớt gánh nặng cho Phi. Qua cuộc tiếp xúc với đại diện của cộng đồng người Việt ở Úc, Bộ trưởng Di Dân Phillip Ruddock

đồng ý cứu xét đề nghị này và yêu cầu cung cấp danh sách. Tháng 12 vừa qua, Luật sư Trịnh Hội và một số thân hữu từ Úc đã tình nguyện đến Phi để lập danh sách những người có thân nhân ở Úc để nộp cho ông Ruddock. Có gần 190 gia đình, gồm khoảng 450 người, đã ghi danh. Tuy nhiên, nếu chính phủ Úc chấp nhận định cư thì không biết họ sẽ chấp nhận bao nhiêu trong số người này.

4. Cuối năm 1999, ông Grover Joseph Rees, tham mưu trưởng Tiểu ban Quốc tế Vụ và Nhân quyền của Hạ viện Hoa kỳ, đã ghé Manila trên đường đi Việt Nam. Tại Manila, ông Rees tiếp xúc với ông Regis Puno, Chủ Tịch Uỷ Ban Liên Bộ của Phi. Ông Puno đề nghị chính phủ Hoa kỳ ưu tiên giải quyết sớm cho những trường hợp hội đủ tiêu chuẩn di dân nhưng đơn bảo lãnh chưa đáo hạn để được cứu xét. Ông Rees hứa sẽ hỗ trợ cho đề nghị này. Hiện nay Uỷ Ban Cứu Người Vượt Biển và LAVAS đang làm việc với ông Rees trong vấn đề này.

5. Đối với số gia đình con lai, cũng do sự can thiệp của ông Rees và của Dân biểu Christopher Smith, Chủ tịch Tiểu ban Quốc tế Vụ và Nhân quyền, Hoa kỳ đã bắt đầu tái xét và định cư một số hồ sơ con lai mà trước đây bị phân loại là thành phần "con lai quậy" (anti-social). Trường hợp đầu tiên được giải quyết trong nhóm này đã lên đường định cư tại San Jose ngày 30 tháng 12 vừa qua. Hoa Kỳ không hề có chính sách giải quyết cho những trường hợp con lai giả như tin đồn.

6. Để hỗ trợ cho cuộc vận động đa phương này, Luật sư Trịnh Hội và cô Alison Phan đã vận động một số dân biểu và thượng nghị sĩ Phi viết thư cho chính quyền Úc và Hoa kỳ để ủng hộ cho giải pháp tổng hợp kể trên.

Tóm lại, trong ba năm qua một số tổ chức vẫn bền bỉ tìm giải pháp lâu dài cho số người Việt tạm cư ở Phi. Một mặt, chúng tôi cố gắng vận động các quốc gia đệ tam chia sẻ phần nào gánh nặng với Phi, trong phạm vi luật pháp của các quốc gia này cho phép; mặt khác chúng tôi cố gắng thuyết phục chính phủ Phi sớm ban cấp quy chế thường trú nhân cho số thuyền nhân chấp nhận ở lại Phi. Tuy nhiên, triển vọng thành công hiện rất mù mờ.

Vấn đề thuyết phục các quốc gia đệ tam nhận định cư thuyền nhân hiện nay không dễ. Trước đây, ngay khi chính quyền PLT ngưng cưỡng bách hồi hương, chúng ta có một cơ hội thuận lợi hơn rất nhiều vì tình hình còn nóng hổi. Chúng tôi đã đề xướng giải pháp tổng hợp mà qua đó các quốc gia đệ tam sẽ nhận khoảng phân nửa số thuyền nhân, trong đó có rất nhiều người trước đây được các tàu bè ngoại quốc vớt và các quốc gia chủ tàu đã hứa sẽ nhận định cư; một khi số thuyền nhân vơi đi nhiều thì dễ dàng cho chính phủ Phi chấp nhận cho số còn lại được thường trú. Tuy nhiên lúc ấy đã có dư luận ở Phi cũng như ở hải ngoại tuyệt đối bài bác vấn đề vận động cho thuyền nhân được định cư ở quốc gia thứ ba.

Một phần do trở ngại này mà cuộc vận động từ năm 1996 chỉ đạt kết quả là các quốc gia đệ tam chấp nhận định cư những ai hội đủ tiêu chuẩn di dân bình thường mà thôi. Con số những thuyền nhân và trường hợp con lai ở Phi hội đủ tiêu chuẩn di dân như vậy chỉ khoảng 300 trong số 2,000 người.

Nay cơ hội qua đi, tình hình đã thay đổi và trở nên khó khăn hơn trước rất nhiều. Vấn đề thuyền nhân đã trở thành nguội lạnh, không còn được sự quan tâm của các quốc gia đệ tam. Khơi lại lòng trắc ẩn của họ trong thời điểm này là việc làm cực kỳ khó khăn.

Những điều trình bày ở trên cốt để giúp cho đồng bào thuyền nhân hiểu rõ tình cảnh hiện nay và đánh giá đúng mức những nỗ lực vận động kể trên, để tránh không quá hy vọng bây giờ và quá tuyệt vọng sau này. Chúng tôi sẽ tiếp tục thông báo diễn tiến của cuộc vận động.

Bolsa: diễn hành Tết bị bãi bỏ

Cuộc diễn hành Tết truyền thống năm nay trên đại lộ Bolsa tại Little Saigon bị bãi bỏ vì các Cộng Đồng VN Nam Cali, ban tổ chức, đã không đóng đủ tiền ký quỹ.

Việc huỷ bỏ khiến hàng chục hội đoàn và gần 10.000 người tham dự đã tốn hàng tháng trời để sắm sửa, tập dượt, cuối cùng thành công cốc. Bà nghị viên Margie Rice đã may một chiếc áo dài VN tuyệt đẹp để mặc đi diễn hành, trước tin này đã phát biểu: "Tôi nản quá!"

Một số người cho hay, diễn hành bị bãi bỏ vì tranh chấp nội bộ trong cộng đồng VN. Lúc đầu có tới ba tổ chức cùng nộp đơn xin giấy phép, cuối cùng đơn của nhóm ông Trần Ngọc Thăng được chấp-thuận, và cuộc diễn-hành bất thành.

Mạn đàm về quê hương, dân tộc

Đức Ông Philippe Trần Văn Hoài, 71 tuổi, nguyên Giám Đốc Văn Phòng Phối Kết Mục Vụ Việt Nam Hải Ngoại tại Tòa Thánh Vatican, thuyết trình tại trụ sở Cao Đài Giáo tại Westminster vào mồng 8 Tết, sau đó chủ trì Lễ Minh Niên tại Trung Tâm Công Giáo VN ở Santa Ana vào mồng 9 Tết, trước khi đi một vài tiểu bang khác tại Hoa Kỳ. Đặc biệt, vào mồng 7 Tết, Đức Ông Hoài sẽ có buổi mạn đàm về quê hương và dân tộc tại Santa Ana.

Đức Ông từng là giáo sư Tiểu Chủng Viện Quy Thiện, Huế, trước khi đi du học tại Roma thời kỳ trước năm 1975. Đức Ông cũng đã góp

nhiều công sức trong việc xây dựng các cộng đồng Công Giáo Việt Nam tại nhiều nước trên toàn cầu.

Trần Trường đi kiện

Một năm sau ngày khiêu khích bằng cách treo hai biểu tượng Cộng Sản trong tiệm HiTek, dẫn đến một cuộc biểu tình lớn tại Little Saigon, Trần Văn Trường đã nộp đơn kiện thành phố Westminster và những phe liên hệ đã "vi phạm quyền tự do ngôn luận" của y.

Đơn kiện nộp tại tòa Thượng Thẩm tại Santa Ana, tố cáo các viên chức thành phố, gồm cả ông cò James Cook, đã "âm mưu" với người biểu tình và không thi hành luật pháp. Đơn kiện cũng tố cáo những người lãnh đạo cuộc biểu tình và chủ phố đã ngăn cản y treo cờ máu và ảnh Hồ tặc.

Khi Trần Trường cùng với luật sư của y xuất hiện để loan báo vụ kiện, y gắn một huy hiệu hình cờ VC trên ve áo, nói rằng: "Khi cộng đồng VN từ chối tôn trọng tự do, tôi đã nghĩ, ít nhất, chủ phố, cảnh sát và thành phố Westminster phải tôn trọng chứ. Nói cho cùng thì họ có bổn phận pháp lý phải tôn trọng. Nhưng không may, họ lại đứng về phe kiểm duyệt. Không những họ không bảo vệ quyền tự do ngôn luận của tôi mà họ còn giúp người khác tước đoạt quyền đó của tôi."

Các chuyên gia pháp lý không đồng ý với nhau về tính-cách pháp-lý của vụ kiện. Một số đưa ra quyết định của Tối Cao Pháp Viện liên quan đến một phán quyết cho rằng, các cơ quan chính quyền không liên đới trách nhiệm khi không làm gì trong những vụ như thế. Một số khác lại cho rằng, cảnh sát phải tích cực hơn nữa để giải tán người biểu tình.

Trong đơn kiện, Trần Trường tố cáo cảnh sát trưởng Cook thông báo cho người biểu tình biết y sẽ trở lại treo cờ, nhưng lại không cảnh giác y sẽ bị người biểu tình chống đối mạnh mẽ. Đơn kiện cũng tố cáo các cảnh sát đã làm sai khi lôi y ra khỏi chỗ biểu tình.

Ông cò Cook không bình luận về vụ kiện.

Luật sư Ron Talmo thuộc tổ chức bênh vực dân quyền ACLU, đại diện cho Trần Trường trong đơn kiện, đã nói rằng, ông Cook đã tiết lộ tin đó, cố ý gây thiệt hại cho Trần Trường.

Đơn kiện đi xa hơn khi tố cáo ông cò Cook âm mưu với người biểu tình để cho phép người biểu tình treo biểu ngữ và lập hàng rào ngăn cản tiệm y mang những nội dung chống y.

Ngoài thành phố, cảnh sát và chủ phố, đơn kiện còn cáo buộc một số người lãnh đạo biểu tình trong cộng đồng VN cùng 1000 người vô danh khác, đòi bồi thường thiệt hại tổng cộng 4 triệu mỹ-kim.

Toronto: trẻ Việt được khen thưởng

Ba học-sinh Việt-nam đã được chọn và trao bằng "Công-dân tốt năm 1999". Buổi lễ trao bằng được tổ-chức tại St. Mary of the Angels Catholic School cuối năm qua.

Các em này gồm: Lăng Khôi (lớp 8, trường tiểu-học công-lập Carleton Village), Nguyễn Agnes (lớp 5, trường tiểu-học tư-thục Công-giáo St. Luigi) và Phạm Thuần (lớp 6, trường tiểu-học tư-thục Công giáo St. Veronica), được tuyển-chọn nhờ các ưu-điểm sau: tốt bụng; tôn-trọng cảm nghĩ của người khác; sẵn sàng giúp-đỡ bạn bè và người lớn tuổi; có tinh-thần trách-nhiệm với thầy cô, cha mẹ và bạn bè trang lứa.

Bằng Công-dân tốt năm 1999 được chọn trao cho 4 em trong số 52 học-sinh được đề cử.

Hội Cựu Chiến-binh Mỹ nhận cựu chiến binh VNCH

Một chi nhánh của Hội Cựu Chiến Binh Hoa Kỳ Từng Chiến

Dân-biểu Tony Ruprecht, khu Queen's Park và các em Nguyễn Agnes và Phạm Thuần

Đấu Tại Việt Nam đã đề nghị thẻ hội viên thân hữu dành cho các cựu quân nhân Việt Nam Cộng Hòa. Theo tin của nhật báo *Los Angeles Times* cuối tuần qua, đề nghị này đang được cứu xét thêm các chi tiết, và nếu được thực hiện thì đây sẽ là chi nhánh hội cựu chiến Hoa Kỳ đầu tiên mời cựu quân nhân Việt Nam Cộng Hòa gia nhập hội. Trong bản tin, ông John Lynch, chủ tịch chi nhánh 525 của hội Cựu Chiến Binh Hoa kỳ tại Quận Cam cho biết một loại thẻ hội viên được gọi là "associate membership", tức là hội viên thân hữu, đang được đề nghị với các cựu quân nhân Việt Nam Cộng Hòa. Một thư ký của hội cho biết trên 1,000 người Việt đã ghi danh trong thời gian thử nghiệm trong hai tháng 11 và 12 năm ngoái.

Tuy chưa biết quyền lợi sẽ được đề nghị như thế nào đối với các cựu quân nhân Việt Nam Cộng Hòa, ông John Lynch cho biết mục đích của hội là công nhận sự đóng góp của các cựu chiến binh và đồng thời nâng đỡ gia đình của họ trong lúc cần thiết. Ông cũng nói rằng sự đề nghị vào lúc này cũng hợp lý và có thể hàn gắn các vết thương chiến tranh. Tháng Tư năm nay sẽ đánh dấu 25 năm kể từ ngày Cộng Sản xâm chiếm Sài Gòn.

Hiện tại Quận Cam có khoảng 40,000 cựu quân nhân VNCH và khoảng 110,000 cựu quân nhân Hoa Kỳ từng chiến đấu tại Việt Nam. ●

Egon Krenz Vào Tù

Trần Văn Tích

*N*gày 06.02.89 Chris Gueffroy bị bắn chết ở bức tường Berlin. Đó là nạn nhân bức tường cuối cùng. Hơn tám tháng sau, ngày 18.10.89, Erich Honecker mất chức, nhường chiếc ghế Tổng thư ký đảng SED (Sozialistische Einheitspartei Deutsch-land, Đảng Xã hội Thống nhất Đức) cho Egon Krenz. Mười năm sau, Egon Krenz vào tù để đền tội liên đới trách nhiệm đến cái chết của các công dân Đức nơi chân bức tường.

Ngày 25.08.97, Toà án Tiểu bang Berlin tuyên án phạt tù Egon Krenz, Guenter Schabowski và Guenther Kleiber về tội hình liên quan tới những vụ tàn sát người dân vô tội trốn chạy thiên đường xã hội chủ nghĩa. Krenz bị kết tội có trách nhiệm trong bốn vụ đả thương trí mạng nên bị lên án sáu năm rưỡi tù, Schabowski và Kleiber mỗi người lãnh ba năm phạt giam vì liên quan đến ba vụ tàn sát đồng hương. Guenter Schabowski nguyên là Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Ủy viên Bộ Chính trị Trung ương Đảng, Bí thư Thành ủy Đông Berlin, là người tiếp tay mở bức tường Berlin vì chiều ngày 09.11.89, trong một cuộc họp báo quốc tế, đã thông báo từ thời điểm đó người dân Đông Đức được phép sang Tây Đức khiến ngay tức khắc, hàng hàng lớp lớp người Đông Berlin ào ào tràn qua các rào cản ngăn đôi thủ đô tạm thời chia cắt của nước Đức. Nay Schabowski đã trả lại thẻ đảng. Guenther Kleiber là chuyên viên kinh tế trụ cột của đảng.

Lúc ban đầu, sau ba năm thụ lý nội vụ, vào tháng giêng 1995, tòa án quyết định truy tố tất cả bảy cán bộ cao cấp của Đông Đức. Nhưng Harry Tisch, cựu Thủ tướng Đông Đức, chết cùng năm đó. Ba người khác được miễn tố vì lý do sức khoẻ : lý thuyết gia của đảng Kurt Hager, Ủy viên Kiểm soát Trung ương Erich Mueckenberger và Ủy viên Trưởng ban Tổ chức Trung ương Horst Dohlus. Chỉ còn lại bộ ba Krenz, Schabowski và Kleiber tiếp tục bị đưa ra toà. Báo chí Đức gọi vụ án nầy là vụ án Bộ Chính trị (Politbuero-Prozess).

Schabowski chấp nhận bản án vì thừa nhận là đã có sai lầm trong quá khứ. Ông ta cho rằng Lịch sử đã ủy thác cho nền công lý Cộng hoà Liên bang Đức bổn phận phán xét ai là người có trách nhiệm và tội trạng gây nên bao nỗi thống khổ, dĩ chí cả tử vong, cho người dân Đông Đức chỉ vì những lý do chính trị. Và ngày 15.12.99, Schabowski vào tù.

Guenther Kleiber nghĩ khác. Ông ta cho rằng mình chẳng hề gây nên tử vong nơi chân bức tường cho bất cứ ai và do đó, không thấy là mình có tội. Tuy nhiên ông ta tuân hành án lệnh của toà nhưng thời điểm vào tù được hoãn lại sau lễ Giáng sinh vì có vợ bệnh nặng phải chăm sóc. Trễ nhất Kleiber phải nhập ngục ngày 18.01 năm nay.

Chỉ riêng Egon Krenz ngay từ đầu đã rêu rao rằng mình vô tội, rằng đây chỉ là công lý của kẻ thắng. Ông ta kiện lên Tối cao Pháp viện Liên Bang. Toà nầy họp và đưa ra phán quyết vào tháng 11 năm ngoái, xác nhận bản án. Krenz tiến thêm bước nữa, đệ đơn kiện ở Tối cao Pháp viện Bảo hiến CHLB Đức ở Karlsruhe. Ngày thứ tư 12.01 vừa qua, nữ Chánh thẩm Jutta Limbach cùng các đồng nghiệp thẩm phán khác đều thống nhất ý kiến bác bỏ đơn của Egon

Krenz. Và vì đây là toà án cao cấp nhất của nước Đức và vì đây là phán quyết tối hậu nên ngày thứ năm 13.01.2000, Egon Krenz đành gọi tắc-xi khăn gói vào tù, lúc bốn giờ chiều. Năm nay Krenz 62 tuổi. Chắc trong tử vi có sao Liêm trinh thủ mạng. Cùng ngồi tù với Krenz có sẵn Schabowski với ba cựu sĩ quan cấp tướng của quân đội nhân dân Đức, và nay mai sẽ có thêm Kleiber. Trước nhà lao, phóng viên truyền thanh truyền hình đông nghìn nghịt, lại thêm các kẻ thâm thù Krenz cũng như các kẻ ủng hộ Krenz, khiến Krenz vất vả chen lấn giữa mấy hàng nhân viên công lực mới đến được cổng nhà tù. Krenz tuyên bố : "Tôi không cảm thấy mình là tội nhân, tôi chỉ là kẻ bị truy bức chính trị." Trước đó, Krenz bảo mình không được xét xử đàng hoàng, hợp pháp!

Nhà tù giam giữ Krenz là khám đường Berlin-Hakenfelde. Đây là ngục thất hiện đại nhất nước Đức, mới được khánh thành đầu năm 1998, toạ lạc tại một vùng cây cối xanh tươi thuộc ngoại vi thủ đô.Trong nhà lao hiện không có phòng trống, trái lại số thân chủ vượt quá khả năng phòng ốc : chỉ có 248 chỗ mà hiện có đến 274 tù nhân. Giờ đây lại thêm đồng chí Krenz. Giới chức giám ngục Berlin xác nhận là không có tù nhân nào được đối xử đặc biệt, cho nên Krenz bị nhốt chung phòng với ba phạm nhân khác. Khi Schabowski vào đây thì được cấp một giường nằm trong một phòng giam bốn người. Luật sư của Krenz hy vọng là thân chủ của mình sớm muộn cũng sẽ được chuyển phòng để được giam riêng một mình. Một căn độc phòng như vậy rộng 9,5 mét vuông, có trang bị giường nằm, bàn viết, ghế ngồi và lavabô. Tù nhân tự do di chuyển bên trong khuôn viên lao xá. Nhà tù được ngăn cách với bên ngoài bằng một hàng rào cây xanh. Không có chấn song sắt, lỗ dòm lén; không có tường thành bao quanh, kẽm gai giăng mắc; không có chòi canh vọng gác. Vì tất cả tù nhân ở ngục thất Berlin-Hakenfelde đều được hưởng qui chế offener Vollzug (tù mở).

Tại cải hối thất Berlin-Hakenfelde, ai có công việc, có nghề nghiệp đều được ra ngoài làm việc. Ai không có công việc ổn định thì mỗi lần xuất khám phải có giấy phép. Krenz chắc chắn sẽ kiếm được công việc ngoài đời như cựu đồng chí Schabowski, ông này chỉ trở về nhà lao để ngủ qua đêm. Luật sư Robert Unger bảo thân chủ của mình sẽ nhận công tác cố vấn cho một văn phòng. Như thế Krenz hầu như trở thành...người thuê xà-lim. Theo luật lệ thống nhất của toàn liên bang, tù nhân hưởng qui chế offener Vollzug vì có lương bổng qua việc làm thường xuyên nên phải trả tiền phòng giam cá nhân mỗi tháng 199,75 DM. Hiện giờ mỗi Mỹ kim tương đương với chừng 1,90 DM. Ăn sáng mỗi tháng tốn 78 DM, ăn trưa hàng tháng 139 DM, ăn chiều hàng tháng cũng 139 DM. Vì chưa có phòng riêng mà bị giam chung với người khác nên Krenz sẽ phải trả ít tiền hơn : mỗi phòng trên ba giường chỉ trả 58,75 DM mỗi tháng.

Hậu thân của đảng cộng sản Đông Đức đã phải thay họ đổi tên để trở thành đảng PDS (Partei des Demokratischen Sozialismus, Đảng Xã hội Dân chủ). Đảng này tất nhiên là công kích bản án dành cho các đồng chí. Cả Chủ tịch đảng PDS Lothar Bisky lẫn Trưởng nhóm dân biểu PDS ở quốc hội Gregor Gysi đều "đồng tình" phê phán là chuyện bắt giữ Egon Krenz chẳng qua chỉ là biến công lý thành công cụ phục vụ mục tiêu chính trị. Họ bảo : "Chính trị sai lầm thì phải cải cách, chính trị sai lầm không thể bị trừng phạt." Về phần mình, Krenz vẫn chưa chịu thúc thủ. Ông ta nạp đơn khiếu tố lên Pháp viện Âu châu.

Krenz vào tù mang lại niềm an ủi tinh thần cho các nạn nhân chế độ độc tài đảng trị Đông Đức cũ. Người dân thấy rằng chẳng phải chỉ có những binh lính, sĩ quan trực tiếp tàn sát người đào thoát mới bị mang ra xử. Các Ủy viên Bộ Chính trị, các thành viên Quân ủy Trung ương của đảng cộng sản Đông Đức cũng không thoát khỏi sự chế tài của luật pháp. Là tội phạm thì phải bị trừng phạt. Công lý đòi hỏi như vậy. Krenz sẽ có dịp so sánh nhà tù tư bản Berlin-Hakenfelde với nhà tù xã hội chủ nghĩa Bautzen. Và nhất là Krenz sẽ có dịp hiểu giá trị của tự do, kể cả và nhất là khi được hưởng chế độ tù mở.

Công lý nước Đức không trả thù. Công lý nước Đức không phải của kẻ thắng. Công lý nước Đức chỉ phán xét. Công lý nước Đức chỉ nói lên tiếng nói của lẽ phải.

Lẽ phải ở về phía chống lại độc tài đảng trị. Những kẻ từng đày đoạ hoặc đang đày đoạ giam hãm người dân trong các nhà tù lớn xã hội chủ nghĩa không thể nhân danh bất cứ cái gì và bất cứ ai để cho rằng mình vô tội. Như những tay cò mồi chính trị đang ngụy biện bào chữa trong dòng văn học "phản tỉnh" ở quốc ngoại hiện nay. ●

Egon Krenz

Đi tìm
"Nhân-vật VN thế-kỷ 20"

Vào dịp cuối năm, giới truyền-thông thường tính sổ và bầu ra những nhân-vật nổi nhất thế-giới trong năm. Cũng theo thông-lệ ấy, nhưng nới rộng giới-hạn ra tới trăm năm và thu hẹp lại trong vòng dân-tộc Việt, *Làng Văn* tổ-chức một cuộc kiểm-điểm, bầu-cử nội-bộ để đưa ra danh-sách "Nhân-vật Việt-nam thế-kỷ 20", gồm:

- *Chính-khách*, nhà văn Sơn Tùng phụ-trách kiểm-điểm và giới-thiệu.
- *Anh-hùng*, nhà văn Hồng Huy phụ-trách.
- *Trí-thức và khoa-học-gia*, nhà biên-khảo Trần Văn Tích phụ-trách.
- *Nghệ-sĩ sân-khấu*, nhà nhạc-học Trần Quang Hải phụ-trách, và
- *Nghệ-sĩ sáng-tác* , nhà văn Đào Trường Phúc và Nguyễn Hữu Nghĩa phụ-trách.

Chính-khách, gọi chung những nhà cai-trị, có quyền bính trong tay. Họ có thể là quốc-trưởng, chủ-tịch nước, tổng-thống, thủ-tướng hay cố-vấn chính-phủ, tổng bộ trưởng, tướng-lãnh, khâm sứ, đại-biểu chính-phủ, lãnh-tụ Quốc-hội, thẩm-phán Tối Cao Pháp Viện, v.v.

Anh-hùng, những chí-sĩ và chiến-sĩ đã hi-sinh đời mình cho hạnh-phúc của dân-tộc. Họ có thể là dân giả, quân chính hay cán-bộ.

Trí-thức, khoa-học-gia, gồm những người có công đóng-góp vào việc mở-mang văn-hoá, dân-trí và các ngành khoa-học và văn-học.

Nghệ-sĩ sân-khấu, gồm ca-kịch-sĩ, diễn-viên, nhạc-công các ngành tuồng, chèo, cải-lương, hát bộ, tân cổ nhạc, kịch-trường, điện-ảnh, truyền-thanh, truyền-hình, v.v.

Nghệ-sĩ sáng-tác, gồm nhà văn, nhà thơ, nhiếp-ảnh gia, điêu-khắc gia, nhạc-sĩ sáng-tác, kịch-tác-gia, hoạ-sĩ, v.v..

Thời-gian hoạt-động của những nhân-vật này nằm trong thế-kỷ 20; bao gồm những người đã ra đời trong thế-kỷ 19, nhưng thời-gian sáng-tác mạnh nhất trong thế-kỷ 20.

Về thành-phần kiểm-điểm và tuyển-chọn:

- Nhà văn Sơn Tùng, cựu luật-sư ở VN, nguyên Chủ-tịch Văn Bút Trung-tâm Miền Đông và Việt-Nam Hải Ngoại.
- Nhà văn Hồng Huy, cựu thẩm-phán tại Việt-nam.
- Nhà biên-khảo Trần Văn Tích, bác-sĩ Y-khoa tại Việt-nam và Đức quốc.
- Nhà nhạc-học Trần Quang Hải, tiến-sĩ Âm-nhạc Pháp.
- Nhà văn Đào Trường Phúc, Phong-trào trưởng PT Hưng ca Việt-nam, tác-giả nhiều cuốn sách nhận-định văn-học và thời-thế.
- Nguyễn Hữu Nghĩa, chủ bút *Làng Văn.*

Về phương pháp làm việc, mỗi người phụ-trách một khu-vực sẽ trình-bày quan-điểm chung cùng hướng khai-triển của mình, và trong mỗi kỳ báo lần lượt đưa ra một số nhân-vật.

Độc-giả và công-chúng góp ý, phê-bình, thêm bớt.

Cuối cùng là cuộc kiểm-điểm chung; người phụ-trách từng khu-vực sẽ tổng-kết và đưa ra một bản danh-sách.

Bản danh-sách *Nhân-vật Việt-nam thế-kỷ 20* sẽ được công-bố trên *Làng Văn* số 209, in vào cuối năm 2000.

Tòa-soạn hoan-nghênh mọi ý-kiến và tài-liệu đóng-góp, nhất là phần hình-ảnh các nhân-vật liên-hệ.

ANH HÙNG:

Bắt đầu làm một công việc chọn lựa liên hệ đến công luận, thực tâm rất mong nhưng không dám tin là sẽ được tất cả mọi người đồng ý, tôi xin mượn lời người xưa để định phạm vi đối tượng. Cổ nhân khuyên chúng ta: *Mạc tương thành bại luận anh hùng* (Đừng đem chuyện thành bại mà luận về người anh hùng). Trong bài *Điếu Nguyễn Hữu Huân* (khuyết danh), cũng có câu: *Anh hùng mạc bả doanh thâu luận* (Luận về người anh hùng, đừng nên nói tới chuyện được thua). Theo ý người xưa, một hành vi được coi là anh hùng là do bản chất, do ý hướng, do cung cách, chớ không cần cuối cùng phải dẫn tới thành công.Tất nhiên thành công thì vẫn hơn, nhưng vạn nhất có vì điều kiện bất ngờ mà thất bại, thì một hành vi anh hùng vẫn được đánh giá là anh hùng. Vả lại, ở đời không có chuyện nào đáng được coi là hoàn toàn thất bại. Ít nhất, một lần thất bại cũng góp được một chút kinh nghiệm cho một lần thành công về sau.

Vậy, chúng ta sẽ nói về những người anh hùng, cả những người không thành công.

Người xưa lại nói: *Cái quan luận định* (Quan tài đậy lại, thì sự bàn luận về con người ấy mới ổn định). Ý cổ nhân muốn nói chỉ sau khi đương nhân đã chết, chúng ta mới có đầy đủ dữ kiện, mới có hoàn cảnh khách quan để nhận xét. Hoàn cảnh khách quan thì không chắc có, vì lúc nào cũng có thể chủ quan. Nhưng chuyện đầy đủ dữ kiện thì chắc chắn đúng. Ở đời, không thiếu gì người cuộc đời thay đổi, trước tốt sau xấu, hoặc ngược lại. Chưa chết mà được nhận định là anh hùng, rủi cuối đời không là anh hùng nữa, thì sao?

Vì thế, chúng ta chỉ nên bàn về những người đã chết. Chết lâu, dư luận đã trở nên ổn định, thì càng dễ nhận xét.

Nhưng, người như thế nào mới đáng được coi là anh hùng?

Theo quan niệm xưa còn ghi trong văn chương cũ, anh hùng là những người có hành vi anh dũng, kiêu hùng, những hành vi mà người thường không làm được. Những hành vi này được người đời xưng tụng là hành vi anh hùng. Nói cách khác, một hoặc nhiều hành vi anh hùng tạo nên con người anh hùng. Nhưng trong thực tế lịch sử, một hành vi đúng nghĩa anh hùng thường đưa đương nhân tới cái chết, cho nên dường như một người anh hùng suốt đời chỉ có một cơ hội duy

nhất để làm chuyện anh hùng. Còn những anh hùng tài tử kiểu "anh hùng cứu mỹ nhân", như Lục Vân Tiên, thì chúng ta chỉ nghe cho biết. Và, ở đây chúng ta sẽ chỉ nhắc đến những vị anh hùng "vị quốc vong thân".

Nhưng nếu chúng ta chỉ lấy cái chết vì nước để làm tiêu chuẩn lựa chọn, thì có lẽ danh sách nhân vật của chúng ta sẽ rất ngắn. Và những người đã dành trọn đời cho đất nước, nhưng không có dịp chết hào hùng trong khi hành sự, sẽ mất đi cái vinh dự được hậu thế ghi ơn hay sao? Vậy, chúng ta hãy xếp bên cạnh các vị anh hùng, những vị thường được người đời gọi là chí sĩ. Đây là những người, có khả năng để vinh thân phì gia nhưng không nghĩ đến, chỉ một lòng lo cho dân cho nước. Và cũng giống như đối với các vị anh hùng, chúng ta sẽ không lấy sự thành bại để đánh giá sự nghiệp của các vị chí sĩ. Vả lại, đối với lịch sử Việt-Nam trong phạm vi thế kỷ 20, nếu lấy sự thành công làm tiêu chuẩn để lựa chọn, thì có lẽ chúng ta sẽ không chọn được ai hết cả. Tất cả chỉ để lại cho hậu thế những tấm lòng vì nước vì dân.

Trong tiếng Việt có những từ trung tính, nghĩa không tốt không xấu. Như chữ "vua". Nghiêu Thuấn là vua, thì Kiệt Trụ cũng là vua. Nhưng hai từ "anh hùng", và "chí sĩ"không có nghĩa trung tính. Nhất là đối với thời đoạn thế kỷ 20 của lịch sử Việt-Nam. Động cơ của hành vi (một lần), hoạt động (cả đời) không nhắm mưu cầu độc lập cho nước, tự do hạnh phúc cho dân, thì không đáng gọi là chí sĩ hay anh hùng.

Trở lên là những nét chính. Dưới đây là những nét nhỏ, kể như phàm lệ.

Tôi sẽ trình bày gọn, dù cuộc đời của đương nhân có thể đã được viết thành những cuốn sách dài. Như thế, không thể kể đủ các dật sự và toàn bộ thơ văn yêu nước. Và độ dài dành cho từng vị chắc sẽ không đều nhau. Điều này có thể do hành trạng của mỗi vị có độ phức tạp hoặc đơn giản khác nhau, mà cũng có thể do tình hình tài liệu tôi có trong tay.

Cũng giống như trong những bài biên khảo văn học, tôi sẽ gọi các nhân vật được đề cập bằng tên. Để tránh lầm lẫn, tự hoặc hiệu (nếu có) chỉ được giới thiệu một lần ở phần đầu. Riêng những biệt hiệu có ý nghĩa đặc biệt, tôi sẽ chú thích. Ở những chỗ không cần nhắc lại tên, tôi dùng những đại từ "ông", "bà", "cô"; và không dùng những chữ "cụ", "tiên sinh", "chàng", "nàng". Tôi nghĩ chúng ta không cần làm văn trong tài liệu lịch sử. Và trong sử học cũng như văn học, cách xưng hô tôn kính là gọi trực tiếp bằng tên, đủ cả họ tên cùng chữ lót.

Trừ trường hợp thật cần thiết, tôi sẽ không nêu tài liệu dùng làm sở cứ. Tất nhiên, tôi sẽ chọn tài liệu mà tôi nghĩ là có nhiều xác tín hơn cả. Nhưng xin thưa ngay rằng sử liệu của ta có rất nhiều điểm dị biệt, mà ở đây, chúng ta không thể làm công việc "khảo dị" như trong văn học. Vậy, chúng ta sẽ lướt qua những điểm khác nhau không quan trọng, tôi ghi như vậy nhưng bạn thấy khác, bạn không cần thương xác. Thí dụ, trong một cuộc biểu tình chống thuế, tôi ghi số người tham dự theo một tài liệu không khớp với tài liệu bạn đã đọc, bạn có thể bỏ qua điều này. Nhưng một khi bạn nhận thấy tôi ghi lầm tên nhân vật, tên nơi xảy ra; hoặc tôi nhận định sai về hành vi, về khuynh hướng của một vị, xin bạn sẵn sàng lên tiếng. Xin nêu làm thí dụ một trường hợp để các bạn nhận ra sự khó khăn của người phụ trách: Đọc lại những tài liệu về vụ Pháp xử chém 13 đảng viên Việt-Nam Quốc-Dân-Đảng ở Yên-Bái ngày 17-6-1930, tôi nhận ra tên của các liệt sĩ được ghi rất tùy tiện. Có đến hơn nửa có tên khác nhau ở mỗi tài liệu. Vậy thì tôi sẽ ghi thế nào? Đào Văn Nhật hay Đào Văn Nhịt? Đỗ Văn Sự hay Đỗ Văn Tứ? Bùi Văn Cửu hay Đào Văn Cửu? Hay tôi chỉ nên viết gọn: Nguyễn Thái Học và 12 đồng chí nữa..., để tránh sai lầm?

Để độc giả dễ định vị và kết nối thế kỷ 20 với lịch sử Việt-Nam nói chung, và kết nối hoạt động của nhân vật này với nhân vật khác, chen vào giữa phần giới thiệu các nhân vật, có thể tôi sẽ trình bày khái lược về các phong trào.

Tôi dự định đưa vào danh sách Anh-Hùng Chí-Sĩ Việt-Nam Thế-Kỷ 20 những vị sau đây.

Danh sách này được kê theo thời gian trước sau của hoạt động chính. Chẳng hạn, Phan Bội Châu còn sống đến năm 1940, nhưng trong danh sách được xếp trước Phạm Hồng Thái tuẫn quốc năm 1926. Những người có hoạt động chung rồi qua đời trong thời gian gần nhau, sẽ được giới thiệu chung (như Lương Ngọc Quyến và Trịnh Văn Cấn); những người có hoạt động chung và có liên hệ tình cảm mật thiết, cũng sẽ được giới thiệu chung (như Nguyễn Thái Học và Nguyễn Thị Giang). Những vị có tham gia chính quyền nhưng tư cách chí sĩ nổi hơn, sẽ được giới thiệu ở đây (như Huỳnh Thúc Kháng); những vị xứng đáng là chí sĩ, nhưng nổi bật hơn ở lãnh vực khác, thì mục này không giới thiệu (như nhà văn Nhất-Linh).

Danh sách dự kiến:

Hoàng Hoa Thám, Đặng Thị Nhu, Lương Văn Can, Nguyễn Quyền, Hoàng Tăng Bí, Dương Bá Trạc, Võ Hoành, Tăng Bạt Hổ, Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh,

Nguyễn Thượng Hiền, Trần Quí Cáp, Ngô Đức Kế, Huỳnh Thúc Kháng, Thái Phiên, Trần Cao Vân, Lương Ngọc Quyến, Trịnh Văn Cấn (Đội Cấn), Phạm Hồng Thái, Nguyễn Thái Học, Nguyễn Thị Giang, Nguyễn Khắc Nhu, Đoàn Trần Nghiệp (Ký Con), Hoàng Phạm Trâm (Nhượng Tống), Nguyễn Văn Cung (Đội Cung), Cường Để, Nguyễn Hải Thần, Vũ Hồng Khanh, Trương Bội Công, Trương Tử Anh, Nguyễn An Ninh, Tạ Thu Thâu, Phan Văn Hùm, Huỳnh Phú Sổ, Phạm Công Tắc.

Những quân nhân Việt-Nam Cộng-Hòa đã tuẫn quốc trong trận chiến cuối cùng. Tôi dùng chữ "quân nhân" mà không dùng chữ "tướng lãnh", là vì sự đáng vinh danh là hành vi tuẫn quốc, chớ không phải cấp bực hay chức vụ. Người tuẫn quốc chắc chắn có nhiều hơn, nhưng hiểu biết của tôi không thể đi ra ngoài những gì mà báo chí vẫn thường nhắc tới trong vòng 25 năm nay. Vậy thì, chúng ta chỉ còn một cách là tưởng niệm chung những chiến sĩ VNCH đã bỏ mình vì nước như những vị anh hùng vô danh.

Cuối cùng là những chiến-sĩ phục-quốc đã hi-sinh trên chiến-trường Đông-dương sau tháng 4.1975.

Tiếp theo bài này, mỗi kỳ báo, tôi sẽ lần lượt giới thiệu mấy vị. Và kể từ bây giờ, tôi bắt đầu chờ đợi sự góp ý của các bạn. Các bạn có thể:

1-Vắn tắt gợi ý (vị kia không xứng, vị nọ xứng đáng ...), và cho biết vì sao.

2-Viết đủ về hành trạng của nhân vật đề nghị, kèm theo chân dung thì càng tốt. Nếu bài viết gọn, thích hợp với phân mục, có thể tòa soạn sẽ đưa thẳng vào, và tôi sẽ ghi rõ tên người viết cùng liên hệ thế nào với nhân vật. Tôi nghĩ, hậu duệ giúp đỡ vinh danh tiền nhân của chính mình, cũng là một điều chính đáng và rất nên làm.

3-Nhận xét lại về những điều tôi đã nhận xét về một nhân vật nào đó. Nhận thấy nhận xét của tôi không đúng, xin cứ nói thẳng. Chúng ta đang làm một công việc liên hệ đến lịch sử, mà lịch sử chỉ cần sự thật. Để cho sự thương xác dễ dàng đạt kết quả, xin dẫn ra tài liệu làm sở cứ cho ý kiến của bạn. Toà soạn sẽ đăng vào mục "ý kiến độc giả".

4-Giúp cho tôi tài liệu, và hình ảnh: Xin gởi về toà soạn, tôi sẽ nhận được. Các bạn đừng ngại rằng muộn, vì mục này kéo dài đến cuối năm mới khóa sổ, và chúng ta vẫn có thể thảo luận lại về một nhân vật đã bàn, không cần câu nệ vào tiến trình giới thiệu.

Xin chân thành cảm ơn trước sự cộng tác của các bạn.

(Hồng Huy)

CHÍNH KHÁCH:

Vĩnh Thụy (Bảo-đại)
(1913-1998)

Sinh quán: Huế. Theo giấy tờ, con của vua Khải Định và Hoàng Thị Cúc.

1922: Được phong Đông Cung Thái Tử, sang Pháp du học.

1925: Về Huế, sau khi Vua Khải Định chết.

1926: Lên ngôi, lấy đế hiệu là Bảo Đại, nhưng lại trở sang Pháp tiếp tục học.

1932: Trở về Huế trị vì, thi hành kế hoạch "đại cải cách" của Toàn quyền Pasquier.

1945: Tuyên bố Việt Nam độc lập hai ngày sau khi Nhật đảo chính Pháp ở Đông Dương (9.3). Sau đó, dưới áp lực của Việt Minh, chấp nhận thoái vị (23.8) và được Hồ Chí Minh bổ nhiệm làm "Cố vấn".

1946: Sang Trung Hoa với danh nghĩa "du lịch".

1948: Tới Vịnh Hạ Long dự khán việc ký hiệp ước giữa Bollaert và Nguyễn Văn Xuân, trong đó Pháp nhìn nhận Việt Nam là một quốc gia độc lập và nằm trong Liên Hiệp Pháp mà Bảo Đại là quốc trưởng. Sau đó sang Pháp ở, điều khiển việc nước qua các thủ tướng với sự thỏa hiệp của Pháp, thỉnh thoảng "hồi loan" thăm dân thăm nước.

1955: Bị Ngô Đình Diệm truất phế trong một cuộc trưng cầu dân ý (23.10).

Công và tội: Dù là vua hay là quốc trưởng, Bảo Đại cũng chỉ nghĩ đến thân mình.

Hồ Chí Minh
(1892-1969)

Sinh quán: Nghệ Tĩnh. Tên lúc mới sinh ra là Nguyễn Sinh Cung, hay Côn, sau đổi là Nguyễn Tất Thành và lấy nhiều bí danh khác nhau, được biết nhiều nhất là Hồ Chí Minh và Nguyễn Ái Quốc.

1911: Xin vào Trường Thuộc Địa (école Coloniale) nhưng bị Pháp từ chối. Sau đó xin làm nhân công trên tàu biển và sang Pháp.

1921: Gia nhập Đảng Cộng Sản Pháp. Sang Nga lần đầu tiên.

1924: Thư ký và thông dịch viên của Mikhail Borodin, đặc sứ Liên-Sô tại Quảng Châu.

1925: Thành lập Việt Nam Kách Mệnh Thanh Niên Hội, tiền thân của Đảng Cộng Sản Việt Nam, rồi đổi thành Đảng Cộng Sản Đông Dương theo lệnh Liên-Sô.

1931: Bị bắt tại Hong Kong.

1933: Ra tù và sang Mạc-Tư-Khoa.

1938: Trở lại Tàu, hoạt động bên cạnh Đảng Cộng Sản Trung Hoa.

1941: Lập Việt Nam Độc Lập

Đồng Minh (Việt Minh) như một tổ chức ngoại vi, chống Nhật.

1945: Lợi dụng cuộc biểu tình của dân chúng Hà-Nội ngày 19-8, cướp chính quyền từ tay người Nhật và trở thành chủ tịch Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa, với tên Hồ Chí Minh.

1946: Ký hiệp ước sơ bộ 6-3 cho Pháp trở lại Việt Nam, rồi lại kêu gọi "toàn quốc kháng chiến" chống Pháp.

1954: Ký Hiệp Định Genève, chia đôi Việt Nam.

1959: Quyết định đánh chiếm miền Nam bằng quân sự.

1969: Chết vì bệnh tim tại Hà-Nội ngày 2-9,đúng ngày "Quốc khánh", nên Lê Duẩn đã "đổi" thành ngày 4-9.

Công và tội: Kẻ đã du nhập chủ nghĩa Cộng sản vào Việt Nam, gây ra cuộc chiến tranh kéo dài 30 năm (1945-75), đặt Việt Nam dưới một chế độ độc tài áp bức, lạc hậu, hủy hoại văn hoá dân tộc, và đưa Việt Nam vào hàng ngũ các nước nghèo nhất thế giới vào cuối Thế kỷ 20.

Phạm Văn Đồng
(1906-)

Sinh quán: Mộ Đức, Quảng Ngãi. Học ở Huế, sau ra Hà-Hội học Trường Bưởi (Collège Protectorat).

1925: Bí mật sang Quảng Châu học lớp đào tạo cán bộ của Việt Nam Kách Mệnh Thanh Niên Hội.

1926: Bị đuổi khỏi Trường Bưởi và vào Sài-Gòn dạy học kiếm ăn.

1929: Bị bắt vì liên can đến một vụ sát nhân, sau đó bị kết án 10 năm tù và đày ra Côn Đảo.

1936: Được ân xá và bị quản thúc tại Quảng Ngãi.

1938-1939: Ra Hà-Nội, hoạt động cho Cộng sản cùng với Trường Chinh, Võ Nguyên Giáp... dưới chiêu bài Mặt Trận Dân Chủ Đông Dương.

1940: Trốn sang Vân Nam dưới bí danh Lâm Bá Kiệt, gặp Hồ Chí Minh (dưới bí danh Trần Vương) hoạt động trong Ban Hải Ngoại Đảng Cộng sản Đông Dương.

1942: Trở về Việt Nam, hoạt động lẩn lút ở Cao Bằng.

1945: Bộ trưởng Tài Chính trong chính phủ đầu tiên của Hồ Chí Minh.

1946: Trưởng phái đoàn Việt Minh tại Hội nghị Fontainebleau.

1949: Phó thủ tướng kiêm chủ tịch Hội Đồng Quốc Phòng chính phủ VNDCCH.

1954: Cầm đầu phái đoàn Việt Minh tại Hội Nghị Genève để chia đôi Việt Nam, và trở thành thủ tướng chính phủ VNDCCH ở Miền Bắc.

1987: Về hưu, bàn giao chức thủ tướng Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa cho Phạm Hùng.

Công và tội: Có công với Đảng Cộng sản Việt Nam, nhưng có tội lớn với dân tộc Việt Nam.

Trần Văn Hữu
(?-?)

1946-1947: Bộ trưởng tài chính trong chính phủ Lê Văn Hoạch.

1948: Quốc vụ khanh, Phó Thủ tướng, Tổng trấn Nam Phần (sau đổi thành Thủ hiến Nam Việt).

1950: Được Bảo Đại chỉ định thành lập chính phủ và làm Thủ tướng chính phủ Quốc Gia Việt Nam trong Liên Hiệp Pháp.

1952: Bàn giao chính phủ cho Nguyễn Văn Tâm và sang Pháp.

1973-1975: Âm mưu trở lại chính trường Việt Nam với chiêu bài "lực lượng thứ ba" với hậu thuẫn ngầm của Pháp và khuyến khích của Cộng sản để gây rối miền Nam.

Công và tội: Có công với người Pháp trong mưu đồ trở lại Đông Dương.

(Sơn Tùng)

NGHỆ-SĨ SÁNG-TÁC:

Nguyễn Bá Học, nhà văn
(1857-1921)

Người xã Giáp-Tuất, huyện Thanh-trì, tỉnh Hà-đông, tinh-thông cả hán lẫn tây học, xuất-thân giáo-học, đi dạy trong 20 năm ở Sơn-tây và Nam-định; cộng-tác với *Nam-phong tạp-chí* về hai loại nghị-luận văn-học và sáng-tác truyện ngắn.

Các truyện nổi tiếng của ông:
- *Câu chuyện gia-đình*, 1918.
- *Truyện ông Lý Chắm*, 1918.
- *Có gan làm giàu*, 1919.
- *Nhà sư*, 1919.
- *Dư-sinh-lịch hiểm-ký*, 1920
- *Cô chiêu Nhì*, 1920
- *Tối tân-hôn*, 1921.

Tác-phẩm của Nguyễn Bá Học không nhiều, nhưng trong thời-kỳ kiện-toàn của nền văn-chương quốc-ngữ, sự đóng góp của ông đáng được tuyên-dương.

Nguyễn Bá Học chủ-trương văn-chương phải phục-vụ luân-lý, đạo-đức, qua loạt bài: *Tự trọng, Hy-vọng, Mạo-hiểm, Văn-chương ở đời,..*

Về hình-thức, Nguyễn Bá Học cổ-võ cho tản-văn vì tính-cách hữu-dụng, thực dụng, chủ-trương thoát khỏi vận văn truyền-thống, mà ông gọi là sản-phẩm của "bọn ngồi không ăn dưng."

Nhận-định: Nguyễn Bá Học có công khởi xướng lối viết truyện ngắn bằng văn xuôi.

Đoàn Phú Tứ, kịch-tác-gia
(1910-?)

Sinh-quán: Hà-nội, đậu tú-tài Pháp, có bài đăng báo *Đông Pháp* từ khi học lớp nhất, sau cộng-tác với *Phong-hoá, Ngày nay*. Năm 1937, chủ-trương tờ *Tinh-hoa*.

Tác-phẩm:
- *Ghen*, kịch, 1937.
- *Những bức thư tình*, kịch, 1937.
- *Mơ hoa*, kịch, 1941.

- *Lòng trống rỗng*, kịch (phóng-tác theo *Le professeur* của Henri Duvernois).
- *Chiếc nhạn trong sương*, kịch.
- *Con chim xanh*, kịch.
- *Gái không chồng*, kịch.
- *Sau cuộc khiêu-vũ*, kịch.
- *Xuân tươi*, kịch.
- *Hận ly-tao*, kịch.

Nhận-định: Đoàn Phú Tứ có công khai vun quén kịch-nghệ Việt-nam thời sơ-khai.

Phạm Duy Tốn, nhà văn (1883-1924)

Ông tốt-nghiệp trường Thông-ngôn Hà-nội năm 1981, làm công chức ít lâu thì chuyển sang doanh-nghiệp và viết văn. Viết cho các báo *Lục tỉnh tân văn, Đại Việt tân báo, Đông dương tạp chí, Trung Bắc tân văn, Nam phong tạp chí.*

Tác-phẩm:

- *Sống chết mặc bây,*
- *Con người sở khanh.*
- *Nước đời lắm nỗi.*

Phạm Duy Tốn và Nguyễn Bá Học là hai ông tổ truyện ngắn Việt-nam, cùng một chủ-trương dụng văn để đề cao luân-lý, răn đời, nhưng khác nhau về kỹ-thuật và hình-thức.

Truyện Phạm Duy Tôn giàu xã-hội-tính, với nghệ-thuật tả thực, loại bỏ hình-thức lý-tưởng đương-thời của Nguyễn Trọng Thuật, Phan Kế Bính, Nguyễn Bá Học, Tản Đà.

Nhận-định: Phạm Duy Tốn là người mở đường cho trường phái tả thực của Việt-nam, có công làm mới văn-chương Việt-nam thời tiền bán thế-kỷ.

Tạ Tỵ, hoạ-sĩ, nhà văn

Sinh ngày 24.9.1922 tại Hà-nội, tốt-nghiệp Cao-đẳng Mỹ-thuật Hà-nội năm 1943, cộng-tác với các tạp-chí *Thế kỷ, Quê-hương, Đời mới, Nguồn sống mới, Sáng-tạo, Hiện-đại, Văn-học,..*

Tác-phẩm:

- *Những viên sỏi*, 1962.
- *Yêu và thù*, 1969.
- *Mười khuôn mặt văn nghệ*, 1971.
- *Đáy địa-ngục*, hải ngoại.

Nhận-định: Tạ Tỵ sở-trường về lối vẽ chân-dung lập-thể độc-đáo. Ông không vẽ nhiều và ít triển-lãm, nhưng nét vẽ của ông có cá-tính rất mạnh.

Đinh Hùng, nhà thơ (1920-1967)

Ông ra đời tại Hà-nội, bút hiệu khác: Thần Đăng và Hoài Điệp Thứ Lang, đậu tú tài Pháp, theo kháng-chiến chống Pháp rồi về thành, năm 1954 di-cư vào Nam, làm công-chức đài phát-thanh Sài-gòn.

Tác-phẩm:

- *Mê hồn ca*, thơ, Hà-nội, 1954.
- *Đường vào tình sử*, thơ, 1961.
- *Kỳ nữ gò Ô-khâu*, truyện.
- *Người đao phủ thành Đại-la*, truyện, 1966.
- *Ngày đó có em*, 1967.
- *Đốt lò hương cũ*, 1971.
- *Tiếng ca bộ lạc*, 1973.

Nhận-định: thơ Đinh Hùng đi vào lòng giới trí-thức, một số được phổ thành ca-khúc. Hoạt-động thi-ca của ông trên hệ-thống truyền-thanh đã mang nhiều giới tới gần thi ca Việt-nam đương thời.

Đặng Thế Phong, nhạc sĩ

Không rõ tiểu sử, tác-giả các bài *Con thuyền không bến, Giọt mưa thu, Đêm thu.*

Nhận-định: nhạc Đặng Thế Phong xuất hiện trong thời-kỳ sơ-khai của tân nhạc Việt-nam. Ông mất sớm, tác-phẩm ít, nhưng đều nổi tiếng và được thưởng-thức cho tới nay, tạo cảm hứng sáng-tác cho các nhạc-sĩ khác, gây sức sống cho tân nhạc Việt-nam.

(Nguyễn Hữu Nghĩa)

NGHỆ SĨ SÂN KHẤU :

Trong 100 năm qua, nền nghệ thuật trình diễn của Việt Nam trở nên phong phú và đa dạng so với các thế kỷ trước, qua nhiều bộ môn và sự đóng góp của rất nhiều nghệ sĩ có tài.

Trong khi tuyển chọn những nghệ sĩ trình diễn điển hình cho từng bộ môn của nghệ thuật VN thế kỷ 20, chúng tôi sẽ hết sức cố gắng dù biết không thể tránh khỏi phần nào chủ quan.

Phương pháp làm việc của chúng tôi là: Trong giai đoạn đầu, các nghệ sĩ được tuyển chọn sẽ không xếp theo bộ môn. Việc xếp loại và phân hạng sẽ được đúc kết trong giai đoạn chót.

(Trần Quang Hải)

Ban AVT, ca-sĩ hài-hước

Anh Linh, Vân Sơn, Tuấn Đăng; Hoàng Hải, Lữ Liên, Vũ Huyến, Ngọc Bích.

Ban này được sáng lập năm 1958 với Anh Linh (tây-ban-cầm), Vân Sơn (trống) và Tuấn Đăng (đại hồ cầm) khi họ bắt đầu nhập ngũ, thuộc tiểu đoàn chiến tranh tâm lý. Chuyên hát bài vui nhộn với nhạc khí Tây phương.

Năm 1960, ban AVT ra mắt khán giả với Hoàng Hải thay thế Anh Linh (đi học khóa sĩ quan).

Nhạc sĩ Lữ Liên đóng góp rất lớn cho sự thành công của ban AVT với nhiều bản hài hước dựa trên nhạc chèo, chầu văn.

Năm 1965, Hoàng Hải được giải ngũ, nhạc sĩ Lữ Liên thay thế và bắt đầu từ đó, ban AVT chuyển sang việc sử dụng nhạc khí cổ truyền. Vân Sơn đàn tỳ bà, Tuấn Đăng đàn đoản và Lữ Liên kéo nhị.

Trong hai năm 1966 và 1967, ban AVT được dịp đi trình diễn khắp Á châu. Sau đó, năm 1968 và

1969, ban AVT chinh phục Paris và một số thủ đô Âu châu qua hai chuyến Âu du. Ban AVT tiếp tục hoạt động cho tới năm 1975. Khi Miền Nam mất, Vân Sơn tự tử. Tuấn Đăng ở lại Việt Nam và Lữ Liên di tản sang Mỹ.

Năm 1976, ban AVT tái sinh trên đất Mỹ với Lữ Liên, Vũ Huyến, và Ngọc Bích tạo được tiếng vang sau nhiều chuyến trình diễn tại Âu châu, Trung Phi, Mỹ Châu, và Úc châu. Năm 1987, ban AVT lại thay đổi thành phần với Lữ Liên, Vũ Huyến và Trường Duy với cuốn băng đầu tiên do trung tâm Asia phát hành. Năm 1994, trung tâm Giáng Ngọc xuất bản cuốn video AVT đầu tiên.

Vài năm gần đây, ban AVT đã ngưng hoạt động. Tuy vậy, ban nhạc hài hước này đã tạo được một chỗ đứng biệt lập trong vườn nhạc Việt Nam. Những bản nhạc đã đưa ban AVT lên đài danh vọng: *Tam Nghiệp* (Lữ Liên), *Trấn thủ lưu đồn* (Lữ Liên), *Huynh đệ chi binh* (Anh Bằng), *Vòng Quang Chợ Tết* (Lữ Liên), *Gái trai thời đại* (Lữ Liên), *Ba ông bố vợ* (Lữ Liên), v.v.

Nhận-định: AVT có công giới-thiệu âm-nhạc cổ-truyền miền Bắc tới đại-chúng miền Trung và Nam.

Trần Văn Trạch, ca-sĩ hài-hước

(1924-1994)

Tên thật là Trần Quang Trạch, sinh tại làng Đông Hòa, Mỹ Tho, trong một dòng họ có năng khiếu về âm nhạc, đã sản sinh nhiều nghệ sĩ.

Biết đàn tỳ bà và ca vọng cổ rất mùi lúc nhỏ. Khi lớn lên, hoàn cảnh tạo cho Trần Văn Trạch một ngôi vị độc tôn trong lĩnh vực nhạc hài hước từ năm 1949, cùng một lúc với sự xuất hiện của phong trào đại nhạc hội tại Saigon. Ngày ấy, nhạc hài hước chưa có. Trần Văn Trạch phải sáng tác một số bài bản riêng để trình diễn. Tất cả những bài hát nổi tiếng đều được viết trong khoảng thời gian bốn năm 1951-1954: *Anh phu xích lô, Chuyến xe lửa mùng 5, Cái tê-lê-phôn, Cái đồng hồ tay, Anh chàng thất nghiệp, Cây bút máy, Đừng có lo*. Hai bản nhạc ngoài lĩnh vực hài là *Chiến Xa Việt Nam* và *Xổ số Kiến thiết Quốc gia* (1952) đã đi sâu vào trí nhớ của tất cả người Việt miền Nam Việt Nam cho tới 1975.

Trần Văn Trạch đã sang Pháp trình diễn năm 1960, tạo được tiếng vang. Sang Pháp định cư vào cuối năm 1977, ông bớt dần việc ca hát sau khi đi một vòng khắp thế giới (Mỹ Châu, Úc Châu, Phi Châu, Âu châu).

Sự nghiệp 40 năm trình diễn của Trần Văn Trạch được ghi lại qua các cuốn băng *Hài hước Trần Văn Trạch* (Thúy Nga, Paris, 1982), *Con đường hạnh phúc* (Thanh Lan, Hoa Kỳ, 1983), và *Allo Paris* (Giáng Ngọc, Hoa Kỳ, 1986). Một phim vidéo được thực hiện năm 1983 *Hài hước Trần Văn Trạch*.

Nhận-định: Trần Văn Trạch đã đi tiên phong trong nhiều lãnh vực: khởi xướng việc tổ chức đại nhạc hội tại Việt Nam, đóng góp vào việc thành lập nền điện ảnh Việt Nam, dùng đề tài dân nghèo để sáng tác nhạc hài... Từ trần vào năm 1994 tại Paris, cho đến nay vẫn chưa có ai thay thế được nghệ sĩ Trần Văn Trạch trong địa hạt tân nhạc hài hước.

(Trần Quang Hải)

cho một ngày đầu năm

có một ngày trời nắng
em về trong nhớ mong
nghe hồn mình xa vắng
như trời nhiều mây trong.

có một ngày trời mưa
ngồi yên trong lớp học
nhớ thật nhiều ngày xưa
có làm em ngùi khóc?

có một ngày trời gió
lá rơi bay đầy sân
mùa hạ nào hoa đỏ
trải dài em dưới chân!

có một ngày trời nhớ
giăng từng phiến mây buồn
hỡi người em bé nhỏ
đi về trong mưa buông!

có một ngày trời mong
êm đềm như cỏ lá
xuôi nguồn những nhánh sông
chở tình về rất lạ.

một ngày phải không em
chia đều trăm sợi nắng
nồng nàn như đôi tim
thôi giận hờn xa vắng.

y. ng.

ta-bà thế-sự

Phan Nguyễn Minh Minh

Một truyền thống tai hại

Ở Nam-Phi ngày nay, trước thềm thế kỷ mới và trong thời đại Nelson Mandela, lễ cắt da qui đầu bộ phận sinh dục nam vẫn còn là một tập tục mà thanh thiếu niên bắt buộc phải trải qua để bước vào lớp tuổi trưởng thành. Đó cũng là đặc tính văn hóa của dân tộc này. Nhưng để bảo tồn truyền thống đó, mỗi năm các bệnh viện ở đất nước này phải tiếp nhận khá nhiều nạn nhân khi việc cắt da qui đầu gây biến chứng chẳng lành. Họ phải đưa vào cứu cấp vì cơ thể mất chất nước, hay chỗ cắt bị nhiễm trùng hoặc mắc chứng hoại thư.

Phần lớn những người được đưa vào bệnh viện đều ở trong tình trạng nguy kịch. Đây là biện pháp cuối cùng vì thường họ để đến mức thật trầm trọng mới chịu đi nhà thương. Những thanh niên đó thường bị bỏ lại một mình nơi bệnh viện. Đi bệnh viện là điều nhục nhã, họ chỉ đến đây khi sắp chết. Ấy thế mà có nhiều người còn không muốn nghe đến chuyện đưa đi bệnh viện nữa là khác. Dù cho họ không phản đối đi nữa thì những thày chủ lễ, các bậc cha mẹ hay bạn bè cùng lứa cũng không thích chuyện đưa đi nhà thương. Thà rằng họ cắn răng ở lại làng mạc, âm thầm chấp nhận đau khổ, tự an ủi rằng đó là cái giá phải trả để được thành nhân. Thái độ bướng bỉnh một cách ngu xuẩn ấy lại được xã-hội khuyến khích, một xã-hội như chừng đã trở nên lãnh đạm trước những tình huống thảm thương. Những thanh niên đi bệnh viện kia không những bị đớn đau vì thương tật, thậm chí bị mất cả dương vật và còn bị khước từ quyền được gọi là con người nữa!

Khi đã đi bệnh viện, người thanh niên đó bị khinh miệt và người ta cho rằng anh ta có trách nhiệm trong trường hợp vết thương gây biến chứng. Người ta cho rằng anh ta đã làm điều gì quấy nên bị quỉ thần trừng phạt hay là, qua một cuộc thanh lọc tự nhiên, anh ta quá yếu đuối nên không thể đứng vào hàng ngũ của con người. Tương lai của anh ta sẽ chỉ toàn một màu đen tối. Và dù cho những kẻ xấu số kia có sống sót được đi nữa thì cũng phải có thừa nghị lực để đương đầu với xã-hội.

May mắn thay cho những người này, vì họ còn có một cái phao để bám lấy. Đó là Henderson Dweba, người y tá chuyên nghiệp đứng đầu một tổ chức chuyên chữa trị những người chịu cắt qui đầu mà gặp biến chứng. Tổ chức này do các cơ quan y tế của tỉnh East-Cape thành lập, nằm trong cơ chế của bệnh viện Cecilia Makiwane ở Mdantsane, một bệnh viện nhận nhiều nạn nhân loại này nhất trong tỉnh. Ít khi ông Dweba có mặt ở văn phòng vì phần lớn thời gian ông đi khám những nhóm người chịu lễ kết nạp, hoặc chạy đi cứu cấp hay nhắc nhở dân chúng về vấn-đề vệ sinh trong suốt thời kỳ cắt da qui đầu. Đối với Dweba, hành động của ông là do ơn trên đã định chứ không phải chỉ là một công việc bình thường. Ông đã chịu loại lễ kết nạp kiểu đó cách nay hơn 30 năm và truyền thống này ông rất kính trọng. Thế nhưng, nó cũng làm cho khá nhiều sinh mạng con người bị đe dọa và chính điều đó đã làm cho ông phải liên tục phấn đấu chống lại.

Dweba tâm sự: "Tục lệ kết nạp như thế, được tiến hành từ xa xưa, liệu có ích lợi gì khi mà sau đó thanh thiếu niên cứ phải chết đi hay mang di tật suốt đời? Có một cái gì đó cần được thay đổi. Khi ai cũng chứng kiến những gì tôi đã thấy, như nỗi đau khổ của giới trẻ và cung cách họ van xin tôi chữa trị, thì mới biết được là cần phải gấp rút thay đổi như thế nào. Lối xử sự chẳng tiến triển chút nào hết và tập tục cũng chẳng chịu uyển chuyển theo thời gian để cho phù hợp với điều kiện sinh sống ngày nay."

Ông Dweba ra sức điều hành một chương trình nhằm giải quyết những vấn-đề liên quan đến tục kết nạp và tạo điều kiện để cải tiến cần

thiết. Rất tiếc là ý muốn của ông hơi khó thực hiện vì phần lớn chỉ có mỗi mình ông quan tâm đến chương trình này, một công tác trải dài trên một vùng địa lý rộng lớn nhưng với những phương tiện hạn hẹp. Chương trình giáo dục của ông Dweba đề cập đến những giai đoạn khác nhau của tiến trình kết nạp và liên hệ đến tất cả các đối tượng cần phải trải qua tục kết nạp. Ông khuyên các người cha nên đưa con cái của họ đến địa điểm kết nạp trong dịp nghỉ mùa đông, tránh cái nóng và ẩm ướt là những điều kiện làm cho vết thương khó lành. Đã từ lâu, các cậu được cắt da qui đầu khi cái nóng của mùa hè đã qua đi. Những túp lều được xây cất trong rừng, dành cho công cuộc này, rất rộng rãi và thoáng mát. Nhưng ngày nay, lễ kết nạp thường được tiến hành trong dịp bãi trường, cho nên nhiều cậu phải qua lễ cắt da ở cao điểm nóng của mùa hè. Đôi khi, các cậu này cất những túp lều nhỏ bé bằng thiếc, chẳng thoáng mát lại thu hút hơi nóng. Trong những chuyến đi thăm các cậu này trong rừng rậm, ông Dweba nhận thấy có nhiều túp lều như thế. Tin ông đến thăm thường được loan truyền nhanh chóng. Trong khi một số "abakhwetha" (người trai chịu lễ cắt da) chạy nhanh vào lều để mặc quần áo thì một số khác lại lẩn tránh, vì coi đó như là một hành động xâm nhập đến đời tư. Cậu nào muốn nghe Dweba thì tụ tập lại, với chiếc chăn quấn khắp người. Nỗi mong chờ hiện rõ trên gương mặt trát đầy đất sét. Dù không nói ra, cậu nào cũng sợ hãi. Ngày hôm trước, có một cậu đã qua đời vì vết cắt nhiễm trùng nhưng cậu không chịu đi bệnh viện.

Nhiều người cho rằng đó là lỗi của cậu ta, còn mình thì chẳng hề hấn gì. Kẻ khác thì thấy xao xuyến rồi đâm ra lo cho phận mình. Thế nên, ông Dweba nắm lấy thời cơ để chỉ cho họ cách tự săn sóc vết cắt da. Qua kinh nghiệm bản thân và nắm vững dư luận, ông Dweba thường vào rừng thăm những người chịu lễ kết nạp kiểu đó và tìm mọi cách để chữa trị tại chỗ thay vì đưa đi bệnh viện.

Cụ thể là trường hợp của Asanda Sityata, 18 tuổi. Cậu là học sinh trường trung học Dale ở King William's Town, vừa đậu bằng tú tài. Không giống như những chàng trai cùng lứa, sống ở nông thôn hay ở vùng đô thị hóa nửa chừng, Asanda tự mình cắt lấy da qui đầu, và Lunga, người anh họ của cậu, cũng vừa mới chịu lễ kết nạp, đã đứng ra làm "Ikhankatha" (chủ lễ) cho cậu. Thông thường, từng nhóm khoảng bảy tám cậu thiếu niên cùng nhau chịu lễ kết nạp và ở chung một "Ibhoma" (túp lều) trong rừng. Bà Yoliswa, mẹ của Asanda, làm y tá cho bệnh viện Cecilia Makiwane và sinh sống cùng với gia đình ở ngoại ô thành phố East London. Chính tại nơi đây, Asanda đã chịu lễ kết nạp theo "kiểu trong rừng rậm", trên một mảnh đất của địa phương, không xa nhà bao nhiêu.

Những người đã qua lễ kết nạp có một cung cách khác biệt trong xã-hội và nói năng cũng khác sau thời gian ở trong rừng. Các cô gái cho biết: Phần đông, những người đã chịu lễ kết nạp có tinh thần trách nhiệm hơn; cho nên phần lớn các cô chỉ giao du với một người đã được "kết nạp". Dù có một bà mẹ làm y tá, Asanda cũng không chịu đi bệnh viện nếu chuyện cắt da của cậu bị rắc rối. Vì cậu nghĩ rằng:"Một khi đã chấp nhận chịu lễ kết nạp theo kiểu truyền thống thì phải sẵn sàng đi đến cùng và nhận lấy mọi hậu quả. Nếu có rắc rối thì phải chữa trị tại chỗ theo truyền thống, thay vì chạy đến bệnh viện. Nếu chịu nghe theo lời dạy của người chủ lễ thì mọi chuyện sẽ tốt đẹp." Thế nhưng, Asanda cũng nhìn nhận là bị nhức đầu mấy ngày và cậu rất lo ngại. Cậu nghĩ rằng vì không yên tâm và tin tưởng nên mới bị đau đầu.

Khi Asanda rời gia đình đi chịu lễ, mẹ cậu rất lo lắng nhưng không làm gì được vì bà không được phép đến thăm. Khi biết Asanda bị nhức đầu, bà đã gởi thuốc cho cậu và dặn nên uống nhiều nước, nếu khát. Dĩ nhiên là Asanda vứt thuốc đi và để cho một thày lang băm chữa trị theo truyền thống.

Bà Yoliswa đã gặp nhiều trường hợp máu bị nhiễm khuẩn trầm trọng ở những cậu chịu lễ kết nạp đưa đến bệnh viện cấp cứu vào phút chót. Bà kể rằng con của một bà bạn phải lấy súng bắn vào đầu tự tử vì chỗ cắt da làm độc, dương vật bị cắt bỏ và bị bạn bè chế nhạo rằng không phải là con người. Cứ theo truyền thống thì người chịu lễ kết nạp không có quyền biết cách chữa trị mà phải hoàn toàn phó thác cho người chủ lễ, dù cho ông này thiếu kinh nghiệm hay cẩu thả.

Để ngăn ngừa những điều nguy hại như thế, ông Dweba khuyên những cậu sắp chịu lễ kết nạp nên đi khám sức khoẻ trước khi cắt da qui đầu. Nếu tình trạng sức khoẻ tốt và không mắc những bệnh phong tình thì ít có nguy cơ bị nhiễm trùng hơn. Một vài cậu nghe theo nhưng nhiều cậu khác lại không nghe vì cho rằng đó là một giải pháp rẻ tiền. Thậm chí có nhiều cậu còn hành hung bạn bè nào đi khám sức khoẻ, cho rằng đó là cái bình phong để tiêm thuốc giảm thống, khỏi bị đau khi cắt. Dưới cái nhìn của họ, tất cả những gì làm cho lễ kết nạp theo tập tục được an toàn hơn đều hạ giảm giá trị của nó.

Mặt khác, ông Dweba cũng tiếp xúc với những ông lang vườn để khuyên họ nên áp dụng phương pháp cắt da hợp vệ sinh. Phần đông các thày thuốc này cứ theo truyền

thống, dùng mỗi một con dao để cắt cho một nhóm người, không tẩy trùng hay đổi dao gì hết. Ngày nay, ở thời buổi hưng thịnh của bệnh SIDA và những bệnh truyền lây qua tình dục, cung cách tiến hành lễ kết nạp kiểu đó càng phải được cải tiến.

Một vài người cho rằng tập tục này là một truyền thống mang tính bộ lạc đời xửa đời xưa, trong khi đất nước Nam Phi đã bước vào thời đại mới. Thế nhưng thế hệ thanh niên của đất nước này vẫn tiếp tục coi trọng truyền thống vì "không phải chỉ là chuyện cắt da qui đầu mà chính là bước chuyển biến của phái nam từ thiếu niên lên lứa tuổi thanh niên. Đây là thời kỳ mà những bậc cha anh khuyên bảo chúng tôi về cuộc đời, về cung cách xử sự có phẩm chất, như một con người." Tập tục này quan trọng đến nỗi nhiều người lưu vong, trước kia rời bỏ đất nước để chống lại tệ phân cách màu da, nay trở về cũng phải chịu lễ kết nạp trở lại. Cho xứng danh con người.

Qhama kể rằng trong hai ngày đầu sống nơi rừng rậm để chịu lễ kết nạp, ông nghĩ là nếu có con trai, ông sẽ không bắt nó chịu cực hình như ông. "Nhưng lần hồi, tôi thấy được ý nghĩa của tập tục và biết được tầm quan trọng của nó. Ban đầu tôi rất khiếp sợ vì mức độ đau đớn, nhưng vài ba ngày sau cũng giảm đi. Tôi có nhiều thời gian để suy nghĩ vì sự đau đớn bắt buộc người ta phải tự vấn lương tâm. Không những lễ kết nạp tạo điều kiện cho tôi trở về nguồn cội của mình mà còn cho tôi tìm hiểu chính mình nhiều hơn nữa, ở một giai đoạn mà tâm tư tôi đang vươn lên để làm người. Với tôi, đây không phải là một bước thụt lùi trở về quá khứ mà là một tập tục mở lối vào tương lai. Mình thấy rõ được chính mình, suy ngẫm về bản thân, biết được mình và thấy mình sẽ đi về đâu."

Dành riêng cho nữ giới

Việt-Nam ta trước kia có bài hát vui bắt đầu bằng *"Ba bà đi bán lợn sề..."* Ở Đức ngày nay cũng có 3 bà - đúng ra là 1 bà 2 cô - không bán heo mà làm chuyện hiếm có. Bà Else Hambsch (64 tuổi), trợ tá xã-hội về hưu, và 2 cô Simke và Sandra (cùng 16 tuổi), tuy tuổi đời cách nhau khá xa nhưng lại cùng chung một mẫu số. Từ 3 năm qua, 3 người phụ nữ này của Ludwigshafen, một thị trấn 150.000 dân ở Rhénanie-Palatinat, đấu tranh quyết liệt để hình thành "Girlassic Park", một công viên vui chơi chỉ dành cho con gái, tuyệt đối cấm cửa bọn con trai.

Một miếng đất rộng 5.000 mét vuông nằm trong trung tâm thành phố, đã được ban lãnh đạo thuộc đảng xã-hội dân-chủ (1/3 là phụ nữ) dành cho hội Girlassic Park (hội bảo vệ quyền lợi thiếu nữ). Khi mở cửa (dự trù vào cuối năm 1999), công viên này sẽ gồm có một sân bóng chuyền, một khu "Barbecue" để ngồi ăn trên sân cỏ, một vườn cây ăn trái và một khu thiên nhiên dành cho thú vật.

Theo ông Fritz Heiser, cố vấn tòa thị chính đặc trách các vấn-đề xã-hội thì đây là một dự án có một không hai được thực hiện như là một "tụ điểm để phát triển thiếu nữ" vì "khi bọn con trai đá bóng ở sân cỏ thì bọn con gái chẳng còn chỗ nào hết". Ý kiến thành lập một khu dành riêng cho phụ nữ được toàn thể hội đồng thành phố chấp nhận dễ dàng là vì trong thành phố có 60 khu vui chơi được bọn con trai sử dụng.

Nhiều cơ quan chia nhau tài trợ dự án này. Tỉnh chịu 104.000 đức mã; thành phố: 120.000 đức mã chưa kể miếng đất, và phần còn lại khoảng 400.000 đức mã qua quyên góp của hiệp hội dưới hình thức tặng-dữ.

Một vi khuẩn có ích

Vi khuẩn tin học là cái nạn mà ai cũng né, tránh được bao nhiêu hay bấy nhiêu. Năm 1987 chỉ có 3 loại nhưng bây giờ thì mỗi ngày người ta phát hiện được từ 6 đến 10 thứ! Một đà phát triển dễ sợ. Tuy nhiên trong số đó lại có một loại vi khuẩn hữu ích.

Hiện nay, trên hệ thống Net đang xuất hiện một thứ vi khuẩn tin học mới với tên gọi "Strunkenwhite", bút hiệu của Strunk và White, hai tác giả của một tập sách chỉ nam về chữ viết. Chức năng của "Strunkenwhite" là gởi trả mọi thư tín điện tử có lỗi văn phạm hoặc chính tả. Không phải như những chương trình sửa lỗi loại tồi của các nhu liệu xử lý văn bản trên máy vi tính, "Strunkenwhite" rất có hiệu quả.

Vi khuẩn này làm cho những công-ty xí-nghiệp Hoa-Kỳ xôn xao không ít vì từ bao lâu nay họ đã từng quen đánh máy sai hoặc phạm lỗi chính tả, quen sót chữ và quen áp dụng cú pháp một cách đại khái, những trường hợp thường thấy trong văn thư điện tử. Giám đốc công ty LoseItAll.com, một cơ sở mới nổi lên chuyên về Internet, cho

biết nỗi khổ tâm của ông: "Sáng nay, mỗi khi muốn gửi một vi-thư đi là tôi lại bị máy vi tính ban cho một lời cảnh cáo về văn phạm hết sức bực mình. Thế là tôi nổi sùng, vứt máy vi tính xách tay qua cửa sổ!" Theo lời một nhân viên của công ty môi giới chứng khoán Begg, Barow và Steel thì vi khuẩn này là sản phẩm của một sinh viên tốt nghiệp môn Anh ngữ nhưng không tìm được công ăn việc làm như ý. Là người chuyên lo việc mua chịu bán chịu, ông cho rằng viết đúng hay say chính tả và văn phạm đâu phải là điều quan trọng.

Vi khuẩn "Strunkenwhite" có thể là hồi chuông báo tử của cuộc cách mạng thông tin liên lạc được cho là nhanh chóng. Theo một cuộc nghiên cứu được thực hiện ở Leonia (New Jersey) với 1254 nhân viên văn phòng, thư tín điện tử làm cho công việc hàng ngày của họ nhanh hơn 1,8 giờ vì họ không phải mất thì giờ nắn nót câu văn để giải bày tư tưởng. Vi khuẩn này khó phát hiện vì không được chuyển đi dưới hình thức văn bản đính kèm, mà được che đậy trong nội dung của một thư điện tử mang tựa "Congratulations on your pay rise" (Mừng bạn được tăng lương).

Vi khuẩn "Strunkenwhite" cũng làm cho thư tín điện tử trong chính phủ bị xáo trộn. Vì lẽ nhân viên hữu trách của Cục Quản-lý và Ngân-sách không làm thế nào chuyển đi các quy định của liên bang ở dạng điện tử. Chắc là những thuật ngữ chuyên môn của họ không được vi khuẩn này chấp nhận cho qua ải. Văn phòng Bạch-Cung phụ trách thảo diễn văn cho tổng thống cũng nhận được những lời khuyên bảo là nên viết cho chính xác và nên tránh những thành ngữ như "điều chắc chắc là" và "thực ra".

Giới tư nhân sử dụng máy vi tính cũng bị vi khuẩn "Strunkenwhite" quấy rầy không ít. Một người sử dụng Internet thường hay dùng từ "loạn xị" (không được "Strunkenwhite" chấp nhận) lần hồi cũng phải bỏ từ đó đi. Một hệ thống thông tin bằng dây cáp phải ngưng toàn bộ mạng lưới tin học mấy tiếng đồng hồ vì "Strunkenwhite" đã xâm nhập được vào phần mềm "TelePrompTer" (thiết bị dành cho người đọc bản tin trên truyền hình) của họ. Thế là báo truyền hình bị chậm trễ còn người đọc tin thì lúng túng xoay xở để tìm những cấu trúc văn phạm đúng đắn.

Tình hình bỗng nhiên trở nên trầm trọng khiến cho cảnh sát Hoa-Kỳ lo ngại. Do chỗ vi khuẩn "Strunkenwhite" có thể là một dạng ăn cướp càng ngày càng tinh vi, nhằm vào việc các công-ty xí-nghiệp ngày nay bị lệ thuộc quá nhiều vào tin học. Trong khi chờ đợi giải pháp để đối phó với vi khuẩn này, các nhà sách cho biết quyển *The Elements of Style*, một tác phẩm chỉ dẫn cách viết văn của... Strunk và White, đã được thiên hạ mua rất nhiều.

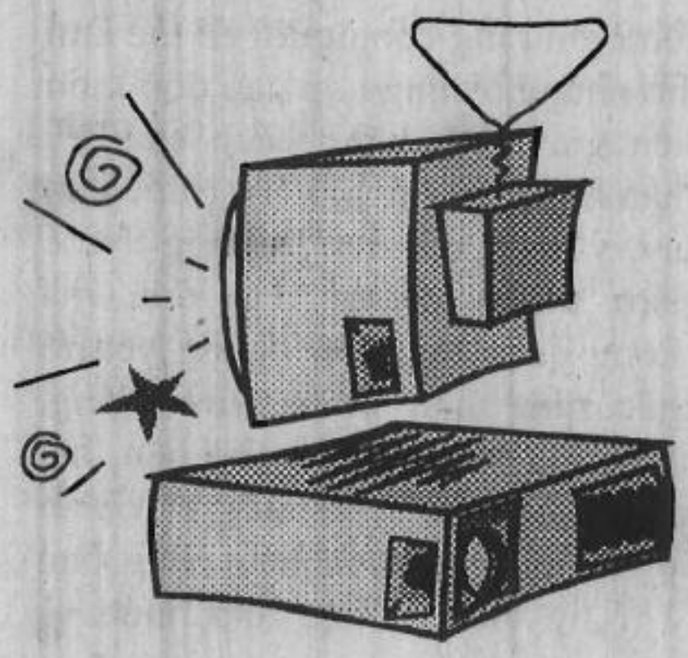

Máy vi tính chơi ô chữ

Sau khi đánh bại được con người ở những cuộc đấu cờ và "Backgammon", giờ đây máy vi tính lại thách thức con người ở môn ô chữ. Hồi tháng 3 năm 1999, ông Michael Littman, một chuyên viên tin học của đại học đường Duke (Bắc Carolina) đã mang nhu liệu "Proverb" của mình đến quan sát cuộc tranh tài ô chữ Mỹ ở Stamford (Connecticut). Không tham gia cuộc thi đấu nhưng sau khi phân tích kết-quả dự thi trong vòng 15 phút, ông cho rằng "Proverb" có thể đứng hạng 147 trên con số 254 thí sinh.

Là một chương trình chạy trên nhiều máy vi tính cùng một lúc, "Proverb" vận dụng một hệ thống dữ kiện vô cùng to lớn. Cung cách giải đoán các vấn-đề của chương trình không giống cung cách của con người một chút nào hết. Trước một ô chữ thông thường và gặp một định nghĩa cho một chữ nào đó thì "Proverb" đưa định nghĩa này và số chữ tương ứng với số ô liên hệ cho 30 tổ giải đoán, phần lớn là những dự trữ dữ kiện. Sau đó, mỗi tổ giải đoán sẽ cung cấp một danh sách các đáp số có thể dùng được (từ mười đến hàng nghìn đáp số), xếp theo thứ tự của khả năng đúng mức yêu cầu. Mỗi dự trữ dữ kiện có 400.000 định nghĩa với đáp số tương ứng, rút ra từ những ô chữ mà báo chí đã đăng tải trong vòng 14 năm qua.

"Proverb" đã được thực hiện bằng 4 phương thức thảo chương khác nhau nhằm khai thác những ưu điểm của từng phương thức trước một vấn-đề cần giải quyết. Những hoạt động đơn giản nhằm loại bỏ những định nghĩa không sát được giao cho PERL, một phương pháp đem lại nhiều kết-quả hữu hiệu trong việc duyệt văn bản để rút ra những dữ kiện cần thiết. Phương pháp C được dùng để tính xác suất và xếp thứ tự ưu tiên của những đáp số. Hai phương pháp C++ và JAVA được áp dụng trong việc phối hợp toàn bộ công tác. "Proverb" chọn những đáp số có ưu tiên cao trong số danh sách mà các tổ giải đoán cung cấp, đưa vào chương trình

"Merger" so sánh và lựa ra một lô đáp số gần với định nghĩa nhất. Sau đó, chương trình "Slover" thu thập đáp số của "Merger", điền những từ khả dĩ đúng vào ô chữ và cứ lặp lại những động tác đó cho đến khi nào tìm ra đáp số hoàn chỉnh nhất.

Ý định thiết lập nhu liệu này ra đời năm 1997, khi Will Shortz, người phụ trách mục trò chơi trên tờ *New York Times*, cho rằng một cái máy không thể nào rành Anh ngữ để cạnh tranh với con người, sau khi vua cờ Gary Kasparov thua máy vi tính Deep Blue của IBM. Hẳn là nhu liệu "Proverb" không làm sao hiểu được Anh ngữ, nhưng nó tìm ra được mối tương quan của các từ dựa theo thống kê để chọn lấy một chữ thích hợp. Dù sao, kết-quả được ghi nhận ở cuộc thi đấu ô chữ kỳ này cũng cho người ta thấy được tài năng của máy vi tính trên phương diện ngôn ngữ.

Làm thế nào để giảm đau

Đau đớn là một trong những nguyên nhân thường làm cho người ta phải đi bác sĩ để khám bệnh. Nhưng các ông thày thuốc khó mà làm giảm được cơn đau, nhất là những cơn đau kinh niên. Theo một số chuyên viên thì vấn-đề nằm ở chỗ phần lớn những phương pháp chữa trị hiện nay dựa trên sự giải đoán sai lầm về cảm giác đau đớn của hệ thần kinh. Gần một thế kỷ nay, người ta nghĩ rằng sự đau đớn là một cảm giác tương đối đơn giản, do tế bào nơi bị thương tích ghi nhận rồi chuyển về não hầu như một cách nguyên vẹn.

Thế nhưng những công trình nghiên cứu gần đây cho thấy sự nhận thức về đau đớn của con người là kết quả của một tiến trình phức tạp hơn nhiều, trong đó có nhiều yếu tố đóng vai quan trọng. Theo các công trình này, người ta có thể làm cho những yếu tố kia biến đổi đi để cho tác động của sự đau đớn giảm xuống. Thí dụ như, từ nay chúng ta biết được rằng mạch thần kinh nằm trong óc và trong tủy sống làm cho các tín hiệu thay đổi trên đoạn đường từ những tế bào bị thương tích đến trung tâm thần kinh cao cấp là nơi làm cho con người ý thức sự đau đớn. Mạch thần kinh kia chịu ảnh hưởng của tính di truyền ở từng cá nhân, nhưng cũng chuyển biến luôn tùy theo kinh nghiệm sống của mỗi cá nhân. Nghĩa là hệ thần kinh ở trạng thái động chứ không phải tĩnh. Do chỗ những mạch thần kinh có sự khác biệt như thế nên có nhiều người có vẻ như dửng dưng với cái đau còn những người khác lại đau đớn ghê gớm dù chỉ bị trầy trụa sơ sài, thậm chí đôi khi chẳng thấy vết thương nào hết. Cho nên, nhiều người thấy đau đớn kinh niên vì một vết thương nào đó đã làm cho mạch thần kinh của họ bị thay đổi, tiếp tục phát ra những tín hiệu của sự đau đớn dù cho đã lành lặn từ lâu.

Theo giả thuyết của hai nhà nghiên cứu John Loeser (giám đốc trung tâm chống đau Đại học đường tiểu bang Washington, Hoa-Kỳ) và Ronald Melzac (giáo sư khoa tâm lý học Đại học đường McGill, Canada) thì bộ não có khả năng tạo ra hình ảnh cơ thể con người, ghi nhận hành trình di chuyển của tín hiệu liên quan đến sự đau đớn. Sau đó, các tín hiệu đau đớn kết hợp với những tín hiệu khác ở não để biểu lộ mức độ cảm giác và hiểu biết.

Từ những dữ kiện này, óc con người mới quy định mức độ cảm thấy đau đớn của cá nhân liên hệ. Cho nên, nhiều người bị cắt tay hoặc cưa chân rồi mà vẫn còn thấy đau ở những phần bị lấy đi. Còn ở những người khác thì đôi khi chẳng thấy đau đớn gì, như một vài vận động viên chỉ ý thức về vết thương của mình sau khi cuộc tranh tài kết thúc.

Trong trường hợp đó, vì cố gắng tập trung tư tưởng quá mức nên những tín hiệu của sự đau đớn đã bị lu mờ ở óc. Trái lại, có những yếu tố ngoại lai, như thần kinh bị căng thẳng chẳng hạn, càng làm cho sự đau đớn gia trọng và dây dưa hơn nữa.

Vì thế, hai nhà nghiên cứu nói trên nghĩ rằng con người có thể làm cho những trường hợp đau đớn kinh niên giảm bớt bằng cách sửa đổi nhận thức của bộ não. Từ trước đến nay, y khoa chỉ dùng những thuốc giảm thống để trị đau đớn mà không quan tâm đến những yếu tố khác như thần kinh căng thẳng, những âu lo sợ hãi,... Thế nên, hai nhà nghiên cứu cho rằng cần phải áp dụng thêm khoa liệu pháp tâm lý trong việc trị liệu đau nhức. ●

xuân nhớ chi phương

Xuân nầy ta ở lưng chừng núi
mơ hồ gặp khóm nắng mong manh
thấy bóng mình chao lòng xao xác
ngày qua nhanh biết mấy, khôn cùng.

Lưng chừng nhớ nhỏ rời phương Bắc
theo chồng chở hạnh phúc xuôi theo
ta chẳng về đưa làm tống biệt
đời chia xa biết mấy, muôn chiều ...

lộc quy

Xin Chúc Mừng và Báo Tin với Bà Sonneborn

Sơn Tùng

*T*hưa bà Sonneborn, vào cuối năm 1999, tôi có nhận thư đề ngày 22.11.1999 của tổ chức NAATA (National Asian American Telecommunications Association) giới thiệu cuốn phim *Regret To Inform* (được dịch là "Xin chia buồn và thông báo") do bà thực hiện và mời đón coi trên màn ảnh truyền hình của hệ thống PBS tại Mỹ vào tối 24.1.2000.

Thư có kèm theo vài tài liệu gồm sơ lược về cuốn phim cùng những lời khen và các giải thưởng mà *Regret To Inform* đã được tặng.

Tôi đã coi cuốn phim và xin gửi lời chúc mừng bà đã nhận được những lời khen và các giải thưởng. Nhưng đồng thời tôi thấy cần phải cho bà biết cảm nghĩ thực của tôi, một người Việt Nam, về cuốn phim của bà mà tổ chức NAATA cho biết giá trị của nó là ở "sự thật".

Tôi xúc động biết bao khi được thấy tấm ảnh bà chụp chung với người chồng trước, Jeff Gurvitz, trong những ngày hạnh phúc tại Mỹ trước khi anh ấy sang Việt Nam và đã tử trận vào năm 1968. Bà được báo tin buồn vào đúng ngày kỷ niệm sinh nhật của mình. Tôi cảm thông sâu xa nỗi buồn đau của bà như bất cứ con người nào còn có trái tim, nhất là đối với người Việt Nam đã sống trong chiến tranh liên tiếp trong ba thế hệ và đã có rất nhiều thể nghiệm về nỗi đau ấy.

Chiến tranh bao giờ cũng là tàn ác, chết chóc, khổ đau. Và chiến tranh vẫn không bao giờ chấm dứt trên mặt đất này. Mất mát người thân trong một cuộc chiến tranh là điều vẫn thường xảy ra từ khi có loài người và là điều đau khổ nhất, đặc biệt là với một phụ nữ, dù là mất chồng hay mất con.

Cuốn phim *Regret to Inform* đã tập trung được một số phụ nữ "ở cả hai phía" (như lời giới thiệu) để họ trực tiếp nói lên sự mất mát và nỗi khổ đau của họ. Tôi tin đó là những con người thật, những nhân chứng thật. Bà đã sang Việt Nam và tới tận vùng quê nghèo Quế Sơn và Khe Sanh (nơi Jeff hy sinh) ở miền Trung Việt Nam để thực hiện cuốn phim. Những cảnh đẹp và nghèo nàn của miền quê Việt Nam cũng là cảnh thật. Tôi tin như vậy. Trong cuốn *Regret to Inform*, bà còn lồng vào nhiều khúc phim tài liệu lấy từ "hai phía" (Mỹ và Bắc Việt) làm nổi bật tội ác của Hoa Kỳ trong chiến tranh Việt Nam, như dội bom xuống làng quê, ném bom đánh phá miền Bắc, đốt nhà dân quê, ruồng bố và bắt bớ dân làng, rải thuốc khai quang xuống núi rừng. Tôi cũng tin đây là sự thật, và những cảnh này đã được xuất hiện rất nhiều lần trên màn ảnh truyền hình trong những gia đình Mỹ lúc còn chiến tranh. Chỉ có vài đoạn phim về cảnh hành quân và chiến đấu của binh lính Bắc Việt thì tôi không tin là phim tài liệu mà là phim tuyên truyền của Bắc Việt. Và tôi cũng không tin những lời tố cáo của một vài "dân quê" về sự tra tấn dã man của quân lính Miền Nam Việt Nam.

Nhìn chung, cuốn phim *Regret To Inform* của bà có thể đến 80% là sự thực. Nhưng những sự thật được bà đưa vào cuốn phim chỉ mới là một nửa của sự thực về nỗi đau khổ của người dân Việt Nam trong suốt cuộc chiến tranh kéo dài ba mươi năm (1945-1975), trong đó người Mỹ chỉ tham chiến có sáu năm (1965-1971).

Có rất nhiều sự thật khác đã không được bà nói đến trong cuốn phim. Bà cho biết rằng cuốn phim của bà chỉ nói đến sự khổ đau của con người trong chiến tranh mà không bàn đến chính trị. Nhưng coi *Regret to Inform*, ai thật sự vô tư và có một chút sáng suốt cũng nhìn thấy rõ nó là một công cụ để tuyên truyền cho một phía trong cuộc chiến tranh.

Người ta chỉ thấy bom Mỹ dội xuống làng mạc Việt Nam mà không thấy Bắc Việt pháo kích vào dân cư trong các thành phố miền Nam, trong đó có cả trường học, chợ búa, bến xe... Người ta chỉ thấy lính Mỹ đốt nhà dân quê mà không

thấy lính Mỹ xây dựng đường xá, làm nhà thương, chữa bệnh cấp thuốc cho dân làng Việt Nam. Người ta chỉ thấy cảnh quân đội miền Nam đối xử thô bạo với tù binh mà không thấy cảnh lính Bắc Việt tàn sát hàng ngàn người vô tội tại Huế trong cuộc tấn công Tết Mậu Thân. Bà đã để cho cán bộ cộng sản Hà-Nội tự do tố cáo tội ác của Mỹ và đòi Mỹ bồi thường. Bà đã đưa một phụ nữ từng làm gái điếm lên lăng mạ lính Mỹ toàn là những tên hút cần sa ma túy.

Nhưng thôi, cứ cho là cuốn phim của bà "không bàn đến chính trị" mà chỉ nói đến sự khổ đau của con người trong chiến tranh. Như tôi đã nói ở trên, những sự thật mà bà nêu ra trong cuốn phim chỉ là một nửa sự thực. Mà chắc bà cũng thừa biết, "một nửa cái bánh là bánh, nhưng một nửa sự thật không phải là sự thật". Bà muốn tỏ ra "vô tư" và "công bình" nên nói rằng đã đưa những nhân chứng sống của "cả hai phía" của cuộc chiến tranh vào cuốn phim.

Thưa bà, tôi có thể đưa ra bằng chứng rằng trong cuộc chiến tranh Việt Nam, ngoài Mỹ và Cộng sản Bắc Việt còn có hàng chục triệu người Việt Nam khác không ở một trong "hai phía" được bà nói đến, trong đó có chính tôi và hơn hai triệu người Việt tị nạn đang sống ở nước ngoài - hơn một triệu người đã định cư tại Mỹ. Những nỗi khổ đau của họ có thể còn to lớn hơn nhiều so với câu chuyện của những người được bà đưa vào cuốn phim, và vì vậy rất đáng được có tiếng nói để sự thật được đầy đủ, và để cho thấy bà thực sự vô tư, và mục đích thực sự của cuốn phim chỉ là nói lên sự khổ đau của con người trong chiến tranh.

Nhân xem cuốn phim của bà, tôi tự thấy có bổn phận giúp bà tìm hiểu thêm về phần sự thật bị bỏ sót ấy, vì bà muốn được xem như là một con người có suy tư và có lương tâm, một người Mỹ lương thiện. Và cũng như những nhân vật được bà đưa lên cuốn phim mà bà nói rằng ở cả hai phía, tôi muốn kể lại nỗi khổ đau của mẹ tôi, một người đã mất chồng mất con trong cuộc chiến tranh, nhưng không ở một trong "hai phía" (Mỹ và Bắc Việt).

Mẹ tôi đã mất chồng trong cuộc chiến tranh chống thực dân Pháp (1945-1954) lúc bà mới 38 tuổi, và đã không bao giờ tái giá. Bà là một giáo viên hiền lành, yêu nghề và yêu trẻ em. Quê bà là một làng thuộc tỉnh Sơn Tây, Bắc Việt, không đến nỗi nghèo như làng Quế Sơn, nhưng cũng không có những đại điền chủ.

Những người được cho là "giàu" trong làng cũng chỉ có một hay hai héc-ta ruộng trồng lúa do cần kiệm mà tạo dựng được. Cuộc chiến tranh chống Pháp chấm dứt năm 1954 với Hiệp Định Genève chia đôi nước Việt Nam, hơn một triệu người đã bỏ miền Bắc di cư vào miền Nam trước khi Cộng sản tiếp thu miền Bắc, và đã không có một người miền Nam nào di cư ra miền Bắc - trừ một số cán bộ Cộng sản tập kết, theo quy định của Hiệp Định Genève. Gia đình tôi nằm trong số người đã chọn miền Nam với ước mơ được sống trong hòa bình, tự do, như người Nam Hàn, người Tây Đức - hai nước cũng bị chia đôi như Việt Nam.

Nhưng Cộng sản Bắc Việt, với vũ khí của Sô-Viết và Trung Cộng, đã mở cuộc chiến tranh xâm chiếm miền Nam. Cuộc chiến tranh ấy đã gây đau thương cho mọi người dân miền Nam. Ít có gia đình nào không có người chết - ở ngoài chiến trường, hay trên đường phố, trong trường học, ngoài chợ, trên xe đò... vì lựu đạn, mìn, hỏa tiễn của khối Cộng sản quốc tế viện trợ cho Hà-Nội. Em trai tôi đã tử trận năm 1968, cùng năm với chồng bà bỏ mình tại Khe Sanh. Nó đạp phải mìn Việt Cộng sáu ngày trước khi lấy vợ. Chắc bà thông cảm nỗi đau khổ của người vị hôn thê. Cô ấy là con gái của một vị mục sư, và chưa được hưởng một ngày hạnh phúc với chồng như bà, và cũng không bao giờ lấy một người đàn ông nào khác, như bà đã tái giá với một người mà bà cho biết là đã yêu thương sâu đậm. Và, chắc bà cũng thông cảm nỗi khổ đau của mẹ tôi, người phụ nữ đã mất chồng và mất con vì muốn được sống trong tự do.

Chúng tôi đã chống lại cuộc tấn công của Cộng sản Bắc Việt trong 5 năm (1960-1965) trước khi Hoa Kỳ đem quân sang tham chiến. Và, chồng bà là một trong hơn 50 ngàn người Mỹ đã bỏ mình tại Việt Nam. Mặc dầu con số ấy chỉ tương đương với số người chết vì tai nạn lưu thông tại Mỹ trong một năm, nhưng đã để lại bao nỗi đau khổ cho thân nhân của họ, như bà. Càng đau khổ hơn nữa khi thân nhân của họ nghĩ rằng họ đã bị đưa sang Việt Nam để giết đàn bà, trẻ em, đốt nhà dân quê... như trong cuốn phim *Regret to Inform*.

Tôi tin rằng những ai đã nghĩ lầm như vậy bởi sự tường trình không chính xác của một nền truyền thông đầy định kiến trong lúc còn chiến tranh, cũng phải nhìn thấy sự thật sau ngày 30.4.1975 khi Cộng sản Bắc Việt xé bỏ Hoà Ước Paris 1973, xua toàn lực đánh chiếm miền Nam. Hàng trăm ngàn người đã bị giam nhốt và hành hạ trong các trại tù tàn bạo hàng chục năm, trong đó không phải chỉ có cựu quân nhân công chức của chế độ miền Nam mà còn có nhà tu, nhà văn, nhà báo, trí thức, v.v. và một số không ít đã chết trong tù. Hơn hai triệu người Việt Nam đã bỏ nước đi tìm tự do, trong đó hơn một triệu người đã vượt biển trên những chiếc tàu gỗ mong manh mà một

phần tư đã mất xác trên biển khơi vì hải tặc, vì sóng bão, vì bị tàu biên phòng bắn. Đây là thảm kịch to lớn nhất xảy ra lần đầu tiên trong lịch sử Việt Nam. Tôi không tin rằng bà đã không hay biết thảm trạng này, nhất là trong số những người chết trên biển có nhiều trẻ em và phụ nữ mà có những người đã bị hải tặc hãm hiếp trước khi chúng đánh chìm tàu.

Sự thật về những gì xảy ra tại Việt Nam sau khi chiến tranh chấm dứt không có gì là bí mật, vì đã được tường trình bởi những nhà báo có lương tâm, bởi những tổ chức nhân quyền quốc tế, và của cả những người trước đây ủng hộ Bắc Việt và chống Mỹ can thiệp vào Việt Nam. Và, để có "nhân chứng sống", tôi xin nói tiếp về chuyện gia đình tôi, về nỗi đau khổ của mẹ tôi sau khi chiến tranh chấm dứt. Trong chiến tranh, mẹ tôi đã mất chồng mất con và ba lần mất hết tài sản vì chạy trốn sự tàn bạo. Trong hoà bình sau ngày 30.4.1975, mẹ tôi còn mất mát và đau khổ nhiều hơn nữa. Hai người con bị bắt đưa vào trại cải tạo, cả gia đình người con gái út và ba đứa cháu ngoại mất tích trên đường đi tìm tự do năm 1981. Hoà bình và thống nhất chỉ đem lại thêm đau khổ cho mẹ tôi. Mẹ tôi được gặp lại hai người em trai từ miền Bắc vào sau gần 30 năm mất liên lạc, nhưng chỉ để được báo một cái tin làm mẹ tôi đau đớn nhất: bà ngoại tôi đã chết trong cuộc "cải cách ruộng đất" do Hồ Chí Minh phát động tại miền Bắc năm 1956. Bà cụ bị kết tội "địa chủ", bị "đấu tố", bị nhốt trong trong một cái cũi bằng gỗ bỏ trên núi cho đến chết, không ai dám thăm viếng - kể cả hai người con theo Cộng sản. Mẹ tôi đã khóc suốt mấy ngày khi nghe tin này. Hai người em trai của bà, hai đảng viên cộng sản, cũng khóc và quỳ gối tạ tội đã không thể làm gì để cứu mẹ.

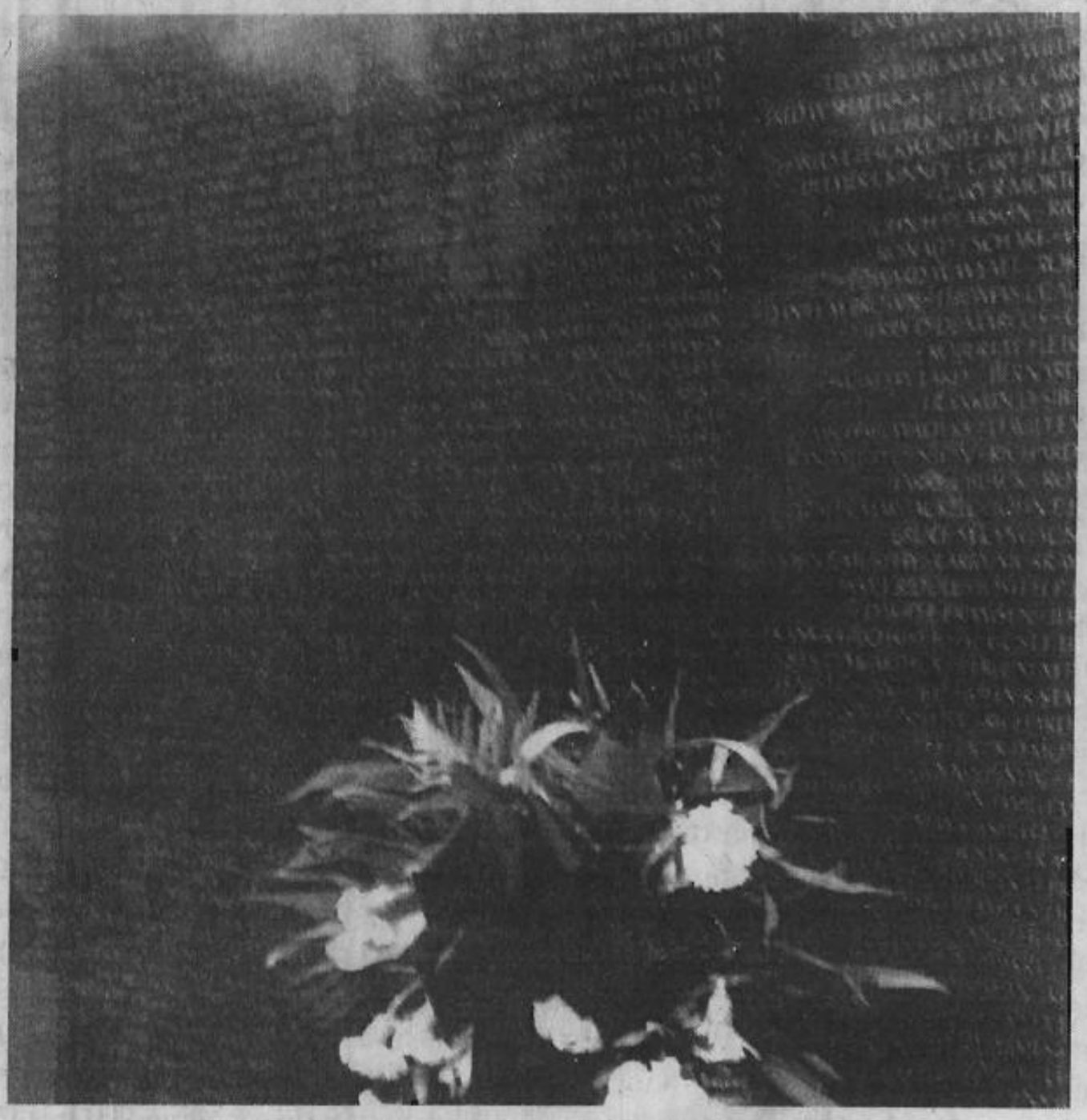

"Bức tường Việt-nam" tại thủ-đô Washington D.C.,
những người Mỹ đã góp máu cho tự-do được thở tại Việt-nam

Thưa bà Sonneborn, bà ngoại tôi chỉ là một trong hàng chục ngàn nạn nhân đã chết trong cuộc tiêu diệt giai cấp do Việt Cộng thi hành tại miền Bắc, theo đúng những gì mà Cộng sản đã làm ở Nga, ở Trung Hoa, Bắc Hàn, Cuba... đã khiến từ 85 triệu đến 100 triệu người vô tội bị giết, theo tính toán của những học giả vô tư đưa ra trong cuốn "Sách Đen Về Chủ Nghĩa Cộng Sản" của Stephane Courtois được xuất bản gần đây.

Cuốn phim *Regret to Inform* của bà đã chiếu đi chiếu lại cảnh phi cơ Mỹ bắn phá tàn bạo làng mạc Việt Nam trước kia, tương phản với những cánh đồng xanh mướt ngày nay. Màu xanh êm ả mát mắt cộng với điệu nhạc cổ truyền Việt Nam diệu vợi như cố thuyết phục người xem về đời sống thanh bình yên vui tại Việt Nam hiện nay.

Sự thật không phải như vậy. Nhiều tu sĩ của các tôn giáo đang ở trong các nhà tù tại Việt Nam vì muốn tự do hành đạo, nhiều nhà văn nhà báo trí thức cũng đang ở tù chỉ vì muốn nói lên ý nghĩ của họ và về những sự thật trong xã hội. Số phụ nữ phải bán mình nuôi thân lớn hơn bất cứ thời kỳ nào trước đây, và trước đây - dù là trong thời chiến tranh hay thời Pháp thuộc - cũng không có thảm cảnh trẻ em làm điếm hay bị đem ra khỏi Việt Nam để cung cấp cho thị trường mãi dâm quốc tế như hiện nay. Cuốn phim của bà chiếu những hàng mộ bia của những người đã chết trong chiến tranh vì bom đạn của Mỹ mà không có những hàng mộ bia của những người đã chết vì hỏa tiễn, đại pháo của Sô-Viết,

Trung Cộng... tại miền Nam. Nhưng phải công bằng mà nói, những hàng mộ bia ấy ở khắp miền Nam đã không còn nữa để cho bà quay phim vì đã bị Việt Cộng đào xới và san bằng sau ngày 30.4.75.

Màu xanh êm ả trong cuốn phim của bà đã che đậy biết bao tội ác của một chế độ độc tài áp bức mà người dân Việt Nam đang là nạn nhân.

Tại sao tôi, một người Việt Nam, không thể trở về đất nước của mình để được ở bên cạnh mẹ tôi trước khi mẹ nhắm mắt lìa đời? Và bà, một người Mỹ, vợ cũ của một "giặc Mỹ" (như lời Việt Cộng), lại được Hà-Nội cho phép vào Việt Nam để quay phim và phỏng vấn những người mà bà nói rằng là những nạn nhân đã bị lãng quên sau cuộc chiến?

Người xem phim đã chỉ thấy những người tuyên truyền cho Hà-Nội.

Những người bị lãng quên thực sự sau cuộc chiến đã bị người làm phim... lãng quên! Một người dù ngây thơ cũng hiểu rằng bà sẽ không được phép vào Việt Nam nếu muốn đi tìm những người bị lãng quên thực sự.

Bà nói rằng dù ngày nay đang sống rất hạnh phúc với người chồng mới, nhưng đã quyết định đi Việt Nam vì lương tâm thúc đẩy. Bà đã nói những lời đầy nhân đạo sau dây (qua lời dịch của NAATA): "Làm cuốn phim này cũng y như là nhận được một món quà của chồng tôi là Jeff. Phim này đã làm cho tôi hiểu được thế nào là đau thương và thế nào là tiếc nuối, thế nào là tình thương và thế nào là niềm vui và tôi mong mỏi những khán giả sẽ hiểu được chiến tranh một cách khác, khác với những phim mà họ đã xem từ trước. Tôi muốn họ nhìn trực diện với chiến tranh và tự hỏi: Mình có thể làm thế nào để chiến tranh không còn tái diễn nữa hay không? Tôi muốn ai ai cũng nhận thức được cái nhân tính của đồng loại với mình, và như vậy khi muốn giết ai mình không thể nhẫn tâm như vậy được."

Cuốn phim *Regret to Inform* có lẽ là một món quà của Jeff đã tặng cho bà, vì cái chết của anh ấy trên chiến trường Việt Nam hơn 30 năm về trước đã cho bà một đề tài để làm một cuốn phim được vài giải thưởng cho nghề nghiệp của bà hiện nay là đạo diễn và sản xuất phim ảnh. Nhưng ngược lại, cuốn phim ấy cũng là một lời nguyền rủa của bà trên linh hồn của anh ấy, vì đã được miêu tả trong cuốn phim như những kẻ giết người vô nhân tính, sang Việt Nam chỉ để bắn giết đàn bà, trẻ em, đốt nhà dân quê...

Regret to Inform không có gì khác với những cuốn phim về Việt Nam mà khán giả đã xem từ trước, như mong mỏi của bà. Nó cũng chỉ có mục đích phỉ nhổ lên máu xương của những người đã chiến đấu cho tự do tại Việt Nam - cả người Việt lẫn người Mỹ, Úc, Nam Hàn, Phi-Luật-Tân, Tân-Tây-Lan, Thái Lan... Họ đã chiến đấu và chết vì cùng một lý tưởng đã được Tượng Nữ Thần Tự Do nêu cao ở bờ biển New York, cái tự do mà bà may mắn được hưởng như khí trời từ lúc sinh ra đời. Tôi nghĩ người Việt Nam, cũng như mọi dân tộc khác trên mặt đất này, xứng đáng để được hưởng tự do như bà. Đó mới là nhân đạo thực sự. Đồng loã hay khuyến khích con người cúi đầu chấp nhận sống trong áp bức không phải là nhân đạo.

Sau khi xem phim *Regret to Inform* của bà, tôi đã đến Bức Tường Việt Nam ở Công-Viên Quốc-Gia tại Washington, cách nhà tôi chừng 15 phút lái xe, tìm cái tên Jeff Gurvitz trên mặt đá hoa cương màu đen u buồn, và nói thầm: "Jeff, xin chia buồn. Chúng tôi nghĩ khác về anh. Anh xứng đáng được đối xử công bằng hơn. Máu anh đã đổ ra vì tự do trên đất Việt Nam cũng như máu những người lính Mỹ đã đổ ra trên bờ biển Normandie, tại bán đảo Triều Tiên... Một ngày không xa, tự do sẽ được phục hồi tại Việt Nam. Các anh sẽ được vinh danh."

Với bà Sonneborn, xin có lời chia mừng. ●

Được tin ông Phạm Kim Vinh qua đời, bà Irina Zisman từ Mạc-Tư-Khoa gửi cho tôi một á i e-mail với mấy lời than ngắn: "Nghe ông Phạm Kim Vinh mất, tôi buồn quá. Hình như người như ông không còn bao nhiêu..." Bà nhờ tôi gửi một vòng hoa tiễn đưa ông lần cuối.

Tôi cũng không tránh khỏi tự hỏi sau khi Phạm Kim Vinh ra đi, còn lại bao nhiêu người "như ông".

Ngày 25-1-2000, được báo tin Phạm Kim Vinh vừa mất, tôi lặng đi vài giây. Không phải vì bất ngờ, nhưng cảm nghe một trống rỗng thật lớn trong tâm hồn như vừa đón nhận điều mình lo sợ từ lâu đã xảy ra.

Tôi biết tình trạng sức khoẻ mong manh của ông Phạm Kim Vinh từ nhiều năm nay và vẫn có mối lo giữ kín trong lòng về sự ra đi không đúng lúc của ông. Chính nghĩa của người Việt tự do đang cần ngọn đèn pha Phạm Kim Vinh. Ông không chỉ làm sáng chính nghĩa của người Việt tự do nhưng còn là hiện thân của khí phách trí thức Việt Nam, của lương tâm "người cầm bút không cần hậu thuẫn và không cần thế lực", như ông thường nói.

Phạm Kim Vinh không viết để được nổi danh hay để có tiền. Ông viết như một người lính đang ở giữa trận địa mà mệnh lệnh của lương tâm không cho phép ngừng bắn. Từ ngày lưu vong và định cư tại California - nơi ông vẫn gọi là "đất tạm trú", Phạm Kim Vinh đã viết và xuất bản 37 cuốn

Phạm Kim Vinh, Chiến Sĩ Cầm Bút

Sơn Tùng

sách, vừa Việt ngữ vừa Anh ngữ, và đang viết dở dang cuốn sách thứ 38: America: *From the Vietnam War to the 21st Century*. Ông nằm xuống như người lính vẫn còn cầm súng trên tay.

Có lẽ đó là điều ý nghĩa nhất trong cuộc chiến đấu đơn độc mà Phạm Kim Vinh đeo đuổi không mỏi mệt vì danh dự của người Việt tự do, và đặc biệt là danh dự của người lính Việt Nam Cộng Hòa đã bị bôi đen vì lãnh đạo tồi và vì thế lực truyền thông Tây phương bất công và bất lương.

Phạm Kim Vinh không kêu gào suông. Ông đã kiên trì thu thập dữ kiện, tài liệu, những bài báo, những cuốn sách của nhiều tác giả có thẩm quyền và lương thiện ở Tây phương để chứng minh rằng Quân đội Việt Nam Cộng Hoà là một quân đội ưu tú, dũng cảm, đã chịu đựng những hy sinh vô bờ bến trong một cuộc chiến đấu bất công và bạc bẽo để chống lại đội tiền quân của Cộng sản quốc tế, bảo vệ tự do cho phần còn lại của nhân loại mà cuối cùng còn bị vu cáo là "không chịu chiến đấu".

Luật-sư Phạm Kim Vinh

Nhưng Phạm Kim Vinh cũng không che đậy những khuyết điểm của Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà, đặc biệt là những cấp lãnh đạo bất xứng đã làm cho những hy sinh của hàng trăm ngàn quân nhân trở thành vô nghĩa và là mục tiêu lăng mạ của báo chí thiên tả Tây phương.

Trong 37 cuốn sách đã xuất bản của Phạm Kim Vinh, phần lớn đã tập trung vào mục đích phục hồi danh dự cho người lính Việt Nam Cộng Hòa. Cuốn sách cuối cùng, cuốn *Tôn Vinh Cuộc Chiến Đấu Thần Thánh của Quân Lực VNCH*, ông Phạm Kim Vinh đã cập nhật rất nhiều dữ kiện cũng như tài liệu mới, trong đó có những tài liệu vừa được giải mật trong văn khố Mỹ, để mạnh mẽ binh vực người lính Việt Nam Cộng Hoà và lên án những kẻ "hèn nhát đích danh" (như lời của ông) trong giới chính trị và báo chí Tây phương. Đồng thời ông cũng thẳng thắn trách cứ thái độ thụ động chấp nhận sự lăng nhục trong tập thể cựu quân nhân VNCH ở hải ngoại.

Ông viết như sau trong phần mở đầu: *"Sau năm 1975 trong cuộc sống lưu vong, đa số cựu quân nhân Việt Nam Cộng Hoà nuốt uất hận để cúi mặt lặng thinh mỗi khi có người ngoại quốc hỏi: 'tại sao không chiến đấu để mất miền Nam Việt Nam?' Thế giới chung quanh những người quân nhân ấy đã biến đổi sâu xa sau cái chết của Nam Việt Nam. Từ Tháng Tư Đen năm thứ nhất đến Tháng Tư Đen năm thứ 24, người ta được biết thêm nhiều điều chưa được tiết lộ trong chiến tranh Việt Nam. Nhiều tài liệu Mật của bộ quốc phòng Mỹ đã được giải tỏa độ Mật, và nhiều tác*

giả lương thiện thẳng thắn ca ngợi cuộc chiến đấu của quân lực Việt Nam Cộng Hòa. Nhưng trong khi có nhiều tiếng nói của người ngoại quốc phục hồi danh dự cho quân lực ấy thì tiếng nói của chính người Việt - những người đã được quân đội Việt Nam Cộng Hoà bảo vệ trong gần 1/4 thế kỷ, không được cất lên để ít ra cũng đền đáp được một phần nhỏ cho những hy sinh cao cả và phi thường của người quân nhân Việt Nam Cộng Hòa. Còn những quân nhân Việt Nam Cộng Hoà đang lưu vong cũng giữ một sự im lặng đáng lên án. Có nhiều lý do, nhưng sâu xa nhất là mặc cảm bại trận đã khiến họ trở nên thụ động và hèn nhát. Sự hèn nhát thụ động ấy càng khuyến khích thế giới bên ngoài tiếp tục khinh miệt và gán cho quân lực Việt Nam Cộng Hoà nhiều điều xấu xa do sự bịa đặt hoặc xuyên tạc."

Vì sự thẳng thắn như trên mà Phạm Kim Vinh đã làm "mất lòng" nhiều người, những người không thích bức chân dung quá trung thực mà một họa sĩ không quen nịnh hót đã vẽ về họ.

Phạm Kim Vinh đã đặt nhiều hy vọng vào cuốn sách cuối cùng ấy sẽ được giới cựu quân nhân tiếp đón nồng nhiệt hơn những cuốn sách trước. Nhưng ông đã thất vọng. Cuốn sách đã được ra mắt trong một buổi lễ long trọng tại Nam Cali, nhưng đã không có đông người tham dự - đặc biệt là giới cựu quân nhân - như mong đợi của tác giả.

Ông Phạm Kim Vinh đã chua xót nói với tôi: "Mình viết sách đề cao họ, mời họ tới để nghe mình ca tụng họ nhưng họ cũng không thèm tới."

Trong nhiều cuốn sách, Phạm Kim Vinh thường lên án sự "vô ơn" của xã hội miền Nam và của Thế giới Tự do đối với người lính VNCH, thì nay hình như ông đã cảm thấy cay đắng trước sự thờ ơ của giới cựu quân nhân trước cuộc chiến đấu bạc bẽo của ông.

Nhưng, như người lính của định mệnh, Phạm Kim Vinh không bao giờ ngừng chiến đấu cho điều mà ông tin là chân lý. Ông không bao giờ sợ nói thật, nhưng cũng không bao giờ tiếc lời khen. Ông ca ngợi hết lời những điều tốt cũng như thẳng thừng lên án điều xấu.

Nhiều người cho Phạm Kim Vinh là con người "cực đoan". Hình như ông chưa bao giờ chối bỏ điều ấy, hay là ông không bận tâm tới những phê phán ở bên ngoài. Nhưng nếu hiểu "cực đoan" là không thỏa hiệp hay không lùi bước trước kẻ thù thì Phạm Kim Vinh chính là con người ấy.

Tôi nghĩ con người như Phạm Kim Vinh rất cần vào lúc mà cụm từ "hòa hợp hòa giải" được nhiều người nói tới như một đường lối khôn ngoan, trong đó có cả những kẻ từng là người "chống Cộng".

Trong cuốn *Bút Ký Irina* tập Hai, bà Irina Zisman nhận định như sau về Phạm Kim Vinh và về những người "không cực đoan": *"Tuy rằng trong số bạn bè mới của tôi trong phe 'diều hâu' quốc gia, ngoài ông Phạm Kim Vinh, không ai thừa nhận mình là người có kiểu suy nghĩ cực đoan, mà họ chỉ thừa nhận là họ cực đoan đối với cộng sản, nhưng tôi nghĩ khác. Tôi cho rằng cách cảm nhận thế giới theo kiểu cực đoan là bản chất cá nhân của một số người, cũng như xu hướng làm xoá nhòa ranh giới giữa thiện và ác bằng màu sắc loè loẹt cũng là đặc điểm của một kiểu thế giới quan khác."*

Sau khi miền Nam Việt Nam sụp đổ, Cộng sản quốc tế thừa thắng xông lên, lấn chiếm một số nước làm nhiều kẻ khiếp sợ kêu gọi Tây phương "thỏa hiệp". "Đỏ còn hơn là chết". Năm 1980, ông Ronald Reagan dọn vào Tòa Bạch ốc và đã dứt khoát trả lời "không" cùng với nỗ lực tăng cường sức mạnh, đẩy lui kẻ thù, và cuối cùng đã thắng cuộc Chiến Tranh Lạnh. Sau này, Margaret Thatcher đã nói về Ronald Reagan: *"Khi những người khác đòi hỏi thỏa hiệp, ông truyền rao sự xác tín."*

Cũng vì sự xác tín ấy mà đôi khi Phạm Kim Vinh đã bị ngộ nhận. Như đề nghị đổi bản quốc ca. Ông nghĩ rằng người Quốc Gia đã sai lầm khi dùng bản *Thanh Niên Hành Khúc* của "một tên cộng sản" (Lưu Hữu Phước) làm quốc ca, và cần phải chọn một bài hát khác thay thế. Nếu việc ấy mà người Quốc Gia không dám làm hay không làm nổi thì mong gì làm việc lớn hơn? Ông Phạm Kim Vinh đã bị chỉ trích và bị chụp cho đủ thứ mũ mà không có cái nào vừa với ông.

Tôi chưa thấy ai có sức mạnh tinh thần để viết như Phạm Kim Vinh trong lúc sức khoẻ suy yếu và trong điều kiện vật chất thật khó khăn. Càng viết thì càng yếu và càng nghèo. Và có kẻ (chắc chưa bao giờ đọc sách PKV) đã nghi ngờ không CIA thì cũng Cộng sản chi tiền, nếu không Phạm Kim Vinh làm sao có thể ra nhiều sách như vậy, vì toàn là sách chính trị ít có độc giả? Phạm Kim Vinh đã cay đắng trả lời: "Vâng, người Việt Quốc Gia làm gì có sự hào phóng dám bỏ tiền để giúp vào việc tranh đấu cho chính nghĩa của họ. Chỉ có CIA và cộng sản mới làm được điều ấy!"

Trong các buổi ra mắt tác phẩm mới, khi ông Phạm Kim Vinh đứng nói, bà Phạm Kim Vinh thường ngồi nhìn chồng với đôi mắt rớm lệ. Đôi mắt nói lên tất cả nỗi xót xa.

Phạm Kim Vinh đã ra đi, để lại 37 cuốn sách và một khoảng trống. Sách nhiều người có thể viết, nhưng viết với nhiệt tình của một chiến sĩ như Phạm Kim Vinh tôi e rằng khó có người thay thế. ●

Mùa Xuân, Hoài Niệm và Tiễn Đưa

Phan Thịnh

Những lúc giao mùa, Đông chưa đi hẳn, Xuân mới thấp thoáng trở về, trong không khí rộn ràng hương khói đầu năm, xin cùng nhau nhắc nhớ đến những thi sĩ VN đã ra đi...

17-1, ngày giỗ Bích Khê (1916-1946), thi sĩ của mùa thu khói sương bàng bạc, của tiếng tiêu vàng thao thức:

Rồi một mùa thu vô hạn thương
Trở về dưới biếc chập chùng hương
Mùa thu ám ảnh người thi sĩ
Muốn thổi tiêu vàng giữa khói sương.
(Nấm mộ)

Bích Khê tên thật là Lê Quang Lương, sinh ngày 24-3-1916 tại làng Phước Lộc, huyện Sơn Tịnh, Quảng Ngãi. Ông bị bệnh phổi và mất vào nửa đêm 17-1-1946 trong hồi kinh vĩnh sinh với sự hiện diện của gia đình.

Cũng như những thi tài vắn số khác, Bích Khê như được mặc khải về giờ phút lâm chung của cuộc đời mình, một ước mơ, ấp ủ vượt thoát giữa sinh và tử, giữa mộng và thực, giữa hiện hữu và hậu thân:

Thân bệnh: ngô vàng mưa lá rụng
Bút thần: sông lạnh ánh sao rơi!
Sau nghìn thu nữa trên trần thế
Hồn vẫn về trong bóng nguyệt soi
(Đề bia trước mộ)

Một khúc ca xưa tràn vào ánh trăng ngày cũ, mái tóc dạ-lan-hương rũ xuống giữa trầm, tơ, trăng lụa và giữa mảnh vườn xưa:

Nếu cho ta, cho ta muôn yến nguyệt
Ngọc Kiều ơi! Này khúc lạc-mai-hoa
Suối tóc mát xuống một vườn sương tuyết
Xuống một vườn sương tuyết của trăng hoa
(Mộng cầm ca)

Buồn theo tiếng tơ, buồn giữa độ hoa vàng, buồn vèo theo mấy ngọn lá thu, buồn soi bên ánh trăng thiu mờ nhạt: mùa thu của Bích Khê:

Ô! Hay buồn vương cây ngô đồng
Vàng rơi! Vàng rơi! Thu mênh mông.
(Tỳ bà)

22-1, giỗ Phùng Quán (1932-1995). Phùng Quán với *Lời Mẹ Dặn* (1957), người mẹ âm thầm thủ tiết nuôi con:

Tôi mồ côi cha năm hai tuổi
Mẹ tôi thương con không lấy chồng
Trồng dâu nuôi tằm dệt vải
Nuôi tôi đến ngày lớn khôn...

Đáng quí hơn, người mẹ đã dạy con mình hãy sống một đời chân thật:

Năm nay tôi hai mươi lăm tuổi
Đứa bé mồ côi thành nhà văn
Những lời mẹ dặn thuở lên năm
Vẫn nguyên vẹn màu son đỏ chói
Người làm xiếc đi dây rất khó
Nhưng chưa khó bằng làm nhà văn
Đi trọn con đường chân thật...

Thơ Phùng Quán không chất chưởng cầu kỳ, cũng không la đà lãng mạn, Thơ ông như những hàng kẻ thẳng tắp trên trang giấy trắng tinh mà ông từng tâm nguyện:

...Khi bàn tay đã đuối
Khi tấm lòng đã mỏi
Khi con mắt bớt trong
Khi dũng khí đã nguội
Trang giấy có kẻ dòng
Giúp các em vỡ lòng
Và nâng đỡ nhà văn
Viết ngay và viết thẳng
Ngay thẳng và thủy chung
Dòng đầu đến dòng cuối!
(Trên giấy có kẻ dòng, 1984)

*

* *

La cà với bạn đi chợ Tàu San Francisco, mua được mấy con ếch sống bự tổ bố da màu xanh lá cây đậm và mốc và bóng như có tráng men. Ếch được làm tại chợ, phần xương thịt nguyên con bỏ bịch đem về; râm ran bàn lui tính tới thì chỉ có ếch chiên bơ là gọn lẹ, là số dách! Chạy ra tiệm ăn của một ông bạn khác (cũng ở gần nhà) xài ké cái lò deep fried, mấy con ếch được thấy vô cái chảo dầu vừa chín tới thì vớt lên, đổ vào một muổng bơ rồi chạy vội về nhà (không quên kéo theo ông chủ quán) là có ngay một đĩa đồ mồi. Nhậu thịt ếch lại nhớ lối câu ếch của ông cậu Lê mà tôi đã từng nhắc trong xóm cũ của một kỳ *Làng Văn*. Đi câu... ếch là lối giải trí rất lành mạnh của ông cậu gồ ghề này! Đồ nghề ư, một cái cần nứa dài, lớn và cứng hơn cần câu cá một tí, đoạn cước bự và cuối

đoạn cước, thay vì cái lưỡi câu là một... cục giẻ cỡ bằng đầu ngón tay cái cuốn thật chắc, thật tròn. Vào những lúc trời mưa, ông cậu rảo quanh mấy thửa ruộng. Rê cái cần quanh mấy cái "giường" ruộng cỏ mọc um tùm; mấy con ếch ngu ngơ đang xạo sự với nhau thì bỗng thấy cái cục gì tròn tròn lăn lăn theo mé nước bèn nhào ra đớp chơi; thế là ông cậu giật ngay cái cần lên cao. Chỉ giỏi xạo sự, tò mò, nhưng lại nhát gan; chưa kịp khoe cái tài "bắt gôn" với đám bạn thì bỗng nhiên thấy mình bị... thăng thiên, không biết níu vào đâu (hoảng quá mà!), ếch ta bèn ngậm chắc cái nùi giẻ! Rồi cứ thế, theo cái đà giật của ông cậu mà tà tà... bay vô bờ. Cũng rất lẹ, ông cậu đã thủ sẵn cái vợt, vừa tới tầm là ổng bung ra, cho đến khi ếch hoàn hồn thì đã ngồi bó rọ trong giỏ, ọ ẹ bối rối, thở than! Ông cậu lại cười khà khà, cái cười rất chướng, rất ngông.

21-1-1965, chính phủ của thủ tướng Trần văn Hương ra mắt quốc dân trong lúc đồng thời đối diện với cảnh chiến trường sôi sục, nội tình nhiễu nhương. Đâu được mấy hôm, đứng ngồi không yên trên cái ghế thủ tướng và trước hiện tình quá ngổn ngang và cấp bách của đất nước, "ông già gân" đã phải đăng đàn lên tiếng hiệu triệu quốc dân, kêu gọi mọi người hãy ý thức trách nhiệm của mình đối với quốc gia mà ngưng bạo động, biểu tình, đình công, bãi khóa là những hình thức xách động có lợi cho sách lược khủng bố và xâm lăng của Cộng sản. Cũng khoảng thời gian này, lực lượng cảnh sát đã bắt được một thanh niên, khoảng 20 tuổi đang chuyển xăng vào chợ Bến Thành để... đốt chợ. Đương sự đã bị tuyên án tử hình ít hôm sau! Có dư luận cho rằng, tòa án đã quá nặng tay khi ra án tử hình cho ông thanh niên này (vì chợ... chưa cháy); nhưng thử nghĩ, nếu thực hiện được âm mưu tàn độc đó, ông thanh niên phá hoại này sẽ làm thiệt hại biết bao nhiêu là sinh mạng và tài sản của đồng bào? Từ "bài Mỹ" rồi sang "chống Mỹ cứu nước" chẳng mấy hồi, nên một số người quá khích đã đốt phá thư viện và phòng đọc sách Hoa Kỳ để tranh đấu (!?) cho quyền tự quyết (!?) của người Việt. Cứ tạm cho là được đi vì đó là tài sản của... Mỹ. Nhưng âm mưu đốt chợ Bến Thành (và chợ Bà Chiểu, Gia Định) là phá hại tài sản quốc gia và sinh mạng đồng bào!

Đông xám, Bắc Cali mưa gió lu bù đâu khoảng mấy hôm, tuy trời vẫn không lạnh lắm. Đông xám, năm 1943, thi sĩ Huyền Kiêu đã phả tình sầu vào một ngày đông u ám, nghe như tang tóc và gây cảm giác ủ ê u buồn cho người thưởng ngoạn. Trong *Tình sầu,* Huyền Kiêu đưa giòng thơ qua mấy mùa mưa nắng, mấy lần dò dẫm hỏi han của chàng trai chung tình lẽo đẽo theo một hình bóng tưởng như liêu trai, mơ hồ như mộng mị:

Xuân hồng, có chàng tới hỏi
Em thơ, chị đẹp em đâu?
Chị tôi hoa trắng cài đầu
Đi ngắt hoa tươi ngoài nội

Hạ đỏ vẫn chàng tới hỏi
Em thơ, chị đẹp em đâu?
Chị tôi khăn thắm quàng đầu
Đi giũ tơ vàng bên suối

Thu biếc cũng chàng tới hỏi
Em thơ, chị đẹp em đâu?
Chị tôi xoã tóc ngang đầu
Đi hát tình sầu trong núi

Đông xám có chàng tới hỏi
Em thơ, chị đẹp em đâu?
Chị tôi hoa phủ đầy đầu
Đã ngủ trong lòng mộ tối
(Tình sầu)

25-1-2000, trong một ngày, cộng đồng người Việt tị nạn tại Nam Cali (Westminster) và hải ngoại đã chịu hai tin buồn của hai khuôn mặt văn học và nghệ thuật vĩnh viễn ra đi: nhạc sĩ Trầm Tử Thiêng và luật sư Phạm Kim Vinh, tức bình-luận-gia Trương Tử Phòng.

Sau tháng Tư năm 1975, nhạc sĩ Trầm Tử Thiêng ngưng sáng tác cho đến khi vượt biên (Galăng, 1984; Hoa Kỳ, 1985). Ông là một trong những nguồn nhạc của thuyền nhân tị nạn. Nhạc sĩ Trầm Tử Thiêng qua đời tại bệnh viện Anaheim, quận Cam.

Luật sư, học giả Phạm Kim Vinh, người luôn luôn tự hào là một người Việt quốc gia qua các tác phẩm và hoạt động của mình. Từ cuối năm 1976 cho đến nay, ông đã có 37 tác phẩm có giá trị lịch sử chung quanh những vấn đề chính trị và quân sự của miền Nam Việt Nam. Những điểm son và những khoảng tối về cuộc chiến đấu hào hùng của quân dân miền Nam Việt Nam được ông ghi lại với nhãn quan của một người Việt quốc gia như ông vẫn thường nhấn mạnh.

Luật sư Phạm Kim Vinh vĩnh biệt cõi đời lúc 8 giờ sáng ngày 25-1-2000 tại tư gia ở Fountain Valley, quận Cam, Nam Cali, hưởng thọ 69 tuổi.

Sáng sớm thứ Tư, Bắc Cali trời u ám; từ 3 giờ sáng, loay hoay không ngủ được vì hai tin buồn! Trên bàn là ấm trà và mấy cuốn sách của Phạm Kim Vinh mà tôi vẫn thường dùng để trích dẫn tài liệu; giòng nhạc là tiếng hợp ca của bài *Bước chân Việt Nam.* Giòng nhạc đó vang vọng những bước chân đi hoài mà không hề tới rồi, chen lẫn là những bước chân lạ lẫm, long đong theo những ngày tháng bỡ ngỡ xa lạ trên quê người.

Trong chương cuối của *Cái Chết của Nam Việt Nam,* học giả Phạm Kim Vinh đã: *"Không cần chối cãi rằng quân lực VNCH có*

một số cấp chỉ huy bất tài và tham nhũng. Nhưng lại cũng không thể chối cãi rằng có nhiều cấp chỉ huy rất tận tụy, hy sinh cho binh sĩ, thuộc hạ, và nếu muốn đếm số cấp chỉ huy đức độ này thì phải kể hàng trăm, hàng ngàn trở lên. Đó là những anh hùng vô danh của quân lực VNCH. Chính những người anh hùng vô danh ấy đã giữ cho Miền Nam không bị cộng sản xâm chiếm trong hơn hai chục năm..." (sđd, tr. 420).

Dưới nhãn quan của một nhà chiến thuật và chiến lược (thuộc trường Chỉ Huy và Tham Mưu) và như một chứng nhân của cuộc chiến khốc liệt, học giả Phạm Kim Vinh cũng nhắc đến những hy sinh và chịu đựng của những người vợ lính: "*...Những người "vợ lính" đã thi đua với những người chồng trong sự chịu đựng. Họ đã an ủi và khuyến khích người chồng hãy rán chịu đựng thêm... Trong trí óc giản dị, những người đàn bà ấy linh cảm rằng nếu mà chồng con họ buông súng thì nhân dân Miền Nam sẽ còn cực khổ gấp ngàn lần hơn thế. Thế là những người vợ lính ấy chấp nhận hy sinh, không oán than đã từng hàng chục năm rồi...*" (sđd, tr. 421).

Cùng với những tấm lòng thành cho miền Nam Việt Nam, cho tổ quốc đã ra đi và nằm xuống bên quê nhà rồi quê người, nhạc sĩ Trầm Tử Thiêng và học giả Phạm Kim Vinh đã để lại nhiều tâm huyết cho hậu thế. Di sản của họ tiếp tục đóng góp vào mạch sống của cộng đồng, xuôi về quê hương với tâm tình cố cựu... Xin thắp vài nén hương, kính cẩn cúi đầu trong niềm kính trọng và nỗi buồn tử biệt. ●

Về Những Cái Tên

Hồng Huy

Tên thì có khá nhiều loại, tên người, tên đất, tên núi sông cây cỏ... Ở đây, chúng ta sẽ không bàn đủ, chỉ thu hẹp trong phạm vi tên của những tác phẩm văn chương nghệ thuật, cụ thể là tên những cuốn sách, tên những bài thơ, bản nhạc...

Trước hết, xin nói về tên những cuốn sách.

So với tiếng Pháp, tiếng Anh, và chữ Hán, về tên một cuốn sách, tiếng Việt có nhiều từ để chỉ hơn. Thông thường, tiếng Pháp dùng chữ *titre*, tiếng Anh dùng chữ *title*, chữ Hán dùng từ "thư danh", nhưng tiếng Việt dùng nhiều từ khác nhau: Nhan đề, tựa đề, đầu đề; và ba chữ đầu của những từ kép này cũng được dùng như "tên sách": Nhan cuốn sách ấy là *Giấc Mộng Lầu Hồng;* Nhà văn này viết không hay lắm, nhưng biết cách đặt tựa để gây sự chú ý; Năm nay, nhà xuất bản ABC đã cho ra được trên ba chục đầu sách. Tất cả những chữ ấy đều thông dụng.

Để tránh lẫn lộn, nghĩ cũng nên nói qua một chút về nguồn gốc chữ "tựa". Chữ này vốn là chữ *tự* của chữ Hán (viết với bộ *yểm*), chỉ bài viết đặt ở đầu sách, giới thiệu tổng quát nội dung, tiếng Pháp gọi là *préface*, tiếng Anh gọi là *foreword*. Bài này thường do một người có danh vọng hơn tác giả viết; nếu do chính tác giả viết, thì chữ Hán gọi là"tự tự" (chữ "tự" trước có nghĩa là do chính mình). Cũng có dụng ý giới thiệu cuốn sách, nhưng được đặt cuối sách, thì được gọi là "bạt" (viết với bộ

"túc"); cũng gọi là "bạt hậu"; tiếng Pháp gọi là *épilogue*, tiếng Anh gọi là *postface, afterword*. Người viết "bạt" không cần nổi tiếng hơn tác giả.

"Đề tựa" không có nghĩa là đặt nhan đề cho một cuốn sách, mà chỉ là viết "bài tựa" cho cuốn sách ấy. "Đề bạt" trong phạm vi sách vở chỉ có nghĩa là viết "bài bạt" cho một cuốn sách, khác với "đề bạt" là cử một người lên giữ chức vụ cao hơn, trong lãnh vực hành nhiệm.

Bây giờ, xin nói qua về những loại nhan sách.

1. Nhan đề có chữ cho biết văn loại của tác phẩm:

Trong phạm vi sách cổ của Trung-quốc, thấy nhan cuốn nào có chữ "sử", thì biết ngay đó là sách thuật lại chuyện các triều đại, như *Tống Sử, Minh Sử*... Đây là những bộ sử chính thức, do sử quan chép. Nếu nội dung cũng kể chuyện triều đại, nhưng có ghi thêm truyền thuyết, chuyện dân gian, thì người ta dùng chữ "thư" thay cho chữ "sử", như *Hậu-Đường Thư, Hậu-Hán Thư*... Cũng có khi người ta dùng chữ "truyện" cho loại lịch sử ký sự này, như *Tả Truyện* là bộ sách kể chuyện đời Chiến-Quốc của Tả Khâu Minh (Người đời trước chỉ coi bộ Xuân-Thu của Khổng Tử là sử chính thống nên gọi là "kinh", và gọi sách của họ Tả là "truyện"). Văn của những bộ "sử", "thư", "kinh", và "truyện" (loại này) luôn luôn là tản văn.

Chữ "truyện" còn được dùng cho nhan đề những cuốn dã sử, hoặc tiểu thuyết dính líu ít nhiều với lịch sử: *Thủy-Hử Truyện* (còn gọi là *Tống-Giang Truyện*) của Thi Nại Am, *Càn-Long Nam Hạ Truyện* (khuyết danh)... Đôi khi chuyện viết về một người, đáng lẽ gọi là "tiểu truyện", cũng được gọi là "truyện", như *Đỗ Thập Nương Truyện, Tiết Đào Truyện, Lương Hồng Truyện* (đều khuyết danh)... Đây chính là những cuốn tiểu sử viết thành tiểu thuyết. Nếu trong tiểu sử có những chi tiết có tính cách huyền thoại, người ta đưa vào tựa chữ "ngoại truyện". Chữ "ngoại" này có ý nói cho độc giả biết rằng tác giả không dựa vào xác cứ, độc giả chỉ nên đọc để giải trí, đừng coi là chuyện có thật. Đây cũng là trường hợp của cuốn *Nho Lâm Ngoại Sử* của Ngô Kính Tử.

Cũng có khi thay vào chỗ chữ "truyện", người ta dùng chữ "chí", như *Tam-Quốc Chí, Thập Bát Phiên-Vương Chí*... Tiếp theo những bộ "truyện", những bộ "chí" này, thường có những bộ "diễn nghĩa", kể lại tỉ mỉ hơn những sự việc đã xảy ra, như *Tam-Quốc-Chí Diễn-Nghĩa* của La Quán Trung, *Nhạc Phi Truyện Diễn-Nghĩa* (khuyết danh)... Hai chữ "truyện" và "chí" nghe trang trọng như thế, nhưng cũng có khi được đưa vào nhan đề những cuốn sách có nội dung rất tạp, như *Bắc-Lý Chí, Bình-Khang Truyện* (cả hai đều đều khuyết danh) kể chuyện xóm kỹ nữ ở thành Trường-An đời Đường.

Chữ "ký" thường được dùng để kể lại một chuyến đi, như *Tây-Du Ký* của Ngô Thừa Ân. Những chữ "du ký", "ký sự", hoặc "ký", thường cũng được dùng cho những tác phẩm loại này. Nhưng trong cổ văn Trung-Quốc, chữ "ký" còn được dùng cho những vở tuồng, như *Oanh-Oanh Đãi Nguyệt Tây Sương Ký* (gọi tắt là *Tây Sương Ký*) của Vương Thực Phủ, *Thủy-Hử Ký* của Mai Hoa Thụ...

Tác phẩm cổ văn của Việt-Nam không nhiều, những cuốn có nhan đề cho biết văn loại lại càng ít. Những tác phẩm ra đời sớm, như *Việt Điện U Linh* của Lý Tế Xuyên, *Lĩnh Nam Chích Quái* của Trần Thế Pháp, khi mới hành thế, tên cũng chỉ là bốn chữ như vậy. Những bản in lại về sau, chữ "tập" được thêm vào, có ý cho biết trong sách có nhiều truyện. Chỉ có mấy cuốn *Thượng Kinh Ký Sự* của Hải-Thượng Lãn-Ông Lê Hữu Trác, *Hoàng Lê Nhất Thống Chí* của dòng họ Ngô-Thì Tả-Thanh-Oai, *Từ Thức Truyện* (không biết tác giả), *Phù Dung Tân Truyện* (cũng khuyết danh), là có ghi văn loại. Hai quyển trước viết bằng văn xuôi, hai quyển sau bằng văn vần. Những truyện thơ Nôm về sau, đặt nhan đề không theo cấu trúc chữ Hán, thường đặt chữ "chuyện" (hoặc vè) trước mấy chữ nói về nội dung: *Chuyện Chàng Lía, Vè Trò Đông*...

Xin nói kỹ về chữ "tân" trong các tựa sách. Trong các tựa sách, tính từ có nghĩa là "mới" này thường được đặt trước những danh từ có nghĩa là "soạn phẩm", để cho biết trước kia đã có một cuốn, cuốn nói đây là cuốn mới. Chẳng hạn, *Phù Dung Tân Truyện* là câu chuyện về bức tranh hoa phù dung được viết lại... "Tân thư" tức là trước đó đã có một "thư" (hoặc hai ba) cũng cùng một nội dung; "tân biên" tức là trước đó đã có những "biên" khác rồi. Chữ "tân" trong cái tựa gốc của Truyện Kiều do chính Nguyễn Du đặt, cũng có cùng công dụng: Đoạn Trường Tân Thanh có nghĩa là "tiếng kêu mới về nỗi đoạn trường" (Những tiếng kêu cũ là của Thanh Tâm Tài Nhân, của Dư Hoài...).

Nhưng có một điểm cần phân biệt: Trước đây, đã có người dùng chữ "tân truyện" để dịch chữ *nouvelle* của tiếng Pháp, chữ *novella* của tiếng Anh. Đúng ra, hai chữ này nên được dịch đơn giản là "truyện ngắn"; dịch là "tân truyện" có thể gây hiểu lầm là sách viết lại một truyện đã được viết. Tuy nhiên, chữ "tân truyện" nói đây thường không được đặt liền sau những chữ nói về nội dung, mà được in bằng chữ nhỏ ở phía dưới, để cho biết văn loại của tác phẩm, cũng giống như những chữ "biên khảo", "ký

sự", "tiểu sử", v.v...

Trong lãnh vực trước thuật, thường có hiện tượng viết nối theo những tác phẩm nổi tiếng. Ngoài điểm được độc giả ái mộ, những tác phẩm mọc đuôi này phải có phần kết chưa phải là dứt hẳn, có thể khai thác để kéo dài ra. Những cuốn nối theo thường giữ nguyên tựa cũ, chỉ thêm phía trước chữ "tục", như *Tục Anh Hùng Náo*, hoặc chữ "hậu", như *Hậu Tam Quốc Chí*... Nhưng trong các nền văn học Âu-Mỹ, nếu có viết nối, người ta thường lấy tựa mới. Như trường hợp Alexandra Ripley viết cuốn nối theo (xuất bản năm 1992) cuốn *Gone With The Wind* của Margaret Mitchell (xuất bản năm 1936), lấy tựa mới là *Scarlett*.

Trong phạm vi sử liệu, viết nối theo thì người ta thường dùng chữ "tục biên". Cùng một bộ sử, mà có tập trước tập sau, thì tập đầu thường được gọi là "tiền biên", tập giữa là "chính biên", tập cuối là "hậu biên". Về sau, người ta dùng "tập thượng", tập trung", "tập hạ" thay vào; chữ Hán, nhưng cấu trúc lại là Việt, nghe cho mới.

2. Nhan đề nội dung

- Những nhan đề đặt theo tên của nhân vật chính:

Tiểu thuyết chương hồi của Trung-Quốc thường có nhan đề kiểu này: *Tiết Nhơn Quí Chinh Đông, Ngũ Hổ Bình Tây, Nhạc Phi Truyện*... Độc giả nghe hiểu ngay nội dung. Về sau, những người soạn lại muốn văn chương hóa, mới đổi thành *Phấn Trang Lầu, Vạn Huê Lầu, Tinh Trung Báo Quốc*, nghe hay hơn nhưng cũng khó hiểu hơn. Cách đặt đề theo tên nhân vật được các nhà văn Trung-Quốc giữ cho những tác phẩm ra đời trong những thập niên đầu thế kỷ này: *Võ Tắc Thiên, Viên Thế Khải, Từ Hi Thái Hậu, Hồng Tú Toàn Ngoại Truyện*...

Những tuồng hát bội và cải lương của người Việt phỏng theo truyện Tàu, cũng thường được đặt tên theo nhân vật. Những cái tên này dễ hấp dẫn người coi hơn những cái tên văn chương. Chẳng hạn, nghe tên tuồng là *Bao Công Tra Án Quách Hòe*, người dân quê hiểu ngay và thích tới coi hơn nghe tên tuồng là *Li Miêu Hoán Chúa*, hoặc *Lạc Mạo Phong*; nghe tên tuồng là *Lữ Bố Hí Điêu Thuyền*, người bình dân muốn tới coi hơn là nghe tên tuồng là *Phụng Nghi Đình*...

Cách dùng tên nhân vật để đặt tựa là cách phổ biến trên thế giới. Các nhà văn, các kịch tác gia Âu-Mỹ, người nào cũng có những tác phẩm có tựa đề kiểu này: *Don Quixote* của Cervantes (Tây-Ban-Nha); *Andromaque* của Racine (Pháp); *Anna Karénine* của Léon Tolstoi (Nga); *Jane Eyre* của Charlotte Bronte (Anh); *Faust* của Goethe (Đức); *Napoléon Bonaparte* của Dumas cha (Pháp); *Những Cuộc Phiêu Lưu Của Tom Sawyer* (Mỹ)... Đây chỉ là kể tượng trưng năm ba danh tác. Sự thật, trong rừng tác phẩm quốc tế, số có nhan đề mang tên nhân vật phải lên đến hàng vạn.

Đối với số tác phẩm Việt-Nam thời tiền chiến, sự tình cũng không khác. Nhà văn nào có viết tiểu thuyết thì cũng có ít nhất một cuốn nhan đề là tên nhân vật chính: Hoàng Ngọc Phách có *Tố Tâm*; Khái Hưng có *Hạnh*; Lê Văn Trương có *Cô Tư Thung*; Thế Lữ có *Lê Phong Phóng Viên*; Nguyễn Công Hoan có *Cô Giáo Minh*; Nguyễn Triệu Luật có *Chúa Trịnh Khải*...

Nói chung, loại nhan đề đặt theo tên nhân vật nhiều khi không có tính cách thông báo nội dung, trừ khi nhân vật có tính cách lịch sử (*Bà Chúa Chè* của Nguyễn Triệu Luật; *King Lear* của Shakespeare), hoặc có tính cách truyền thuyết dân gian (*Robin Hood And The Potter*, thi phẩm khuyết danh của Anh; *Thạch Sanh*, truyện thơ khuyết danh của Việt-Nam). Hoặc giả, trong nhan đề còn có chữ gì đó nhắm mục đích thông báo, như những chữ "chinh đông, chinh tây" của truyện Tàu, những chữ "phiêu lưu" trong những tựa sách của Mark Twain.

Ngoài ra, một khi tựa chỉ là một cái tên nhân vật, thì độc giả sẽ không đoán được nội dung tác phẩm. Chẳng hạn, chỉ nhìn thấy nhan đề là ...*mile*, độc giả không tài gì đoán được Jean-Jacques Rousseau bàn về giáo dục; chỉ nhìn thấy nhan đề là *Thérèse Raquin*, không ai đoán nổi là ...mile Zola mổ xẻ về tính dục.

- Những nhan đề thông báo nội dung:

Nói "thông báo nội dung" chỉ là để phân loại. Thật ra, không có cái nhan đề nào có thể cho biết đủ, hoặc cụ thể về nội dung cuốn sách.

Cái nhan đề *Vang Bóng Một Thời* chỉ giúp cho người đọc biết tác giả Nguyễn Tuân sẽ kể chuyện xưa, chớ không cho biết ông quan niệm như thế nào về những chuyện xưa ấy. Chỉ đến khi đọc xong cuốn sách, chúng ta mới nhận ra Nguyễn Tuân đứng trên quan điểm nghệ thuật mà viết, không nặng về lựa chọn khen chê. Cũng vậy, khi đọc thấy cái tựa *The Old Man And The Sea*, chúng ta chỉ có thể đoán nhân vật chính là một ngư ông, nhưng không thể nào biết Hemingway sẽ cho ngư ông chiến đấu như thế nào với sức mạnh của thiên nhiên.

Tuy nhiên, cũng có những cái tựa hé lộ cho chúng ta biết quan điểm của tác giả. Những cái tựa *Lọng Cụt Cán, Người Ngợm* đã nói ngay cho chúng ta biết rằng Tam Lang Vũ Đình Chí sẽ châm biếm (về những thói rởm, những người

đáng chê, lúc đương thời). Cái tựa *Hồng Lâu Mộng* cũng cho biết tác giả Tào Tuyết Cần không tán thành chế độ đại gia đình thời phong kiến.

Thông báo rõ nhất là những cái tựa của những quyển du ký, thường có ghi nơi tác giả đến thăm, có khi cả thời gian đi: *Ba Tháng Ở Paris* (Phạm Quỳnh); *Mười Ngày Trong Đồng Tháp Mười* (Nguyễn Hiến Lê).

Vừa thông báo vừa giới hạn là nhan đề của những cuốn nghiên cứu, biên khảo: *Trung-Quốc Triết Học Sử* (Phùng Hữu Lan) chú trọng triết học, không chú trọng văn học, trọng tâm là Trung-Quốc, có bàn tới những nền triết học khác cũng chỉ là để đối chiếu. *Văn Học Đời Lý* (Ngô Tất Tố) nhắm đối tượng là văn học, không chú trọng chính trị, phạm vi là đời nhà Lý, không bàn đến những thời đại khác.

Trong lãnh vực khảo cứu, nhất là khảo cứu về triết học, văn học, và sử học, các tác giả thường khiêm tốn thêm vào tựa những chữ tự đánh giá thấp công trình của mình, như "lược", "sơ lược", "sơ khảo", "lược khảo"... Thỉnh thoảng trong tựa cũng có những chữ có nghĩa đại để như thế, nhưng không phải do lòng khiêm tốn của tác giả, mà do chính phạm vi vấn đề được đưa ra bàn. Đây là trường hợp những chữ "khái luận", "đại cương", "giản ước". Ghi những chữ này vào tựa, các tác giả không có ý nói "vì tài hèn sức mọn", "vì kiến văn không đủ", mà chỉ muốn cho độc giả biết trước rằng vấn đề sẽ được trình bày một cách tóm tắt nhưng vẫn đủ các nét chính. Chữ "nhập môn" cũng nhắm mục đích ấy. "Triết học nhập môn" có nghĩa là ai muốn tìm hiểu triết học, trước hết hãy đọc cuốn này. "Nhập môn" đây là đối với độc giả, không phải đối với tác giả.

- Những nhan đề xác định nội dung:

Đây cũng là loại nhan đề thông báo nội dung, thường dùng cho những tác phẩm có nội dung thật rõ.

Trong lịch sử văn học Âu-Mỹ, có những nhà văn chuyên viết tiểu sử. Họ thường dùng tên nhân vật của họ làm tên cuốn sách, không thêm thắt gì. Nhưng cũng có những cuốn có tựa dài hơn. Những chữ thường được thêm là "cuộc đời", "sự nghiệp", "thời đại", "ái tình"... Thật ra, đây chỉ là kiểu hoa hoè. Dù có hay không có những chữ ấy ở nhan đề, trong sách vẫn có đủ thứ về nhân vật làm đối tượng. Đọc những cuốn tiểu sử của Âu-Mỹ, chỉ sợ dư, khỏi sợ thiếu. Họ viết kỹ lắm. Đôi khi quá kỹ, đến độ người đọc phải nhăn mặt vì tính cách moi móc. Có những nhân vật nổi tiếng trở thành đối tượng cho mấy chục bộ tiểu sử, ra đời rải rác trong suốt thế kỷ, bộ mới nhất có khi dài gấp năm bảy lần bộ cũ nhất. Những cái được coi là mới trong những cuốn ra đời sau là những "phát kiến" về đời tư, lắm khi khó tin là có thật.

Ở Việt-Nam ta, thời tiền chiến, cũng có mấy nhà văn chuyên lấy nhân vật làm đối tượng cho tác phẩm. Đó là các ông Đào Trinh Nhất, Trần Thanh Mại, Phan Trần Chúc, Ngô Văn Triện, Nguyễn Triệu Luật. Trong N*hà Văn Hiện Đại*, Vũ Ngọc Phan xếp tác phẩm của họ vào loại "truyện ký" và "lịch sử ký sự". Họ thường chỉ lấy tên nhân vật mà họ nghiên cứu làm tên sách; *Vua Hàm-Nghi, Vua Quang-Trung, Lê Hoan* (của Phan Trần Chúc); *Phan Đình Phùng* (của Đào Trinh Phất); *Bà Chúa Chè, Chúa Trịnh Khải* (của Nguyễn Triệu Luật); *Tuy Lý Vương, Hàn Mặc Tử* (của Trần Thanh Mại); *Cao Bá Quát, Nguyễn Trãi* (của Trúc Khê Ngô Văn Triện).

Tôi nghĩ viết tiểu sử (hoặc phần chính là tiểu sử) thì trong nhan đề của tác phẩm nên có tên của nhân vật đối tượng. Cách đặt nhan đề không có tên nhân vật đôi khi cũng làm khó cho độc giả. Thí dụ cuốn sách của Trần Thanh Mại viết về Tú Xương có tựa là *Trông Giòng Sông Vị*, nghe hay nhưng không chắc là dễ đoán đối với mọi độc giả. Đặt tựa như Đào Trinh Nhất, *Đời Cách Mệnh Phan Bội Châu*, thì rõ ràng hơn nhiều.

- Những nhan đề tóm tắt nội dung:

"Tóm tắt" nói đây là hàm ý. Trong tác phẩm, có thể có nhiều sự kiện, nhiều cuộc đời, nhiều vấn đề, nhưng chủ đề bao quát chính là cái tựa của cuốn sách. Chẳng hạn, bộ trường thiên tiểu thuyết *Les Misérables* của Victor Hugo, gồm 10 tập, chứa đựng bao nhiêu chuyện thiện ác, nhưng chung qui, đối tượng miêu tả phân tích của tác giả vẫn là "những kẻ khốn cùng" trong xã hội. Cũng giống như thế, bộ *Chiến Tranh Và Hoà Bình* của Léon Tolstoi có cái nhan đề không thể nào đặt khác: Trong câu chuyện (đúng hơn, trong những câu chuyện), tình tiết vừa nhiều vừa phức tạp, trí nhớ tốt tới đâu cũng không thể kể đủ. Nhưng, để nói lên một nguyên nhân chung, để nói lên một bối cảnh chung, thì chỉ cần mấy chữ "chiến tranh và hoà bình", là đủ.

Còn có những cái tựa tóm tắt nội dung gọn và rõ hơn nữa: Prosper Mérimée có một truyện ngắn có tựa là *Vendetta* (cũng có tựa là *Mateo Falcone*), kể về những chuyện trả thù giữa những dòng họ sống trên các hải đảo vùng Địa-Trung-Hải tây, nhất là đảo Corse của Pháp. Ai biết tiếng Pháp, đọc thấy cái tựa, là đoán được nội dung câu chuyện. *Vendetta* là tên gọi những vụ trả thù loại ấy. Cuốn *Loạn Kiêu Binh* của Nguyễn Triệu Luật cũng giống như vậy. Trong lịch sử thế giới, của Tàu và của ta, binh lính thì không biết bao nhiêu thứ, nhưng được các sử

gia gọi là "kiêu binh" thì có lẽ chỉ có đám lính do Phủ Liêu tuyển từ quê hương của nhà chúa (Thanh-Hóa), được tin cậy cho làm lính túc vệ giữ kinh thành, và giữ ngôi cho chúa. Do đó, thấy cái tựa, ai cũng biết cuốn sách sẽ kể chuyện nổi loạn của đám "Ưu Binh" (còn gọi là lính Tam-Phủ), vào khoảng cuối đời nhà Trịnh.

Xin dẫn hai tác phẩm Việt có nội dung và nhan đề gần giống nhau, để nhận xét qua về dụng ý đặt tựa của người viết: Ngô Tất Tố và Chu Thiên cùng viết về việc học hành thi cử thời xưa, tác phẩm ra đời gần như đồng thời, Ngô Tất Tố lấy nhan là *Lều Chõng* (1941), Chu Thiên lấy nhan là *Bút Nghiên* (1942). Đọc kỹ hai cuốn, không bàn chuyện hay dở, chỉ để ý quan điểm của tác giả đối với chuyện cũ và lề thói cũ, chúng ta nhận thấy Chu Thiên thản nhiên, mà Ngô Tất Tố châm biếm. Hai cái nhan đề cũng đã báo trước điều này: "Bút nghiên" và "lều chõng" đều là chữ để chỉ việc học hành thi cử ngày xưa, nhưng chữ trước không khen chê, còn chữ sau hàm ý chỉ trích.

- Những nhan đề do nội dung mà có, nhưng không thông báo:

Loại nhan đề này chiếm đa số trong lãnh vực tiểu thuyết. Đọc xong tác phẩm, độc giả nhận ra cái tựa chính là chủ đề của cuốn sách, nhưng chưa đọc thì không thể nào đoán được nội dung sẽ nói gì. Tựa đặt theo kiểu này thì nghe hay, nhờ tính cách tượng trưng.

Đọc những cái tựa *The Grapes of Wrath* của Steinbeck, *The Sound and the Fury* của Faulkner, *La Peau de Chagrin* của Balzac, chúng ta không thể nào đoán được sách sẽ nói gì. Nhưng sau khi đọc xong, ai cũng phải nhận những cái tựa kia chính là nội dung rút gọn.

Đây cũng là trường hợp những cuốn *Đoạn Tuyệt* của Nhất Linh, *Nửa Chừng Xuân* của Khái Hưng, *Giông Tố* của Vũ Trọng Phụng. Đây là ba cuốn tiểu thuyết được kể là hay thời tiền chiến, chắc nhiều bạn còn nhớ nội dung. Xin dừng lại đây một chút, để làm rõ cái ý "nhan đề chính là nội dung, nhưng không dự báo nội dung".

Đọc xong *Đoạn Tuyệt*, nhớ lại cảnh tù hãm mà Loan phải chịu đựng trong những ngày chung sống với chồng tại nhà bà Phán Lợi, nhớ lại mũi dao oan nghiệt kết liễu đời Thân và đưa Loan ra tòa về tội giết chồng, nhớ lại những suy nghĩ của nàng về cái cũ cái mới, chúng ta nhận thấy Nhất Linh lấy tựa *Đoạn Tuyệt* là phải. "Đoạn tuyệt" đây là đoạn tuyệt với những gì xưa cũ, những gì cổ hủ. Và đó cũng chính là chủ trương của tác giả.

Nhưng khi mới nhìn bìa sách, không ai có thể đoán được tư tưởng của Loan (và của tác giả) tiến bộ đến như vậy, nhưng vẫn phải nhờ một sự rủi may tán trợ, mới dứt bỏ những gì muốn dứt bỏ.

Trong *Nửa Chừng Xuân*, Mai là cô gái có nhan sắc, có học, có tư cách, yêu rồi lấy Lộc. Nhưng cuộc hôn nhân không được bà Án, mẹ Lộc chấp nhận. Bà Án đã tìm mọi cách ngăn trở, rồi khi không ngăn được, bà phá cuộc hôn nhân mặc dù Mai đã có con với con bà. Lộc phải cưới một người con gái khác thuộc gia đình môn đăng hộ đối. Trong khi đó, Mai phải một mình nuôi con, nuôi em trai đang lâm trọng bệnh. Nàng phải đi ngồi mẫu cho họa sĩ, và phải nhờ đến sự giúp đỡ của một cô gái giang hồ tốt bụng, mới vượt được khó khăn mà không cần nhờ đến Lộc. Lúc bấy giờ, Mai chỉ mới ngoài hai mươi tuổi, nhan sắc còn đang độ làm nhiều người phải say đắm.

Đúng như cái tựa, mọi việc đã xảy ra trong lúc Mai đang "nửa chừng xuân". Nhưng khi chưa đọc cuốn sách, độc giả không thể nào đoán được là Mai đã từ chối lời cầu xin của Lộc và bà Án, không chịu về sống chung với Lộc. Nhờ nghị lực, nàng có thể tiếp tục sống tự lập; nhờ lòng tự trọng, nàng đã quên được tuổi xuân giữa lúc tuổi đang xuân.

Giông Tố là một cuốn tiểu thuyết có nhiều tình tiết phức tạp tròng tréo lên nhau. Nghị Hách cưỡng dâm Thị Mịch; Thị Mịch là vị hôn thê của Long; Long làm việc cho Tú Anh là con trai của Nghị Hách; Tú Anh ép cha phải đem Thị Mịch về nhà, và gả con gái là Tuyết cho Long; tại nhà Nghị Hách, Thị Mịch, lúc bấy giờ là vợ bé Nghị Hách và đang mang thai, đã thông dâm với Long; rồi Hải-Vân, ngày trước là bạn cai phu mỏ với Nghị Hách, xuất hiện như một tay hoạt động chính trị; do sự dàn cảnh của Hải-Vân, Nghị Hách bắt quả tang vợ chánh của mình ngoại tình; rồi nhân đó, những sự ly kỳ khác xuất hiện: Vợ Nghị Hách thú nhận đã ngoại tình với Hải-Vân mà sinh ra Tú Anh, và Hải-Vân nói rõ Long chính là đứa con trai do Nghị Hách cưỡng bức vợ mình mà sinh ra; như thế, Tuyết đã lấy người anh cùng cha khác mẹ làm chồng; cuối cùng, Long tự tử; và Hải-Vân từ biệt Tú Anh trên bờ biển một đêm dông bão.

Thật ra, không cần đến cái pha cuối cùng, cả cuốn sách từ đầu chí

cuối đều là "dông tố".Đọc *Giông Tố* của Vũ Trọng Phụng, chúng ta không khỏi nghĩ tới vở kịch *Lôi Vũ* của Tào Ngu. *Lôi Vũ* và *Giông Tố* có những tình tiết rất giống nhau. Cũng ngoại tình, cũng loạn luân, cũng tự tử, cũng mưa gió sấm chớp... Chỉ khác ở chỗ *Giông Tố* kéo dài, vì là chuyện trong tiểu thuyết, còn *Lôi Vũ* thu gọn, vì là chuyện trong một vở kịch được viết theo luật "tam duy nhất".

Tuy nhiên, nếu căn cứ vào tựa mà suy nội dung, thì đối với cả hai, *Lôi Vũ* cũng như *Giông Tố*, người đọc cũng chỉ đoán trong chuyện sẽ có nhiều biến động đầy kịch tính, chớ không thể nào tưởng tượng ra được chừng kia sự việc ly kỳ.

- Những nhan đề đặc biệt:

Nhan đề là một chữ có ý nghĩa nổi nhất trong toàn câu chuyện:

Bạn nào còn nhớ nội dung quyển *Tắt Đèn* của Ngô Tất Tố, có lẽ còn nhớ luôn cái chi tiết đặc biệt này: Hai chữ "tắt đèn" nằm trong câu nói của ông già nhà giàu khi sắp cưỡng bức chị Dậu (Tắt đèn, nhà ngói cũng như nhà tranh). Đứng về mặt nghĩa lý tổng quát, hai chữ "tắt đèn" không biểu lộ, hoặc tượng trưng được cho cái gì hết cả. Nhưng Ngô Tất Tố rất có lý khi dùng hai chữ ấy để đặt nhan cho tác phẩm của ông. Đọc những câu cuối của cuốn sách, ai cũng để ý câu nói của ông già không nên nết kia, nhất là hai chữ "tắt đèn". Chữ này sẽ đọng lại lâu trong tâm trí của người đọc, khơi sâu ác cảm đối với kẻ giàu độc ác, và thương cảm đối với kẻ nghèo phải đem thân làm tôi tớ cho người.

Nhan đề chỉ là một chữ:

Như cuốn *Đẹp* của Khái Hưng, thời tiền chiến. Nhân vật là một họa sĩ, suốt đời tôn thờ cái đẹp, đặt cái đẹp lên trên mọi sự, coi đẹp là cứu cánh của cuộc sống nhân sinh.

Khái Hưng có một cuốn khác, nhan đề cũng chỉ một chữ, nhưng là tên nhân vật chính (cuốn *Hạnh*, đã nói ở phần trên), nên không có vẻ làm dáng như cuốn *Đẹp* nói đây. Khi muốn tóm tắt nhiều vấn đề đưa ra trình bày trong suốt mấy trăm trang sách, mà chỉ dùng một chữ, thì người đặt tựa cũng đã ngầm có ý tin rằng chữ ấy đủ sức bao quát vấn đề. Nhưng trong thực tế, ít khi gặp được một chữ đắc dụng như thế, nên khi đặt đề một chữ mà không phải là tên nhân vật, thì nhiều ít cũng đã có ý làm dáng.

Trong lịch sử văn học Miền Nam thời hậu chiến, có lẽ Chu Tử là nhà văn có nhiều hơn hết những tác phẩm có nhan đề một chữ: *Yêu, Ghen, Sống, Tiền, Loạn.*

Nhan đề là tên một truyện trong tập:

Đây là trường hợp những tập truyện ngắn cùng tác giả. Tập gồm nhiều truyện, tác giả (hoặc nhà xuất bản) lấy tựa của truyện ưng ý nhất làm tên cho cả tập. Truyện này thường được xếp ở đầu tập, nhưng cũng có khi được đặt ở chỗ khác.

Những truyện trong tập ít khi có cùng chủ đề, truyện được chọn lấy tên làm tựa chung không có tư cách đại diện, cho nên cũng không thể căn cứ vào cái tựa để suy ra được điều gì. Trường hợp các đặc san thì khác. Mỗi đặc san có riêng một chủ đề, hoặc về những kỷ niệm chung, về những kiến thức chung... Cũng giống như vậy, những số đặc biệt của các tạp chí có chủ đề về một sự kiện lịch sử, một ngày tôn giáo, một nhân vật văn học... Nhìn tên đặc san, đọc phụ chú của những số tạp chí đặc biệt, người ta biết bên trong sẽ có những gì.

Nếu tập truyện là một "tuyển tập" của nhiều người, thì người tuyển sẽ lấy một cái tựa có ý nghĩa chung cho tất cả. Nếu không tìm được điểm gì chung về ý nghĩa, thì người tuyển đành phải dùng một cái tựa hạn định không gian, thời gian, hoặc định giá (tất nhiên là chủ quan): Truyện hay tiền chiến, truyện ngắn hải ngoại...

Nhan đề không liên hệ đến nội dung:

Ngày trước, sau khi đọc xong cuốn *Bướm Trắng*, có người thắc mắc tại sao Nhất Linh lại đặt tựa như vậy. Trong truyện có một cánh bướm trắng thật, nhưng nó không có ý nghĩa gì lớn đối với lẽ sống của các nhân vật. Tuy vậy, dù rất mong manh, sự liên hệ cũng có.

Nhan đề chơi chữ:

Sự kiện có bằng trắc đã tạo ra những lối văn có đối trong văn chương của ta và của người Trung-Quốc. Ngoài những thể văn có tính cách biền ngẫu, sự nhịp nhàng cân xứng về âm điệu đôi khi còn có ảnh hưởng trong những lãnh vực không cần có đối. Chẳng hạn những cái tựa sách. Ngắn thì không kể, nhưng những cái tựa có từ bốn chữ trở lên, ý đặt cân xứng thường xuất hiện, nhất là đối với những cuốn tiểu thuyết bình dân. Những cái đề đọc lên nghe trầm bổng có ưu điểm là gần gũi với đại chúng, nhưng thường không được các độc giả trí thức tán thưởng.

Khoảng đầu thập niên này, tôi đã gặp ở hải ngoại một cuốn sách tiếng Việt có cái tựa chơi chữ rất hay: *Những Điểm Nóng Trên Thế Giới Sau Chiến Tranh Lạnh* của Đào Trường Phúc. Chiến tranh lạnh hết rồi, nhưng trên thế giới vẫn còn những nơi chưa nguội hẳn, có thể là mối đe dọa của chiến tranh.

Những cách chơi chữ vẫn có trong văn chương Âu-Mỹ, nhưng hình như ít khi được dùng để đặt tựa cho những cuốn sách. Có người cho rằng *Le Rouge et le Noir* của Stendhal là một cái tựa chơi chữ. Rất có thể!

Xuất bản năm 1830, *Le Rouge et le Noir* là một trong hai danh tác của Stendhal. Cuốn kia là *La Chartreuse de Parme* xuất bản năm

1839. Cả hai cuốn đều đã được dịch ra tiếng Việt, ở Miền Nam trước 1975; cuốn sau với tựa *Tu viện thành Parme*, cuốn trước với tựa *Đỏ và Đen*. Bên tiếng Việt, "đỏ và đen" có hơi hám cờ bạc, hoặc ái tình và đổ bác (đỏ bạc đen tình). Nhưng bên tiếng Pháp, "le rouge" chỉ giới quân nhân, "le noir" chỉ giới tu sĩ. Đó là hai màu áo mà nhân vật chính Julien Sorel đã có lần muốn khoác để vươn lên trong xã hội thượng lưu.

Nhan đề là ca dao, tục ngữ, thơ xưa:

Có những tác giả mượn ca dao, tục ngữ, hoặc thơ xưa, làm nhan đề cho tác phẩm. Thường chỉ lấy mấy chữ, không lấy trọn câu. Tất nhiên phải có sự liên hệ về ý nghĩa giữa nội dung tác phẩm và mấy chữ trích dùng, nhưng cũng không cần phải chặt chẽ cho lắm.

Bình Nguyên Lộc có *Gieo Gió Gặt Bão* (tục ngữ Tây: Qui sème le vent récolte la tempête)), *Nhện Chờ Mối Ai* (ca dao: Nhện ơi nhện hỡi nhện chờ mối ai); Sơn Nam có *Chim Quyên Xuống Đất* (ca dao: Chim quyên xuống đất ăn trùn); Nguyễn Mộng Giác có *Qua Cầu Gió Bay* (ca dao: Về nhà dối mẹ qua cầu gió bay), *Ngựa Nản Chân Bon* (*Chinh Phụ*: Dòng nước sâu, ngựa nản chân bon); Văn Quang có *Nghìn Năm Mây Bay* (bài *Hoàng Hạc Lâu* của Thôi Hiệu: Bạch vân thiên tải không du du); Hồ Trường An có *Lớp Sóng Phế Hưng* (bài *Chơi Chùa Trấn Quốc* của Bà Huyện Thanh-Quan: Sóng lớp phế hưng coi đã rộn).

Nhiều nhất là những nhan đề mượn chữ trong *Đoạn Trường Tân Thanh*: Khái Hưng, *Nửa Chừng Xuân* (Nửa chừng xuân, thoắt gãy cành thiên hương); Doãn Quốc Sỹ, *Gìn Vàng Giữ Ngọc* (Gìn vàng giữ ngọc cho hay); Sĩ Trung, *Bóng Chim Tăm Cá* (Bóng chim tăm cá biết đâu mà nhìn); Trần Văn Tích, *Sự Muôn Năm Cũ* (Sự muôn năm cũ, kể chi bây giờ).

Nhan đề có tên tác giả:

Thường thì tên tác giả đứng riêng. Nhưng cũng có khi, tên tác giả được nhập chung với nhan đề. Đây là trường hợp những tập thơ và những tuyển tập. Chẳng hạn, một nhà thơ bút hiệu là ABC, xuất bản một thi tập, đặt nhan là Thơ ABC. Ngày trước, Tản-Đà cũng có những tác phẩm lấy tựa như thế: *Tản-Đà Tùng-Văn, Tản-Đà Văn-Tập*.... Sau khi Tản-Đà qua đời, có người gom thơ của ông in thành tập, lấy tựa *Tản-Đà Vận-Văn*.

Những tuyển tập thơ văn của những nhà thơ, nhà văn đã qua đời, hầu hết được đặt tựa theo cách này. Đây là cách đáng theo hơn cả, vì vừa rõ ràng vừa giản dị, và chắc không trái ý người quá cố. Một cái nhan đề văn vẻ, có thể nghe hay hơn, nhưng chắc đâu người không còn cãi được, thực tâm muốn như vậy? Phạm Quí Thích đem khắc in nguyên cảo *Đoạn-Trường Tân-Thanh* của Nguyễn Du sau ngày tác giả qua đời, đã đổi tựa thành *Kim Vân Kiều Tân Truyện*. Có lẽ ông ỷ vào tình thân giữa hai người, chớ không chắc ông đã hỏi trước ý tác giả. Và cũng không ai biết Nguyễn Du có đồng ý hay không. Mấy chữ *Đoạn-Trường Tân-Thanh* có ý nghĩa và nghe thấm thía hơn nhiều.

Nhân đề cập đến những "tuyển tập", xin kể một câu chuyện nhỏ liên hệ đến chữ này: Khoảng giữa năm 1997, một lần ghé một hiệu sách tiếng Việt tại đường Bolsa (Cali), tôi đã mua cuốn *Pétrus Trương Vĩnh Ký Tuyển Tập* của Cửu-Long Lê-Trọng-Văn, tác giả tự xuất bản năm 1996. Sở dĩ tôi mua cuốn này là vì lúc bấy giờ, tôi sắp hoàn tất cuốn biên khảo *Đọc Kỹ Truyện Kiều*, nghĩ rằng trong "tuyển tập" kia thế nào cũng có phần liên hệ đến bản Kiều Quốc-Ngữ do Trương Vĩnh Ký phiên âm năm 1867. Tôi đang cần tài liệu, nên không bỏ qua bất cứ cái nào nghĩ là hữu ích. Nhưng tôi đã lầm. Trong sách, không có trang nào liên hệ đến văn chương của Trương Vĩnh Ký. Tất cả tài liệu dẫn chiếu đều nhắm mục đích hài tội Trương Vĩnh Ký làm tay sai cho thực dân Pháp.

Khi tác giả Lê Trọng Văn viết cuốn sách, nắp quan tài của Trương Vĩnh Ký đậy lại đã gần trọn một thế kỷ. Luận lẽ ra đã định. Nhưng bây giờ, đem hành trạng của Trương Vĩnh Ký ra xét lại, tác giả vẫn có quyền. Không ai có quyền ngăn cản. Cuốn sách nhận định không đúng, sẽ có người phản bác, nếu họ thấy cần.

Điều tôi muốn trách tác giả Lê Trọng Văn là cái tên của cuốn sách: Đọc thấy *Pétrus Trương Vĩnh Ký Tuyển Tập*, ai cũng nghĩ cuốn sách là một tập văn tuyển dành riêng cho văn nghiệp của Trương Vĩnh Ký. Viết cuốn sách nhắm mục đích hài tội Trương Vĩnh Ký, tại sao không dùng một cái tên minh bạch, chẳng hạn: Nhận Định Về Trương Vĩnh Ký. Như thế, ngay thẳng hơn.

Bây giờ, xin nói về nhan đề của những tác phẩm nhỏ hơn những cuốn sách, những bài thơ, những bản nhạc...

Trong lãnh vực thơ cổ của chúng ta, có hai tác phẩm nổi tiếng, có độ dài vừa phải in riêng thành tập, gọi là "cuốn" cũng được, mà gọi là "bài" thì cũng được. Đó là *Chinh Phụ Ngâm Khúc* và *Cung Oán Ngâm Khúc*. Ngày xưa, chữ "khúc" này là một chữ rất thường được dùng để đặt phía sau nhan đề một bài thơ, một bài nhạc. Khi đọc nhan đề, người ta đọc luôn chữ "khúc", như *Tái Hạ Khúc* của Vương Xương Linh, *Vị Thành Khúc* của Vương Duy... Riêng hai danh phẩm của Việt-Nam, vì đã

quá quen thuộc, có khi người ta chỉ gọi tắt là *Chinh Phụ* và *Cung Oán*. Mức phổ biến chưa được rộng, thì không thể gọi tắt như thế. Chẳng hạn, bài *Tự Tình Khúc* của Cao Bá Nhạ mà chỉ gọi là "Tự Tình", thì không chắc người nghe nhận ra.

Về độ dài, những cái tên có chữ "khúc" phía sau không nhất thiết dành cho những bài dài hay ngắn. Cũng như những chữ "ngâm", "ca", "hành", "từ", "vịnh", đều được dùng chung, không phân biệt ngắn dài. Về ý nghĩa, cũng không phân biệt. Đại để, những chữ ấy có nghĩa chung là "bài thơ nói về".

Tuy nhiên, cũng có vài điều nghĩ cần nói rõ. Do thói quen, người Việt chúng ta thường nghĩ "ngâm khúc" (vắn tắt là "ngâm" hoặc "khúc") là chữ để gọi những bài thơ bi thương, tiếng Anh gọi là *elegy*, tiếng Pháp gọi là *élégie*. Nhưng trong văn họcTrung-Quốc, những chữ ấy chỉ có nghĩa đơn giản là "bài thơ", các nhà thơ tùy ý dùng, không cần bận tâm đến nội dung. Liên hệ đến nội dung là những chữ đứng trước.

Thí dụ: Mạnh Giao đặt tên cho bài thơ sáu câu năm chữ của mình là *Du Tử Ngâm* (bài thơ của người lang thang), thì thiên hạ gọi bài ấy là *Du Tử Ngâm*. Nhưng giả dụ, ngay từ đầu Mạnh Giao gọi bài ấy là Lãng Nhân Ca, thì thiên hạ cũng gọi theo là Lãng Nhân Ca. Không ai thắc mắc vì sao gọi là "ngâm", mà không gọi là "ca". Bạch Cư Dị có một bài "hành" dài 88 câu *(Tì Bà Hành)*, và một bài "ca" dài 120 câu *(Trường Hận Ca)*, trong khi các nhà thơ đồng thời có những bài "hành" và "ca" khác, dài vài chục câu, hoặc chỉ mấy câu, với nội dung không có chút gì giống hai bài của Bạch Cư Dị hết cả.

Riêng chữ "từ" có khá nhiều vấn đề. Có những bài thơ hình thức và nội dung cũng không có gì đặc biệt hơn những bài thơ khác, nhan đề có chữ cuối là chữ "từ". Thí dụ: *Lương Châu Từ* của Vương Hàn, *Hậu Cung Từ* của Bạch Cư Dị... *Lương Châu Từ* có nghĩa là bài thơ của vùng Lương-Châu; *Hậu cung từ* có nghĩa là lời trong hậu cung. Những chữ "từ" này không phải là tên chung của loại thơ câu dài câu ngắn, có từ đời Đường nhưng đến đời Tống mới thịnh (văn học sử Trung-Quốc thường gọi là Đường-thi Tống-từ). Những bài "từ" này vốn là những bài thơ đã được phổ thành nhạc khúc (như thơ nhạc-phủ), rồi nhạc khúc trở thành phổ thông. Người đời sau dựa theo nhạc điệu của những khúc ấy, soạn lại lời mới cho những nội dung khác, nhưng vẫn giữ nguyên cái tên gọi buổi đầu. Phát triển song hành với những từ khúc (có nhạc), có những bài từ chỉ là những bài thơ (không nhạc), nhưng làm đúng theo âm điệu bài cũ, tựa cũng là cái tựa cũ, chỉ khác lời và ý nghĩa nội dung. Những bài này đích thị là những bài "từ" nói trong văn chương, chẳng hạn bài *Như Mộng Lệnh* của Lý Thanh Chiếu, bài *Thanh Bình Lạc* của Hoàng Đình Kiên, bài *Mạt Ngư Nhi* của Tân Khí Tật. Về sau, có nhiều người thích những bài ấy, giữ đúng từ điệu, giữ đúng nhan đề, nhưng soạn lời mới cho những nội dung khác, cho nên trong văn học sử Trung-Quốc có rất nhiều bài từ mang tên là *Như Mộng Lệnh, Thanh Bình Lạc, Mạt Ngư Nhi*, của những người khác. Cùng tựa tức là giống điệu, nhưng khác nội dung. Vì lẽ này, khi dịch một bài từ chữ Hán sang thơ tiếng Việt, người ta giữ nguyên nhan đề.

Không nắm được lẽ đó, Huyền-Mặc Đạo-Nhân, trong cuốn *Dẫn Giải Truyện Kim Vân Kiều*, đã dịch những cái nhan đề của mười bài từ mà Thúy Kiều làm trong mộng ra tiếng Việt, như *Niệm Nô Kiều* thành "Tủi Con Hầu", khiến các bạn trẻ tưởng những nhan đề ấy là những chữ tóm tắt nội dung. Thật ra, những bài từ thường có nhan đề không ăn nhập gì với nội dung.

- Những cái tựa thật dài và thật ngắn:

Ở đây, có hiện tượng tỉ lệ ngược chiều. Tác phẩm dài thì tên ngắn, tác phẩm ngắn thì tên dài. Hai tập sử thi *Iliad* và *Odyssey* của Homer dài trên 12 ngàn và trên 15 ngàn câu thơ, nhưng tựa chỉ là một chữ như thế. Ngược lại, Bạch Cư Dị có một bài thất ngôn bát cú, nội dung chỉ có 56 chữ, nhưng nhan đề lại dài đến đúng 50 chữ, bài *Tự Hà-Nam kinh loạn Quan-Nội trở cơ, huynh đệ ly tán các tại nhất xứ, nhân vọng nguyệt hữu cảm liêu thư sở hoài, ký thượng Phù-Lương đại huynh, Ư-Tiềm thất huynh, Ô-Giang thập ngũ huynh, kiêm thị Phù-Ly cập Hạ-Khuê đệ muội* (Sau ngày miền Hà-Nam ly loạn vùng Quan-Nội đi không thông và bị nạn đói, anh em ly tán mỗi người một nơi, nhân trông trăng mà bùi ngùi liền viết tâm sự ra, gởi anh cả ở Phù-Lương, anh Bảy ở Ư-Tiềm, anh Mười Lăm ở Ô-Giang, cùng các em trai em gái ở Phù-Ly và Hạ-Khuê).

Nhưng không phải Bạch Cư Dị là nhà thơ lúc nào cũng thích đặt tựa dài. Có khi, trái hẳn lại. Cũng của ông, bài *Tì Bà Hành* dài 616 chữ, bài *Trường Hận Ca* dài 840 chữ, tựa chỉ là ba chữ như thế; một bài ngũ ngôn bát cú nói về cỏ, dài 40 chữ, tựa chỉ có một chữ: *Thảo*.

Sau Bạch Cư Dị, có mấy nhà thơ cũng chỉ dùng một chữ để đặt tựa: Cố Huống có bài *Kiển* (con cái); Lai Hộc có bài *Vân* (mây); La «n có hai bài *Tuyết* (tuyết) và *Phong* (ong). Các nhà nghiên cứu văn học gọi đây là phong cách "giản đề".

Nhưng tựa thật dài, thì về sau không thấy ai bắt chước họ Bạch.

Thơ Âu-Mỹ không có những cái tựa có ý giải thích bài thơ được làm lúc nào, ở đâu, vì nguyên nhân gì.

Cho nên không có những cái tựa dài. Ngược lại, có rất nhiều bài thơ dài với tựa chỉ một hai chữ.

- Những cái tựa không có tựa:

Lý Thương «n, thời Vãn Đường, là một nhà thơ nổi tiếng trong lãnh vực thơ tình. Đặc biệt trong những bài thơ tình này, ông có mấy bài nhan đề là hai chữ *vô đề*. Hai chữ này báo cho chúng ta biết nhà thơ không muốn đặt tên cho bài thơ. Người đời ai muốn hiểu tình của ông, muốn hiểu tâm sự của ông, cứ đọc bài thơ. Phần ông, ông không muốn dùng cái tựa để giải thích một điều gì hết cả. Lý Thương «n là người đa tình, có cuộc sống phong lưu giống như một nhà thơ sống đồng thời và cũng nổi danh, là Đỗ Mục. Nhưng trong khi họ Đỗ đem những chuyện tình của mình khoe ra cho mọi người biết, kể cả chuyện nổi tiếng là "bạc hãnh" ở lầu xanh (bài *Khiển Hoài*), thì họ Lý không muốn làm như thế. Lý Thương «n làm thơ kể lại những mối tình tuyệt vọng của mình, nhưng không đặt tên.

Theo *Toàn Đường Thi Thoại*, Lý Thương «n có gần mười bài thơ không được đặt tên. Nhưng các tập thi tuyển lưu hành rộng của Trung-Quốc, như *Đường Thi Tam Bách Thủ, Đường Thi Tân Tuyển, Đường Tống Thi Từ Tuyển, Toàn Đường Thi*, trong số gần 20 bài được trích của ông, thường chỉ có 3 bài "vô đề" (với ba câu đầu: *Tương kiến thời nan biệt diệt nan; Lai thị không ngôn khứ tuyệt tung; Tạc dạ tinh thần tạc dạ phong*). Những bài "vô đề" kia không có gì đặc sắc chăng?

Trong số nhạc sĩ của Miền Nam, có một người cũng không muốn đặt tên cho những sáng tác phẩm của mình. Đó là nhạc sĩ Vũ Thành An. Ông có những bản nhạc tình có tên là *Bài Không Tên Số...* (số 2, chẳng hạn). Nghe nói số bài nhạc có tên "không tên" của Vũ Thành An cũng tương đương với số bài thơ có đề "vô đề" của Lý Thương «n. Không biết hai người, sống cách nhau hơn một thiên niên kỷ, rất giống nhau trong cách đặt tên cho tác phẩm, có còn giống nhau về điều gì kín đáo nữa không? Như cái tâm sự "thử tình khả đãi thành truy ức" chẳng hạn.

Nhân đề cập đến những bài thơ "vô đề" và những bài nhạc "không tên", tưởng cũng nên nói qua về nhưng chữ "vô danh" và "khuyết danh", dùng cho những tác phẩm cổ văn không biết ai là tác giả. Trong bất kỳ nền văn học nào, cũng có khá nhiều những tác phẩm loại này. Nguyên nhân có thể có hai. Một là vì ngày xưa chưa có phương tiện ấn loát để phổ biến rộng, ai thích tác phẩm thì tự chép lấy mà đọc. Quyền tác giả lại chưa được tôn trọng thành truyền thống, người ta chỉ chép nội dung, không bận tâm đến tên tác giả. Hai là vì người xưa thường không muốn dương danh, lại coi văn chương không phải là chuyện "lập ngôn", thích thì viết chơi nhưng không muốn cho người đời biết là mình viết.

Về số lượng những tác phẩm được coi là "vô danh", tính theo tỉ lệ, thì Việt-Nam có nhiều hơn Trung-Quốc. So với Âu-Mỹ, thì Đông-Phương có nhiều hơn.

Có một điểm nhỏ: Riêng ở Việt-Nam, ban đầu người ta thường dùng chữ "vô danh", nhưng sau nhận ra chữ ấy trùng với chữ "vô danh" là không đáng gì (vô danh tiểu tốt), người ta đổi qua "khuyết danh". Đúng là lời nói không mất tiền mua, đối với người không quen, thiên hạ cũng lựa chữ mà xưng.

- Nhan đề là tên thể thơ:

Có những bài thơ nhan đề không đặt theo ý nghĩa nội dung, mà chỉ là tên của thể thơ. Bài thơ sử dụng thể lục bát, thì nhan đề là Lục Bát; bài thơ sử dụng thể ngũ ngôn, thì nhan đề là Ngũ Ngôn ... Cũng tiện, mà cũng bất tiện. Của một người, tiện cho bài thứ nhất, nhưng với những bài sau cùng thể, thì gọi thế nào? Chẳng lẽ bài nào cũng có tên là Lục Bát, hoặc Ngũ Ngôn hết cả?

Hiện nay, độc giả tiếng Việt vẫn gặp trên các tạp chí, hoặc trong các thi tập, những bài thơ có tựa kiểu như thế. Những người làm thơ tiếng Việt vẫn còn muốn giữ một cách đặt nhan đề có từ đời Đường. Không nhiều lắm, nhưng các thi nhân thời hoàng kim của thi ca Trung-Quốc cũng có một số dùng thể thơ để đặt tựa. Thường gặp nhất là những cái đề: Tuyệt Cú (cho những bài thơ tứ tuyệt), Ngũ Ngôn (cho những bài thơ năm chữ), Cổ Phong (cho những bài cổ phong năm chữ hoặc bảy chữ). Riêng Đỗ Phủ có một bài thất ngôn tứ tuyệt có nhan là *Tuyệt Cú*, rất hay: *Lưỡng cá hoàng ly minh thúy liễu; nhất hàng bạch lộ thướng thanh thiên. Song hàm Tây-Lĩnh thiên thu tuyết; môn bạc Đông-Ngô vạn lý thuyền.* Tản-Đà dịch: *Hai cái oanh vàng kêu liễu biếc; một hàng cò trắng vút trời xanh. Ngàn năm tuyết núi song in sắc; vạn dặm thuyền Ngô cửa rập rình.*

Ngày trước, thơ tiếng Anh và tiếng Pháp cũng có những bài có tựa là thể thơ. Thường được dùng đặt tựa là những thể thơ *ballade, ode* và *sonnet*. Chặt chẽ về số câu, về số âm tiết của mỗi câu, về cách gieo vần, là những bài *sonnet*. Lề lối gò bó cũng gần bằng thơ Đường-luật, nên có nhiều người dịch những bài *sonnet* ra thơ Việt, thường để tựa là "Thơ Luật".

Không giống thơ tiếng Việt, ngày nay thơ tiếng Anh tiếng Pháp không còn bài nào có tựa là thể thơ nữa. Thơ có vần, người ta còn cho là gò bó không bao giờ làm nữa, huống chi là khuôn phép của những thể thơ cổ điển kia?

- Nhan đề trùng nhau:

Hiện tượng này hiếm trong thơ tiếng Pháp tiếng Anh, nhưng rất phổ biến trong thơ Đường. Trong thơ Pháp Anh, chỉ có những cái nhan đề đặt theo thể thơ thường trùng nhau. Ngoài ra, rất ít khi có những cái tựa đặt theo ý nghĩa nội dung mà giống nhau. Nhưng trong thơ Đường, có trường hợp nhiều người cùng làm thơ về một chủ đề. Thậm chí, có người có nhiều bài về cùng một chủ đề. Những bài thơ cùng chủ đề này có tựa giống nhau, nhưng khác với những bài từ, nói ở phần trên. Những bài từ trùng tựa và trùng điệu; những bài thơ nói đây chỉ trùng ở cái tựa thôi.

Lấy bản kê của *Toàn Đường Thi* ra mà đếm, thì nhiều lắm. Ở đây, chỉ xin dẫn một ít bài thuộc hàng danh tác:

Trần Tử Ngang và Trương Cửu Linh, mỗi người có một bài *Cảm Ngộ*. Vương Chi Hoán, Trương Tịch và Vương Hàn, mỗi người có một bài *Lương-Châu Từ* (bài của Vương Hàn hay hơn cả: *Bồ đào mỹ tử dạ quang bôi; dục ẩm tì bà mã thượng thôi. Túy ngoạ sa trường, quân mạc tiếu; cổ lai chinh chiến kỷ nhân hồi*). Lý Bạch và Vương Xương Linh, mỗi người có một bài *Thái Liên Khúc*. Đới Thúc Luân và Nhung Dục, mỗi người có một bài *Tái Thượng Khúc*. Trương Hỗ, Lý Bạch, Lý Ích và Vương Xương Linh, mỗi người có một bài *Tái Hạ Khúc*...

Trong ba thi hào đời Đường, chỉ một mình Bạch Cư Dị có những thi phẩm dài, nhưng không làm nhiều bài thơ cùng nhan đề. Nhưng cả Lý Bạch và Đỗ Phủ đều thích dùng kiểu "nhất đề đa thủ". Lý Bạch có 6 bài *Tái Hạ Khúc*, 2 bài *Trường-Can Hành*. Hai bài sau là hai bài thơ tình cực hay, ai đọc cũng phải cảm động. Đỗ Phủ có 2 bài *Khúc-Giang* và đến 8 bài *Thu Hứng*, trong đó có một bài được nhiều người Việt thích: *Ngọc lộ điêu thương phong thụ lâm; Vu-Sơn, Vu-Giáp, khí tiêu sâm. Giang gian ba lãng kiêm thiên dũng; tái thượng phong vân tiếp địa âm. Tùng cúc lưỡng khai tha nhật lệ; cô chu nhất hệ cố viên tâm. Hàn y xứ xứ thôi đao xích; Bạch-Đế thành cao cấp mộ châm.* Nguyễn Công Trứ dịch: *Lác đác rừng phong hạt móc sa; ngàn non hiu hắt, khí thu mờ. Lưng trời sóng gợn lòng sông thẳm; mặt đất mây đùn cửa ải xa. Khóm trúc tuôn thêm dòng lệ cũ; con thuyền buộc chặt mối tình nhà. Lạnh lùng giục kẻ tay dao thước, thành Bạch chày vang bóng ác tà.*

- Đổi nhan đề:

Đây chỉ nói về những trường hợp ngoài ý muốn của tác giả.

Nguyên nhân chính có lẽ cũng không ngoài tâm lý không tôn trọng quyền tác giả. Chép lại một tác phẩm, người ta còn không chịu mất công chép tên tác giả, thì đâu có điều gì có thể buộc người ta giữ nguyên cái tựa mà chính tác giả đã chọn?

Cùng một bài thơ, mà tựa khác nhau ở hai tuyển tập, là một hiện tượng khá phổ biến trong nền văn học Trung-Quốc. Những bài thơ nạn nhân của tình trạng "vật hoán tinh di" này, thường là những bài có tựa hơi dài. Người chọn in lại, đã thiện tiện cắt đi, nghĩ là để cho gọn. Chẳng hạn, của Lý Bạch, hai bài *Hoàng Hạc Lâu Tống Mạnh Hạo Nhiên Chi Quảng Lăng* và *Đăng Kim Lăng Phượng Hoàng Đài*, thường bị cắt 3 chữ đầu.

Tuy nhiên, cũng có đôi trường hợp người làm tuyển tập lẫn lộn vì một tác giả có hai bài về cùng một chủ đề, tựa lại hơi giống nhau. Chẳng hạn, Lưu Vũ Tích có 2 bài "hoài cổ": *Tây Tái Sơn Hoài Cổ* (thất ngôn bát cú; câu đầu: *Vương Tuấn lâu thuyền hạ Ích-Châu*); *Kim Lăng Hoài Cổ* (ngũ ngôn bát cú; câu đầu: *Triều mãn Dã-Thành chử*). Có tuyển tập của chính người Trung Quốc cũng đã lầm đem nhan đề bài 2 gán cho bài 1.

Trong cuốn *Luyện Văn*, Nguyễn Hiến Lê dựa theo đó mà chú thích lầm xuất xứ của 2 câu thơ sau của Lưu Vũ Tích: *Nhân thế kỷ hồi thương vãng sự, sơn hình y cựu chẩm hàn lưu* (ông nói là của bài 2, nhưng đúng là thuộc bài 1).

Ở Việt-Nam, cũng không khác. Trong các tuyển tập cổ văn, hoặc bình chú cổ văn, các nhan đề thường được thay đổi một cách tùy tiện. Khác hẳn thì hiếm khi, nhưng khác chút ít thì không đủ sức kể. Chỉ xin nêu những bài của một nhà thơ quen thuộc với mọi người, bà Huyện Thanh-Quan.

Trong cuốn *Văn-Đàn Bảo-Giám* của Trần Trung Viên, có 6 bài của bà Huyện Thanh-Quan. Ở đây, chúng ta không bàn về vấn đề có phải tất cả những bài thơ nêu ra đây đều do bà Huyện Thanh-Quan làm hay không. Chúng ta chỉ nhấn mạnh ở điểm người ta không chú trọng vào việc chép cho đúng những cái tựa.

Văn-Đàn Bảo-Giám chép 6 cái tựa ấy như sau:

1. *Tức Cảnh Chiều Thu; 2. Nhớ Nhà; 3. Qua Đèo Ngang; 4. Hoài Cổ; 5. Chơi Chùa Trấn-Quốc; 6. Buổi Chiều Lữ Thứ* .

Nhưng chúng ta đã từng thấy ở những tập hợp tuyển khác, những cái tựa ấy không phải như vậy. Bài 2, thường tựa được ghi là *Chiều Hôm Nhớ Nhà*; bài 4, *Thăng Long Hoài Cổ*, hoặc *Thăng Long Thành Hoài Cổ*; bài 6, ghi *Cảnh Chiều Hôm*. Vậy tuyển tập nào đúng, và bà Huyện Thanh-Quan vốn đã đặt tên cho những bài thơ kia như thế nào?

Văn chương là tấm lòng của người xưa để lại. Sao nỡ tự ý sửa đi sửa lại như thế? ●

Ngậm Ngải Tìm Trầm

Hương-Giang Thái Văn Kiểm

*M*ột người ngoại quốc đã nói rằng: Nước Việt Nam có hai mùi là: mùi nước mắm và mùi trầm hương. Thật vậy, chúng ta có thể nói rằng mùi nước mắm là tượng trưng cho đời sống vật chất và mùi trầm hương từ các chùa chiền toả ra là tượng trưng cho đời sống tinh thần của dân tộc ta.

Trầm hương trong thi ca kim cổ

Xưa nay trầm với quế là hai vật quí giá, mọc ở chốn rừng sâu nước độc, phải tốn nhiều công phu và thời giờ mới tìm ra được. Bởi vậy, từ ngàn xưa đã có câu ca dao bất hủ là:

Cây quế Thiên Thai mọc nơi khe đá,
Trầm nơi Vạn Giã hương toả sơn lâm;
Đôi đứa mình đây như quế với trầm,
Trời xui gặp gỡ sắt cầm trăm năm.

Câu tình ca trên ngụ ý rằng trên đời này không gì quí bằng trầm với quế ngoài cuộc tình duyên ân ái. Tuy nhiên, nếu không đem ra mà dùng cho hợp tình hợp cảnh thì cũng hoá ra mai một. Xét trong sử sách, thì công dụng của trầm rất nhiều. Ngoài công dụng về tôn giáo, trầm còn là một tặng phẩm ngoại giao rất được các nước quí trọng. Hơn nữa trầm còn là một bảo vật để bổ sung âm nhạc trong những trường hợp trang nghiêm như:

Mai sau dù có bao giờ,
Đốt lò hương ấy xe tơ phím này;
Trông ra ngọn cỏ lá cây.
Thấy hiu hiu gió thì hay chị về.

(Kim Vân Kiều)

Nhạc phải có hương nâng đỡ mới hoàn bị, đúng với quan niệm của các thi sĩ, nghệ sĩ từ Đông sang Tây; từ Bá Nha đến ông Hoàng Nam Sách, từ Nguyễn Du đến Beaudelaire:

Les parfums, les couleurs et les sons se répondent.

(*Correspondances* Beaudelaire)

Tạm dịch là: Những hương sắc và âm thanh hoà nhịp với nhau.

Chaque fleur s'évapore ainsi qu'un encensoir;

Les sons et les parfums tournent dans l'air du soir.

(*Harmonie du soir* - Beaudelaire)

Tạm dịch là: Mỗi đoá hoa toả ngát như một lò hương;

Âm thanh và hương sắc vương vấn trong buổi chiều tà.

Cùng một quan niệm ấy, thi sĩ Đoàn Phú Tứ, trong bài *Màu thời gian* đã đặt mấy vần thơ tinh tế:

Sớm nay tiếng chim thanh trong gió xanh,

Dìu vương hương ấm thoảng xuân tình.

Trầm còn là tên ngôi đình được vua Đường Minh Hoàng dựng cho Dương quý Phi thưởng xuân gọi là Trầm Đình:

Giải thích đông phong vô hạn hận
Trầm Hương Đình bắc ỷ lan can

(Lý Bạch)

Có nghĩa là: Tựa vào lan can phía bắc đền Trầm Hương để thưởng gió đông, thì giải hết nỗi sầu vô hạn.

Đình Trầm Hương là nơi mà Đường Minh Hoàng và Dương Quý

Phi thường họp mặt để nghe khúc Thanh Bình điệu và ngắm hoa mẫu đơn.

Đình trầm hương khoá một cành mẫu đơn.

(*Cung Oán* - Ôn như Hầu)

Xem như trên chúng ta thấy rằng từ ngàn xưa, trầm hương đã được liệt vào hàng đầu trong các hạng gỗ quí giá và hiếm hoi nhất. Nhưng làm thế nào để tìm ra thứ gỗ ấy, và đây là vấn đề phức tạp hơn.

Ngậm ngải tìm trầm

Những người thợ rừng đi tìm trầm và kỳ nam thường gọi là "đi điệu" và toàn là đàn ông vì lẽ trầm và kỳ nam kỵ khí âm. Ngày ra đi tìm trầm và kỳ nam được chọn lựa rất kỹ, phải là ngày tốt và hợp với tuổi người điệu bầu. Lên tới núi, người bầu đặt bàn cúng lễ và khấn vái Thiên Ý Thánh mẫu cho được thành công. Thiên Ý Thánh mẫu tức Thiên Ý Ana của dân Chàm là hiện thân của trầm và kỳ nam, và là bà Chúa của một vùng duy nhất có trầm và kỳ nam là vùng Vijaya (Bình định, Phú yên), Kauthara (Khánh hoà) và Panduranga (Phan Rang). Nơi sản xuất nhiều nhất là các rừng miền núi tỉnh Khánh Hoà, nhất là phía bắc tỉnh này, tức là vùng Ninh hòa, Vạn giã, Tu bông. Vùng này cũng là nơi có ngọn gió đặc biệt đưa hương trầm về miền đồng bằng phì nhiêu có tiếng: *Mưa Đồng cỏ, gió Tu bông.*

Như trên đã nói, người đi điệu phải làm lễ trước khi nhập rừng. Lễ ấy phải cử hành ba lần liên tiếp. Vật cúng là hương, hoa, trầm, trà, rượu, chè, xôi và trầu cau. Mỗi một tốp điệu có khẩu hiệu riêng để khỏi lạc đường và để khỏi đi trùng đường với tốp khác. Người điệu phải để ý trong khi đi tìm cây trầm, tức là loại cây gió. Có nhiều khi, kỳ nam đóng vào giữa thân cây gió hoặc đóng ở dưới gốc, hoặc đóng ở tận rễ. Bởi thế, nhiều khi phải đào cây gió lên. Có đôi khi kỳ nam chỉ đóng sơ ở ngoài vỏ mà trong ruột không có gì.

Người ta bảo rằng có những tốp điệu đi ngang qua một cây gió mà không trông thấy vì hình như bị mờ mắt. Như thế là Thánh mẫu không cho hưởng cái "lộc" được "ăn" kỳ nam. Người ta cũng bảo rằng những người độc ác, sâu hiểm không bao giờ tìm ra kỳ nam.

Những người điệu vào rừng không sợ cọp, vì cọp rất kiêng nể người đi điệu. Gặp may, họ có thể tìm được cây gió có trầm và kỳ nam, phỏng chừng 2 đến 30 kí. Có khi đốn một cây gió rất lớn mà không có một tý kỳ nam nào. Vì phải đi trong rừng tháng này qua tháng nọ, những người đi điệu phải mang theo thực phẩm đầy đủ, cất những trại tạm thời và đánh dấu những đường đi cho khỏi lạc.

Tại nơi sơn lâm cùng cốc, khí hậu rất xấu, những người đi điệu phải ngậm một thứ ngải rừng để chống lại những chướng khí, phòng ngừa những bệnh hiểm nghèo như rét rừng, bệnh trướng, tê bại v.v...

Vậy bây giờ chúng ta hãy xem ngải là gì?

Ngải, Trầm Hương, Kỳ Nam

Về cây ngải, chúng ta thường nghe nói: bỏ ngải, thử ngải, ngậm ngải, ngải trị rắn cắn, ngải ăn thịt gà v.v... Loại này có rất nhiều ở vùng Phan Rang, Phan Rí, Diên Khánh, Suối Dầu cùng là những nơi có trầm và kỳ nam. Những ông thầy Hời (người Chàm vùng Ba láp, Bà râu (thuộc tỉnh Ninh thuận) thường mang trong người thứ ngải này. Có thứ lớn bằng hai củ gừng, củ nghệ. Thầy Hời thường thái ra, nghiền thành bột, hoặc để từng lát mà gói với nhiều chất khác để làm bùa tà ma.

Hết thảy các thứ ngải đều thuộc về họ Zingibéracées. Giáo sư Pételot liệt kê có đến 30 thứ khác nhau. Thứ ngải mà chúng ta bàn hôm nay là Curcuma Aromatica Salisb, tức là thứ ngải rừng, ngải mọi. Đó là một loại thảo cao một thước, củ như lóng tay có u, bên trong hơi vàng. Lá rộng và dài như lá huỳnh tinh, trên trơn, dưới nhung mượt dài 30 phân đến 60 phân, rộng chừng 10 đến 15 phân, hoa đỏ ngoài, vàng trong. Người ta có thể mài củ ngải để lấy chất bột có mùi long não, chất bột hơi giống bột huỳnh tinh. Củ ngải, ngâm rượu hoặc sao lửa và thêm vào các thứ thuốc khác, có thể trị các bịnh tê thấp bằng cách thoa bóp. Theo dược sư Nguyễn văn Dương, có nhiều loài ngải riềng như Globba panicoides Miq. Globba cambodgensis Gagnep. cũng có thể chữa các bệnh nóng lạnh, rét rừng và tê

viễn xứ

Đêm dài trăng dõi lầu không
Chén sầu ai tạt vào dòng thời gian
Niềm đau vượt suối băng ngàn
Hắt hiu nỗi nhớ tình ràng buộc nhau.
Điệu buồn âm hưởng nghìn sau
Từ dâu biển đổ xuống đầu nhân gian
Mai về đất cũ cư tang
Hồn còn u uất những tàn tích xưa.

vạn giả

thấp.

Theo truyền thuyết, có người ngậm ngải tìm trầm hay quế sau hoá ra cọp. Việc này không phải ngậm ngải mà hoá ra cọp, nhưng vì đi lạc đường lâu năm trong núi cao, rừng rậm, quần áo rách rưới, dần dần lông mọc ra để che thân, bộ đi đứng lom khom như loài vật, sống ngoài lề xã hội quá lâu, nên tiêm nhiễm tính tình và điệu bộ của loại vật sống quanh mình đến nỗi quên cả tiếng nói. Một ngày kia nhờ sự ngẫu nhiên, con "người vật" ấy thoát được cảnh rừng rú, lần mò về đến quê nhà, thì không ai nhìn nhận được nữa. Cách đây chừng bảy chục năm, ở tỉnh Quảng ngãi, người ta có chứng kiến một trường hợp đặc biệt như vậy. Có một bà già một ngày kia trông thấy một con cọp ở ngoài vườn cứ đi lần vào nhà. Sợ hãi bà kia la to lên, láng giềng chạy đến và bắt được con vật kỳ lạ "nửa người nửa ngợm, nửa đười ươi" ấy, nhưng hoá ra đó chính là người con của bà lão trước kia đi theo điệu, lạc vào rừng đã từ mấy chục năm.

Ấy cũng bởi vì trầm mà người hoá cọp. Vậy trầm là gì? Trầm là giống cây thuộc họ Thyméléacées. Tên khoa học của nó là Aquilaria Crassna Pierre, tên Tàu là 沈香 tức trầm hương, âm quan thoại là *ch'en hsiang*. Pháp gọi là *bois d'aigle, bois d'aloès*, Việt Nam gọi là Gió Bầu, Trầm hương, Kỳ nam. Cao Miên gọi là *Kalampeahk Chan Crassna, Krassna, Kresna, Klampèoh*. Người Hébreux gọi là *Ahalot*. Á Rập gọi là *Aghaluhy*. Hy Lạp gọi là *Agallochon*, Sanscrit gọi là *Agaru, Aguru* hay *Garu, Calambak*. Pháp cũng gọi là *Agalloche*. Tiếng La Tinh gọi là *Agallochum*. Tiếng Mã Lai gọi là *Garu*. Tiếng Anh gọi là *Agal wood* hay *Aloès wood*. Tiếng Đức gọi là *Adlerholz*. Tiếng Bồ Đào Nha gọi là *Aguila* hoặc *Pao de Aguia*. Người Chàm gọi là *Gahla* hoặc *Galao*.

Xem thế đủ biết trầm hương đã nổi tiếng từ xưa ở khắp các nước. Theo nhà khảo cổ Cabaton, thì các kinh thánh sử xanh Ai Cập (Papyrus égyptien), các văn hào Hy Lạp, Ấn Độ và Á Rập đã từng nói đến trầm hương. Ở Ấn Độ, người ta trộn trầm hương với nhiều chất khác để tẩm xác người. Người Á Rập dùng làm thuốc bổ tim và những nhà tiên tri Á Rập thường đốt trầm hương với long não trước khi phát lộ thiên cơ.

Sở dĩ người ta gọi chất *Calambac* là *bois d'Aloès*, là vì nó có chất đắng như cây Aloès thật. Vậy không nên lầm lẫn hai thứ này với nhau. Cây Aloès thuộc về họ Liliacées. Về dược tính thì chất Aloès là thuốc xổ, còn thứ bois d'Aloès tức trầm hương hay kỳ nam lại là thuốc táo, trị kiết lỵ hay số một.

Còn kỳ nam là gì? Kỳ nam cũng là một chất gỗ thơm chứa rất nhiều dầu, màu đen có vân, nhai thì dẻo và đắng, đốt cháy ra dầu và thơm lạ lùng. Nó cũng tìm thấy trong thân cây gió bầu nói trên. Nghĩa là trong một thân cây gió bầu, thường có nhiều trầm hương và có thể có một ít kỳ nam. Trầm ví với kỳ nam cũng như đá thuỷ tinh đối với ngọc thạch.

Người ta bảo rằng gỗ trầm biến thành kỳ nam do những phân chim rơi xuống ở những nạng ba cây làm cho cây bị bệnh. Ở những chỗ bị bệnh ấy, hình như chất dầu tụ lại nhiều, để chống chọi với chứng bệnh và do đó sinh ra kỳ nam. Cũng có người bảo rằng sự cấu kết thành kỳ nam là do một thứ nấm làm cho chất gỗ nhẹ dần, thay màu sắc và tụ tập chất dầu lại nhiều. Sự tụ tập dầu lại như vậy rất là bất thường. Nó có thể ở phía dưới thân cây, gần gốc cây, ở nạng ba cành cây hoặc khi chạy xuống đến tận rễ. Nhiều khi người đi điệu phải làm cho thân cây bị thương tích như chặt vào đấy vài lát. Hoặc có khi cũng do những thú vật như voi, cọp, trâu, bò rừng, đụng chạm làm cho thân cây bị thương tích. Ngay chỗ bị thương ấy, dầu bắt đầu tụ lại và dần dần thay hẳn tính chất của gỗ mà thành kỳ nam. Như vậy chất kỳ nam bạ vào thân cây, ở phía ngoài, và dính một phần ở phía vỏ, gọi là kỳ bì.

Khi chất dầu tụ tập ở gốc cây hay ở rễ cây lớn thì thành ra trầm. Nếu chất trầm này có lỗ và lởm chởm thì gọi là *trầm mắt kiến*. Nếu mới bắt đầu tụ tập dầu ở vài nơi khác, làm thành một thứ gỗ thơm có vài chấm đà, thì gọi là *tốc*.

Khi nào sự kết tụ dầu đến chỗ hoàn thành, thì cây gió già rụi và chết, lúc bấy giờ thân cây tự nhiên mục dần và huỷ hoại rất mau, chỉ để lại những khúc trầm và những miếng kỳ nam quí báu.

Những người đi điệu khi tìm thấy còn non, chưa có trầm hoặc kỳ nam, thường lấy rựa chặt nhiều lát vào thân cây, để làm dấu cho dễ tìm về sau, và theo dõi nhiều năm như vậy cho đến khi thấy kỳ nam bám vào thì hạ cây xuống mà lấy.

Nói tóm lại, kỳ nam màu đen lấm chấm trắng trông như lông con diều bởi vậy mới gọi là *Bois d'aigle*. Thứ kỳ nam ở cành cây là quí nhất, người ta dùng làm thuốc trị cảm, phong, kiết lỵ, v.v.

Đàn bà chửa rất kỵ kỳ nam, không nên cho uống hoặc mang theo trong người vì có thể bị sẩy thai. Còn trầm thì người ta dùng để đốt hương và làm hương nhang thứ tốt.

Giá trị của Trầm Hương và Kỳ Nam

Ở những núi cao các tỉnh nói trên, tức là từ Phan Rí đến đèo Cù Mông, những người đi điệu thường ngước mắt lên cao để tìm cây gió bầu, vì thân cây cao đến 36-40 thước. Cây nào bề hoành được 60 phân trở lên, thì bấy giờ may ra mới có một lớp đen ăn bám vào da cây để kết thành kỳ nam trong ruột. Lớp

đen ấy lớn nhỏ tuỳ theo và có lúc người ta thấy đến 5, 7 lớp đen ở một thân cây. Những lớp đen bám vào vỏ cây, tuỳ thời gian, có khi đến 20 năm, mà lớn lần và trở nên có giá trị.

Kỳ Nam là "chất lạ ở xứ Nam", thường có 4 thứ: *"Nhứt bạch, nhì thanh, tam huỳnh, tứ hắc"*, nói như vậy cho dễ nhớ.

Bạch kỳ nam: quí nhất, trắng mềm, nhiều dầu.

Thanh kỳ nam: màu xanh, đúng dầu thì mềm không đúng dầu thì cứng.

Huỳnh kỳ nam: màu vàng, cứng, để lâu khô dầu, trở nên nhẹ.

Hắc kỳ nam: màu đen, luôn luôn cứng như trầm kiến.

Công dụng của kỳ nam là dùng trong việc bào chế các thứ cao đơn hoàn tán về thuốc bắc. Người ta dùng nó để ngăn ngừa sự trúng gió bằng cách bỏ vô túi một miếng nhỏ, và dùng để chữa các bệnh thiên thời. Kỳ nam của ta rất có giá trị trên thị trường quốc tế, nhất là ở Nhật Bổn, Trung Hoa và Hương Cảng. Đây là giá thị trường:

Thứ tốt nhất: 800.000 đồng một ký

Thứ hạng nhì: 600.000 đồng một ký

Thứ hạng ba: 400.000 đồng một ký

Thứ hạng tư: 300.000 đồng một ký.

Giá này có thể lên xuống bất thường. Còn giá trầm hương và tốc hương thì ít hơn. Những đoạn kiến đục khoét cây gió để làm tổ, những lỗ trong thân cây lâu ngày kết thành trầm kiến. Còn trầm rễ là thứ trầm do những rễ cây mà ra. Cũng có thể do sự chặt, vạt của những tốp điệu. Có thứ trầm gọi là *trầm mắt tử*, kết tạo ở trên nhành cây. Còn có thứ *trầm tốc*, kết tạo đơn sơ như trên kia đã nói.

Kể ra trên thị trường có đến 7 thứ tốc:

- Tốc hoa (trạng thái lốm đốm như hoa)
- Tốc nước (mình nặng ướt)
- Tốc xám (mình ướt)
- Tốc lọ nghẹ (đen như bồ hóng)
- Tốc đá (nặng, hình như viên đá)
- Tốc hương (thứ này có thể biến ra kỳ nam nếu bạ đúng dấu)
- Tốc ớt (ăn cay giống ớt Xiêm)

Sự tích và giai thoại về Kỳ Nam

Vì lòng tín ngưỡng mộ đạo, người ta đã tạo hình đức Phật và Thiên Ý Thánh mẫu vào những gốc trầm lớn. Tục truyền rằng Thiên Ý Thánh mẫu mà người Chàm gọi là Poh Nagar (Poh là chúa, Nagar hay Nungar là xứ, nghĩa là chúa một xứ) nhập vào thân một khúc trầm lớn, trôi về bờ biển Trung Hoa, xuất phát ra những hào quang thơm ngát. Dân miền duyên hải báo cáo lên nhà vua, nhân đó, Hoàng tử mới tìm đến và đưa thân cây kỳ nam về cung điện trưng bầy. Từ đấy, mỗi lần Hoàng tử đi chơi về thường thấy những đồ đạc, áo quần của mình có một bàn tay bí mật xếp đặt lại rất gọn gàng. Hoàng tử đâm nghi, mới rình thấy một Tiên nữ nhan sắc tuyệt vời, từ trong thân cây xuất hiện, Hoàng tử liền chạy ra ôm choàng nàng tiên. Tiên nữ không biến được mới nói thật cùng Hoàng tử rằng vì người có tiền duyên với ngài nên mới từ Nam hải trôi qua đây để cùng ngài kết nghĩa ái ân. Sau một thời gian, Thiên Ý Thánh mẫu sanh hạ được hai con. Sau vì nhớ quê hương hoặc vì có sự bất hoà trong gia đạo mà ngài lại nhập vào thân cây trầm, trôi về Việt Nam đến cửa bể Nha trang thì tấp vào bờ.

Kỳ Nam trong sử sách

Đại Nam Nhất Thống Chí có nói đến kỳ nam và trầm hương là sản phẩm đặc biệt của xứ Khánh Hoà, Bình Định. Các giáo sĩ Tây phương như De Marini, người Ý Đại Lợi, cũng có nói đến kỳ nam, trong *Relations du Royaume de Tonkin*, xuất bản hồi thế kỷ thứ XVII.

Cũng vào khoảng ấy, ông cố đạo Alexandre de Ahodes có nói đến kỳ nam, yến sào. Cố Rhodes công nhận rằng chỉ ở nước Nam ta mới có kỳ nam mà thôi.

Nhà hàng hải Tavernier kể lại rằng viên Phó thị trưởng thành phố Goa là Philippe de Mascarenas, người Bồ Đào Nha, có phái sang Nhật một phái bộ thân thiện. Phái bộ này dâng lên Nhật hoàng một khúc kỳ nam dài bốn bộ (pied) và đầy hai bộ. Giá tiền mua lúc bấy giờ là 43.000 pardos nghĩa là 54.000 Anh kim hồi bấy giờ (thế kỷ thứ XVII). Nhật hoàng không nhận lễ và miếng kỳ nam này trên đường về đã bị hơi nước biển làm hư hỏng phần nào.

Giáo sĩ Ý Đại Lợi De Marini nói rằng vua nước Nam hồi đó có trong phòng giấy một miếng kỳ nam nặng đến 30 cân Anh.

Trước Alexandre de Rhodes 30 năm, cố Chritofo Borri cũng có nói đến trầm hương trong những bài du ký của ông. Ông cho biết rằng hồi thế kỷ thứ XVII có những cái gối kê đầu bằng trầm hương bán với giá 300 đến 400 ducats một cân. Lẽ dĩ nhiên, là những thứ gối này chỉ để dành cho các ông Hoàng bà Chúa Á Đông mà thôi.

Nhân bàn đến trầm hương mà nhắc lại truyện xưa vì: *Hương gây mùi nhớ, trà khan giọng tình*. (Kim Vân Kiều) và với tấm lòng cổ kính cần thiết trong khung cảnh *Lò trong ngạt xạ, đỉnh ngoài toả hương* (Nhị Độ Mai); chúng tôi chỉ ước nguyện một điều là văn hoá của ta sẽ mãi mãi là nền văn hoá thanh cao, tế nhị như đỉnh hương trầm, khả dĩ làm rạng rỡ uy danh nước Việt trên khắp năm châu bốn bể. ●

Ngoảnh Lại Phía Sau

Hoàng Nga

*H*ương đặt tên cho tất cả y tá, bác sĩ mà cô có thể dịch được tiếng Việt. Như cô Fr'hlich là cô hai Vui (froh: vui vẻ), ông Bauer là ông ba Dân (Bauer: nông dân), ông Klein là ông hai Nhỏ, vân vân. Vi hỏi lại:

- Làm sao em biết được bà Vui thứ hai, ông Dân thứ ba?

Cô gái cười khúc khích:

- Em đoán.

Nàng tròn mắt:

- Đoán làm sao?

Hương đáp, giọng lém lỉnh:

- Ngó mặt bà Vui y như quen chịu đựng, hay quen lo lắng một cái gì đó. Em nghĩ chắc bả hay chăm sóc cho em út, riết cái lo lắng hiện luôn lên mặt.

Nàng ngó cô gái bằng đôi mắt giễu cợt:

- Nhỡ bà ấy chỉ lo lắng cho chồng con thôi thì sao?

Cô gái cười:

- Thì đã nói em đoán mà.

Nàng lại hỏi:

Nhưng còn ông hai Nhỏ, trông ông ấy đâu có vẻ gì là chịu đựng mà vẫn được... thứ hai?

Cô gái bật cười to lên:

- Cái họ của ông này là "Nhỏ" mà sao ổng bự quá xá hén chị. Bị thấy ổng "quạu" quá, như dân anh chị nên em kêu ổng là anh hai. Chứ em đâu có biết được ổng thứ mấy.

Vi không nín được cười. Cô gái nghiêng đầu tìm kiếm, như muốn biết những người y tá cô đã đặt tên có ở gần đấy hay không. Nàng nhướng mày:

- Còn ông Ba Dân?

Cô gái đáp, giọng hồn nhiên:

- Ông Dân hả? Em kêu là ba Dân vì em nghe ổng nói chuyện với bà mập bên cạnh giường chị, cái gì mà *meine aeltere Schwester*. Dịch là bà chị lớn của tui, phải không chị? Mà có chị lớn, thì ổng thứ ba chứ còn gì nữa.

Nàng giễu:

- Nhỡ ổng thứ tư thì sao?

Hương cười theo:

- Ba hay bốn gì cũng vậy à chị.

Vi bỗng sực nhớ đến tên một người bác sĩ Việt Nam mà Hương từng khoe đã làm thông dịch cho cô, nhưng nàng muốn trêu cô gái nên hỏi lại:

- Hôm nọ nghe em bảo có ông bác sĩ Vĩnh làm việc ở đây, có phải

ông ấy tên thật là Ewigkeit không? Vĩnh viễn ấy mà!

Cô gái bật cười:

- Hổng có đâu. "ng người Việt mình. Trước khi chị vô đây hai ngày là ổng đi nghỉ mát ở miền bắc. Chắc hơn một tuần nữa mới về.

Nàng thu hai tay đặt lên lòng. Nhẩm tính thời gian mình sẽ phải chôn chân ở nơi này. Sáng hôm qua nàng mới hỏi bác sĩ về vết thương của mình. Nàng được biết là cái vết thương không nặng lắm, xương không gãy vụn nhiều, nhưng nằm ngay trên mu bàn chân, gần chỗ phải cử động, nên nàng phải nằm lại bịnh viện một thời gian khá lâu để được kiểm tra thường xuyên.

- Sau đó là về nhà "an dưỡng" từ bốn cho đến sáu tuần rồi trở lại, trải qua thêm một lần tiểu phẫu. Phải đi nạng trong thời gian băng bột.

Người bác sĩ bảo thế. Vi thở dài. Cô gái quay đầu hỏi:

- Gì vậy chị?

Nàng rùn vai:

- Nghĩ tới cảnh nằm không với bàn chân cứng thạch cao là thấy ngán quá.

Hương sờ lên bờ vai mình:

- Em sắp về nhà rồi.

- Trông về nhà không?

Cô gái lắc đầu:

- Hồi chị chưa vô đây thì em chán, trông về nhà thiệt. Nhưng giờ nghĩ tới cảnh nằm nhà một mình còn thấy chán hơn.

- Ông xã em đi làm cả ngày hở?

Cô gái bĩu môi:

- Làm nhà hàng giờ giấc kỳ cục lắm chị Vi ơi. Tối nào cũng mười hai hay một giờ ông xã em mới về tới nhà. Tắm rửa xong là nhảy đùng lên giường ngủ queo liền. Sáng mười giờ mới dậy. Loay hoay chưa tới nửa tiếng đồng hồ là lại đi. Trưa được nghỉ hai tiếng từ hai rưỡi tới năm rưỡi, nhưng hôm nào em đi lau chùi cho người ta, là ổng ở lại trong nhà hàng cho tới khuya luôn. Ngày hai bữa có thấy mặt nhau bao nhiêu đâu chị.

Nàng kêu lên:

- Thế thì kỳ thật.

Cô gái lộ vẻ buồn buồn:

- Bị ảnh hổng có chữ nghĩa gì, mà làm nhà hàng lương khá hơn mấy chỗ khác nên đành phải chịu chớ chị.

Nàng an ủi:

- Có chữ nghĩa mà ở cái xứ này cũng có dễ dàng gì kiếm ra việc đâu em.

Đối đáp với Hương, nhưng nàng lại nhớ đến Huy và cái ý định về miền trung Đức của chàng. Lòng nàng lao xao. Nàng nghĩ cái quan niệm về cuộc sống, hôn nhân và xã hội của cô gái hay lam hay làm này có lẽ rất đơn giản, tâm hồn của cô có lẽ chẳng chút gì rắc rối phức tạp, vậy mà cô còn bảo là không thể chịu đựng nổi cảnh ăn không ngồi rồi ngày hai buổi, không chịu đựng nổi sự thiếu thốn đổi trao giữa hai người phối ngẫu! Còn nàng, nàng sẽ như thế nào để thoát khỏi sự tù túng, bó buộc của hai mươi bốn tiếng đồng hồ trong những cái bổn phận mà dường như chưa bao giờ được nàng đặt lên thành hàng đầu? Nàng sẽ làm gì để cái bầu không khí ngột ngạt giam hãm của đời sống không bủa vây lên chính mình? Nàng nhớ ngày xưa mẹ nàng vẫn bảo cái vết nhăn giữa đôi mày của nàng rõ nét quá, và nụ cười lại không mấy tươi, nếu không muốn nói còn thấp thoáng đôi nét buồn rầu, u uất. Mẹ nàng thường bảo bà sợ cuộc đời nàng sẽ không mấy được thanh tịnh, an nhàn. Bà chép miệng thở dài:

- Phá tướng con ạ. Mày có tiền rồi cũng khổ!

Cho đến tận giờ phút này, Vi vẫn chưa thấy cuộc đời nàng có điều gì rắc rối hay quá buồn khổ như mẹ nàng đã lo sợ, tuy nhiên nàng nhận ra rằng, chừng như nàng vẫn chưa sống. Chưa biết cách sống. Chưa bao giờ có một nỗi đam mê, hay một ước muốn to lớn nào dấy lên mãnh liệt trong lòng nàng đến nỗi nàng phải chộn rộn, cuống quít lao vào. Mọi thứ chung quanh nàng chỉ tựa như một con nước trôi bình yên. Không dấy động, không chao sóng. Cả tình yêu cũng đến với nàng thật lặng lẽ, bình thường, điều mà đã bao lần nàng tự hỏi không hiểu nàng thật sự biết yêu hay chưa.

Vi có cảm tưởng, ngoại trừ cái cuống quít đầu đời khi tơ tưởng đến người khác phái thời mới lớn, con tim của nàng sau đó chỉ đập theo luật tuần hoàn của cơ thể. Nàng vẫn nhớ rất rõ cái cảm giác của mình khi Huy cầm tay nàng lần đầu, bảo chàng yêu nàng, mà nàng đã chỉ đáp lại bằng một nụ cười chấp nhận nhưng trong dạ chẳng hề thấy rung động. Đôi chút khôi hài còn dấy lên trong trí nàng lúc ấy. Nàng nghĩ, hơi cải lương. Hoặc thiếu một chút xíu nữa thì vừa vặn như các vở kịch thời... Shakespeare, bá tước quỳ một chân, cầm bàn tay công nương, hỏi, "nàng ôi, nàng có bằng lòng lấy ta không?". Trước đó, Vi không hề tưởng tượng gì cả về những lời tỏ tình của Huy, cũng không náo nức trông chờ một điều gì mới mẻ xảy ra giữa hai người. Tuy nhiên, cái ý nghĩ, tình yêu, lẽ ra là phải khác hơn, phải không thể đơn giản và lành lạnh như vậy được, vẫn tràn lên trong lòng nàng. Nàng nhớ không lầm, là khi nhận lời tỏ tình, lẫn lời cầu hôn của Huy, nàng chỉ thấy có một niềm vui nho nhỏ, y hệt đứa bé được quà chợ của mẹ hiện ra trong lòng. Có cũng được, không cũng xong. Như chỉ thỏa mãn được chút tự ái của một người phụ nữ mà thôi.

Vi cười thầm một mình. Chả lẽ đã ngần này tuổi đầu mà nàng vẫn phải thắc mắc tình yêu là gì, cuộc sống là gì. Hương thở dài:

- Chán quá chị Vi ơi!

Nàng trả lời cô gái, mà như an ủi chính mình:

- Kỳ này coi như chị em mình đi nghỉ mát đi.

Cô gái phì cười:

- Em ở không, nóng tính lắm đó chị, mát gì nổi!

Nàng giễu:

- Thử ở không, thử tập làm quận chúa, làm công nương một thời gian để xem mình có quý tướng hay không.

Hương cười rúc rích:

- Nếu có quý tướng thì coi chuyện người ta hầu hạ mình là chuyện đương nhiên hả chị?

Nàng gật đầu vui vẻ với cô gái. Cô rùn vai:

- Em nhà quê nhà mùa, chắc không có quý tướng đâu. Tử vi của em nói em không có cung bổng lộc.

Vi chả biết trả lời sao nên cười. Cô gái nhìn sang kệ tủ trống trơn của nàng, hỏi:

- Chị có cần mua gì không? Chiều nay ra ngoài, em sẽ mua cho chị.

Nàng nghĩ đến vài món đồ dùng cá nhân, nhưng lắc đầu:

- Thôi, để tôi nhờ người nhà đem vào.

Cô gái nhìn nàng, tò mò hỏi:

- Cái người mà chị điện thoại ngày hôm qua đó hả?

Vi gật. Cô chép miệng:

- ờ, phải có người nào, chớ hổng thấy ai vô thăm chị hết trơn!

Nàng cười:

- Cần một người đến thăm mình lắm hả em?

Cô gái hồn nhiên gật đầu:

- Cần chớ chị.

Vi bẻ mấy đốt ngón tay, nhìn cô bạn nhỏ:

- Chừng nào em xuất viện, tôi mới cần có người tới thăm. Bây giờ có em, đủ rồi.

Hương hứa:

- Chị còn nằm đây thì chắc là em sẽ tới thăm chị.

Nàng đáp lời cám ơn cô gái. Cô lại hỏi:

- Mà người đó là ai vậy chị?

Nàng nhìn sâu vào mắt cô gái, cười hóm hỉnh, để đoán xem sự ngạc nhiên của cô:

- Chồng sắp cưới của tôi.

Quả nhiên, câu trả lời của nàng làm cô gái bật kêu lên thật lớn:

- Chèn ơi! Dữ thần hôn! Tới bữa nay chị mới nói chị sắp có chồng.

Nàng cười:

- Tại lớn tuổi mà mới chỉ sắp lấy chồng nên tôi mắc cỡ.

Cô gái cười dòn:

- Ngó vậy chớ lớn nhỏ gì cũng mắc cỡ hết trơn à chị ơi... Nhớ hồi ba má ảnh dẫn ảnh qua coi mắt em, em "rung" muốn "chớt" luôn.

Vi tưởng tượng ra cảnh cô gái đang lúc cúc làm việc phía sau nhà, nghe đàng trai tới, vội bỏ việc, úp mặt vào hai bàn tay cười khúc khích. Tiếng cười ẩn sau làn tóc đen nhánh phủ xuống hai bên má thơm ngát mùi hương trinh nguyên. Chắc thế nào cô cũng có một cô bạn gái hàng xóm sang chơi, giúp cô làm bánh trái đãi đàng trai. Không hiểu sao nàng lại tưởng tượng là cô đã mặc một chiếc áo bà ba màu hoa cà dịu dàng, quần sa teng đen bóng. Hai má cô chắc hẳn đã đỏ thắm. Và cái nhìn hẳn đã lấp lánh hàng nghìn nụ mãn khai. Không biết cô có dậy từ sáng sớm tinh mơ, mang bộ kỷ trà ra sau hè ngồi kỳ cọ cho đến khi sáng bóng lên? Không biết cô có thỉnh thoảng nở ra một nụ cười e thẹn, ngập ngừng, đôi bàn tay có lúc ngưng lại trên miệng chén mà chẳng hiểu tại sao? Và khi rớt mắt bâng quơ trên chiếc cầu tre lắc lẻo bắc ngang qua con lạch đàng trước nhà, cô gái có lấy làm buồn vì câu ca dao, "chồng gần không lấy đi lấy chồng xa, Mai sau cha yếu mẹ già, Miếng cơm, chén thuốc, bộ kỷ trà ai dâng?" ...

Thấy Vi vẫn giữ nụ cười hóm hỉnh lâu hơn bình thường, Hương rụt vai, lè lưỡi:

- Nghĩ lại mà còn thấy kỳ quá "chời" luôn đó chị!

Vi đưa tay vuốt tóc:

- Bằng tuổi em lúc ấy, tôi chỉ biết cắm cúi học như một con mọt sách. Học để trả nợ sinh thành, học để lập thân. Chả bao giờ dám nghĩ đến chuyện có người yêu. Bạn bè tôi thường giễu, gọi tôi là Vi lạnh, để phân biệt tôi với một người cũng tên Vi khác. Mới nghe, tôi hơi khó chịu, nhưng sau, nghĩ đi nghĩ lại, tôi thấy tôi lạnh thật em ạ, lạnh như trời mùa đông ở xứ này vậy.

Cô gái dường như không để ý đến điều Vi đang nói, nhăn mày thắc mắc:

- Ủa mà sao cái anh chồng sắp cưới của chị nghe chị bị tai nạn, lại không chịu chạy đi thăm chị liền vậy?

Nàng lắc đầu:

- Từ chỗ anh ấy đi làm về đến đây hơn ba trăm cây số.

Hương cãi:

- Tam tứ núi cũng phải trèo chớ chị! Huống chi chị bị thương như vầy.

Nàng cười:

- Đúng là vậy thật. Nhưng chính tôi không cho anh ấy về ngay đấy chứ.

Cô gái quay phắt lại nhìn nàng bằng cặp mắt tò mò:

- Chị có "uy" với ảnh dữ vậy sao? Nói "không" là ảnh "không" liền hả?

Vi so vai:

- Chả biết tôi có "uy" hay không. Có điều xưa nay chúng tôi ít cãi nhau.

- Chèn ơi, sao hay quá vậy?

- Chắc có lẽ tại chúng tôi đã lớn tuổi. Thường, hễ anh ấy thấy tôi không bằng lòng chuyện gì thì không bàn tán đến nữa, hoặc nếu có tỏ ý phản đối điều gì đi chăng nữa cũng nhỏ nhẹ, hay im lặng. Do đó có thể tạm gọi là chúng tôi hòa thuận.

Hương cười phá lên:

- Vậy là chị có "uy" thiệt rồi. Chớ như tụi em, thì cãi nhau hà rầm à chị ơi...

Nàng nói:

- Tôi thấy cậu ấy thương em lắm mà.

Cô gái vẫn còn bưng miệng cười:

- Chị thấy vậy hả?

Vi gật đầu. Cô gái nói:

- Ảnh hổng biết ăn nói như người ta chị ơi.

- Mỗi người mỗi tánh. Miễn thương em là được rồi chứ.

Cô gái hỏi lại:

- Miễn thương là được rồi hả chị?

Vi gật. Nàng ngắm cô gái đang nở nụ cười sung sướng, e thẹn trên môi bằng ánh mắt trìu mến thường ít khi dành cho ai, dịu dàng bảo:

- Đúng vậy em à. Chỉ cần được thương là đủ!

Hương chớp mắt cảm động. Nhưng sau câu nói ấy, Vi bỗng thấy lòng bất an một cách kỳ lạ. Nàng có cảm giác hệt như nàng vừa nói với chính mình, để tự trấn an, tự biện hộ một điều gì đó. "Chỉ cần được thương!". Vi chao lòng. Nàng không muốn tự nhận mình đã nói dối, bởi rõ ràng sự day trở, khúc mắc, vẫn giống như một giòng hỏa lưu đang âm ỉ cháy trong lòng nàng không nguôi kể từ lúc gật đầu bằng lòng tiến xa quan hệ hơn với Huy. Rõ ràng giữa hai người, thì chính nàng đã được thương nhiều hơn, nhưng nàng vẫn nghe trong tâm mình, một điều gì đó chưa thỏa. Chưa hẳn hài lòng.

Buổi chiều, nghe nàng bảo Huy sẽ về nội trong ngày và sẽ vào thăm nàng, mà Hương lính quýnh hẳn lên như chính cô được viếng thăm. Cô khiến nàng phải phì cười khi thấy cô nghiêng đầu ngắm nghía nàng, rồi nói:

- Chị phải bới tóc hay thắt bím lên mới tươi chị Vi ơi.

Vi hỏi lại:

- Trông tôi xơ xác lắm sao?

Cô gái lắc đầu:

- Hổng có. Nhưng ảnh vô thăm thì phải làm đẹp cho ảnh chớ.

Vi cắn môi cười. Nàng để mặc cho cô gái lăng xăng giúp nàng đầu cánh tay bị thương của cô cử động vẫn còn rất khó khăn. Nàng thấy vui vui, như đang chấp nhận một trò chơi, hay giải trí nào đó. Sự mộc mạc hồn nhiên của cô gái, chỉ trong vòng mấy hôm kề cận, mà chừng như cũng làm thay đổi trong nàng đôi ba ý niệm về đời sống. Vi hơi ngạc nhiên khi ngẫm nghĩ đến điều kỳ lạ này. Cứ như thể nàng đã được soi lại chính mình trên mặt nước long lanh trong vắt từ cô gái. Nàng chợt nhận ra có những ý niệm hết sức cũ kỹ, bình thường với hầu hết mọi người, nhưng riêng nàng lại trừu tượng, mơ hồ, không rõ ràng gì cả. Chẳng hạn như chuyện nàng chưa bao giờ nghĩ mình sẽ trang điểm hay phục sức đẹp đẽ chỉ để làm vui lòng người bạn đời. Chưa bao giờ nàng có ý định mua sắm vì chiều theo ý thích Huy, mà nàng nhớ rõ lắm về việc có lần Huy nói với nàng, chàng không mấy thích màu đen và nâu sẫm, thế mà nàng vẫn cứ sắm sửa những bộ áo có sắc màu u tối ấy cho mình, và vẫn mặc khi ra đường với chàng. Đối với Huy, nàng cứ như luôn luôn giữ một khoảng cách nhất định nào đó, một chỗ đứng riêng rẽ nào đó.

Vi bâng khuâng nhìn ra cửa sổ, tự chất vấn, không biết cái quan niệm phụ thuộc và không phụ thuộc ấy sẽ làm lợi bao nhiêu phần trăm, và hại như thế nào cho cuộc hôn nhân sắp đến của mình. Nàng thấy rất lắm khi mình bướng bỉnh, nhất quyết không chịu làm cho Huy một vài chuyện nhỏ nhặt, như đi lấy một cái thìa, rót cho chàng ly nước, chỉ vì câu nhờ vả của chàng lúc ấy, nàng nghĩ, có nhiều tính cách sai khiến. Cái suy nghĩ, nàng và chàng là hai "vật thể" hoàn toàn cách biệt, mà sự rung động của tình yêu (không biết có hay không, trong nàng?) chỉ có thể làm cái nhiệm vụ kết nối một cách không thuần nhất, thỉnh thoảng vẫn dấy lên trong trí nàng, bỗng khuấy động dữ dội. Câu thuận vợ thuận chồng, đối với nàng, không có nghĩa là "cả hai sẽ nên một" như trong Kinh Thánh đã nói, mà "thuận", chỉ là bằng lòng dẹp bớt một số cái tôi của mình để "hòa"!

Nàng cố nhớ lại cách cư xử của mẹ nàng đối với bố, như để tìm sự tương quan và cả sự đúng sai, nhưng cuối cùng cũng đành phải thú nhận là ngày xưa nàng hoàn toàn chẳng bao giờ chú ý mẹ đã sống ra sao với bố. Nàng không rõ là bố và mẹ đã nói chuyện với nhau lúc nào trong ngày. Nàng vẫn còn nhớ, sáng sáng bố nàng dậy sớm, thẩn thơ ngoài hành lang với mấy con chim nuôi trong lồng một lát, rồi vào nhà uống trà hay cà phê. Sau đó ông ăn sáng với mấy chị em nàng, trong khi mẹ lẩn quẩn làm những công việc nội trợ, đàn bà sau bếp. Mẹ nàng không có thói quen ăn điểm tâm. Nên bà sẽ ở luôn sau bếp và đi chợ cũng bằng cửa sau, còn ông thì rời khỏi nhà cùng lúc với mấy chị em nàng, đi làm, đi học, theo những trật tự, thời khóa biểu nhất định. Dường như bố và mẹ nàng đã không khi nào chào từ giã nhau. Trưa, bao giờ ông cũng về trễ hơn nàng và mấy đứa nhỏ một lát. Trong lúc mấy chị em nàng phụ mẹ dọn bữa, thì bố nàng lại ra ngoài hành lang, kéo tấm sáo lên cho đôi hoàng yến, đứng ngắm nghía chúng mươi phút. Vi còn nhớ, thường trong suốt bữa cơm, ông chỉ lẳng lặng nghe chị em nàng kể chuyện phiếm, chuyện lớp trường, mà không bao giờ chen vào giữa, hay la mắng chị em nàng đi quá xa những điều nên nói. Thỉnh thoảng lắm, ông mới hỏi đứa này học hành ra sao, đứa kia có khó khăn gì

không. Và sau giờ cơm, bố nàng đi ngủ khoảng nửa tiếng đồng hồ, trước khi đi làm chiều. Còn mẹ nàng, nếu không khâu vá, cũng sẽ lục đục một việc gì đó, ngoài phòng khách. Đến chiều, lại cơm nước, chị em nàng lại đấu láo, lại nói chuyện phiếm với nhau, không hề có sự tham gia của bố mẹ. Sinh hoạt vào thời điểm này có hơi khác hơn buổi trưa một chút, là sau khi ăn xong, bố nàng sẽ xem báo hay truyền hình. Rồi, sau đó là nghe radio, tin tức chiến sự trước khi đi ngủ. Đúc kết một ngày bình thường.

Chúa nhật, bố nàng, cũng vẫn thói quen dậy sớm, vẫn ngắm nghía mấy con hoàng yến, uống cà phê..., sau đó ông đi tới đi lui trong nhà, xem có gì cần sửa chữa hay không. Nếu không, ông mang mấy chiếc xe của ông và các con ra sau nhà lau rửa. Chiều ông đi đánh domino hoặc cờ tướng ở nhà các bạn ông. Sau này, khi thời cuộc thay đổi, và các con đã lớn, nên thỉnh thoảng ông có nhắc đến vài câu chuyện chính trị, thời sự trong các bữa ăn với chị em nàng. Mẹ nàng vẫn luôn luôn là người im lặng. Vi có cảm tưởng, có cái gì đó hơn cả sự an phận, hiển hiện trong đời sống của mẹ nàng đã đành, mà ngay cả chính bố nàng, cũng chẳng hơn gì. Cả hai, đều bình thường, lặng lẽ đến chán ngắt.

Vi khẽ lắc đầu ngao ngán. Nàng thật sự không hiểu được sự cảm thông, liền lạc giữa bố mẹ nàng ở đâu. Cái thói quen không bao giờ trò chuyện, hoặc không muốn trò chuyện trước mặt con cái khiến nàng không sao tưởng tượng ra được đời sống "vợ chồng" của bố mẹ, mà còn có cảm giác như đã trải qua phần đời với gia đình bằng những kín giấu, bí mật bao phủ chung quanh. Nàng hơi buồn cười khi thấy chừng như mình hoàn toàn không thuộc về, không can dự, không dính dáng gì đến cái "ốc đảo" của bố mẹ. Tuy nhiên sau đó, nàng lại thầm nghĩ, nếu giả sử ngày xưa mà nàng có thấy bố mẹ nàng "sống" ra sao đi nữa, hoặc có thấy một số điều hay lẽ thật từ đời sống hôn nhân của mẹ đi nữa, thì chắc là cũng không thể đem sao y bản chánh, đem áp dụng cho chính nàng ở bên này được. Cuộc sống, vốn đã khác hẳn, hoàn cảnh đã khác hẳn, mà phong tục tập quán xã hội lại càng khác, nên sự suy nghĩ của mỗi thế hệ càng nhiều những điểm không tương đồng.

Vi đưa mắt nhìn xuống chiếc áo trắng của bịnh viện, bỗng dưng chút máu tếu bật ra trong trí nàng. Nàng nghĩ đến Huy, đến việc chiều nay là lần đầu tiên Huy không thấy những màu sắc nâu, đen ảm đạm trên người nàng. Cũng không nhìn thấy cả chung quanh nàng, những tấm màn cửa với hoa văn rực rỡ, nệm cũng không đỏ và chăn gối không bằng lụa, bằng sa tanh lộng lẫy, bóng loáng, hoàn toàn tương phản với sắc áo của nàng vẫn mặc hàng ngày. Bất giác nàng muốn bật ra một tiếng cười, mường tượng đến khuôn mặt của Huy, chẳng biết chàng có thấy vui hơn, thư giãn ra được chút nào hay không.

Hương lục tìm trong tủ cá nhân của mình ra một chiếc lược, và ống son màu nâu đỏ. Cô bảo:

- Em không phụ chị bới tóc hay thắt bím được, nhưng lát nữa em cầm cái gương cho chị soi mặt.

Vi mở nắp lọ son, vặn lên nhìn phớt qua cho Hương vui lòng, đùa:

- Lẽ ra tôi cần phải trông thật xơ xác để anh ấy xót ruột.

Hương nhăn mặt:

- Em tin là tới cấp này ảnh đủ xót ruột rồi chị ơi!

Vi giễu:

- Em tin chắc như vậy phải không?

Cô gái nhanh nhẩu gật đầu. Nàng cười:

- Nhỡ như anh ấy không tỏ ra xót ruột thì em chịu thua tôi cái gì đây?

Hương kêu lên:

- Chèn ơi, gặp người vậy thì thôi chớ lấy làm gì hả chị?

Và sau khi ép Vi bới được mái tóc cao lên, thoa chút son đỏ lên môi, Hương cứ thấp thỏm ngóng ra cửa hộ nàng. Nàng đùa hỏi, bộ cô muốn làm một ông quan án, giúp nàng "nhận diện" ra người chồng sắp cưới của nàng như thế nào hay chăng. Hương rụt cổ:

- Em thấy chị với ảnh hơi lạ lạ, muốn coi thử lúc thấy chị, ảnh ra sao.

Vi lại cười với cái ý nghĩ của mình lúc nãy. Nàng nói thầm, chính tôi cũng không tưởng tượng ra nổi vị hôn phu của tôi ra làm sao khi vào đây, thì huống hồ gì là em! Nàng lại trêu Hương:

- Coi chừng em tưởng gặp ông kẹ cho xem.

Cô gái lườm Vi. Nàng phì cười. Định đùa dai, nhưng thấy Hương có vẻ thành thật quá nên thôi. Nhưng đến chiều, hơi "xui xẻo" cho Hương là khi Huy đến thì cô vừa ra ngoài vài phút. Đến lúc cô trở lại, anh đã có mặt sẵn ở trong phòng, đang ngồi bên cạnh Vi. Cô mở mắt lên thật to, nhìn nàng. Vi cười, giới thiệu:

- Anh Huy. Cô Hương, đồng hội đồng thuyền với em.

Huy bắt tay cô gái. Cô hơi ngẩn ngơ nên không nói được lời nào. Chỉ cười, với vẻ bối rối và lúng túng, như thể không biết nên ngồi lại ở đó hay ra ngoài cho hai người nói chuyện riêng tư với nhau. Bàn tay cô cứ mân mê, se se lọn tóc, và dợm đứng lên nhiều lần. Tuy nhiên lần nào cô cũng bị Vi giữ lại bằng một câu nói gì đó, có liên quan đến mối tình bạn rất mới nhưng thắm thiết giữa hai người. Huy ngỏ ý cám ơn cô vì những săn sóc của cô dành cho nàng. Hương cười:

- Dạ, có gì đâu anh.

Và cứ vậy, mãi đến khi chồng cô vào, cô vẫn chẳng nói thêm câu gì khác. Sự im lặng hơi bất thường của cô gái khiến Vi hơi buồn cười. Nàng mường tượng, đoán thầm những ý nghĩ sâu kín trong lòng cô gái. Cái vẻ như muốn âm thầm quan sát người đàn ông có sắc mặt nghiêm trang ấy, để xem cái gì nơi con người này đã khiến nàng xúc động và nhận lời cầu hôn, bằng ánh mắt thỉnh thoảng loáng lên chút tò mò, thoáng khác lại ánh lên vẻ ngạc nhiên, làm nhiều lần Vi lại cứ muốn trêu cô đôi câu. Chắc cô thấy lạ. Chắc cô không tài nào hiểu được tại sao Vi và người chồng sắp cưới của mình không giống như cô và chồng cô ngày xưa. Liền lạc. Gắn bó. Đơn giản... Nên khi Huy về rồi, nàng hỏi giễu cô bạn mới:

- Em thấy anh ấy thế nào?

Cô gái ngập ngừng:

- Em hả? Ư, ư... Em đâu có biết.

Vi cười:

- Sao lại không biết? Em trông anh ấy hiền hay dữ?

Cô gái rụt rè đáp:

- Em đâu có dám nhìn ảnh lâu... Em sợ mấy người... mang mắt kiếng lắm.

Nàng hỏi, với đôi mắt nheo nheo, giễu cợt:

- Sao vậy?

Hương rụt vai:

- Bị mấy người đó lúc nào cũng nghiêm. Giống mấy ông giáo.

Vi bật cười. Nàng cũng đã đoán ra có lẽ cô gái sẽ không dám đưa ra bất cứ nhận xét nào về Huy, vì sợ mích lòng nàng. Cô làm nàng sực lại nhớ có lần một cô bạn gái chung của cả nàng lẫn Huy, đã phát biểu một câu đại khái, rằng Huy là mẫu người của công sở. Vi đã giả vờ không hiểu, hỏi lại, và được nghe câu trả lời khá vòng vèo, quanh co, rằng Huy khá nguyên tắc và cứng rắn một cách hơi vượt quá sự bình thường. Thật ra, chính nàng cũng hiểu rất rõ điều ấy, bởi nàng biết không phải do một cách ngẫu nhiên trùng hợp, mà cấp trên của chàng đã chọn chàng là người đại diện đi ký hợp đồng cho hãng. Hơn ai hết, hẳn họ đã nhìn thấy rất thấu đáo cái tính tình ngăn nắp, trật tự, cẩn trọng, và nghiêm túc của chàng đã phù hợp cho công việc là thế nào.

Thỉnh thoảng Vi vẫn đùa với Huy, bảo chỉ cần giọng nói của chàng sang sảng, mạnh mẽ hơn chút nữa, và cách phát âm mang màu sắc địa phương nhiều thêm độ ba mươi phần trăm nữa, thì chắc chắn khi nhắm mắt lại, thiên hạ sẽ rất khó phân biệt, khó nhận ra anh không phải là người Đức, không mang giòng máu Anglo-Saxo trong người.

Vi nghiêng đầu nhìn cô gái:

- Tôi và anh ấy giống nhau ở điểm khó thân thiện, khó gần gũi với người lạ.

Hương vội vã lắc đầu:

- Không có giống đâu chị.

Vi nhướng mày:

- Em thấy vậy sao?

Hương gật. Vi hỏi:

- Thế chúng tôi khác nhau những gì?

Cô gái làm một cử chỉ bối rối, cố tìm một câu gì đó để trả lời Vi ngay nhưng chừng như tìm không ra, nên mãi lâu sau mới ngập ngừng:

- Em không biết nữa. Có lần chị nói hồi xưa bạn chị kêu chị là Vi lạnh, nhưng em không thấy chị lạnh...

Cô gái ngưng lại nửa chừng, không nói tiếp nữa. Như cô sợ điều cô nói ra sẽ đụng chạm đến người vừa mới thân với cô mấy hôm nay. Như sợ sự thật sẽ khiến Vi khó chịu. Cô ve vuốt mãi chiếc gối trắng dưới tầm tay mình. Vi chớp mắt nhìn cô gái:

- Nếu như em bảo vậy, thì anh ấy mới là người lạnh ư?

Cô gái chợt trở nên lúng túng:

- Thấy ảnh hơi khó khó... Ơ mà em cũng không biết nữa!

Vi bật cười. Nàng đùa:

- Ái chà, kiểu này thì chắc là tôi phải về xét lại cái chuyện đám cưới quá.

Cô gái hoảng hốt kêu lên:

- Trời ơi, làm gì dữ vậy hả chị?

- Chứ khó như em nói, làm sao ăn đời ở kiếp với nhau được?

Hương nhăn mặt:

- Em chỉ nói vậy thôi, chị nghe em làm gì!

Thấy cô gái có vẻ sợ sệt thật vì nghĩ những lời nói của cô đã tác động đến việc hôn nhân của người khác, Vi mỉm cười dịu dàng:

- Tôi nói đùa thôi.

Nhưng tối không ngủ được, nằm nhìn lên trần nhà quét vôi trắng toát, lòng Vi lao xao nhớ đến lời Huy nói với nàng lúc chiều, về việc dời ngày cưới của hai người lại cho đến mùa xuân năm sau vì chương trình làm việc của chàng có ít nhiều thay đổi.

Huy bảo phải đi Singapore ít nhất là ba tháng vào giữa mùa thu. Chiều, nàng đã đồng ý với vị hôn phu của mình, vì nghĩ chưa chắc gì nàng có thể đi đứng một cách bình thường trước lễ Giáng Sinh, và đã đùa với chàng rằng nàng không thích anh sẽ hát câu, "chàng cười tươi bên cô vợ kỳ khôi" trong ngày cưới...

Và trong những ý nghĩ lao xao, mông lung ấy, dưng không nàng lại nhớ đến lời nhận xét của Hương, với chút bận lòng. Nàng tự hỏi, không biết có phải vì cái tâm hồn hồn nhiên, giản dị của cô gái, mà những lời cô nói ra, tuy không rõ ràng lắm, nhưng nội dung cũng chẳng khác gì mấy so với điều bạn nàng từng bảo trước đây, đã khiến nàng bắt đầu để ý đến mối ngổn ngang, xao xác của mình bấy lâu. Nàng thở dài. Không lẽ nàng phải quay lui, "nhận diện" vị hôn phu của mình lần nữa hay sao? ●

Đi Rước Vợ

Phùng Nhân

*G*à mới vừa gáy canh ba, vậy mà Tư Tảo đã thức giấc. Nhưng anh vẫn còn nằm nán trên giường, để nghe giọng côn trùng rả rích trong sương. Kể từ khi vợ anh bị bịnh đi nằm nhà thương đến giờ, thì cửa nhà sao mà lúc nào cũng cô đơn quạnh quẽ, khiến cho Tư Tảo đâm buồn thúi ruột thúi gan, nhiều lúc ngồi hút thuốc hằng giờ, vậy mà nỗi buồn cũng không làm sao vơi bớt.

Sau vài phút nằm nán cho tinh thần tỉnh táo, Tư Tảo vói tay lên đầu nằm lấy bịt thuốc rê phạch ra vấn một điếu bật quẹt lên mồi lửa. Bập chừng vài hơi thuốc, Tư Tảo mới trực nhớ rằng hôm nay anh phải đi lên nhà thương Chợ Rẫy Sàigòn để rước vợ về: Vợ anh bị nổi u trong cổ tử cung, phải cắt bỏ, nằm trong bệnh viện gần nửa tháng nay. Mổ được mấy ngày, vợ anh bình phục rất mau, nên mới bàn tính với anh là xin xuất viện sớm cho rồi, chớ còn nằm ở đây lâu thì họ chặt tiền làm sao chịu nổi. Ban đầu thì anh cũng có giác đác cho vợ nghe, là về tới dưới rủi ro có bề gì thì trở tay không kịp. Nhưng vợ anh không đồng ý, nói rằng cái mạng của con người trời sanh thì trời nuôi, về tới nhà rồi chỉ cần ăn cơm không cũng mạnh.

Thế là anh đành nhờ bà già vợ lên thay, để anh về nhà lo quơ quào tiền bạc. Số tiền nhà thương đó nếu đem so với nhà giàu thì chẳng đáng bao nhiêu, nhưng đối với một người nghèo chuyên sống bằng nghề soi ếch như anh thì không phải nhỏ.

Đi súc miệng xong xuôi rồi anh lại nhìn căn nhà sao trống trải một cách khác thường, có lẽ là do thiếu cái hơi ấm của người vợ tào khang, với những tiếng giành ăn của cặp heo lứa mà anh vừa bán để lấy tiền trả bệnh viện. Nhưng Tư Tảo vẫn cảm thấy vui vui trong bụng khi rờ xuống cái túi quần tây, thấy một gói tiền còn nằm y nguyên cứng ngắc.

Tư Tảo ngồi xuống ghế trút xấp tiền ra đếm lại, rồi vuốt đi vuốt lại cho nó ngay ngắn đàng hoàng, bởi tiền bạc của Việt Nam bây giờ không biết nó tụt giá tới đâu, hễ nói ra thì tiền muôn tiền triệu mà tiêu xài thì không được bao nhiêu; khiến cho Tư Tảo phải khổ sở với bó bạc trong tay, vì nhét nó vào trong bất cứ chỗ kín nào, thì cũng vẫn nổi u lên rất là lộ liễu.

Sau vài cái ngáp như thường lệ, Tư Tảo đi lại bếp nhúm lửa nấu nước pha trà, dự định một lát nữa uống vài vài ly cho tỉnh táo, đặng lát nữa đi đường xa khỏi chóng mặt. Nhưng cái bó tiền cồm cộm trong

túi khiến anh cười mỉm một mình, khi nghĩ tới cái mùi thơm phức của ly cà phê xây chừng trong tiệm nước của mấy chú chệt. Anh tặc lưỡi, lâu lâu một lần, thôi thì sẵn dịp một lát nữa đi ra ngoài chợ Tân Hiệp mình uống một ly cà phê đen luôn thể.

Ngoài chuồng gà, con gà cồ già cầm đàn gáy thúc từng chập báo hiệu sang canh. Biết là trời sắp hừng sáng, Tư Tảo vội vã thay bộ đồ mới, mà có lẽ từ hồi đi lại tiệm may tới giờ, anh bận đâu chỉ mới ba bốn lần gì đó, nên mùi hồ còn phảng phất. Xong xuôi quần áo, anh xỏ chơn vào đôi guốc mủ hiệu ngựa kéo xe. Tới lúc đó thì anh mới thấy hơi kỳ, phải chi có được một đôi giày da xỏ vô thì ngon biết mấy. Anh định bụng là lên tới bệnh viện Chợ Rẫy đóng tiền xong, nếu còn dư khi đi ra bến xe Miền Tây, gặp mấy ông bán giày dạo rẻ thế nào cũng năn nỉ vợ mua một đôi mang cho biết.

Với bao ý nghĩ hào hứng, Tư Tảo nhẹ nhàng khép cánh cửa lại rồi nhẹ bước ra đi, khi những giọt sương khuya còn đầm đìa trên ngọn cỏ. Từ nhà mà ra tới ngoài chợ Tân Hiệp cũng xa tới 3 cây số chớ có ít ỏi gì, vậy mà Tư Tảo bước đi chừng có 30 phút là tới. Thế mới biết hễ trong lòng khoan khoái lâng lâng, thì bước chân của con người có bước đi trên sỏi đá cũng thấy mềm, chớ đừng nói chi có 3 cây số...

Quả thực mấy năm gần đây, chợ Tân Hiệp đông đúc, phồn thạnh lắm nên quán lều hủ tiếu tự động mọc ngổn ngang, mùi thơm từ mỡ hành bay tỏa ra thơm phức, dù vậy Tư Tảo cũng ráng dằn lòng, anh chỉ nhứt định kêu có một ly café xây chừng để mượn chỗ ngồi đặng đón xe mà thôi. Nhưng tới khi ông tiều già bưng ly cà phê đem lại, cười mỉm hỏi vu vơ: "Nị ăn thêm một tô hủ tiếu nữa rồi đón xe đi vẫn kịp lớ!". Thì Tư Tảo dằn lòng hết nổi, kêu thêm một tô hủ tiếu xương, vừa lúc quán cũng bắt đầu đông khách.

Một cái bàn xép kê phía trong góc coi rất xôm trò, mới sáng sớm mà đã có tới 5 ông vừa ngồi xuống là kêu liền một dĩa lòng với rượu đế rót ra nhậu. Tiếng cười nói vang vang nghe rất vui tai, nhưng Tư Tảo không dám ngước qua nhìn, sợ lỡ gặp người quen rồi họ chèo kéo cũng khó lòng từ chối. Nhưng khi anh vừa ăn mới hết nửa tô hủ tiếu xương, thì có người đi lại vỗ vai anh hỏi:

- Đi đâu mà sớm vậy, Tư Tảo?

Tư Tảo nhìn người kia cà ngơ một hồi mà nhớ không ra. Tới chừng người kia đập tay lên vai thêm lần nữa mà nhắc:

- Bộ không nhớ tui thiệt hay sao? Tui là Năm Định ở xóm trong, cũng là dân soi ếch với nhau đây mà...

Đến lúc đó thì Tư Tảo trực nhớ, nên đon đả hỏi chào. Cùng là dân soi ếch với nhau, họ thường qua lại nhờ vả, khi thì bình điện đi hơi, lúc thì ngọn đèn không chịu cháy... riết rồi quen. Chắc có lẽ cũng vì bao lẽ đó, nên Năm Định đon đả mời Tư Tảo thôi hãy bưng tô hủ tiếu qua luôn bên bàn bên nầy, anh em lâu ngày gặp lại bây giờ bắt buộc tụi mình phải uống với nhau vài xị.

Con người không có lúc nào hào sảng cho bằng những lúc nhậu say, cho nên hễ người nầy kêu thêm lít rượu thì người kia kêu thêm tô xí quách. Cứ thế mà nhậu xây cù, cho đến khi mặt trời đã lên trật ót rồi mà Tư Tảo quên lửng cái bổn phận của mình, là ngày hôm nay phải đem tiền lên trên nhà thương Chợ Rẫy Sàigòn để rước vợ, cho nên anh cứ việc ngồi ăn nhậu thật là thoải mái.

Nhưng rồi tiệc rượu nào thì cũng vậy, hễ rượu vào thì lời ra, chẳng mấy chốc tình anh em thân thiết không còn nữa, mà đã thay vào đó bằng những câu nói móc lò; nhứt là cái thằng cha Năm Thương có gương mặt lưỡi cày, nói câu nào ra cũng thiếu điều quánh lộn.

Rồi thằng chả lại nhắc đến cái việc soi ếch bà mắc cặp ở bụi tre gai, làm cho Tư Tảo mắc cỡ thiếu điều độn thổ. Bởi vì hồi năm ngoái, nhân lúc vợ con đang đẻ nằm cữ, Tư Tảo nhịn lâu, sung sức hứng tình, nên rủ rê bà Sáu Thoại ở kế bên, nếu có thức đêm nổi thì anh dẫn đi soi ếch để kiếm tiền xài đắp đổi. Nhờ vậy mà anh cua được bả rất dễ dàng, nhưng anh lại không biết dẫn đi đâu. Dắt về nhà bà Sáu Thoại thì sợ mấy đứa con của bả bắt gặp, nên anh đành phải dắt vô tuốt trong bụi tre tre, nào ngờ ở gần đó cũng có cặp ếch đang mắc cặp với nhau, đồng cất tiếng kêu quệch quệch. Nếu vào lúc khác thì cặp ếch đó đã chết dưới tay Tư Tảo rồi, nhưng hôm đó anh mắc bận bịu với bà Sáu Thoại nên tha tào cho cặp ếch sống thêm vài ngày nữa.

Cái thằng Năm Thương đang soi ếch ở cách xa nơi đó chừng năm công đất bề đứng chớ có ít ỏi gì, vậy mà nó cũng tắt cái đèn bình để đi tới rình bắt. Nhưng thằng chả lại đánh hơi lầm, nhè ngay bụi tre gai của Tư Tảo với bà Sáu Thoại đang cụp lạc với nhau mà chong ngay ngọn đèn pha sáng hực, rồi còn hườm mũi chĩa sẵn nơi tay, khiến cho bà Sáu Thoại và Tư Tảo sợ quýnh bởi không biết chuyện gì, nên cứ ở truồng mà tuôn ra chạy trối chết. Cũng từ bữa đó làm cho Tư Tảo bị chết tên, tụi dân soi ếch với nhau cứ gọi Tư Tảo là Tư Tre Gai mới báo...

Nhưng rồi sau tới mùa khô, Tư Tảo đổi nghề xoay qua làm rẫy. Nhờ vậy mà cái tên Tư Tre Gai thỉnh thoảng họ mới kêu tới. Vậy mà bữa nay trong lúc nhậu say, cái thằng Năm Thương nó cứ hài danh hài tánh Tư Tre Gai ra chọc ghẹo! Ban đầu Tư Tảo còn biết nể chút

tình, nhưng sau mấy ly rượu đế bị bắt uống liên tu, anh nực gà xô bàn đứng lên đòi dộng. Thế là một cuộc ẩu đả xảy ra. Nhờ lanh tay chụp được cái ghế đẩu trước, Tư Tảo táng cho hai ba ông bể đầu phun máu cục. Tới lúc đó thì ông chủ quán hết hồn, nên chạy đi báo công an. Chừng năm phút sau thì công an tại quận Tân Hiệp bu tới đông nghẹt.

Người ta áp giải mấy ông thần men nầy về đồn cảnh sát công an chờ tỉnh rượu để lấy cung. Tới chiều tối, mấy ông thần men nầy mới hoàn toàn tỉnh táo. Sau một hồi làm ăng-kết, công an thấy nội vụ không có gì trầm trọng, chẳng qua là anh em nhậu say quá rồi sanh ẩu đả vậy thôi, nên răn dạy cho mỗi ông vài ba câu cách mạng để gọi là xây dựng. Còn riêng một mình Tư Tảo, vì đả thương người khác nên công an bắt đóng tiền phạt 1,330.000 ngàn đồng chẵn về cái tội ngu, đã nhậu xỉn rồi còn ra tay hành hung bạn bè trên bàn nhậu!

Đến lúc đó thì Tư Tảo mới hết hồn, sực nhớ số tiền trong túi là để dành đem lên bịnh viện Chợ Rẫy rước vợ về. Nhưng tụi công an đã thấy cọc tiền rồi, đời nào chịu nhả, nên dù Tư Tảo có năn nỉ cách mấy, tụi nó chỉ mỉm cười chớ nhứt định không tha.

Thế là Tư Tảo đành phải thất thểu ra về, để đi chạy vay tiền cho đủ số đem lên rước vợ. Kẹt cái là trong lúc ngộ bất cập như vầy, biết tìm nơi đâu để hỏi vay tạm đây! Cùng đường quá anh mới đi lại nhà ông già vợ kể hết sự tình, để ông già mở lượng từ bi mà cứu giúp cho. Sau khi chửi Tư Tảo một chặp tới bến, ông già vợ rồi cũng phải đi vô mở tủ trút hầu bao; bởi đâu có cha mẹ nào đành đoạn bỏ con trong những khi túng ngặt.

Có tiền rồi, Tư Tảo vội vã đi trở ra chợ Tân Hiệp để đón xe; nhưng lần nầy anh biết khôn, không dám xề lại mấy cái quán cà phê hủ tiếu ngồi chờ xe như hồi sáng, mà âm thầm đứng bên lề lộ.

Thế rồi chiếc xe đò từ dưới Gò Công è ạch chạy lên. Xe đã đầy nhóc rồi mà thằng cha chủ xe cũng còn ham cà rề rước khách. Tư Tảo bị thằng lơ xốc nách thảy lên xe như người ta quăng bao gạo, khiến xương khu anh đau điếng; nhưng đón được xe là tốt rồi, Tư Tảo đâu dám càm ràm trách móc.

Ngồi trên chiếc xe đò chật chội từ chợ Tân Hiệp lên SàiGòn, nhiều lúc Tư Tảo bị con mẹ ngồi kế một bên thỉnh thoảng cạ cái đầu vú nhọn hoắt vào bên hông mắc nhột. Nhưng Tư Tảo cũng rán nhủ lòng, là phen nầy nhứt quyết đi rước vợ về, vì nếu bê bối để xảy chuyện thêm lần nữa, thì có nước tự vận cho rồi chớ làm sao vác cái mặt đi đâu cho được!

Chiếc xe cứ cà rịch cà tàng rước khách dọc đường như không có điều chi gấp gấp, khiến cho mấy bà bạn hàng lại có dịp trổ tài ăn uống trên xe, làm cho mấy người hành khách như Tư Tảo mới là khốn đốn. Vì vào giờ đó có lẽ ai nấy cũng đói bụng hết trơn, mà ngồi dòm họng thiên hạ làm sao chịu nổi. Tư Tảo giả bộ ngồi ngó mông ra cửa để quên đi cơn đói trong lòng, trong khi đó thì chiếc xe vẫn cứ từ từ hưởn đãi, không có vẻ gì sẽ về bến đúng như giờ đã định.

Bất chợt cái con mẹ ngồi kế bên lại vỗ vai Tư Tảo, nói:

- Có đói chưa anh? Ăn tạm với tui một cái bánh lá dừa nghen? Hồi nãy khi xe chạy ngang Trung Lương, thấy bánh ngon quá, tui mua cho một chục.

Không đợi Tư Tảo ừ hử, con mẻ lột trật cái bánh lá dừa, đưa ra. Tới lúc đó thì Tư Tảo đâu còn lòng dạ nào mà từ chối nữa, cầm lên cắn một miếng lớn để làm dịu cơn đói bụng đang cào cấu tự nãy giờ, rồi mới nói tiếng cám ơn. Hai người bắt đầu quen nhau kể từ giờ phút đó.

Ban đầu Tư Tảo còn giấu giếm, nhưng sau đó bị con mẻ khéo léo gợi chuyện hàn huyên, Tư Tảo thiệt thà khai hết, là anh đem tiền lên bịnh viện Chợ Rẫy để rước vợ về, mà bây giờ trễ quá không biết ở bịnh viện họ có còn mở cửa hay không, hay là phải ngồi ngoài mé lộ trông cho trời sáng!

Biết gặp thứ khờ khạo, con mẻ liền trổ mòi dụ dỗ, ăn nói ngọt sớt như đường phèn. Thỉnh thoảng con mẻ còn lợi dụng trong lúc xe dằn, ngả cái đầu qua phía bên vai Tư Tảo để cho mùi dầu thơm thầm kín tiếp tục xông ra. Chẳng mấy chốc Tư Tảo bị tiêu tan hồn phách, cứ ngồi đực mặt ra như bị trời trồng. Trong khi đó thì con mẻ rất điệu nghệ; ở trên thì con mẻ cạ; còn ở dưới thì con mẻ bóp, con mẻ cà khiến mặt mũi Tư Tảo đỏ gay như hồi sáng anh ta đang nhậu rượu. Thì ra say tình hay say rượu, say cái nào cũng khổ hết trơn! Dù biết vậy nhưng làm thân đàn ông, mấy ai tránh khỏi!

Không có cái mùi nào mê mẩn cho bằng mùi da thịt đàn bà, nên Tư Tảo hửi một hồi thì đê mê thần phách, chẳng còn biết trời trăng gì nữa! Khi chiếc xe đò vào bến đậu, là Tư Tảo riu ríu đi theo con mẹ đó lên một chiếc xích lô đạp mà không biết về đâu. Nhưng chắc chắn có một điều, là sáng hôm sau trong bóp Tư Tảo sẽ không còn một cắc để ăn xôi, chớ đừng nói chi còn đủ tiền đem vô nhà thương đóng tiền rước vợ.

Thế là Tư Tảo đã hai lần đi rước vợ, nhưng vợ vẫn còn nằm ở nhà thương với những ngày đài ngóng đợi vò võ; còn Tư Tảo thì sáng hôm sau lại mò về Tân Hiệp để đi vay tiền tiếp nữa. Không biết bao giờ anh mới rước vợ về tới nhà đây! Ôi Sàigòn là chốn phồn hoa đầy cạm bẫy, đã hại biết bao kẻ quê mùa nhẹ dạ!

●

Đường Hầm Thời Gian

Ngọc Huy

*T*iến sĩ Thomas và người phóng viên đang trên đường đi điều tra về một báo cáo tại một vùng rừng núi hẻo lánh rằng có người hành tinh xuất hiện. Người hành tinh và phi thuyền còn đang hiện diện tại nơi đó mới là điều ly kỳ. Thường những loại chuyện này thiên hạ phịa ra hà rầm, có khi đến nơi chỉ nghe được một câu chuyện không đầu không đuôi, không nền không tảng gì cả. Bởi vậy đi thì đi, tiến sĩ Thomas không thực sự kỳ vọng sẽ gặp được người hành tinh.

Đi lạc lối hai ba lần rồi chiếc xe cũng đến nơi. Địa điểm là một quán rượu có bán thức ăn. Một nhóm chừng năm bảy người đàn ông đang lóng ngóng chờ khách đến. Người chủ quán đóng vai trưởng nhóm mời tiến sĩ Thomas và người phóng viên ngồi.

- Thưa quý ông, - người chủ quán mở lời - có một sự trục trặc làm cuộc hội kiến với người hành tinh phải tạm đình lại. Vì họ quyết định khá đột ngột nên chúng tôi không kịp thông báo với quí ông. Nguyên là trên phi thuyền có hai người, một người đàn ông có gốc gác từ địa cầu và người đàn bà là một người hành tinh. Vì bà ấy bỏ quên cái xách đựng mỹ phẩm trên ấy (người chủ quán trỏ tay lên trời), nên ông ấy phải theo bà ấy bay trở lại, lấy xong cái xách ấy họ hứa sẽ quay lại ngay, chắc trong hai hoặc ba ngày, vì bà ấy đã chọn địa cầu làm quê hương. Nếu các ông vui lòng ở lại chờ thì chỗ ở, rượu và đồ nhậu chúng tôi cung cấp miễn phí!

Chỉ nghe phần mở đầu của câu chuyện, ông tiến sĩ đã phát lộn gan lên đầu. Chuyện người hành tinh, thiên hạ đã kể ra cả ngàn vụ rồi, chẳng có chuyện nào nghe lọt lỗ tai. Đi điều tra về mấy vụ này, ông đã bị người ta cho leo cây không biết bao nhiêu lần. Thành ra ông coi nghề nghiệp của ông là cái nghề đi nghe thiên hạ nói láo. Lần này ông có cảm tưởng như bọn bợm nhậu này cố tình đem ông ra làm trò cười.

- Người hành tinh, người đàn bà ấy mặt mũi ra sao?

Tiến sĩ Thomas nhíu mày nhìn người chủ quán.

- Thưa vì quên đem theo mỹ phẩm để trang điểm nên bà ấy ngồi rịt bên trong phi thuyền, không chịu ra. Chỉ có ông ấy ra nói chuyện với chúng tôi.

- Các ông có biết những vì sao xa chúng ta diệu vợi hay không? - Tiến sĩ Thomas nói -Bay cả ngàn năm chưa chắc đã đến, họ hứa hai ngày trở lại mà các ông cũng tin.

- Thưa, ông ta nói phi thuyền bay trong "đường hầm thời gian", nhanh như hít!

Ông tiến sĩ nhìn người chủ quán, trông ông ta lù đù nhưng nói được chữ "đường hầm thời gian" nghe cao siêu ra phết, rõ ràng là ông thuật lại theo lời một người nào đó. Tiến sĩ Thomas bèn hỏi tiếp:

- Các ông đều có nói chuyện với ông ta cả chứ?

- Thưa vâng. Cả bọn lên tiếng.

Nhìn vẻ mặt đăm đăm của tiến sĩ Thomas, ông chủ quán biết ông này không tin những gì bọn ông nói ra nên chạy vào trong, đem ra một cái hộp nhỏ xíu. Ông nói:

- Có vật này ông ta để lại, xin trình cho ông xem. Phải cầm trong tay mới biết sự kỳ dị của nó.

Vừa nói ông chủ quán vừa mở hộp lấy một viên đá đen bóng láng đặt vào tay tiến sĩ Thomas. Ông tiến sĩ sững sờ khi viên đá được đặt trên tay ông. Không có vật liệu nào ở địa cầu này lại nặng khủng khiếp như vậy, chắc nó nặng hơn vàng đến mười lần. Ông thốt lên:

- Chắc chắn vật này phải có xuất xứ từ vũ trụ! Này này... các ông có thấy cái phi thuyền không?

- Có, khi chúng tôi đến tiễn ông bà ấy trở lại trên thượng giới. Trông nó không giống như những phi thuyền tụi này đã thấy trong ti vi. Ông ấy ra chuyện trò với chúng tôi, còn bà ấy quyết định hoãn lại việc diện kiến với người địa cầu khi bà ấy chưa trang điểm. Theo lời thuật lại thì bà ấy nói phải đâu ra đó mới được!

- Trời ơi, tưởng đâu chỉ có đàn bà địa cầu mới rắc rối! - Tiến sĩ Thomas kêu lên. - Mỗi năm chắc "trên ấy" cũng chi phí hàng tỉ Mỹ kim cho mỹ phẩm!

Tiến sĩ Thomas không ưa đàn bà, và vì sống độc thân nên ông khó đăm đăm. Mà ông khó thật, có ai mà biểu lộ niềm ác cảm "liên hành tinh" với đàn bà như ông. Bởi vậy khi ông cáu nhàu thì mọi người đều che miệng cười.

Người phóng viên cầm cục đá màu đen trên tay, quan sát và ghi chép. Tiến sĩ Thomas yêu cầu được nghe toàn bộ câu chuyện và một người trong bọn coi bộ có khoa ăn nói nhất, thuật lại diễn biến theo kiểu người đàn ông trên phi thuyền kể lại. Ông kể như sau...

- Tôi là một văn quan trong một quốc gia tiến bộ nhất vào thời tôi sống. Chúng tôi đã phát minh ra máy đánh lửa, chúng tôi biết luyện kim, về quốc phòng chúng tôi có quân đội hùng mạnh, có cung cứng, có tên bén, có những máy bắn đá tinh xảo và cực mạnh; đoàn hưu xa của chúng tôi có thể chọc thủng bất cứ những trận địa nào vững mạnh nhất của kẻ thù.

- Xin nói rõ hơn về "hưu xa'". Tiến sĩ Thomas ngắt lời.

- Chúng tôi không biết. Cả bọn đồng thanh trả lời.

Và người đàn ông thay lời kể tiếp...

- Ngoài chức Bộ trưởng Giáo dục, tôi còn đóng vai trò một triết gia, một nhà thông thái. Tôi đưa ra học thuyết về vũ trụ, như một cái mâm hình tròn đầy thức ăn, được úp lại cẩn thận bằng một cái lồng bàn, trên cái lồng bàn được trang trí bằng những vì sao nhỏ li ti. Đất nước chúng tôi ở giữa mâm thức ăn ấy, nghĩa là chúng tôi được hưởng phần nhiều nhất. Mọi người tin vào thuyết của tôi và sống hợp quần để khỏi bị chư hầu đẩy ra khỏi cái trung tâm mầu mỡ ấy.

Nhưng yên giặc ngoài chúng tôi không để ý đến thù trong, một ngày kia nhìn về kinh thành tôi thấy lửa dậy ngùn ngụt. Quân phi báo đến cho biết rằng một tên loạn thần đã cướp ngôi và tôi là một trong những người đang bị chúng truy nã. Tôi trốn vào rừng sống ẩn dật, săn bắn, trồng hoa màu, nấu rượu để uống và nghĩ rằng sẽ sống như vậy cho đến mãn đời.

Nhưng rồi một biến cố khác lại xảy ra ngay tại nơi hoang vu tôi đã sống...

Một đêm tôi đang ngồi uống rượu một mình, nhớ nước thương nhà và ngà ngà say. Chợt không trung bên ngoài bùng sáng kèm theo một âm thanh như lụa xé. Tôi chạy ra ngoài nhìn thì âm thanh và ánh sáng đã vụt tắt. Men rượu làm tôi choáng váng nên tôi định quay vào, nhưng rồi tôi nghe như có tiếng ai kêu cứu. Tôi dò dẫm trong ánh trăng đến nơi phát ra những âm thanh ấy. Được một lúc tôi nghe một giọng trong trẻo phát ra từ trên cao: "Cứu tôi, tôi ở trên đây này."

Trong mờ ảo của ánh trăng tôi thấy một bóng người bị móc lơ lửng trên một cành cây cơ hồ như sắp rớt xuống. Tôi nghĩ người này có liên hệ đến ánh sáng và âm thanh lúc nãy.

"Đêm hôm người còn đến đây quấy nhiễu ta làm gì?" Tôi hỏi.

"Ông làm rồi ," người kia trả lời, "khi đáp xuống thấy phi thuyền lắc lư nên tôi sợ quá nhảy dù ra ngoài, không may bị vướng vào nhánh cây này. Hãy làm ơn đem tôi xuống."

Thật tình tôi không hiểu những chữ "phi thuyền", "nhảy dù" có nghĩa là gì. Tôi loay hoay mãi mới đem được người ấy xuống. Đó là một người đàn bà. Tôi thầm ngạc nhiên, không hiểu lý do nào đã đưa một phụ nữ lạc lối đến đây. Dưới ánh trăng tôi thấy người này thuộc loại mặt hoa da phấn, đáng bậc hồng nhan. Thấy tôi đăm đăm nhìn, nàng ngại ngùng quay lưng về phía tôi. Tôi thấy một bờ vai tròn trịa và một loại mùi hương rất dễ chịu tỏa ra từ cơ thể nàng. Tôi mời nàng vào nhà.

"Tôi đói lắm, ông có gì cho tôi ăn không?" Người đàn bà nói như vậy.

Tôi vội lấy củi chất lên bếp và lo thủ tục nhóm lửa. Tôi trân trọng đem máy đánh lửa, một phát minh mà dân tộc tôi vẫn hằng hãnh diện, gồm một sợi dây quấn mấy vòng quanh một thanh gỗ tròn thẳng, hai đầu sợi dây được cột vào một que gỗ khác, khi kéo qua kéo lại que gỗ này thì sợi dây quấn sẽ làm thanh gỗ tròn quay nhanh, cọ xát vào một lỗ tròn. Muốn có lửa thì ngồi kéo, độ chừng đến lúc trán rướm mồ hôi thì sẽ có khói bốc lên tại cái lỗ tròn;

kéo đến khi vài giọt mồ hôi rớt xuống thì sẽ thấy lửa..

Nàng tò mò nhìn tôi ngồi hì hục kéo lia kéo lịa. Rồi không nói không rằng, nàng đứng lên, thò tay vào túi lấy ra một vật gì nho nhỏ, tôi nghe một tiếng "cách" khô khan và một ngọn lửa xanh lè phát ra từ vật nhỏ nhắn trong tay nàng, nàng đốt vài chiếc lá khô, bỏ vào đống củi mà tôi đã chất sẵn và ngọn lửa bắt cháy mau chóng. Tôi bèn lẽn quãng "niềm hãnh diện dân tộc" vào một góc nhà để bắt tay vào việc bếp núc và sau đó đem đến cho nàng một đĩa thịt nai thiết bản thơm lừng. Nàng ăn một cách ngon lành, chỉ một thoáng đĩa thịt đã sạch nhẵn. Khi nàng ăn xong tôi kinh hãi khi thấy nàng vớ hồ rượu mạnh tu ừng ực như uống nước lã, rồi nàng nhăn mặt: "Thịt ở địa cầu ngọn tuyệt, nhưng nước thật khó uống!" Tôi hỏi nàng từ đâu đến, nàng trỏ tay lên cao. Tôi ngơ ngẩn nhìn lên nóc nhà. Nàng cười:

"Tôi không ở trên nóc nhà đó đâu, tôi ở ngoài cái vũ trụ xa xăm kia."

Tôi đang ngà ngà say nên không thực sự hiểu nàng nói gì. Tôi hỏi nàng thêm vài câu nữa thì thấy người nàng bỗng mềm nhũn rồi gục xuống bàn, có lẽ do lúc nãy nàng nốc hết gần nửa hồ rượu. Tôi cố vực nàng vào trong, đặt được nàng lên giường thì tôi cũng ngã chúi lên người nàng, men rượu đã làm tôi gượng dậy hết nổi, tôi nằm liều như vậy, ngủ vùi.

Sáng hôm sau khi thức dậy tôi không thấy nàng đâu cả. Tôi đi ra đống sắt kỳ dị mà nàng gọi là phi thuyền thì thấy nàng đang ngồi bên trong, khóc rấm rứt. Tôi vội hỏi lý do thì nàng sụt sùi:

"Còn phải hỏi, tôi thức dậy thì thấy ông đè lên người tôi nên tôi chạy ra đây định dông về nguyên quán. Người địa cầu hỗn như gấu!"

Lúc ấy tôi mới giật mình nhớ ra là tôi đã té lên người nàng và ngủ luôn. Tôi rối rít xin lỗi nàng. Rồi tôi giải thích cho nàng thế nào là rượu, thế nào là say và tôi kết luận: "Hôm qua rượu đè cô, còn tôi thì vô can!" Nàng gật đầu cho là phải. Tôi hỏi nàng lúc nãy đã sợ tại sao không dông đi cho lẹ mà còn ngồi đó khóc rấm rứt?

"Tôi toan về nhưng đột nhiên thấy sợ," nàng nói, "bây giờ tôi tin ông là người tốt rồi, phải chi ông đưa tôi về thì tôi sẽ bớt lẻ loi hơn."

Tôi hỏi nàng muốn về đâu, nàng nói là về một tuế hệ (stellar system) ở trên kia, cách đây xa lắm. Tôi lấy làm lạ, nàng đi trên chiếc tàu này mà lại sợ du hành thì có khác nào một thuyền trưởng mà sợ sóng! Lại nữa, nàng nói là về trời cao, như vậy thật sự ở thượng giới có người hay sao? Tôi bèn làm bộ hỏi dò rằng:

"Thế trên thượng giới ấy ngó xuống cô thấy dưới này như thế nào?"

"Nói lạ chưa," nàng cười, "làm gì có thượng giới với hạ giới. Đâu cũng vậy, nhìn lên thấy trời, nhìn xuống thấy mặt đất. Tại đó người ta cũng nhìn lên và thấy cái vì sao màu vàng này (nàng chỉ tay lên mặt trời), nhỏ như một hạt bụi; còn cái hành tinh xanh xanh này (địa cầu) thì nhỏ xíu và không tự phát sáng làm sao mà thấy được."

Lúc ấy tôi chưa cùng nàng du hành vũ trụ nên tôi đâu có biết rằng mình ngố. Vốn tự cho mình là thông thái, tôi suy luận rằng: Nàng ở một nơi trên đầu của tôi, nàng đã nói là ngó xuống thì thấy đất, nếu nàng thấy được 'dưới này' thì nàng phải đứng ở phần dưới mặt đất 'trên ấy', tất nhiên nàng phải té nhào ra không gian.

"Này cô," tôi lên tiếng, "có nhiều lý do để tôi không tin cô là người trên thượng giới. Một là cô đứng lộn ngược đầu bên dưới một mặt bằng mà không 'té ra' là điều vô lý (tôi nghĩ rằng nàng đứng trên một mâm thức ăn bị lật ngược lại, tất nhiên người và vật đều bị đổ nhào hết!). Hai là không có cánh làm sao cô bay xuống đây được. Ba là nếu không có cánh thì cô phải nhẹ như một làn hơi để bay là là xuống đây. Hôm qua ẵm cô tôi đã té nhào lên người cô để rồi cả địa cầu của tôi bị mang tiếng là hỗn như gấu."

"Tôi bay đến đây bằng phi thuyền chứ đâu phải bằng cánh."

"Làm sao tôi có thể tin là cái đống sắt này có thể bay được như chim."

"Anh không tin lời tôi à? Tôi sẽ chở anh đi một chuyến là anh sẽ tin ngay."

"Cần gì phải đi một chuyến, Chỉ cần bay lên khỏi ngọn cây là tôi tin cô rồi?"

"Nhưng tôi không biết lái con tàu. Tôi chỉ biết nhận nút cho con tàu tự khiển."

"Sao có chuyện lạ lùng như vậy?" Tôi hỏi.

"Vì tôi chỉ là một nhà du hành bất đắc dĩ." Nàng nói một cách lúng túng, mặt đỏ gay, có vẻ như mắc cỡ. Tôi thầm nghĩ nếu nàng cần tôi thì bằng mọi giá tôi phải giúp nàng. Tôi bèn hỏi nàng: "Mà đi bao lâu?"

"Những nhà chế tạo ra con tàu này đã nói rằng: Sẽ đến mục tiêu chỉ sau một giấc ngủ. Như vậy không có nghĩa là đến mục tiêu sau một đêm hay sao?"

"Như thế thì được, tôi sẽ đưa cô về đó cho cô bớt sợ. Điều kiện là cô phải nói rõ lai lịch của cô, cô đến đây với mục đích gì và sau cùng là phải chỉ đường cho tôi trở về, công chuyện nhà của tôi còn đăng đăng đê đê."

Nàng mừng rỡ ôm chầm lấy tôi:

"Thật không! Cảm ơn anh nhiều lắm, ôi trai địa cầu thật tốt!"

Và nàng kể cho tôi nghe lý do tại sao nàng lại một thân một mình

bay đến địa cầu:

"Em không phải là một phi hành gia, em chỉ là người công nhân xinh đẹp nhất trong cơ quan không gian mà em làm việc. Em yêu một khoa học gia đẹp trai, trẻ tuổi tại cơ quan đó. Chàng cũng trang trọng khen em xinh như trăng rằm. Chúng em tình trong như đã mặt ngoài còn e cho đến một hôm... Em đem trà đến cho chàng. Lúc ấy chàng đang làm việc bên trong một phi thuyền không gian đã lắp trên đỉnh một hỏa tiễn, dựng sừng sững trên dàn phóng. Như mọi lần em hỏi chàng *'tea, coffee?'* Chàng ngẩng lên nhìn em, lúc ấy trên phi thuyền chỉ có em và chàng mà thôi, vì vậy em vọt miệng nói tiếp *'or me'*... Trời ạ, em đâu có ngờ rằng em đã yêu nhằn một kẻ thích bạo hành. Vừa nghe hai chữ sau cùng, chàng tươi ngay nét mặt. Chàng nhấc bổng em lên, đặt ngồi vào ghế phi hành và thò tay vào túi lấy ra một cái còng số 8, 'click' một tay em vào ghế. Thế là em như một con dingo bị vướng chân vào bẫy rập, mặc tình cho thằng thợ săn đẹp trai nó vờn... Chàng còn thì thầm: "Nếu tay chân quơ bậy bạ là hỏa tiễn... vọt đến hành tinh xanh đấy!"

Trong cơn ngây ngất làm sao em nhớ nổi lời chàng dặn nên cái tay không bị còng của em chới với quờ nhằm cái nút 'blast off', thế là động cơ hỏa tiễn rú lên và có tiếng đếm ngược từ mười đến dê-rô là phi thuyền sẽ được phóng vào không gian. Chàng vội vã nhận nút stop, nhưng trong lúc gấp gáp tay chàng lại ấn trật qua nút *lock in*, thế là tiến trình khai hỏa bị khoá chặt, không còn thay đổi được nữa. Chàng hốt hoảng cho tay vào túi tìm chìa khóa của cái còng số 8, chìa khóa đâu chẳng thấy, em chỉ nghe chàng kêu trời lia lịa. Cho đến khi máy đếm đến 'two' thì chàng biết là hết hy vọng nên phóng đại ra khỏi phi thuyền, bỏ mặc em bên trong!" Nói đến đây nàng bĩu môi. "Thế mà hắn thề sống thề chết với em là chân trời góc biển nào hai đứa cũng có nhau! Đáng kiếp!"

"Tại sao cô nói là đáng kiếp?" Tôi hỏi.

"Thì trong lúc hốt hoảng hắn phóng ra ngoài như batman, hắn quên rằng hắn không có cánh và phi thuyền thì nằm tận đỉnh của hỏa tiễn, cao cỡ một nhà lầu 20 từng!"

"Lạy trời, rồi sao nữa?" Tôi hỏi dồn.

"Lạy với lục gì!" Nàng nói. "Em chỉ nghe một tiếng la thất thanh ngân dài, nhỏ dần như xoáy vào địa ngục, tiếng la còn chưa dứt thì những chấn động ầm ầm phát ra, lửa khói phun ra mịt mù trời đất và hỏa tiễn được nhấc bổng lên bằng một lực tương đương với hàng triệu sức ngựa... Nếu phước đức ông bà cho hắn còn sống thì bảo đảm hắn không có cách nào trắng hơn cột nhà cháy!"

"Cầu trời cho ông ta sống là được rồi," tôi nói, "trắng đen không thành vấn đề."

"Đâu có đơn giản như vậy," nàng nói, "tất cả những người đen đều thuộc về giai cấp nô lệ!".

"Tội nghiệp cho ông ta. Mà này, cô nói tay cô bị còng vào ghế mà."

"Hắn làm rớt chìa khóa xuống sàn chứ đâu!" Nàng nói.

"Hóa ra cô không có kiến thức chuyên môn gì cả về phi hành?"

"Dạ không. Nhưng em đã đi khắp mọi nơi trong cơ quan nên cũng biết được nhiều điều và em biết rằng phi thuyền này có thể tự động bay về xuất xứ của em được."

Đêm về, trước khi khởi hành nàng nhìn lên trời và nói: "Muốn tìm vì sao của em thì phải lấy sao siêu đại (supper giant) màu đỏ kia làm chuẩn..."

"Sao này ai mà không biết, trông nó đâu có lớn và còn mờ hơn vài vì sao khác. Tại sao gọi là sao Siêu đại?" Tôi ngắt lời.

"Vì nó ở quá xa chúng ta nên trông như vậy, nhưng thực ra nó lớn khủng khiếp, lớn cho đến nỗi nếu ta đứng được trên ấy thì sẽ thấy chân trời ăn sâu như vô tận vào bầu trời. Chừng một triệu ba trăm ngàn năm nữa vì sao này sẽ nổ tung, lúc ấy nó sẽ sáng đến nỗi địa cầu và hành tinh của em sẽ thấy được nó giữa ban ngày. Kìa vì sao của em cách sao Siêu đại ba gang tay."

Nhìn cái vì sao mờ nhạt của nàng, tôi không thể nào tin rằng, quay quanh vì sao đó là một quả cầu giống như địa cầu này. Không tin thì cũng phải đi, khi tôi đã hứa với nàng. Nhất là một ngày bên nàng tôi đã lỡ tay táy máy vào nàng, mới đầu còn chút chút, sau đó là tất cả... Chứng nào tật đó, tay chân nàng lại quờ quạng tứ tung...

Đến giờ đã định, chúng tôi khởi hành. Nàng nhận tay vào một cái nút và những tiếng động đinh tai nhức óc vang lên và tôi thấy căn phòng bị lung lay như đang có địa chấn. Nhìn ra cửa sổ tôi bỗng hoảng hốt, một bàn tay vô hình đã nhấc bổng con tàu lên khỏi ngọn cây. Chỉ một chốc sau thì tôi thấy mây lao vun vút về phía sau phi thuyền. Con tàu gia tốc mạnh đến nỗi tôi có cảm tưởng người tôi bị lún sâu vào chiếc ghế. Từ hồi giờ tôi chỉ biết phi ngựa là nhanh nhất, hôm nay tôi kinh hồn lạc vía khi thấy con ngựa sắt này dám phi nhanh hơn ngựa thường cả trăm lần chứ không ít! Khi phi thuyền đã lên cao, tôi mới biết rằng thuyết vũ trụ là mâm thức ăn có lồng bàn úp lại là trật bét vì tôi thấy trái đất hình cầu. Cũng may tôi chưa khoe với nàng tôi là triết gia và là bộ trưởng bộ Học! Phi thuyền bay nhanh đến nỗi sau đó không lâu trái đất đã thâu lại thành một khối cầu có thể nhìn được toàn phần.

Khi phi thuyền ngừng tăng tốc độ, cảm giác nặng nề trong cơ thể biến mất. Tôi thấy nàng mở nịt an

toàn và đứng lên. Nàng nhún nhẹ chân và tôi kinh ngạc khi thấy nàng bay chầm chậm đến tôi, chân duỗi trên không trung, tóc phất phơ nhè nhẹ, ôi nàng thật sự là một nàng tiên! Nàng mở nịt an toàn cho tôi và âu yếm ôm lấy tôi.

"Chúng ta đã vào vùng vô trọng lực," nàng nói, "anh cũng bay được như em vậy."

Tôi thử nhún chân và tôi cảm thấy người tôi nhẹ hơn cả sợi lông chim. Như thế này thì tôi là tiên đồng và nàng là ngọc nữ! Nhìn ra cửa sổ tôi hỏi nàng:

"Này em, tại sao trái đất đã thâu nhỏ lại như vậy mà các vì sao không lớn lên một tí nào vậy?"

"Vì nó xa chúng ta một cách khủng khiếp."

"Thế làm sao chúng ta tới đó được?"

"Chúng ta sẽ được đưa vào *deepsleep chamber*, máy sẽ tự động đánh thuốc mê cho chúng ta ngủ say, lúc ấy phi thuyền mới chui vào 'đường hầm thời gian', trong đường hầm này phi thuyền bay nhanh hơn vận tốc ánh sáng, đã thế không gian còn co rút lại nữa nên lộ trình ngắn đi, bởi vậy chúng ta đến mục tiêu chỉ sau một giấc ngủ. Đó là điều em nghe lóm được lời thuyết trình của các nhà bác học với ông phi hành gia."

"Tại sao chúng ta không thức mà quan sát lộ trình?" Tôi tò mò hỏi nàng.

"Gia tốc khủng khiếp của phi thuyền sẽ giết chết chúng ta nếu chúng ta tỉnh táo. Giống như khi giải phẫu thì phải dùng thuốc mê vậy. Này đèn hiệu đã báo con tàu chuẩn bị gia tốc."

Chúng tôi trở về ngồi vào ghế. Rồi chiếc ghế tôi đang ngồi tự động di chuyển đến một phần khuyết của phi thuyền và cánh cửa đóng chặt lại, một mùi hương thơm ngát toả ra, tôi cảm thấy giấc ngủ đổ ập đến...

Tôi thức dậy khi nghe tiếng nàng thì thầm bên tai: "Dậy đi, gần đến rồi." Tôi mở mắt, vươn vai, thầm nghĩ du hành vào vũ trụ mới đơn giản làm sao! chỉ sau một giấc ngủ là đã đến nơi. Nhìn ra cửa sổ thấy mặt trời đang chói rọi trên cảnh vật, tôi thấy mặt trời trên ấy có đường kính lớn hơn mặt trời của chúng ta chắc ba lần. Bỗng tôi giật mình thấy một khối tròn đường kính đến hơn một thước hiện lừng lững trên không trung. Nàng giải thích:

"Đó là hành tinh mẹ quay quanh mặt trời. Hành tinh mẹ là một khối hidrogen ở thể lỏng, còn chúng ta đang ở trên một vệ tinh của hành tinh mẹ."

"Như vậy là em sống trên một mặt trăng!" Tôi nói. "Hèn chi trông em đẹp như Hằng nga."

"Trông anh kém văn minh nhưng đường lưỡi của anh coi bộ nhuyễn lắm!"

"Đừng nói bậy bạ." Tôi cự nàng.

"Em có nói bậy bạ gì đâu, bậy bạ làm sao anh nói đi, em sẽ sửa đổi."

Thấy nàng hỏi tôi một cách thành thật, tôi vội nói tảng lờ đi, nhưng trong bụng lấy làm lạ, một dân tộc văn minh như nàng mà không biết dùng món khai vị! Tôi dự định một ngày nào sẽ cho nàng thưởng thức cái món độc đáo đó.

Nàng nói:

"Ngày đêm ở đây có khác với địa cầu, vì có hiện tượng đêm giữa ban ngày."

"Đêm giữa ban ngày?" Tôi lạ lùng nhắc lại.

"Đó là đang phần ban ngày nhưng mặt trăng lại chui vào phần đêm của hành tinh mẹ nên ngày đột ngột biến thành đêm."

"Phiền nhỉ, như vậy ở đây đêm nhiều hơn ngày, buồn chết."

Nàng nói với một nụ cười hóm hỉnh:

"Ngược lại là khác, vì đó là lúc trai gái rậm rạt với nhau!"

Nhìn ra khung cửa tôi bắt đầu thấy cảnh vật đã lớn ra. Còn nàng đang bận rộn liên lạc với những người bên dưới. Nàng nói một mình:

"Quái, cứ như là hết vào đại dương, chẳng nhận được một đáp ứng nào."

Và phi thuyền nhẹ nhàng đáp xuống. Bước xuống mặt đất nàng kinh hoàng thấy khung cảnh chỉ toàn rừng núi, không nhà cửa, không sinh vật, nàng nói:

"Rõ ràng chỉ mới ngày hôm kia, nơi đây là những tòa nhà đồ sộ, người tấp nập đông đúc mà bây giờ sao lạ vầy kìa."

"Em kiểm kỹ lại xem," Tôi nói, "hay là ta đổ bộ lầm vị trí."

"Làm làm sao được," nàng nói, "đây là nơi em sinh sống từ nhỏ đến lớn. Đứng nơi đây còn thấy được ngọn núi quen thuộc kia kìa, nhưng một điều quái gở là những nhà cửa và con người đều biến mất, cảnh trí cũng thay đổi hoàn toàn.

Nàng bám chặt lấy tôi, mặt nàng tái nhợt đi vì sợ hãi. Tôi nhìn nàng và tin rằng nàng đã không nói dối. Lòng tôi vô cùng hoang mang. Đây là thế giới nào, có phải là vùng phụ cận của vì sao nhỏ xíu mà tôi thấy từ địa cầu? Và điều đáng ngạc nhiên hơn hết, tại sao thế giới của nàng biến mất? Nàng bỗng reo lên:

"Kìa vùng trống trải kia còn lờ mờ dấu tích một ngọn tháp. Em biết dưới ngọn tháp ấy là một Bảo Tàng Viện khoa học được bảo quản rất công phu. Đến đấy may ra còn dấu tích về thế giới mà em đã sống."

Chúng tôi lần mò đến chân ngọn tháp và nàng tìm được lối vào bảo tàng viện, bây giờ là một nơi tối tăm hoang tàn. Nơi đây chẳng những còn lại rất nhiều những chứng tích của nền văn minh của dân tộc nàng mà đồng thời còn ngổn ngang không biết bao nhiêu

bộ xương. Hình như đây là nơi trú ẩn của một nhóm người. Bấy giờ nàng mới hoàn toàn khẳng định được rằng một biến cố nào đó đã hoàn toàn hủy diệt giống người của nàng khi nàng du hành vào vũ trụ. Đến một căn phòng nọ tôi thấy những bộ xương nằm ngay ngắn trong những lồng kính, nàng nói:

"Đó là những người bị bịnh nan y, tình nguyện cho đông lạnh, chờ y khoa phát minh được thuốc men để chữa trị họ. Những người này có thể làm cho hồi sinh được nhưng vì máy móc bảo quản thân thể họ bị hư cả nên họ đã chết hẳn."

Một lúc sau nàng hỏi Tôi:

"Anh ơi bây giờ chúng ta phải tính làm sao đây?"

Tôi cũng ngẩn ngơ không hiểu phải đối phó làm sao với hoàn cảnh này. Tôi chỉ biết lau nước mắt cho nàng, những giọt châu sầu não tuôn ra hầu như không dứt. Chúng tôi cùng cảm thấy đói. Chúng tôi lần mò vào rừng và chỉ tìm được một ít trái cây chát ngắt, coi bộ không thể nuôi sống chúng tôi được. Nàng nói thảo mộc cũng không còn giống ngày xưa.

Tôi đề nghị:

"Môi trường sống ở đây bây giờ quá khắc nghiệt, hay là em về Địa cầu sống với anh. Ở đó anh có trồng ngũ cốc, nuôi gia súc, thực phẩm ngon lành, thừa mứa."

"Biết làm sao đây," nàng nói, "em chỉ còn anh thôi."

Đến đây tôi mới hỏi nàng cái phi thuyền quái gở này chế ra cho ai đi. Nàng kể rằng:

"Có một người họ Nguyen đến quốc gia chúng em xin tị nạn. Hắn nói hắn ra đi vì sứ mạng thương dân cứu nước nên người nước em gọi hắn là mông-xừ Nguyen, le patriot (Nguyễn Ái Quốc?). Hắn cuồng điên lập luận ngang như cua, nhưng ai không chấp nhận lý luận của hắn thì bị đệ tử của hắn chửi là thiếu trình độ."

Hết chuyện chơi, hắn đem lịch sử nước hắn ra mà chất vấn rồi chê ông cha hắn không biết yêu nước; anh chị bự lên làm vua... Chưa đã cơn hắn hung hăng con bọ xít, chất vấn luôn lịch sử nước em và đề nghị giải thể chế độ quân chủ đại nghị hiện hành. Bị đức vua khiển trách, hắn lớn tiếng tuyên bố nếu đủ phương tiện hắn có thể giải thể luôn cái vũ trụ này sá gì chế độ quân chủ! Đức vua đang giận cũng phải bật cười, ngài bèn gạ rằng: "Giải thể vũ trụ trẫm không đủ ngân quĩ, khanh có thể đi giải thể địa cầu được không?" Vì quốc gia chúng em đã khám phá ra địa cầu có môi trường sống. Hắn vỗ ngực: "Dư sức, chuyện nhỏ mà."

Đức vua lập tức ra lịnh tu bổ lại cái phi thuyền đã được chế ra mấy chục năm rồi, để đổ bộ địa cầu nhưng không hiểu sao kế hoạch bị đình lại. Le patriot được lịnh dùng phi thuyền này đi giải thể địa cầu như đã tuyên bố. Nghe đến việc này mặt hắn tái xanh, nhưng dân tộc em rất ghét bọn khoác loác nên có luật: 'Nói là phải làm, không làm thì phải harakiri (tự mổ bụng). Có lẽ hắn nghĩ đi giải thể dù chết cũng không ghê bằng harakiri nên hắn chọn giải pháp ra đi và mọi người vỗ tay reo hò ầm ỹ. Riêng các đệ tử của hắn thì khóc rấm rứt, đặt hình hắn lên bàn thờ, nhang đèn thờ sống, xem như hắn đã là thánh tử đạo rồi. Nào ngờ vì lỡ 'ham chơi' mà em vô tình đi thế cho hắn."

Tôi là người vô can mà nghe chuyện về người đó thì cũng thấy phát ghét. Chúng tôi quyết định cho phi thuyền trở về Địa cầu. Trước khi lên đường đầu óc tôi bỗng loé lên kế hoạch giải thể cứu quốc, tôi bèn nói với nàng: "Này mình không cần về nơi rừng rú anh đang sống nữa. Anh thấy ngoài cái hộp quẹt, em còn một vật khác bắn ra lửa, cho anh mượn, anh đi thẳng vào cung bắn cho thằng cướp ngôi một phát, rồi anh làm vua, em làm hoàng hậu. Đứa nào chống đối thì anh bắn cho chết thẳng cẳng!" Nàng thích quá nhảy tưng tưng và hối về địa cầu cho lẹ! Cũng vì gấp gáp muốn về làm hoàng hậu mà sau khi đến địa cầu nàng khám phá ra nàng đã bỏ quên cái túi mỹ phẩm bên gốc cây.

Sau một giấc ngủ thì địa cầu đã hiện ra trong tầm mắt. Khi đáp xuống chúng tôi mới khám phá ra có một bức màn kỳ bí bao trùm những chuyến du hành của chúng tôi. Nàng rời hành tinh của nàng mấy ngày, nhưng khi quay về thì cái thế giới của nàng đã hoàn toàn biến mất. Và tôi, chỉ rời địa cầu mấy ngày trước, bây giờ quay về, địa cầu đã hoàn toàn thay đổi, ban đêm đèn điện sáng như ban ngày, trên trời đầy những con chim khổng lồ bằng sắt, xe chạy không cần ngựa kéo... Nàng nói địa cầu hình như đã bắt kịp nhịp sống của xứ sở nàng. Thế là giấc mộng của tôi, dùng con chó lửa để đồ vương diệt bá cũng không thành. Dù không được làm hoàng hậu nhưng nàng vẫn âu yếm bám sát lấy tôi, vì sau khi được thưởng thức món "khai vị", nàng tuyên bố: "Về tình dục, người địa cầu văn minh nhất vũ trụ!"

Tôi nghĩ rằng có điều gì đó thật quái gở trong những chuyến du hành của chúng tôi. Tôi nói chắc các ông không tin, chỉ vài ba ngày trước đây thôi địa cầu này còn lạc hậu lắm, không giống như bây giờ. Tôi muốn nhờ các ông tìm giùm cho tôi một nhà thông thái, giải thích dùm tại sao cái thế giới của nàng biến mất trong có mấy ngày, và cái thế giới mà tôi sống mấy ngày trước, bây giờ ở đâu?"

Khi người bạn thay lời người đàn ông nọ kể hết câu chuyện, ông chủ quán nói với tiến sĩ Thomas:

- Theo lời yêu cầu của ông ta, tôi mời ngài đến đây. Chẳng may sự việc bị trục trặc vì cái túi mỹ

phẩm!

Sau đó họ đến quan sát nơi phi thuyền đậu thì có dấu lửa phụt xuống đất, đào sâu xuống thành một hình thuẫn. Tiến sĩ Thomas trở về nơi chiếc xe của ông, tại đó có bàn làm việc và một số trang cụ khoa học, ông đóng cửa lại và ngồi bần bật trong đó.

Đến quá khuya, người phóng viên đang ngủ thì bị tiến sĩ Thomas đánh thức.

- Dậy mau, - ông nói với giọng phấn khích - tôi đã tìm ra manh mối rồi!

- Thật không? Thế hai người đó là ai? Người phóng viên tỉnh hẳn ngủ.

- Người đàn ông là một người của địa cầu, ông ta ra đời trước chúng ta 200 ngàn năm.

- Trời, trời tại sao ông có thể đoan chắc như vậy? Người phóng viên hỏi một cách nghi ngờ.

- Này nhé, - bậc sĩ Thomas nói - trong câu chuyện ông ta có đề cập đến hưu xa là một loại chiến xa dùng hưu để kéo. Có một mẫu khắc đá một chiến xa kỳ dị do hưu kéo, đo theo carbon phóng xạ thì đã có từ 200 ngàn năm rồi. Người ta kết luận có một thời đại hưu xa trong khoảng thời gian ấy; sau này Hàn Tín của Trung Hoa chế ra chiến xa dùng trâu làm động cơ nên được gọi là ngưu xa; thời đại chúng ta là thời đại thiết vận xa. Thời đại hưu xa đã bị xoá sạch có thể do một thiên thạch khổng lồ đụng vào địa cầu. Người đàn ông sống vào thời đại hưu xa, như vậy ông vào khoảng 200 ngàn năm tuổi!

Người phóng viên ngồi ngẩn ngơ, chưa kịp phản ứng thì bác sĩ Thomas bồi thêm:

- Bây giờ một yếu tố thứ hai cho dữ kiện trùng vào số 200 ngàn năm nói trên.

Bác sĩ Thomas dắt người phóng viên ra ngoài trời, tại đổ đã đặt sẵn một viễn vọng kính. Ông điều chỉnh viễn vọng kính và nói:

- Trong này có một điểm sáng lạ đang rời xa địa cầu, phi thuyền của họ đó.

Người phóng viên nhìn vào viễn vọng kính. Anh ta nói:

- À có một điểm sáng đổi vị trí chầm chậm trong đám những điểm sáng đứng yên.

- Ông tinh mắt lắm đấy. Bây giờ tôi xin minh chứng tiếp. Này nhé sao siêu đại màu đỏ, một triệu năm nữa sẽ nổ tung rõ ràng là sao Betelgeuse thuộc chòm sao Orion. Vì sao cách sao đỏ ba gang tay chắc chắn là sao Myrrack, sao này có màu vàng, kích thước vào loại trung bình như mặt trời của chúng ta nên sự sống có cơ may hiện hữu trên hệ thống của vì sao đó. Sao Myrrack cách chúng ta chừng 33.8 năm ánh sáng tức là 315.354 triệu triệu cây số.Tôi đã gọi điện thoại báo về thiên văn đài, họ xác nhận là vật sáng ấy đang rời xa địa cầu với vận tốc khoảng 100 cây số trong mỗi giây. Với vận tốc này phi thuyền của họ sẽ đến sao Myrrack trong suýt soát 100 ngàn năm. Người đàn ông đã gặp người đàn bà vào thời đại hưu xa. Ông ta đưa người đàn bà trở về hệ thống Myrrack trong 100 ngàn năm, họ trở về địa cầu trong 100 ngàn năm, như vậy ông đã rời địa cầu từ 200 ngàn năm trước, từ thời đại hưu xa, bây giờ ông về thời đại thiết vận xa của chúng ta.

- Trời ông ta là một nhà quán quân về tuổi thọ!

Người phóng viên kêu lên.

- Đâu phải ông ta, cô gái chứ! - Bác sĩ Thomas cười - Cô ta sống trên tinh hệ Myrrack. Cô đã làm một hành trình 100 ngàn năm để đến địa cầu và gặp người đàn ông, như vậy cô ta già hơn người đàn ông chừng 100 ngàn tuổi. Tức là cô ta 300 ngàn năm tuổi đời. Tuổi của cô gái cũng được tiết lộ qua câu nói "sao Siêu đại sẽ nổ tung trong một triệu ba trăm ngàn năm nữa". Tài liệu của hiện hành của chúng ta nói là một triệu năm. Cô gái nói như vậy vì cô ta sanh trước chúng ta 300 ngàn năm.

Mỗi chuyến hành trình mà hai người ngỡ là một đêm ngắn ngủi ấy thực ra là một trăm ngàn năm.

- Như vậy cả hai người đó đều già khú đế!

Người phóng viên kết luận.

- Không, họ chỉ già đi dăm bảy ngày mà thôi, xem như họ chẳng già đi chút nào cả! Các nhà khoa học ở hệ thống Myrrack đã nói một cách mập mờ rằng sẽ đến sau một giấc ngủ và cô gái đã hiểu lầm là một đêm. Thật ra đó là đêm dài trăm ngàn năm. Thân thể của họ đã được đông lạnh trong suốt cuộc hành trình 100 ngàn năm đó. Kỹ thuật đông lạnh của người hành tinh cũng cao hơn chúng ta nên sau khi đông lạnh con người hồi sinh được. Trong thời gian đông lạnh, thân thể

đêm

Đêm Boston
Đêm Việt Nam
Quê hương ơi!
đã hàng ngàn dặm xa!
Đâu rồi, hơi ấm mẹ cha?
Đâu rồi,
máu mủ ruột rà anh em?
Đâu rồi, mồ mả gia tiên?
Đâu rồi,
tình nghĩa láng giềng
thân quen?
Đâu rồi em,
dáng thuyền quyên?
tình e ấp nở
khôi nguyên, dậy thì!
Đêm đồng thiếp
Đêm hôn mê
Đưa ta về
với tình quê ngọt ngào.

nguyễn duy tâm

con người không già.

- Vô lý! - người phóng viên cãi - Có cái tủ lạnh nào đủ sức chạy 100 ngàn năm để bảo quản thân thể họ?

- Khi xa rời nguồn nhiệt của một vì sao, vũ trụ là một môi trường lạnh buốt, lạnh hơn cả môi trường khí hidrogen lỏng. Thân thể họ được vũ trụ bảo quản một cách tự nhiên.

- Nhưng phi thuyền làm sao có đủ xăng nhớt để bay 100 ngàn năm?

- Chiếc phi thuyền du hành trong suốt một trăm ngàn năm ấy theo vận tốc có sẵn ban đầu và giữ mãi vận tốc đó. Năng lượng chỉ dùng để đẩy phi thuyền đi lúc ban đầu và để làm chậm vận tốc của phi thuyền khi nó vào quỹ đạo của hành tinh và đáp xuống. Chính cái phi thuyền cũng "ngủ" kể như 100 ngàn năm. Khi gần đến mục tiêu, sức nóng và ánh sáng phát ra từ sao Myrrack sẽ đánh thức hệ thống máy móc của phi thuyền dậy trước, và sau đó máy móc sẽ cho hồi sinh con người và họ lầm tưởng là họ chỉ ngủ qua một đêm.

- Ông nói nghe khoa học lắm, nhưng điều vô lý là không ai lập ra một công trình công phu như vậy để rồi cả ngàn năm sau mới có kết quả. Chẳng ai còn sống để mà thấy kết quả cả. Có ai muốn đầu tư để cả ngàn năm sau mới lấy lời hay không?

- Ông quên câu chuyện của mông xừ 'le patriot' rồi sao? Vì những lý do ông đã nói nên kế hoạch bị đình chỉ đã mấy chục năm, như lời cô gái đã thuật lại. Cho đến khi ông vua muốn tống khứ anh chàng khoác lác đi cho khuất mắt, nên đã khích cho hắn mắc bẫy. Mắc bẫy rồi thì sợ phải harakiri nên hắn bắt buộc phải đi. Để cho hắn bớt sợ, ông vua còn cho phịa ra tin tức đã tìm ra phương cách bay trong 'đường hầm thời gian'. Nếu biết cuộc du hành phải mất 100 ngàn năm thì mông xừ le patriot đã chọn giải pháp harakiri cho đỡ rắc rối!

- Này bác sĩ Thomas, tôi có đọc một tài liệu nói về đường hầm thời gian, người ta gọi là hang giun, hang dế gì đó. Chính cô gái cũng xác nhận là phi thuyền bay trong đường hầm thờ gian mà.

- Vật lý tương đối chứng minh rằng một hạt cát khi di chuyển nhanh bằng vận tốc ánh sáng thì nó sẽ nặng hơn cái vũ trụ hữu hạn mà ta nhìn thấy. Điều này được khẳng định trong một công thức toán học đàng hoàng. Đường hầm thời gian cũng là một hiện tượng trong vật lý tương đối. Chui vào đường hầm thời gian cũng khó như làm cho hạt cát nặng hơn vũ trụ vậy. Vì thế những nhà du hành vũ trụ từ hệ thống Myrrack đã áp dụng khoa học thực nghiệm mà bay đến địa cầu, như ông đã thấy, phi thuyền của họ đang bay với vận tốc 100 cây số mỗi giây đồng hồ; đó là một vận tốc rất khủng khiếp vì nó nhanh hơn vận tốc âm thanh đến 333 lần, nhưng vẫn còn quá chậm so với vận tốc ánh sáng, nhanh hơn vận tốc âm thanh đúng một triệu lần. Nếu bay nhanh bằng vận tốc ánh sáng thì phi thuyền của họ đã mất hút vào không gian từ lâu rồi, không còn đó cho chúng ta thấy như bây giờ."

- Nhưng cứ giả thử như người ta chui được vào đường hầm thời gian thì việc gì sẽ xảy ra?

Người phóng viên hỏi.

- Thì sự việc sẽ xảy ra tương tự như câu chuyện chúng ta vừa nghe. Cô gái đi trong đường hầm thời gian, giả thử cô ta không ngủ, cô ta có thể chỉ bóc lịch có mấy ngày nhưng khi về đến cố hương thì cảnh cũ người xưa không còn nữa, một thời gian dài đã trôi qua.

- Sao có chuyện quái gỡ như vậy?

- Xem ra thì có vẻ nghịch lý và điều này đã được nêu ra trong câu truyện "Song sanh nghịch lý" (The twins paradox), hai anh em song sanh, một người ở lại địa cầu, một người du hành vũ trụ trên một phi thuyền có vận tốc gần bằng vận tốc ánh sáng, khi trở về, người du hành trẻ hơn người ở lại rất nhiều. Nếu ta giữ ý niệm thời gian là tuyệt đối thì câu chuyện mang tính nghịch lý. Nhưng thuyết tương đối bác bỏ sự tuyệt đối của thời gian, mỗi người có một đồng hồ riêng về thời gian, tùy thuộc vào họ ở đâu và di chuyển ở vận tốc nào. Giả thử cô gái dùng ống nhòm nhìn về cố hương từ đường hầm thời gian, ở một vận tốc rất rất gần với vận tốc ánh sáng, nếu đồng hồ của cô ta chạy một cách bình thường thì cô sẽ thấy kim đồng hồ tại cố hương quay nhanh như cánh quạt máy!

Đến đây người phóng viên không hỏi gì thêm nữa. Anh tin là tiến sĩ Thomas đã bị loạn óc. Và anh quyết định sẽ viết phóng sự theo kiểu vừa dễ hiểu vừa ăn khách.

Khi về văn phòng, người phóng viên viết những bài phóng sự loại gật gân, rằng nền văn minh địa cầu thấp lè tè, phi thuyền bay chậm như "phản lực", trong khi đó người hành tinh đã chui vào chui ra đường hầm thời gian như đi chợ, rằng "theo một nguồn tin không chính thức" thì địa cầu có thể bị giải thể.

Thiên hạ sợ thôi điếng hồn, thủ gạo thủ muối phòng chạy loạn giải thể. Tiến sĩ Thomas có viết bài tường trình về "giấc ngủ 100 ngàn năm" và bài bác cách đưa tin của người phóng viên, thế là thiên hạ chia ra làm hai phe, "giấc ngủ 100 ngàn năm" và "đường hầm thời gian" tranh luận nhau kịch liệt. Phe thực nghiệm của tiến sĩ Thomas có lập luận vững hơn.

Nhưng con người thường ưa những điều hoang tưởng, nên câu chuyện giả tưởng của anh phóng viên lại được người ta ưa chuộng hơn. ●

Một Đời Vẫn Nhớ

Dương Thị Vành Khuyên

Nhìn lại mình, đời đã xanh rêu!

Chị Nghiêm đã không bao giờ để cho tôi yên được một giây, một phút. Luôn luôn chị ồn ào, ồn ào muốn bể nhà. Chị cứ huýt sáo, in hệt con trai. Giọng chị cao vút, khoẻ và phải nói, thật là tuyệt vời. Có điều, chị toàn chọc tức tôi bằng những bài hát, tưởng chừng tôi muốn nín thở, vì buồn. Nhìn thử xem, trên cái kệ đựng băng nhạc của chị, ngổn ngang toàn là nhạc New Wave, Top Hit. Vậy mà, hễ mở miệng, lại thọc đúng vào những bài hát làm tôi đau điếng, nhức nhối vô tả. Chẳng lẽ, tôi bỏ nhà mà đi. Nhưng, biết đi đâu bây giờ? Ở đây, chẳng thể đi bộ lang thang ngoài đường. Và, từ lâu, tôi đã dính liền với chị Nghiêm, như hình với bóng, hiếm khi tách rời. *Trời đất bao la, mà ta không một chỗ để dung thân.* Tôi lại chùng lòng, khi nhớ đến cái câu mà chị Nghiêm hay lẩm bẩm, hay ê a, mỗi ngày. Trời đất bao la, bao la. Cho nên người không thể nhìn thấy người... Tôi ưa suy diễn đủ điều, từ mỗi câu nói của chị Nghiêm, để thấy, mình vẫn mãi ôm lấy những nỗi buồn. *Tôi đang lừa dối em. Mà sao em không biết. Những lời nói tình duyên. Với tôi không cần thiết. Chớ nên thề thốt chi. Đùa vui thôi đấy nhé. Ân ái và say mê. Sẵn sàng đang nhạt nhoà.* Có thể nào, một người con gái yêu đời như chị Nghiêm, lại ưa những lời lẽ thê thiết, đến như vậy? Nhưng đã chẳng bao giờ chị hát thành lời. Chị cứ huýt sáo. Cho trái tim bất trị của tôi thổn thức. Cho cái đầu bất mãn của tôi cứ lẩm nhẩm bắt nhịp, hát theo và tha hồ nhức nhối. *Nơi em về ngày vui không em? Nơi em về trời xanh không em?* Đôi bận, tôi muốn thét gào điên cuồng. Đôi bận, tôi muốn van xin. Chị Nghiệm, hãy đừng giết chết em lần mòn, hãy để cho em sống hết chuỗi ngày còn lại. Cũng đôi bận, tôi lại muốn được giải thoát khỏi kiếp

này. *Ta sống không lấy gì làm vui, thì chết cũng không lấy gì làm buồn. Cuộc đời ta tới như nước chảy. Không biết bắt đầu từ lúc nào và chấm dứt ở đâu.* Ma giáo, hay Minh giáo? Tín đồ, hay kẻ tà ma, ngoại đạo? *Tín đồ là người tình. Người tình bỏ ta đi, Thiêu huỷ lòng tin si, Người tình bỏ ta đi, Thiêu huỷ lời kinh xưa.* Luôn luôn, chị Nghiêm ngược cái đầu tôi hướng về ngày cũ. Luôn luôn, tôi hoài niệm về quá khứ. Luôn luôn, tôi ao ước giấc ngủ vĩnh hằng. Và luôn luôn, tôi vẫn còn đứng đó, ăn uống, nói thở với kiếp làm người.

- Mi nói đi, mi có còn nhớ anh Hát của mi không?

- Chị Nghiêm!

Trái tim tôi bật lên cung trầm thiết, não nề, đau đáu. Chị Nghiêm đứng ở cửa phòng, hai chân gác tréo, cái đầu nghinh nghinh trên đôi vòng tay khoanh.

Chưa kịp trở ra, chị đã tấn công tiếp:

- Nói đi. Tao thà khắc cho mi một chữ H, để mi đeo trước ngực còn hơn thấy mi thở dài, thở ra, thở vô.

- Em nói rồi. Không có ai là Hát, trong đời sống em.

- Cho phép mi rút lại lời nói đó.

Giọng chị kéo dài, cười cợt, châm chọc. Và thoáng cái, chị mất hút, chừa lại một mình tôi lao đao, thổn thức. Vết thương ngày càng mưng mủ, lở lói. Không có ai là Hát trong đời sống em đâu. *Không còn, Không còn ai. Ta trôi trong cuộc đời. Không chờ, Không chờ ai.* Cái đầu cứ rên siết, vì nhức nhối. Không có ai là Hát trong đời sống của em đâu. Không còn. Không còn ai.

Bắt đầu, bằng một tờ thư. *Tôi tên là H. Hoàng.* Chàng mở đầu một cách rất tự nhiên cho tôi không có chút cảm giác xa lạ nào. Khi đọc một mạch hết lá thư với những dòng chữ cao thẳng, cứng rắn, viết từ một tờ giấy tập học trò, tôi đã ngang tay lên che miệng, cười khúc khích, một mình *"Tôi là một người lính không lon lá trong quân đội Việt Nam Cộng Hoà. Hiện đơn vị đang đóng gần một miền biển nhiều gió..."* Tôi vẫn còn nhớ hoài huỷ, những lời trong lá thư. Cho dù, bao nhiêu năm tháng đã qua đi, với biết bao thay đổi, trong đời. Chàng đã viết lá thư thứ nhất, để làm quen. Tên họ, địa chỉ đúng là của tôi. Nhưng để làm quen với cô sinh viên trường Luật *"nếu không chê tôi là một người lính tầm thường"*. Sự giới thiệu là do Song Hương, một cô bạn của tôi đang dạy học, ở Vũng Tàu.

"Tí yêu mùi thơm của giấy trắng học trò lắm. Vì thế, Tí có cảm tưởng, là đã quen với ông. Nhưng, cho ông biết, ông đã gõ cửa lầm rồi. Người mà ông muốn quen, cô sinh viên trường Luật, là Thuý, là "chúng mình ba đứa" cùng với Tí và Song Hương. Tí sẽ viết địa chỉ của Thuý, cho ông. Còn Tí, cho ông hay, Tí đã từ giã sách vở học trò để đi làm "cô Ký", sáng vác ô đi, chiều vác ô về, từ lâu lắm. Ông cũng biết mà, ta hỏng-tú-tài, ta-bỏ-trường-đi, đau-lòng-ta-muốn-khóc, đó..."

Tôi đã trả lời thư chàng. Vui vẻ lắm, cho dù, cuộc sống tôi lúc đó rất đơn độc và buồn bã. Phố núi, nơi tôi bước chân xuống thềm đời, là một tỉnh lỵ nhỏ bé, nghèo nàn, quanh năm đất đỏ và mùa đông. Mười tám tuổi, bỏ trường mà đi, bỏ lại bạn bè thân thương, nơi thành phố, để lên rừng một mình. Tôi đã biết bao nhiêu lần úp mặt xuống gối, khóc lóc trong đêm. Tủi thân quay quắt. Nhớ nhung điên cuồng. Tôi là đứa con gái luôn luôn sống trong mơ mộng, ao ước. Lúc nhỏ, mơ ước được làm công chúa, hay cô tiên (chỉ với cái tên do cha mẹ đặt cho thôi, cũng đủ làm tội suy tưởng biết bao nhiêu điều). Lớn lên, mơ ước được làm hoàng hậu kiêu sa với lộng ngọc, kiệu vàng và bắt đầu viết riêng cho mình những câu thơ vụng dại. Mười sáu tuổi, gặp và quen Học rồi yêu chàng từ lúc nào, không hay biết, giọng Huế ngọt ngào và quyến rũ, cứ đằm thắm bên tai: "O nhỏ, tóc o là cả một rừng hương. Anh muốn làm con bướm trắng bay lạc vào trong nớ..." o nhỏ, o nhỏ, sáng, trưa, chiều, tối, chàng lúc nào cũng chực chờ bên cạnh, tặng nhạc, tặng thơ, dắt đi ăn kem, dạo phố. "O nhỏ, đừng có mơ mộng nhiều, o phải gắng học, nếu o thi hỏng, đừng gặp mặt anh". Chàng cưng chiều tôi như một đứa em gái. Chàng lui tới nhà tôi, thân thiết như một người anh. Cho bánh, cho kẹo, búng mũi, béo tai, xoa đầu, vuốt tóc. Tôi có đến ba người anh, và bạn bè các anh thường hay tụ tập đàn hát. Tôi nhỏ nhít ngồi nấp sau lưng chàng, say mê nhìn chàng đàn, chàng hát và liên tưởng đến những câu thơ mình yêu thích: *Bài dạ khúc cắt đôi buổi chiều thứ ba. Chàng có giọng hát buồn như nước chảy* (thơ Nhã Ca). Tôi bắt đầu ngồi thừ người ở bàn học, suy nghĩ vu vơ và tập tành viết lách trong những quyển sổ tay nhỏ nhắn, xinh xẻo, do chàng đem tặng. Chàng là người hiểu rõ tôi, thấu suốt từ trong ra ngoài, hơn cả ba người anh của tôi cộng lại. "O nhỏ, o làm thơ, nhưng cấm không được thơ thẩn, mà phải nhớ học hành". Chàng làm tôi xiêu lòng, làm tôi cảm phục rồi thương yêu tha thiết. Tôi ở sau lưng xe chàng, thả tóc bay tơi bời theo gió, nhắm mắt lại, mà mơ tưởng chàng là người tình, mà mơ ước một nụ hôn môi, như trong tiểu thuyết. Chàng cười, tôi cười theo. Chàng đi xa, tôi nhớ nhung, thao thức đợi ngày về. Tôi lãng mạn và mơ mộng đợi chờ, một ngày nào đó, chàng sẽ nói tiếng yêu. Nhưng, một-ngày-nào-đó, đã không hề xảy

ra, trong đời. Chàng đã ra đi, không một lời từ giã, hay nhắn gửi, bỏ lại đứa con gái mới lớn là tôi, với một cảm giác thất vọng ê chề, với một nỗi đau tưởng chừng như thắt ruột, xé gan. Khi sau đó, anh Phùng, anh trai của tôi nói, chàng bị cha mẹ bắt về Huế để cưới vợ, sự đính ước đã có, giữa đôi bên từ lâu, và người con gái đó thường viết thư gọi chàng bằng tướng quân. Tướng quân. Tướng quân. "Chàng đã là người của một đời khác". Tôi cắn chặt đôi môi hoang lạnh của mình, tưởng chừng như rướm máu, khi đau đớn nghĩ đến điều này. Tôi biếng ăn, bỏ học và sau cùng ốm một trận tưởng chết. Khi khỏi bệnh, kỳ thi đã qua. Tôi nhìn đôi mắt trũng sâu, khuôn mặt xanh xao dưới mái tóc dài, cùng cái thân thể gầy guộc, bé bỏng của mình trong gương mà tưởng như một người xa lạ nào đó, biến thành. Các anh tôi đều đã lần lượt vào lính. Tôi ngỏ ý muốn thôi học, đi làm. Ba mẹ không đồng ý, nhưng cuối cùng, cũng cho tôi lên phố núi sống một thời gian, để thay đổi khí hậu.

Bích Nghiêm là người chị, con của cô họ tôi, ở phố núi. Nơi tôi tưởng, chỉ trú chân một đôi tháng, ngờ đâu, đã kéo dài, cho đến lúc đổi đời. Chị nói, đã "phải lòng" cô gái nhỏ xanh xao, có đôi mắt buồn lạc lõng, ngay từ phút đầu tiên xách valise, đứng chờ chị, ở bến xe. Chị là con một, tôi cũng là đứa con gái duy nhất, trong gia đình. Chúng tôi lại cùng chung nhiều ưa thích như nghe nhạc, đọc thơ, đọc sách, sưu tầm tem thư, ép hoa, ép cỏ. Chị là người hiền lành, tốt bụng, hay vui vẻ cười đùa và cưng chiều tôi, như em ruột. Lần đầu tiên, khi tôi đòi cắt bỏ mớ tóc dài, chị nhìn tôi chăm chú, rồi nghiêng qua, nghiêng lại, thăm dò:

- Có chuyện gì, thử nói cho ta nghe?

Tôi cảm thấy lúng túng với cách hỏi nhìn của chị. Dường như chị đã bắt đúng ý nghĩ của tôi, khi thấy tôi im lặng, lắc đầu.

- Nói đi, công chúa. Ta dư biết mà, khi một người con gái đòi cắt phăng mái tóc yêu dấu của mình đi, chắc chắn là có chuyện, nghiêm trọng.

Tôi nhìn chị, cười buồn:

- Thì chị biết rồi, còn giả bộ hỏi. Chàng đánh cá đã bỏ em mà đi, vĩnh viễn, không về.

Chàng đánh cá vẫn nghèo xơ nghèo xác. Đời buồn như biển lạnh suốt mùa đông. Rồi tình cờ gặp công chúa Tiên Dung. Thiên tình sử khởi đi vào bất diệt. Đó là mấy câu thơ chị Nghiêm đã đọc cho tôi nghe nói rằng của một trong những người bạn của chị sáng tác.

Chị Nghiêm suýt xoa, tiếc rẻ, khi cắt đi mái tóc dài của tôi. Nhưng chị nói: Cũng được, xem như em bỏ qua quá khứ, đừng nghĩ đến nữa. Kể mi cũng can trường thật, khi dám quyết định cho mình một đoạn lìa, cắt đứt. Và chị cười, ôm vai tôi: - Ta sẽ giới thiệu mi cho tên Trình. Sẽ nói với hắn ở đây có một nàng công chúa Tiên Dung thứ thiệt, khỏi cần làm thơ xưng tụng chuyện xưa...

Tôi ôm lấy cái đầu tóc ngắn ngủn của mình, nhìn vào trong gương. Này tóc, này mắt, này môi. Từ nay, mi là người của phố núi, hãy dặn lòng cố quên, cố quên. Nhưng trời ơi, khi cố quên là khi càng nhớ thêm. *Người ơi, khi cố quên là khi càng nhớ thêm.* Những câu hát cứ mãi gợi nhắc lòng buồn. Tôi hỏi chị Nghiêm, Học có yêu tôi không, khi đối xử với tôi thân thiết như vậy? Và có phải tình tôi đối với Học là tình yêu si mê, điên cuồng, dại khờ hay không? Chị Nghiêm trả lời: Em chỉ vừa mới lớn lên, đôi khi đó chưa hẳn là tình yêu đâu. Thôi thì hãy xem như một kinh nghiệm, để học hỏi. Và chị cười, thêm: "Xem như là một vết thương đầu đời, để mai mốt, lỡ có vấp ngã thì sẽ đứng dậy, phủi đít, đi tuốt..."

Tôi thích được có nụ cười vô ưu, như chị Nghiêm. Chị yêu một chàng nhạc sĩ có tiếng, dòng họ Đỗ đình. Thỉnh thoảng, về thành phố với chàng, một lần. Chàng nhạc sĩ thề ở độc thân. Chị nói chuyện đó không thành vấn đề, với chị. Chị yêu, thật lòng, nhưng chỉ đứng xa, nhìn ngắm, tôn thờ, không bao giờ đụng tay vào trái cấm. Chị sợ thực tế phũ phàng. Chị sợ đời sống bẽ

mưa

mưa nam
Chiều qua phố cũ đụt mưa
Trong bong bóng nổi nghe mưa rào rào
Mưa ngoài tung toé lao xao
Mưa trong lênh láng sóng dào dạt xô.

mưa bắc
Không mưa mà ướt bao giờ
Ướt mưa hay thấm sương mờ phố đêm
Ngoài mưa rắc bụi êm êm
Trong mưa lả tả rơi mềm bước chân.

thu tứ

bàng, phức tạp. Chị sợ đánh mất thiên đường và tình yêu thánh hoá sẽ bị huỷ hoại. *"Mỗi người con gái đều có một người yêu và một người chồng.* Tôi nhìn câu viết được đóng khung trên mặt bàn viết, của chị mà suy nghĩ hàng bao nhiêu ngày tháng dài, của tuổi mười tám. Một người yêu để tôn thờ và một người chồng để sanh con đẻ cái, làm bổn phận bình thường, cho trọn nghĩa tổ tông? Cái đầu tôi lắc qua, lắc lại, phản kháng: Yêu một người, thì người đó phải là người một đời, vĩnh cửu, duy nhất, mãi mãi, đến chết. Khi chết đi "ván-thiêng-xin-cũng-được-nằm-chung-đôi".

Chị Nghiêm cứng cỏi: "Chị không muốn lấy người yêu làm chồng, vì trong đời sẽ không cách chi tránh khỏi xung đột, hay khắc khẩu. Lúc đó sẽ buồn biết mấy. Chị không muốn người mình yêu làm chuyện-phàm-phu-tục-tử. Chị muốn giữ mãi tình yêu bất tuyệt và bất diệt. *Trong bất tuyệt tôi đi tìm bất diệt. Và những gì phức biệt của riêng tôi. Những gì cao sang không có ở trên đời. Đời đẹp lắm tôi bảo thầm trắng muốt.* (thơ Sao trên Rừng). Chị sẽ giữ mãi hình ảnh đẹp của người mình yêu, sẽ mang theo vào cõi chết. Chị giữ vững lý lẽ của mình. Còn tôi cãi lại: "Em không muốn mang tiếng *Tôi vẫn đi bên cạnh cuộc đời. Ái ân lạt lẽo với chồng tôi. Chồng tôi vẫn biết tôi thương nhớ. Người ấy cho nên vẫn hừng hờ.* (thơ TTKH) Cho nên, em sẽ lấy người mình yêu làm chồng, sẽ cùng đi chung vào cõi chết".

Thư H. Hoàng đến, giữa lúc tôi đang buồn buồn, tủi tủi, vì chuyện cũ vẫn không thể nguôi ngoai. Tưởng chàng đã bỏ ý định làm quen, khi tôi không phải là cô sinh viên trường Luật. Nào ngờ, chàng xin lỗi vì chuyện lầm lẫn tai hại đó và "cầu mong ơn trên sẽ độ trì" cho tôi bỏ qua, mà vui lòng quen với chàng, vì người chàng thật lòng muốn kết bạn, là Tiên Dung công chúa. Lúc nhỏ, tôi thường suy nghĩ đến anh chàng đánh cá trong câu chuyện cổ tích. Nhưng khi lớn lên, tôi thấy khổ sở với cái tên cúng cơm của mình và thường xưng là Tí, khi phải khai tên họ với người xa lạ, để đỡ phải xấu hổ, khi bị gọi công chúa.

Chàng và tôi đã viết cho nhau, không biết là bao nhiêu lá thư thật dài, thân ái cũng nhiều, mà giận hờn cũng không kém. Chàng là lính chiến tranh chính trị, cầm viết và cầm đàn nhiều hơn là cầm súng. *Tay ta nắm phím cung đàn. Nghe rung từng giọt tơ vàng hắt hiu. Ôi em, ta nhớ những chiều. Không em ta mãi đìu hiu một mình* (thơ. H. Hoàng). Chàng đã viết tặng cho tôi, những câu thơ dịu dàng và êm đềm. Tôi kể lể với chàng cuộc sống bình dị ở phố núi, với nỗi nhớ nhung về bạn bè thân thương đã bỏ lại, nơi thành phố. Chàng cũng là người phải bỏ thành phố đó mà đi, xếp bút nghiên đi vào cuộc chiến, cũng là một nỗi nhớ không rời về bạn bè, trường lớp, sách vở, thầy cô. "Hãy bỏ tiếng ông khô khan và lạnh lẽo đi. Tí hãy thử gọi anh bằng anh và hãy xưng là em xem, ngọt ngào biết mấy". Chàng khẩn nài. Tôi từ chối: "Hãy tha lỗi cho Tí, Tí đã chưa hề gọi ai là anh, một người nào đó, phải thật là kiêu lắm, Tí mới sẽ gọi là anh..." Chàng giận dỗi: "Tí chê anh tầm thường. Tí chê anh không xứng đáng. Anh không đáng làm bạn với Tí. Một tiếng Anh thôi, mà tí cũng chối từ. Lạy trời, Tí đừng xưng em với tôi, vì tôi sẽ gục chết. Bởi tôi tầm thường, không thể nào kiêu. Vậy, Tí đừng quen với tôi nữa. Tôi chỉ là một tên lính quèn, đâu xứng đáng với một vị công chúa cành vàng, lá ngọc..." Tôi phải phân trần: "Ông đừng giận dỗi, giống như em bé vậy. Tí đâu dám chê ông điều gì. Ông thử nhớ lại xem, Tiên Dung công chúa là người sẽ lấy một anh chàng đánh cá nghèo xơ, nghèo xác làm chồng, nào phải người cao sang, kiểu cách? Chỉ vì, Tí nói thật cho ông nghe, nhưng ông không được cười, là bởi, Tí đã có lời thề. Một người nào đó phải thật kiêu lắm, đó chính là người mà Tí yêu, sẽ gọi là anh. Ngoài ra, Tí không thể. Ông nếu muốn không quen với Tí nữa, thì Tí sẽ buồn lắm, sẽ buồn lắm, khi phải thốt lên lời Adieu đau đớn bùi ngùi, với ông, người mà Tí xem như một người bạn thân ái nhất..."

Chàng đã gửi cho tôi, một lá thư hoả tốc: "Anh muốn bay đến bên Tí, để nói ngàn lời xin lỗi, vạn lời xin lỗi. Hãy tha thứ cho anh nóng nẩy, giận hờn. Bây giờ, thì anh lạy Trời, lạy Trời cho Tí gọi anh là anh. Nếu Tí gọi anh bằng anh, thì anh xin gục chết cũng cam. Hãy gọi anh là anh, năn nỉ đó". Năn nỉ đó. Tôi mang lá thư, đọc cho chị Bích Nghiêm nghe. Chị cười: "Tự vì mi có lối viết thư giết người. Mi đang quyến rũ con trai bằng những lời lẽ thật thà của mi, mà mi không hề hay biết. Có người nói với ta, hắn sẽ về, mùa đông này, sẽ nắm cái mũi của mi mà kéo đi. Xem mi có còn làm tàng, có còn làm điệu, có còn lạnh nhạt và xa cách..." Tôi hết vía, cắt ngang lời chị: "Chết em, chị Nghiêm, đừng kêu hắn về, em sẽ không gặp một ai hết, em nói thật, em sẽ không gặp một ai". Chị Nghiêm nghiêng đầu, nhìn tôi: "Nói thật không đó?"

Tôi nói với H. Hoàng, tôi không thể gọi chàng là anh. Vì ngay cả tên họ, nhà cửa, gốc gác của chàng, tôi đâu đã hay biết? Lâu nay tôi vẫn gọi chàng là Hát Hát, như HH, chàng điệp viên Tống văn Bình của tiểu thuyết gián điệp Người Thứ Tám. Còn chàng gọi tôi là Hoàng Dung, "tên gọi êm đềm và dễ thương biết mấy, phải không Tí?" Chàng đã tấn công tới tấp, tấn công

dữ dội, mỗi ngày một lá thư. Tôi tối tăm mày mặt, loay hoay tìm phương chống đỡ. Thêm vào đó, một người bạn của chàng, Thiệu Vân Hoàng, hàng tuần viết thư cho tôi, mắng nhiếc đủ điều, làm tôi vừa tức tối, vừa bẻ đôi người lại để cười. V.Hoàng gọi tôi là cô bé mad dây dừa, cô bé tốc-kê, đã làm H. Hoàng điêu đứng, khổ sở. "Nếu có ngon, thử ra biển một lần, sẽ bị chàng đánh cá tóm liền". Đêm đêm, nằm úp mặt xuống gối, tôi vẫn thường hay nghĩ nhớ về Học, nỗi nhớ vẫn còn như một mối ngậm ngùi, xa xót. Những tiếng o nhỏ, o nhỏ tưởng chừng như vẫn còn vang vọng bên tai. Cho nên, tôi cứ mãi e dè, cứ mãi sợ sệt. Như con chim nhỏ, một lần rơi cánh, đâm ra hãi sợ cành cong. Tôi không muốn bước tới, sợ thêm một lần vấp ngã. Đêm đêm, úp những lá thư ngọt ngào của H. Hoàng trên mặt, tha hồ để trí óc bay theo những lời lẽ của chàng. Cho phép anh hôn Tí một cái lên trán. Dần dần, tiến tới một nụ hôn môi, ngàn cái hôn môi. Chúng tôi hôn nhau trên giấy tờ, yêu nhau bằng chữ viết và tôi cũng sốt sắng tham dự trò chơi, không còn sợ hụt chân, hay vấp ngã. Thiệu Vân Hoàng hoan hô "cô bé can đảm lắm, vậy mới không hổ danh là bạn của ta. Chàng đánh cá đã ăn cơm, không còn nhịn đói, than vắn, thở dài, vì trái tim đã lỡ trao đi, không còn biết ngược lối tìm về..."

Cho đến một ngày. Chị Bích Nghiêm đứng đón tôi ở đầu cổng cư xá, với môi cười rạng rỡ:

- Nhỏ ơi, đi về nhanh lên. Mi có quà tặng.

Tôi liếc chị:

- Đừng gạt em. Quà gì, chưa đến sinh nhật mà? Một chiếc kẹo chanh, phải không?

Chị đi thụt lùi trước mặt tôi, nhìn ngắm, sửa tóc, phát tay áo tôi, tinh nghịch:

- Nếu ta nói láo, thì cho ta mập bằng cái thùng phi đi.

Chị cười. Tôi cũng cười khúc khích. Khi xưa, có lần tôi đùa với H. Hoàng. Tí là cái thùng phi biết lăn, Tí là võ sĩ trên rừng. Ông đừng tìm cách gặp mặt Tí. Hãy để Tí đẹp trong tâm tưởng của ông. Còn hơn, ông phải thất vọng mà bỏ chạy khi đối đầu với Ba xi Công chúa. H. Hoàng đã trả lời. Anh rất muốn nhìn cái thùng phi biết đi. Chắc là ngộ nghĩnh, dễ thương lắm. Tôi suy nghĩ đến H. Hoàng và tủm tỉm cười hoài cho đến khi chị Bích Nghiêm đẩy tôi vào nhà, lên tiếng thì thầm bên tai:

- Đây là quà tặng của mi! Rồi cao giọng, giới thiệu, tiếp tục kéo tay tôi đến trước mặt người khách lạ trong nhà: - Tiên Dung đó!

Tôi nghe cả người tôi run rẩy vì xấu hổ, không tưởng chị Nghiêm đùa nghịch ác đến mức này. Chàng tiến tới, nghiêng đầu trước mặt tôi, với môi cười dịu dàng: - Anh là H. Hoàng.

Tôi bấu chặt tay mình vào chị Nghiêm. Đôi chân cơ hồ mọc rễ xuống nền gạch. Tôi nghe mặt mũi mình nóng bừng và trái tim chừng như ngưng đập trong phút giây. Chừng như, cái miệng tôi há ra, rồi ngậm lại. Tôi run lên, muốn tắt thở, khi chị Nghiêm lên tiếng: "Tôi xong nhiệm vụ rồi, giờ giao Tiên Dung cho Hoàng đó", và nheo mắt nhìn tôi, bỏ đi. Tôi muốn nói, chị Nghiêm, đừng bỏ em. Nhưng tay chân thừa thãi, lóng cóng và hai hàm răng cắn chặt, không thể thốt nên lời.

Tôi và chàng đã có một hội ngộ dễ thương, một khắc ghi, có lẽ là đời đời khó thể phôi pha, xoá mờ. Những tờ thư sau đó dài hơn, thiết tha, nồng nàn hơn và nhớ nhung cũng quay quắt, điên cuồng hơn. Chàng tìm đủ mọi cách để đi phép về phố núi, gặp tôi thường xuyên. Tôi yêu chàng. Tôi yêu chàng. Tôi yêu chàng như yêu hy vọng. Trái tim tôi bắt đầu biết hát ca rộn ràng hạnh phúc. Đoá hoa tình yêu tôi, đã nở trong vườn chàng, đủ đầy, trọn vẹn. Chị Bích Nghiêm cứ nhìn tôi líu lo cười nói, mà lắc đầu, cười theo: Đúng là nàng tiên lột xác. Bây giờ, mới đúng là mi biết yêu. Khi xưa, hẳn đó là tình vụng dại của tuổi dậy thì, chứ chưa phải là tình yêu. Giờ mới thấy, mi cười thật lòng. Giờ mới thấy, mi yêu đủ nghĩa. Giờ mới thấy, chữ yêu ở trên cái mặt của mi, hiện ra rõ ràng... Tôi đắm chìm trong hạnh phúc. Tôi mê ngợp trong yêu đương. Chàng thề hứa. Tôi cũng hứa thề. Chàng bàn chuyện se tơ kết tóc, tôi thẹn thùng lặng thinh, nhưng trái tim muốn quay cuồng, nhảy múa đáp lời. Những nụ hôn như mưa bấc phủ xuống khắp cùng mặt mày, tóc tai, môi mắt. Ban đầu còn run rẩy, sợ sệt, e dè, ngượng ngập. Về sau, tôi như mê đi, khi đôi môi chàng ngậm chặt lấy môi mình, khi vòng tay chàng siết chặt cái thân thể nhỏ bé của tôi. "Tí nhỏ, hãy nói yêu anh". Chàng luôn luôn bắt tôi mở miệng, nói tiếng yêu chàng. "Anh không tưởng được, có ngày anh ôm em trong tay. Bây giờ là thực tại, nhưng em quá yếu đuối, quá mỏng mảnh, như hạt sương buổi sớm. Anh sợ em tan đi. Anh sợ em biến mất. Hãy nói yêu anh, Tí nhỏ, hãy nói yêu anh. Cho anh tin, đây là sự thật..." Tôi yêu chàng, nhưng đôi môi không thể thốt nên lời, vết thương đầu đời vẫn còn âm ỉ, quanh tôi. Tôi không muốn thêm một lần nữa, mất mát trong đời và dãy dụa đau đớn, như đã thế, với Học, năm xưa. Cho nên, tôi đã tự hứa với mình, không thể để một lỡ làm nào có thể xảy ra. Cho nên, tôi ấp úng, tôi lắc đầu, tôi giấu mặt sau lưng chàng: "Đừng bắt em nói. Những gì em làm, không đủ để anh tin sao?" Chàng kéo cái mặt tôi ra, bắt đối mặt với chàng - "Em thề hứa, nhưng không chịu nói

tiếng yêu. Hay em đã có người yêu? Hãy nói đi, anh sẽ không làm phiền em nữa". Chàng giận dỗi quay mặt đi nơi khác. Tôi rưng rưng cúi đầu. Chàng bỗng ôm chầm lấy cái đầu bé bỏng của tôi, siết chặt trong bờ ngực ấm, thì thào bên tai: "Biết rồi, xấu hổ phải không? Anh không bắt em nói nữa. Cho đến một ngày nào đó, anh sẽ cột em lại trên giường, bắt mỗi ngày nói yêu anh một trăm tiếng, mới thả. Anh sẽ hành xử em, mỗi ngày, một trăm bận. Biết không, thêm một trăm bận, mỗi đêm..." Tôi chìm ngợp trong tình yêu của chàng. Tôi thở bằng hơi thở của chàng. Tôi sống bằng những tờ thư, với nỗi đợi chờ những lần chàng về phép. Phố núi bỗng trở nên thân thiết, gần gũi hơn với hình ảnh chàng khắp cùng nẻo phố, đường cây.

Tôi nhận được thư chàng, báo tin sẽ về thành phố thăm gia đình, để thưa với ba mẹ, chuyện của chàng với tôi. Tôi hồi hộp và khắc khoải đợi tin. Nhưng đã chẳng phải là tin vui, mà tôi đã đọc thư với nước mắt tủi cực chảy xuống thành hàng: "Mẹ nói anh có người yêu, nên lâu rồi chẳng thấy về thăm nhà. Bốn bà chị họp nhau đay nghiến. Vì mẹ và bốn chị đã chấm sẵn cho anh một cô dâu. Trời đất, Tí nghĩ xem, thời buổi này mà còn có chuyện cha mẹ đặt đâu con ngồi đó, làm như anh là một cô con gái áo mặc sao qua khỏi đầu. Anh nói, anh chỉ yêu có một mình Tí. Nếu không cho hỏi cưới Tí, anh sẽ đi luôn, không thèm về nhà. Bốn chị cương quyết, còn mẹ thì hoà bình, bảo anh đưa Tí về nhà cho Mẹ xem. Tí hãy chuẩn bị, anh sẽ đưa Tí về Sài Gòn một lần..." Tôi cơ hồ tưởng thấy một áng mây đen bay qua và đứng lại, che lấp cuộc tình nồng thắm của tôi. Chị Nghiệm khuyến khích: "Đừng sợ, mi lấy chồng chứ nào phải lấy bốn bà chị chồng. Mà mi hiền thấy mồ, ai nỡ lòng nào bắt nạt mi." Đừng sợ. Đừng sợ. Tôi tự trấn an lấy tôi, nhưng vẫn luôn luôn tưởng thấy, một nỗi bất ổn đâu đó, đè nặng trong hồn. Gia đình đã chọn sẵn cho chàng một cô dâu, người con gái kim chỉ, nết na thường hay sang nhà làm bánh, làm bếp với các chị của chàng. Còn tôi. Tôi chỉ là một đứa con gái yếu đuối, bệnh hoạn, chưa hề biết đến bếp núc hay vá may, thêu thùa.

Sau đó, chàng gửi kèm theo lá thư, do chính tay mẹ chàng viết: "Con đừng nóng nảy, để thủng thẳng mẹ tính cho. Con là con trai duy nhất của gia đình, nên càng phải thận trọng trong việc hôn nhân. Mẹ có đọc thư của cô gái đó viết cho con (tha lỗi cho mẹ đã vào phòng con tò mò tìm tòi), Mẹ thấy nó bướng bỉnh, ưa hờn dỗi, chắc chắn sau này sẽ làm khổ con. Mẹ có nhờ cậu Tư đưa đi xem tuổi, ở chỗ một ông thầy Nho xưa, rất nổi tiếng. Tuổi của con và nó không hạp nhau, tuổi cũng xung, mà mạng cũng xung, hai đứa lấy nhau chưa nát chiếc chiếu, thì có một đứa phải yểu mạng. Mẹ nói vậy để con suy nghĩ, chứ mẹ thấy Kim Thanh là một đứa con gái rất tốt, thường qua nhà làm bánh với các chị, mẹ thích lắm và tuổi cũng hạp với tuổi con..."

Chàng đã từng nói với tôi, nhà của chàng âm thịnh mà dương suy. Hai cha con của chàng luôn luôn lép vế, trước Mẹ và bốn người chị. Tôi đọc lá thư của Mẹ chàng viết, hàng chục lần, mà nghe cõi lòng mình tan nát và nước mắt cứ ngọt ngào tan chảy như sao. Chàng nói, sẽ không về nhà. Chàng nói, không tin lời thầy bói. Nhưng lời nói nào của chàng, cũng không khuyên nhủ được trái tim đang ướp đầy thống khổ của tôi. Trái tim đang thổn thức kêu gào và cái đầu thì điêu đứng, nhức nhối. Có thể nào tôi đặt chân đến một nơi mà ở đó, chỉ toàn những khuôn mặt lạnh lẽo, cách biệt? Có thể nào chàng lấy một người làm vợ, người sẽ ràng buộc đến cuối đời lại là người gia đình thù ghét, xem như một tai ương? Cái đầu tôi kêu gào, trái tim tôi rên rỉ, khóc lóc. Nỗi đau khổ tưởng chừng có thể giết chết được tôi, trong phút giây. Cái đầu tôi muốn bể làm đôi, khi suy nghĩ hoài không ra được, tại sao chàng gửi lá thư của mẹ chàng viết, cho tôi xem? Hay chàng muốn tôi tự chia lìa, tự quyết định? Tôi điên cuồng giận dữ. tôi bắt đầu phun hết nọc độc chua cay lên người chàng: Anh hãy nghe lời Mẹ, xem như không có Tí trên đời này. Em sẽ không khi nào đặt chân lên ngưỡng cửa nhà anh. Em bướng bỉnh, ưa giận dỗi, nhưng em có trái tim và tự ái. Anh hãy quên em đi và về nhà cưới vợ đẹp, vợ hiền, vợ ngoan. Còn em, hãy để cho em yên, một mình. Em dữ dằn, em xấu xí.

khát yêu thương

Trăm nhớ em ơi đã ngàn thương
Tình vương đêm mộng mỗi canh trường
Thao thức mùi hoa xuân thoang thoảng
Vời vợi tim yêu hương vấn vương.
Anh chẳng có gì trong cuộc sống
Ngoài một hồn thơ khát yêu đương.

nguyễn văn cường

Em là tai hoạ. Hãy giữ lời thề dùm cho em. Em thề. Không bao giờ em đặt chân lên ngưỡng cửa nhà anh, đời này, kiếp này. Em nguyền sẽ gặp anh ở kiếp sau. *Kiếp sau xin sẽ giữ đời cho nhau.* Em chân thành chúc anh một đời hạnh phúc. Em cầu mong cho anh sống lâu trăm tuổi, đừng bao giờ dính dáng đến tai hoạ, là em...

Tờ thư giận dữ, cũng là tờ thư cuối cùng. Tôi và chị Bích Nghiêm từ thành phố núi chạy xuôi, ghé qua miền biển rồi cùng lên tàu, xa lìa quê hương, cho đến bây giờ. Chị Nghiêm thích nghi ngay với hoàn cảnh mới, còn tôi, lúc nào cũng lơ ngơ, láo ngáo như một con nhỏ mất hồn, lạc phách. Chị Nghiêm an ủi, vỗ về và lắm lúc cứ phải la lên, nhắc chừng: "Lai tỉnh, bớ Tiên Dung, lai tỉnh". Phải mất một thời gian dài, tôi mới trở lại được bình thường, đi học, hoà nhập vào cuộc sống ở đây. Lâu lâu, những nụ hôn của H. Hoàng lại hiện ra trong đầu, ray rứt, chất ngất thương nhớ. Trái tim đã cho đi. Trái tim đã trao tặng. Trái tim đã đính ước, thề nguyền, nên lúc nào cũng lao đao, khốn đốn vì nhung nhớ. Chị Nghiêm vừa là chị, vừa là bạn, vừa như mẹ hiền chăm sóc, khuyên nhủ cho tôi. Chị vui khi thấy tôi cười:

- Mi cười rồi hở? Mi tỉnh rồi hở? Ta sẽ kiếm cho mi một tấm chồng. "Chử-Hoàng-Tử" lúc đó đóng quân ở miền biển, có thể cũng đã lên tàu, ra khơi. Nếu mi là một nàng công chúa thứ thiệt, cứ đi ra biển tắm, sẽ thấy, có một chàng Chử Đồng Tử hiện ra". Chị tìm cách khiến cho tôi cười, khiến cho tôi sống. Chị nói lời dịu dàng, lời êm đềm, thân thiết.

- Chỉ có hai chị em mình ở đây, đùm bọc, nương tựa lẫn nhau mà sống. Chắc ta mắc nợ mi từ kiếp trước, cho nên cứ phải lo lắng cho mi đủ điều...

Tôi cảm động với tình thật thà của chị, nên cố gắng nói cười.

- Chẳng lẽ, ta là nữ tì của mi?

Chị xô tôi ngã lăn xuống sàn nhà: - Cười đi, cười đi, ta thích thấy mi cười. *Cười lên đi em ơi, cười để giấu những dòng lệ rơi, hãy ngước mặt nhìn đời, nhìn tha nhân ta buông tiếng cười.* Cười đi...

Hai chị em cùng cười. Nhưng tôi vẫn không thể nào quên, không thể nào nguôi. Nỗi sầu khổ dịu dàng của tình yêu thuở đó, cứ mãi là một gợi nhắc trong đầu. Tình yêu đã như là một vết thương, không có cách chi chữa trị. Hình ảnh của chàng đã khắc sâu vào tâm khảm không có cách chi xoá mờ. Có phải, tôi sẽ là một tai hoạ của đời chàng? Chàng mạng hoả. Tôi mạng thuỷ. Tôi là trường lưu thuỷ, sông dài sẽ cuốn chàng đi. Ôi, tôi những chỉ muốn thành cơn đại hồng thuỷ tiêu huỷ luôn đời chàng. Cho tôi với chàng sẽ là một đời chung, cùng đi vào cõi chết. Tôi sẽ không để chàng yểu mạng một mình. Tôi sẽ luôn luôn đi bên cạnh đời chàng. Tôi sẽ yêu chàng vượt chết. Nhưng chàng đang ở đâu bây giờ? Chỉ có một mình tôi cô đơn, tuyệt vọng nơi này. Chỉ có một mình tôi, nhớ nhung, bi luỵ, khổ sở nơi này. Nàng công chúa vẫn buồn hiu, buồn hắt. Vẫn ngóng chờ chàng đánh cá phương nao. Vẫn nhủ lòng chờ đợi đến kiếp sau. Anh yêu dấu hết đời, em vẫn nhớ...

Anh yêu dấu, hết đời em, vẫn nhớ. Vẫn nhớ.

Tôi và chị Bích Nghiêm định cư ở một thành phố miền biển. Chúng tôi may mắn gặp được gia đình bảo trợ rất giàu, nên được học hành đến nơi, đến chốn, không phải bận tâm chuyện cơm áo, gạo tiền. Chị Nghiêm đã học ra trường và làm

lục bát miền nhiệt đới

Chiều về theo chuyến đò ngang
Anh qua rẫy khóm mênh mang nỗi niềm.
Tắc-cậu nghe ấm buồng tim
Nhớ môi em ngọt, nhớ miền đất xưa.
Vượt sông Cái Lớn, lưa thưa
dăm con đò nhỏ còn đưa người về.
Hiếu lễ tận miệt đồng quê
Tân Bằng, Cán Gáo mẹ về cùng cha.
Thứ mười một đất quê nhà
Võng ru giấc mộng trăng tà nhớ em.
Nhớ lần gặp mặt cuối đêm
Chút tình lần cuối, nỗi niềm riêng mang.
Mùa xuân em mặc áo vàng
Anh không cùng áo, hai đàng chia tay.
Nhà em pháo nổ tung bay
Là ngày anh mượn men cay giải sầu.
Đêm đêm chạnh nhớ tình đầu
Nhớ môi em ngọt, nhớ màu áo xưa.
Thôi rồi một chuyến đò đưa
Đêm nào uống rượu nghe mưa trong lòng.
Mừng em hạnh phúc bên chồng.

vĩnh hoà hiệp

việc ngay cho gia đình bảo trợ trong ngành du lịch. "Ta sẽ lấy chồng, nhưng sau khi lo xong xuôi cho mi, nghĩa là yên bề gia-thất đó". Tôi nói, không sao, em lớn lắm rồi, có thể tự do lo cho mình được. Chị nạt: "Không được, ta nói không được là không được. Mi phải lấy chồng trước". Có lần chị rên rỉ chọc tôi: "Tiên Dung, mi lấy chồng đi cho ta nhờ. Ta cũng già lắm rồi. Sắp tới tuổi gọi là ống chề rồi. Chẳng lẽ, mi cứ bắt ta làm... thái giám cho mi?"

Tôi cũng rên rĩ: "Bớ người ta, chị Bích Nghiêm muốn lấy chồng, cho trọn nghĩa tổ tông, đẻ ra một đống con suốt ngày ở nhà lo thay tã, pha sữa..."

Chị Nghiêm la lên: "Bớ người ta, trên trán tôi có đóng dấu chữ Hát, trong tim tôi có thêu một chữ Hát, trong miệng tôi có ngậm một chữ Hát cho nên tôi không thể lấy... ự chồng!"

Tôi yên lặng. Tôi không thể trả lời. Tôi không thể chống cự với cái sự thật mà chị Nghiêm vừa bắt tôi nguôi quên, cũng vừa đôi lúc bắt tôi ghi khắc, đối đầu. Bao nhiêu năm qua rồi, cứ mỗi lần thấy tôi nguôi ngoai, chị lại nhắc nhở, cứ mỗi lần thấy tôi nhung nhớ, chị lại bắt tôi phải "phôi phai".

Chị Bích Nghiêm đi làm về, nhìn tôi, cười và huýt sáo. Tôi phải lắng nghe lắm mới biết, đó là một bài hát Không-bình-thường với chị. *Từ đó em là sương, rụng mát trong bình minh. Từ đó ta là đêm, nở đoá hoa vô thường. Từ đó ta ngồi mê, để thấy trên đường xa, một chuyến xe tựa như, vừa đến nơi chia lìa.* Tôi đứng yên, nhìn chị "diễn tả" bài hát rụng tim của mình rồi chợt cất giọng hát theo. Chị nghiêng đầu, ngạc nhiên. Bữa nay công chúa mở miệng hát. Tôi đưa cái mặt nhăn nhó của mình trước mặt chị, "Bộ em làm hư tiếng huýt sáo của chị hay sao?" Chị cũng nhăn mặt, thè lưỡi ra, "Không phải. Là ta thấy mi vui bất ngờ. Hay mi có thần linh báo mộng cho biết. Rằng hôm nay, ta sẽ nói với mi, ta đã quyết định rồi".

Tôi chờ đợi chị hạ quyết định. Nhưng chị lại tiếp tục huýt sáo. *Tìm em xa gần đất trời rộn ràng. Tìm trong sương hồng trong chiều bạc mệnh. Trăng tàn, nguyệt tận chưa hề tuyệt vọng đâu em. (Đoá hoa vô thường).*

- Ta đã quyết định, lấy chồng!

Chị hạ một câu "sát thủ". Hú vía. Không phải chị bắt tôi lấy chồng trước chị. Tôi cũng buông một câu bén ngót: "Quyết định thật là thông minh. Mừng cho chị không còn là thái giám."

Tôi ra bờ biển, ngồi một mình. Lâu lắm rồi, tôi không còn nhìn ngắm biển xanh mênh mông, vô tận, dù từ nhà chỉ cần đi bộ một đổi là đến. Những năm đầu, thỉnh thoảng, hai chị em cùng ra đón gió. Nhưng biển vắng và buồn, tôi cứ trầm tư đắm nhìn xa xôi, rồi chảy nước mắt. Chị Nghiêm không cho đi nữa. Chị nói, "ta biết cái đầu mi nghĩ gì mà. Mi thật lòng muốn đi xuống nước lắm. Không phải tìm anh chàng đánh cá mà là, mi cho cá ăn. Đúng không?" Tôi không thể dối lòng. Tôi rưng rưng nuốt những giọt nước mắt mặn đắng chảy trên môi mình, nghe quặn thắt một nỗi sầu đau. Khi xưa, Thiệu Vân Hoàng từng nói, "Nếu có gan, hãy thử ra biển một lần, sẽ bị chàng đánh cá tóm liền". Tôi vẫn còn nhớ hoài huỷ câu viết đó. Như những kỷ niệm êm đềm cùng có với H. Hoàng khi xưa, vẫn là một gợi nhắc không nguôi. Làm sao người ta có thể sống yên nguôi, khi lạc mất người yêu dấu trong đời? Tôi chỉ có một tình yêu. Tôi chỉ có một trái tim. Trái tim tôi đã dâng tặng cho một người và tình yêu của tôi nhắc nhở, rằng đó là người một đời, không một ai có thể thay thế. Sống để làm gì, khi không có người yêu dấu cùng sánh vai, sóng bước trong đời?

Bây giờ, chị Bích Nghiêm sắp sửa lấy chồng. Một người Mỹ hiền lành, đẹp trai, họ hàng với người bảo trợ. Cuộc hôn nhân lẽ ra đã có từ lâu. Nhưng chị Nghiêm cứ chần chừ, ngần ngừ. Nguyên nhân chính, chắc chỉ vì tôi, cái con nhỏ sống nửa mê, nửa tỉnh, u mê, ma muội, bệnh hoạn, đã làm một cản ngăn cho chị bước tới. Nhưng rồi, cũng phải đến lúc chị nghĩ tới đời riêng, đâu thể lo cho tôi hoài mãi. Biết vậy, nhưng khi chị Nghiêm bỏ tôi ở nhà một mình để đi với Jeff, tôi vẫn thấy ngậm ngùi, tủi thân. Khi Jeff, bạn trai của chị cho xe chạy, chị vẫn còn kịp thò đầu ra, dặn dò. Chị sẽ về, trong ngày. Nhớ đừng đi bậy bạ ra biển. Mi sẽ không gặp Chử Đồng Tử, mà là thế mạng cho ông thần ve chai bị đóng nút ba ngàn năm dưới đáy biển cho coi. Ta sẽ có quà cho mi, khi về.

Nhắm mắt lại. Đi xuống nước. Sẽ thấy anh chàng đánh cá hiện ra. Tôi suy nghĩ lung tung rồi đứng dậy, bước tới. Tôi phải gặp H. Hoàng, vì chị Nghiêm sắp sống đời riêng. H. Hoàng, em sẽ gặp được anh. Em sẽ nói tiếng yêu anh, không còn e dè và sợ sệt, như khi xưa đã dại khờ cắn môi không dám thốt ra lời.

Nước ngậm ướt chân giày. Chiều tàn. Biển lặng. Gió êm. Em sẽ nói tiếng yêu anh một triệu lần. Biển sẽ nói giùm em đến cuối đời, rằng em chỉ biết yêu có một mình anh, mỗi một mình anh. Biển sẽ nghìn đời thì thầm tiếng yêu của em. H. Hoàng, em yêu anh, yêu anh mãi mãi, mãi mãi. Nước ngậm ướt tóc tai, quần áo. Biển vẫn im lìm. Đời buồn như biển lạnh suốt mùa đông. Thiên tình sử khởi đi vào bất diệt.

Biển vẫn ngàn năm sóng vỗ ven

bờ. Tôi nghe tiếng biển thì thầm vang vọng bên tai tên mình. Mở mắt ra, khép mắt lại, tôi đã chết. Tôi đã chìm sâu trong lòng biển. Tôi đã hoá kiếp và người đầu tiên tôi gặp được trong cõi chết, là H. Hoàng. Khuôn mặt gần gũi, thân thuộc đang cúi sát với mặt tôi. Em đã gặp được anh. Ôi, một nỗi hân hoan chạy dài trong khắp cùng thân thể. Tôi những muốn đưa hai tay ôm choàng lấy chàng. Nhưng, dường như, tôi không còn có đôi tay và sóng lại cuốn tôi đi, ngả nghiêng, chao chọng. Tôi sợ lạc mất chàng. Anh Hoàng, đừng bỏ em. Tôi nghe tiếng mình chìm lỉm, mất hút. Sóng bềnh bồng trôi xuôi. Tôi trôi theo sóng. Tôi dẫy dụa, thét gào. Nhưng, chừng như tay chân không còn cựa quậy nữa. Sóng nuốt tôi đi. Anh Hoàng, đừng bỏ em. Chẳng lẽ, trong cõi chết cũng có sự chia lìa?

Người đàn bà ngừng câu chuyện ở đó. Đắm mắt nhìn về phía mặt biển sóng gào. Buổi chiều xuống rất nhanh. Gió thổi mạnh từng cơn như muốn tăng thêm sức cho nhịp nhẩy của mỗi đợt sóng chồm. Tôi vẫn im lặng, không dám phá tan dòng hồi tưởng của chị. Một lát, rồi chị quay lại nhìn tôi. Mái tóc dài bay tung trong gió bên một môi cười thật buồn.

- Tôi không ngờ có ngày gặp được đồng hương ở cái đảo tận cùng trời đất này. Nhìn cô, tôi thấy lại tôi hàng chục năm về trước. Cái cách cô ngồi và cách cô nhìn biển mê đắm liên tiếp mấy buổi chiều liền. Chao ơi, đừng có mất hồn mà đi xuống nước, giống như tôi. Vì tôi không những chỉ làm hư hỏng cuộc đời mình, mà còn làm tan nát luôn cả những người thân yêu nhất. Cô nghe chuyện của tôi để bỏ ý định tìm quên hay tìm nhớ, với biển. Vì rằng, kết cuộc chắc chắn là thê thảm lắm. Tôi được một chiếc du thuyền cứu sống, đưa đi điều trị ở một nơi rất xa. Trong người không một thứ giấy tờ mà tôi bị hôn mê hàng tháng trời, sau đó lại ủ ê lạc hồn không cả mở miệng nói năng. Khi trí nhớ hồi phục, lúc ấy mới hay, mình không còn mang tên họ do cha mẹ đặt cho nữa. Rồi khi hoàn toàn tỉnh táo, tìm được về nhà thì chị Nghiêm trở thành điên loạn khi hay tin tôi chết mất xác ngoài biển. Có một người đàn ông Việt Nam take care rồi sau đó xin phép đưa chị cùng về nơi anh ta sống để săn sóc cho chị. Cô biết không, người đó là H. Hoàng. Ngày đó, không phải chị đi chơi với Jeff mà là đi đón H. Hoàng về làm "quà tặng" cho tôi. Chị luôn luôn lo nghĩ cho tôi hơn cả cho bản thân chị. Chị tuyên bố lấy chồng chỉ là vì tôi sắp sửa được "đoàn tụ" với H. Hoàng, đâu như cái đầu óc nông cạn, hẹp hòi, xấu xa của tôi đã nghĩ, chị bỏ tôi mà đi. Tê tái vì xấu hổ với chuyện mình đã làm, tôi cắn răng tìm gặp chị. Nước mắt tôi là mưa, chị ôm tôi vỗ về, lau nước mắt nhưng tuyệt nhiên không nhớ ra được, tôi là ai. Chị cứ im lìm, âm thầm như một cái bóng, đi tới, đi lui lặng lẽ riêng mình. Chị khóc rồi chị cười, cũng lặng lẽ, riêng tư, đôi khi hát một vài câu rất dịu dàng hoặc lảm nhảm những lời làm tim tôi chết điếng. Tôi không dám nhìn mặt H. Hoàng. Giữa chúng tôi là một cái hố sâu thăm thẳm. Giữa chúng tôi là hình dáng buồn bã, héo hắt của chị Nghiêm. Tội lỗi là do tôi đã hành động ngu xuẩn. Thì tôi phải biết gánh chịu hậu quả riêng mình. Từ một người vui vẻ, yêu đời, lúc nào cũng có nụ cười tươi thắm trên môi mà chị Nghiêm trở thành u mê, điên đảo, chỉ chính vì tôi. Nửa năm sau đó, tôi can đảm đem chị Nghiêm ra khỏi nhà H. Hoàng. Hai chị em sống với nhau cho tới bây giờ, thành hai cô gái già. Cô nghe tôi, đứng dậy mình cùng về nhà tôi cho biết. Chị Nghiêm hiền lắm và cho cô hay, chị đẹp một cách não nùng. Chỉ có điều chị không nói chuyện bao giờ, chị cười và nói khi riêng một mình. Tôi đã tìm đủ mọi cách hầu mong chị có thể khôi phục trí nhớ trở lại như xưa, nhưng hoàn toàn bất lực. Chị có thể ngồi im hàng giờ nghe tôi nói chuyện hoặc nhắc lại chuyện cũ; chị vuốt tóc tôi như ngày xưa, mỉm cười hiền lành nhưng tuyệt nhiên không nói một lời. Đó là trời hành xử tôi. Đừng như tôi, hàng bao nhiêu năm rồi, tôi khổ sở đợi chờ một tiếng huýt sáo của chị Nghiêm, để đau đớn biết có lẽ sẽ không bao giờ điều đó trở lại được với đôi mắt thẫn thờ cùng khuôn mặt ngây dại của chị. Cô hãy cố quên đi những chuyện buồn. Hãy nghĩ đến những người thân. Đừng sống đời nặng nề, đau đớn như tôi vì đã hành động thiếu suy nghĩ.

Tôi bước đi bên cạnh người đàn bà mà nghe nước mắt mình mặn đắng ở đầu lưỡi. Ngang tay áo giấu che, tôi nhìn chị. Trên khuôn mặt xa vắng và u buồn ấy cũng đầm đìa nước mắt, như tôi. Tự dưng nước mắt tôi vỡ ra, không cần che giấu nữa. Tôi khóc tức tưởi và ngậm ngùi. Có thể nào, tôi nói cho chị nghe. Tôi không phải muốn đi xuống nước, mà cố tình kiếm tìm chị, để biết chị bây giờ sinh sống ra sao. Bởi, tôi yêu H. Hoàng. Yêu người đàn ông lớn tuổi, thâm trầm và cô độc đó, đến vô cực, vô cùng. Tôi yêu H. Hoàng và yêu luôn mối tình chung thuỷ của chàng đã dành cho người con gái thuỷ chung đang đi bên cạnh tôi. Có thể nào, bây giờ, sau khi gặp được chị, tôi dám còn cố tình mong mỏi chiếm được trái tim yêu của chàng? Ôi, tình yêu muôn đời vẫn là trái đắng và có lẽ, khi định mệnh đã bắt buộc người nào phải chìm trong thú đau thương sẽ mãi một đời thương đau chất ngất. ●

LTS: Để gợi lại, chia-sẻ và giữ-gìn những kỷ-niệm của đời người bên cạnh nét đẹp quê-hương, tòa-soạn mở mục "Xóm cũ" để chào-đón các bài viết về phong-thổ, tập-quán, con người, đặc-tính địa-phương,.. Hãy ghi chép lại trước khi kỷ-niệm chìm sâu. Hãy phơi trải, trước khi lớp bụi thời-gian phủ mờ ký-ức. Viết về một lượm lúa, một cánh vạc, một câu hò, một ngôi miếu, một cảnh chùa, một dòng sông, một trái núi, một bờ kênh,.. nơi bạn đã ra đời, lớn lên hay thắt chặt một mối tình đằm-thắm. Hãy sớt chia, để được gìn-giữ. Hãy cho, và hãy nhận...

Từ Một Con Đường Hẻm

Diên Khánh

*H*ình như tôi có cái số không được ở những con đường lớn. Nhà của mình hay là nhà thuê, trước sau cũng đều ở đường nhỏ, hoặc đường hẻm.

Đầu tiên là ngôi nhà riêng của hai vợ chồng ở thị xã Tuy-Hòa. Con đường chạy trước mặt là đường Nguyễn Công Trứ, được đặt tên lại từ ngày chính quyền Quốc-Gia thành lập ở đây. Tên cũ thời Pháp thuộc là đường Đông-Trạch, được giữ nguyên trong thời Việt-Minh (1945-1954). Theo những người rành lịch sử địa phương, đường Đông-Trạch chính là con đường "huyết mạch" của thành phố Tuy-Hòa ngày trước, vì là con đường duy nhất chạy từ quốc lộ số 1 ra biển. Cũng như đối với tỉnh lỵ của Phú-Yên lúc bấy giờ là thành phố Sông-Cầu, con đường chính và duy nhất là một đoạn của quốc lộ số 1. Tỉnh nhỏ nên thành phố cũng nhỏ. Trong tỉnh trước 1945, lỵ sở của phủ Tuy-An và của hai huyện Đồng-Xuân và Sơn-Hòa chỉ là ba thị trấn rất nhỏ. Mà ngay đối với Tuy-Hòa (về sau thay Sông-Cầu làm tỉnh lỵ) và Sông-Cầu, gọi thành phố cũng là gọi tôn lên đó thôi, chớ diện tích, dân số, và mức phồn thịnh, thật ra cũng không xứng. Nhưng quê ai thì nấy đẹp. Thầy Trần Sĩ tả trong sách địa lý: Sông-Cầu thông reo sóng vỗ, Tuy-Hòa xe ngựa dập dìu; Sông-Cầu là bà già lão luyện, Tuy-Hòa là cô thiếu nữ xuân xanh... có tôn quê hương lên đôi chút, thì cũng không ai trách. Vì thầy là người địa phương.

Thật ra, có lẽ từ thuở có tên cho đến bây giờ, trải qua bao nhiêu biến thiên, Tuy-Hòa chưa bao giờ là nơi "xe ngựa dập dìu". Và con đường Nguyễn Công Trứ mà gia đình tôi cư ngụ nhiều năm trước 1975, cũng chưa bao giờ là con đường xe ngựa dập dìu. Trước đã ít xe, từ ngày chuyển giao vai trò đường xương sống của thành phố lại cho đường Trần Hưng Đạo, thì đường Nguyễn Công Trứ lại càng vắng xe. Đường đã quanh co, mặt đường lại không được tráng nhựa, xe không thích chạy. Nhưng vợ chồng tôi thích, vì ở đã quen. Lại càng thích và nhớ, khi dọn đi nơi khác, thì cũng chỉ ở được những con đường giống như thế mà thôi. Sự giàu sang không phải là yếu tố chính tạo nên hạnh phúc cho con người, thì đây, sự cong quẹo gồ nghề của một con đường đã tạo được cảm tình trong lòng chúng tôi.

Chạy từ Ngã Năm xuống tới Chợ Cá, con đường Nguyễn Công Trứ uốn qua uốn lại nhiều lần như con rắn. Thật khó kiếm được một con đường thành phố mà không thẳng thớm như vậy. Không có đoạn nào có lề đường. Nhà hai bên, căn lồi ra căn thụt vào, giống như

hàm răng không đều. Đứng tại Ngã Năm nhìn xuống hướng biển, sẽ thấy bên tay trái là con đường Trần Hưng Đạo hiên ngang với những căn nhà lầu san sát; bên tay mặt là con đường Nguyễn Công Trứ khiêm tốn với những căn nhà vừa cũ vừa thấp, cách quãng, không khác một con đường nhà quê.

Nhưng chính trên con đường nhà quê này, tôi có những kỷ niệm với quê chồng.

Trước hết, phải kể rạp hát Đại-Nam, tục gọi theo tên người chủ, là rạp Bùi Phương. Đây là cái "hí viện" già tuổi nhất của thành phố. Hồi chưa có rạp Diên-Hồng, hồi chỗ rạp Hưng-Đạo còn là đám đất hoang, ở đây đã là một "trường hát" (dân địa phương gọi như vậy), trường hát Bang Hưng. Nghe nói ông Bang Hưng trước khi bị chỉ định cư trú tại Tuy-Hoà, là bang tá nội thành ở Huế. Do một lần chọc giận vua Bảo-Đại sao đó, ông bị cách chức đuổi đi, phải tới Tuy-Hòa làm ăn. Ông lập nhà máy điện, chạy nước đá, và mua lại rạp và gánh hát của ông Bầu Ghình, trở thành chủ rạp, chủ gánh, và cưới luộn cô đào nhất con ông bầu cũ là cô Quạ làm vợ ba. Như vậy, nếu không tính tới chuyện ông khi quân phạm thượng, chuyện ông cưới cô Quạ mà vẫn để cô tiếp tục đóng tuồng rồi lại nổi máu ghen mỗi khi thấy có kép trẻ đầu mày cuối mắt với cô trên sân khấu, thì dân Tuy-Hoà phải ghi công cho ông Bang Hưng: Ông đã đem lại ánh sáng, cảm giác mát lạnh, và sự giải trí thường trực đến cho thành phố. Trước kia, diễn tại rạp chỉ là hát bội. Từ ngày ông Bang Hưng làm chủ, rạp được sửa sang lại, nên thỉnh thoảng có những đoàn cải lương đến thuê diễn mấy đêm.

Tiếp theo, là những quán ăn nằm phía trên và quanh rạp Đại-Nam. Tôi gọi là "quán" mà không gọi là "tiệm" hay "hiệu", là vì cái nào cũng nhỏ. Kể về mật độ, thì đoạn đường Nguyễn Công Trứ này cũng hơi nhiều quán ăn. Điểm đặc biệt là quán nào cũng có cái tên không liên hệ gì đến chuyện ăn uống: Quê-Hương, Vân-Vân, Thành-Tín, Thanh-Bạch, Nam-Dương, Ninh-Hoà... Trong số, tôi biết khá rõ là bốn cái kể cuối: Quán Thành Tín có món chim mía chiên rất đặc biệt, nhưng lại có ông chủ kiêm đầu bếp chánh chuyên cởi trần trong khi nấu nướng, khiến có thực khách ngại chuyện ông để mồ hôi nhểu vào thức ăn. Quán Thanh-Bạch có món cua farci rất ngon, tôi đã tới ăn nhiều lần rồi bắt chước về nhà làm cho chồng con ăn. Quán Nam-Dương của người Tàu, lớn hơn cả, có nhiều món; có ông chủ ốm tong teo vì ghiền thuốc phiện nhưng lúc nào cũng vui vẻ chào mời mọi người; có ông "tổng khậu" (đầu bếp chánh) rất mập và cũng rất thích ở trần. Tôi biết nhiều về quán ăn này, vì ngày còn độc thân nhà tôi ăn cơm tháng ở đây. Quán Ninh-Hòa chuyên làm cơm gà, bánh cuốn nem nướng, và nem chua, do đó còn có tên là Quán Bảy Nem. Ông chủ quán thứ bảy, được hàng xóm kêu là "Bảy Nem", vốn người Ninh-Hòa (Khánh-Hoà) nên đặt tên quán như vậy. Nem chua nhiều nơi khác có, nhưng cơm gà thì quán này làm ngon hơn cả. Vì là chỗ quen biết, tôi đã nhiều lần tới coi trong khi họ làm. Họ nấu cơm bằng chảo gang, lớp cơm sát đáy chảo bao giờ cũng sém vàng, trông rất đẹp, nhai rất dòn. Mỗi dĩa cơm, họ bẻ vài miếng cơm cháy đặt lên trên, lẫn lộn với những cọng rau răm. Ăn cơm gà nơi khác, không gặp những miếng cơm cháy này, tôi cũng thấy nhớ.

Năm 1962, vợ chồng tôi dọn nhà vào Sài-Gòn. Một tối, nhà tôi rủ tôi đi xi-nê. Nghe rạp Rex tối tân, tôi đòi đi rạp này. Nhưng nhà tôi bảo: Mình là người Tuy-Hòa, nên coi rạp nhà hơn. Anh đưa tôi đến trước rạp Đại-Nam. Từ đó, tôi mới biết ở Sài-Gòn cũng có một cái rạp Đại-Nam, nhưng lớn hơn nhiều.

Tại thủ đô, chúng tôi ở đường Nguyễn Huỳnh Đức. Lúc bấy giờ, con đường này rất giống con đường Nguyễn Công Trứ ở Tuy-Hòa. Cũng không có lề, cũng cong qua queo lại, cũng có nhiều đoạn tróc lở lồi lõm. Và cũng khá dài, đầu thông ra đường Trương Minh Ký chỗ cổng xe lửa số 6, cuối chạy cắt ngang đường Công-Lý, rồi chạy mãi tới đâu tôi cũng không biết vì chưa lần nào đi cho đến tận cùng.

Chúng tôi thuê được căn đầu của một dãy nhà mái ngói vách ván. Vách ngoài bằng ván, vách ngăn giữa căn này với căn khác cũng bằng ván, lại mỏng hơn. Bên ngăn này nói chuyện mà không hạ giọng, thì bên kia nghe được hết. Bây giờ nhớ lại, hình như trong thời gian hơn một năm ở trong căn nhà đó, vợ chồng tôi lúc nào cũng thủ thỉ với nhau, dường như âu yếm lắm. Sự thật, chỉ là sợ hàng xóm nghe được chuyện của mình.

Đầu nhà có lối đi nhỏ thông ra phía sau. Bên kia lối thông, là nhà của một bà già người Bắc có ba người con trai còn đang tuổi đi học. Trước nhà có cái vỏ cua khá rộng, ở giữa đặt một cái bàn đánh bóng bàn. Ba cậu học sinh ngày nào cũng đấu với nhau, bóng thỉnh thoảng văng mạnh vượt rào qua phía nhà tôi. Đứa con trai đầu lòng của tôi lúc này chỉ mới tuổi rưỡi, thường ra đứng coi xuyên rào, chờ bóng văng qua thì lượm trả. Nhà tôi liền sắm cho nó một cái vợt, dặn "con dùng vợt này mà đánh qua cho các anh". Nhưng con tôi lần nào cũng một tay cầm vợt, một tay cầm bóng đút qua lỗ rào.

Ở góc sân sát đường có một bụi trúc rất lớn. Gió thổi vào, tiếng rì rào suốt ngày đêm. Vợ chồng tôi đã có lần bảo nhau: Bây giờ mình ở

thủ đô, nhưng còn nhà quê hơn hồi ở Tuy-Hòa. Đường Nguyễn Công Trứ làm gì có bụi trúc này! Đúng, ở đường Nguyễn Công Trứ thì phải xuống đến chùa Long-Quang, mới bắt đầu có trúc có tre. Đoạn trên chỉ có mấy cây trứng cá thôi.

Hồi còn ở đường Nguyễn Huỳnh Đức, tôi thường đi chợ Bùi-Phát, hoặc chợ Trương Minh Giảng. Chợ Bùi-Phát gần hơn, nhưng ít hàng. Đi vòng lên phía Cổng Xe Lửa Số 6, thì đường đi rộng rãi sạch sẽ, nhưng xa hơn. Tôi thường đi tắt theo một con hẻm dẫn từ chỗ gần nhà tôi sang đường Trương Minh Giảng, phía trên nhà thờ Vườn Xoài một đoạn ngắn. Con hẻm nhỏ này khá dài, có chỗ hẹp xe gắn máy cũng khó qua, nhưng lại có chỗ phình ra khá rộng. Ở chỗ rộng nhất, có một ngôi chùa nhỏ mái lợp ngói âm dương bám đầy rêu, vách thấp cũng bám đầy rêu, phía trước có một khoảnh sân đất có mấy gốc cổ thụ. Không có tam quan. Sát lối đi là một cái cổng gỗ, có cánh nhưng lúc nào cũng để trống, trên có tấm bảng sơn tên chùa: Phú-Sơn-Tự. Một lần cùng nhau đi qua đó, nhà tôi nói đùa: Không biết Hàn-Sơn-Tự của Trương Kế có được đẹp như ngôi chùa này không. Nhưng chắc là nghèo hơn, vì "phú" là giàu, mà "hàn" là nghèo.

Khi đơn vị dời đi Mỹ-Tho, nhà tôi cho gia đình dọn theo. Chúng tôi thuê được một ngôi nhà gạch có gác trong một con hẻm của đường Vòng Nhỏ. Đây là con đường mới mở chạy vòng phía tây bắc thành phố, từ bờ sông Rạch Miễu vòng xuống bờ hồ, thông ra đường Hùng-Vương. Lúc bấy giờ (khoảng 1963), đường cũng chưa được tráng nhựa. Ngoài đường lớn như thế, nên trong hẻm cũng không khá gì hơn. Rộng hẹp tùy chỗ, phẳng phiu hay lởm chởm cũng cứ nối nhau. Nhà của tôi ở ngay đầu hẻm, trước nhà khá rộng, xe cung cấp nước của đơn vị có thể vào được. Sáng sáng, mỗi lần xe nước đến, bà con hàng xóm xúm lại xin nước, quang cảnh vui nhộn được một lúc. Bà con có hứng nước mưa, nhưng phần nhiều không đủ dùng.

Chúng tôi ở chỗ này cho đến ngày nhà tôi được giải ngũ, mới dọn trở về quê. Trong ba năm ở đây, có những chuyện nho nhỏ mà tôi nhớ mãi. Thứ nhất là cái quán nước có tên là Hương Hoa nằm trên đường Vòng Nhỏ, cách nhà tôi khoảng hơn trăm thước. Mỗi lần có dịp đi vào thành phố, vợ chồng tôi đều đưa con theo. Lúc bấy giờ, đứa con trai đầu đã đi học mẫu giáo, đứa con gái kế còn đang phải bồng. Lần nào đi qua trước quán Hương-Hoa, thằng con trai đều tự ý ngồi xuống gãi chân. Những lần đầu, tôi tưởng nó bị kiến cắn, nhưng hỏi "sao con ngồi đó", thì nó nói "con mỏi chân". Nhiều lần cứ mới đi một đoạn ngắn, vừa tới cửa quán thì lại "mỏi chân", vợ chồng tôi mới hiểu được ý nó. Sau khi được ba má cho vào quán ăn uống một chút gì đó, một ly đá chanh và một viên kẹo cũng được, khi trở ra thì chân nó hết mỏi liền. Lại lon ton chạy trước, rất phấn chấn. Thứ nhì, là ngôi trường Mẫu Giáo Thánh Tâm, mà chuyện cũng liên hệ đến đứa con đầu. Trường này nằm bên kia đường, cách quán Hương-Hoa khoảng hai trăm thước về hướng bờ sông, nghĩa là cũng chỉ cách nhà chừng một trăm thước. Lúc bấy giờ, thằng con của tôi vừa tròn bốn tuổi. Trước ngày dẫn nó đến trường, tôi đã nhiều lần giảng giải vì sao phải đi học, học ở trường với cô giáo cũng giống như học với má ở nhà, cô giáo sẽ thương con lắm, con sẽ có nhiều bạn, v.v... Lần nào chú bé cũng vui vẻ gật đầu. Nhưng ngay buổi học đầu đã có chuyện. Tôi vừa bước ra khỏi lớp, là nó khóc ồ lên. Buổi đó, và những buổi tiếp theo, có lẽ cũng đến cả tuần, tôi đã phải ngồi lại với nó vài mươi phút, ngon ngọt dỗ dành, nó mới chịu ngồi học. Rồi Giáng-Sinh năm ấy, trường phát quà cho tất cả học sinh. Đứa nào cũng được một bộ quần áo mới, và một túi kẹo. Vừa nhận được quà, thằng con tôi và một đứa bạn học ở gần, cắm đầu chạy về nhà khoe, và cũng là để chia kẹo cho em gái. Cả hai đứa đều có em gái khoảng hai tuổi. Chú bé láng giềng kia không có vấn đề gì, nhưng thằng con tôi vì cái túi rách đáy, kẹo rớt dọc đường, chỉ còn lại vài viên. Nó không khóc, nhưng buồn không chịu mặc thử bộ đồ mới. Tôi phải dẫn nó đi ngược lại khoảng đường nó vừa chạy qua, và hai mẹ con cứ vừa đi vừa dòm xuống đất tìm kẹo. Đám học sinh bốn năm tuổi từ trong trường Thánh-Tâm túa ra, biết con tôi làm rớt kẹo, cũng chạy đi tìm giùm.

Bây giờ, con trai tôi đã gần bốn mươi. Đường đời nó đi được một đoạn cũng khá dài. Không biết có khi nào nó còn nhớ tới đoạn đường ngắn tôi đã từng dẫn nó đi học, và đi tìm kẹo ngày xưa không.

Trong mấy năm ở đường Vòng Nhỏ, tôi có nhiều bạn láng giềng. Hầu hết là các gia đình quân nhân thuộc Sư Đoàn 7, và những đơn vị trực thuộc. Trong số đó, tôi nhớ nhất hai người. Không phải vì thân, mà vì có chuyện đáng nhớ. Một bà ở sát cạnh nhà, chồng là đại úy an ninh quân đội, chỉ mới dọn tới trước khi "có chuyện" chừng một tuần. Chiều hôm ấy, nhà tôi vừa từ đơn vị trở về nhà nghỉ phép mấy hôm. Cả nhà ăn cơm chiều vừa xong, thì cô bé giúp việc bà đại úy bưng sang một tô chè, nói: Bà con biểu đem sang biếu mợ tô chè. Tôi hỏi nhà tôi có muốn ăn không. Nhà tôi nói để mai, vì mới vừa ăn cơm. Chừng nửa tiếng sau, cô bé lúc nãy chạy vào, lúng túng nói: Mợ cho con lấy tô chè lại. Bà con biểu đem cho bà thiếu úy kia, nhưng con lại tưởng là

cho mợ. Tôi trả lại tô chè, mà trong lòng không biết là buồn hay vui. Khi biết chuyện, nhà tôi cười to một cách khoái trá: Mình chưa từng gặp may. Hôm nay mới gặp. Em thử nghĩ coi. Nếu lúc nãy mà mình đem tô chè ra ăn liền, thì bây giờ phải làm sao? Nhà tôi nói đúng. Mãi về sau tôi còn cảm thấy may! Bà thứ nhì có chồng làm y tá trong Đại Đội Quân Y, cùng đứa con gái nhỏ sống ở từng trên một căn trại bán gỗ. Hình như ông chồng sống nhiều ở đơn vị, và ít khi ăn cơm nhà. Ở nhà, hai mẹ con ăn cơm xách, nên bà có nhiều thì giờ rảnh, thường rủ các bà đến nhà đánh bài. Nhưng chuyện đặc biệt là bà rất thích nghe nhạc, trong khi ông chồng không thích nhạc chút nào. Hàng xóm nghe có tiếng nhạc thì biết chồng bà vắng nhà, không nghe tiếng nhạc thì biết chồng bà có nhà. Dạo ấy, nữ ca sĩ Phương-Dung mới nổi với bài *Những Đồi Hoa Sim* của Dũng Chinh. Suốt ngày, có khi một phần đêm nữa, từ căn gác gỗ kia vẳng ra *"những đồi hoa sim, ôi những đồi hoa sim tím..."* Bây giờ ở hải ngoại, sau gần bốn chục năm, tôi cũng có nhiều lần được nghe lại bài hát này do chính Phương-Dung hát. Nhưng vẳng lên từ trong ký ức, thì là âm hưởng của ngày xưa, ngày tôi còn ở trong một con hẻm đường Vòng Nhỏ, ngoài biên của thành phố Mỹ-Tho.

Cuối năm 1965, nhà tôi được giải ngũ. Chúng tôi dọn trở về thành phố Tuy-Hoà không bao giờ dập dìu xe cộ, ở lại trong căn nhà cũ đường Nguyễn Công Trứ cong qua quẹo lại. Một buổi chiều sau ngày trở về quê, hai vợ chồng đứng trước cửa nhìn ra đường, trong lòng vui niềm vui hồi hương, và cảm thấy sao mà quen thuộc. Nhà tôi ngâm nhỏ: *Đường vòng trở lại đường cong, bước chân lậu hạng, tấm lòng ngàn phương.*

Nhưng chúng tôi ở "lậu hạng" cũng không lâu lắm. Sau đó, nhà tôi chuyển ngành và đưa vợ con vào ở công ốc. Tôi không được ở những con đường nhỏ nữa. Chỗ ở có sang hơn, nhưng đối với tôi lại không có nhiều ý vị. Hình như sống trong cảnh nghèo mới có nhiều kỷ niệm. Trong gần mười năm, tôi gần như không có gì để nhớ lại. Cho đến khi Miền Nam mất vào tay cộng sản.

Gia đình tôi chạy vào Sài-Gòn, không xuất ngoại được, dọn đến ở trong hẻm 413 đường Trương Minh Giảng. Đúng là đi đâu cũng không thoát được cái số đường hẻm. Rồi nhà tôi đi ở tù. Và tôi ở nhà, hằng ngày phải băng qua đường, sang bên đường Nguyễn Huỳnh Đức, để làm công cho một hợp tác xã đan dép. Cái duyên nợ giữa gia đình tôi với hai con đường Nguyễn Huỳnh Đức và Trương Minh Giảng sao mà bền chặt!

Ngày qua tháng lại, năm tiếp năm. Rồi nhà tôi từ trại tù trở về. Già đi nhiều, sức khoẻ có kém đi, nhưng vẫn ngâm câu thơ "lậu hạng" ngày cũ. Và chúng tôi ở con hẻm 413 cho đến ngày xuất ngoại. Trước sau là 17 năm. Mười bảy năm đối với một đời người, cũng là dài lắm! Và tôi đã thuộc tên nhớ mặt từng người của con hẻm, nhớ từng chỗ gạch nứt cống bể của con hẻm, nhớ những trận đánh lộn của con hẻm...

Hẻm 413 còn có tên là hẻm Đoàn Thị Điểm (vì dẫn thẳng vào cổng ngôi trường mang tên này, trước khi rẽ sang hai bên chạy sâu vào trong xóm), hoặc hẻm Nhà thờ Vườn Xoài. Con hẻm không dài lắm nhưng có nhiều nhánh nhóc, hai bên nhà cửa chi chít với những bảng số có nhiều con số, nhiều chữ "AB" hoặc "bis, ter", chồng lên nhau. Người lạ đến tìm nhà quen, có khi đi cả buổi vẫn không tìm được. Cách tiện nhất là hỏi phường khóm, hoặc giơ địa chỉ cho người phát thơ coi để chỉ giùm.

Căn nhà tôi nằm ngay trước mặt trường Đoàn Thị Điểm, chỉ cách bề ngang con hẻm và một bức tường khá cao, trên có căng kẽm gai. Bên trong là những dãy nhà hai từng. Nghe nói trường được xây từ thời ông Nguyễn Cao Kỳ làm thủ tướng, lúc bấy giờ còn khá khang trang. Tôi cũng có mấy đứa con học ở đó.

Có những ngày, tôi đứng trong nhà lắng nghe tiếng học sinh cười nói trên mấy lớp lầu, nghe tiếng các giáo viên đập thước lên bàn. Có khi nghe những bài ca "cách mạng". Thỉnh thoảng lại có một vài cục đá từ trên những cửa sổ lầu ném xuống mái tôn nhà tôi, làm cho cả nhà giựt mình. Khi mới trở về, nhà tôi than thở: Cũng là hẻm, mà ở đây ồn quá. Nhưng anh vội nói lấp: Ở trại cải tạo, tụi anh cũng có hát những bài này. Ai cũng phải hát. Chẳng ai khen ai, mà cũng chẳng ai muốn cười ai hát dở. Nhưng có lần cán bộ bắt một ông già hát bài *Trống Cơm*, thì không ai nín cười được. Chỗ trầm thì ông rướn giọng lên, chỗ bổng thì ông lại hạ giọng xuống... Nhưng tụi anh không được ném đá như đám học sinh kia. Chỉ được khiêng đá để xây nhà giam mình cho kiên cố thôi. Cố làm vui, nhưng giọng nhà tôi lại buồn. Bây giờ, nhà tôi thỉnh thoảng lại nhắc tới đám học sinh trường Đoàn Thị Điểm. Những đứa trẻ còn có thể ném đá.

Ở ngay chỗ hẻm 413 quẹo vào nhà tôi, là nhà của một ông họa sĩ nghe nói đã từng được giải thưởng hội họa của Mỹ; đa tài nên đa truân, chưa từng làm gì cho chế độ cũ nhưng cũng phải ở tù vì hay cao đàm hùng biện về thời cuộc. Bây giờ, ông ở hải ngoại, chắc đã thoả lòng với chuyện tự do muốn nói gì thì nói. Ngày trước, mỗi lần đi ngang nhà ông, tôi vẫn thấy những bức tranh do ông vẽ. Bây giờ, không biết ông có còn cầm cọ hay không, nhưng thỉnh thoảng tôi vẫn

gặp thơ và những bức "thư họa" của ông trên sách báo tiếng Việt.

Chỉ còn vài tháng nữa là tới Tết Canh Thìn. Viết về con hẻm 413, tôi lại nhớ những nồi bánh chưng nấu ăn Tết trên con hẻm này.

Trong hoàn cảnh nào, gia đình tôi cũng ăn Tết. Ăn theo kiểu "rộng làm kép hẹp làm đơn". Và năm nào cũng có bánh chưng để cúng. Nhưng rất ít năm, tôi tự gói lấy bánh chưng. Hầu hết là mua.

Nhưng qua mười mấy năm cư ngụ trong hẻm 413, tôi nhận thấy có ba gia đình hình như năm nào cũng nấu bánh chưng. Họ nấu ngay ngoài đường, thành ra ai cũng thấy. Ngay chỗ quẹo là ông hoạ sĩ, tiếp liền là một ông tài xế xe vận tải chạy đường Lục Tỉnh, phía trong xa là một ông ngày trước là thiếu tá quận trưởng. Những thùng bánh chưng của mấy ông này to lắm, có thể chứa mấy chục cái. Ba hòn đá kê sát chân tường trường Đoàn Thị Điểm, củi chụm là củi đòn, được canh cho cháy suốt đêm. Bánh được vớt ra có khi trong đêm, có khi sáng sớm ngày cuối năm. Hơi bốc nghi ngút một đoạn hẻm, người qua đường dừng lại nhìn, ai cũng cảm thấy vui.

Ngày nay, ông tài xế xe vận tải vẫn còn ở chỗ cũ, nhưng không biết có còn nấu bánh chưng ăn Tết hay không. Riêng ông họa sĩ và ông thiếu tá thì đều sống bên Mỹ, chắc có cúng Tết thì cũng chỉ đi mua, chớ không gây lò chất củi ngoài đường mà nấu bánh chưng nữa. Họ đi ra ngoại quốc, dù có muốn cho mấy, cũng không thể đem theo tất cả. Mà dù họ có đem theo được những chiếc thùng to kia, thì cũng không có chỗ để nhóm bếp. Họ có mong một ngày nào đó, được trở về để nấu bánh chưng ăn Tết trên con đường hẻm 413 hay không? Tôi rất muốn biết.

nụ hôn đầu ngày

Ngày lên nắng hồng rực rỡ
Em ngồi xoã tóc mây cao
Mắt biếc ươm tình rộn rã
Môi xinh vừa hé nụ đào.

Rủ em lên đường gió lộng
Bờ non dốc trải nuột nà
Nhụy thơm cửa đời mở rộng
Vòng tay gom hết ngọc ngà.

Đưa em đỉnh đầu vũ trụ
Hồn hoa tắm ánh trăng sao
Không gian cánh mềm hương ủ
Ngọt ngào quanh giấc chiêm bao.

Trao em mộng dài muôn thuở
Kiếp người dẫu có trăm năm
Tơ duyên đất trời gắn bó
Yêu rồi chẳng biết ăn năn.

Mời em men nồng vĩnh cửu
Chuốc em nửa chén vô thường
Sóng vỗ xuôi dòng sinh tử
Luân hồi một nỗi xót thương.

b.h.t.

trăng xưa

Trăng mọc ở đầu non
Cuối ghềnh trăng say ngủ
Hỏi trăng xưa có còn
Hẹn giùm ta ngày cũ?

Vui không ngày mới lớn
Ngây ngô tuổi học trò
Ta cùng trăng nô giỡn
Trăng dạy ta làm thơ.

Những vần thơ vụng dại
Ca tụng cả đất trời
Cùng thiên nhiên cây cỏ
Ta thả diều rong chơi.

Chợt buồn lên đôi môi
Chợt buồn lên khoé mắt
Từng thu lá vàng rơi
Là tuổi thơ dần mất.

Và em cất tiếng hát
Nâng hồn ta bay cao
Ta say từng nốt nhạc
Say môi em ngọt ngào.

Hẹn em trên sông vắng
Trăng đồng loã đứng cười
Lung linh từng gợn sóng
Bên nhau ngồi làm thơ.

Ôi ta thời thơ trẻ
Hồn lụa bạch trân châu
Qua rồi hai thế hệ
Thời gian bạc mái đầu.

Trăng trẻ mãi không già
Nhưng trăng xưa vẫn khác
Đêm nay một mình ta
Ngắm trăng buồn tuổi hạc.

lê hữu minh toán

quê nội quê ngoại

XUÂN VŨ

(khởi đăng từ số 173)

(tiếp theo)

Bọn Trí xem xong mấy tuồng Tôn Tẫn thì nảy sanh ý định hát lại trên sân khấu không có khán giả. Số là ông Ba mới mua một ngôi nhà mới, nên ngôi nhà cũ không có ai ở. Ngôi nhà này ở gần bờ sông sợ đất sụp. Con sông nước chảy xiết, phía bên kia thì có hàng bần mọc theo ven sông như một con đê xanh chống lở sụp, còn phía bên này có lẽ vì không có cây mọc nên đất hay lở. Ban đêm thỉnh thoảng nghe tiếng đất lở đổ xuống sông nghe ầm ầm, sáng thức dậy thấy mất đi một bụi tre hay vài hàng chuối! Vì thế ông Ba mới bỏ ngôi nhà cũ dời vô gần đường đi hơn. Bây giờ có lẽ vùng đất đã lở vô sâu cả trăm thước rồi!

Trở lại ngôi nhà cũ của ông Ba, bên trong chỉ còn có một bộ ván gõ cũ mọt mối ăn loang lổ được trám lại bằng khăn màu nâu hơi tiệp với màu ván. Chính đó là sân khấu của bọn Trí.

Cả bọn đều thích đóng tuồng. Đứa nào cũng chuốt kiếm tre đút dưới mí chiếu để làm Hải Triều, Tôn Tẫn. Miệng đứa nào cũng lảm nhảm: "Chư thần lai trợ ngã, hô giáng!" hoặc "Chư thần lai trợ ngã, hô thâu!". Áo bỏ vô quần, cắt mo cau làm mão, xé mo nang làm râu, kiếm tre giắt trong lưng, thế là đã thành tiên rồi!

Các bạn có biết trên sân khấu, các tiên đánh phép với nhau bằng cách nào không? Thuở đó bọn Trí biết hết. Truyện Tàu thuộc nằm lòng, ngồi coi màn trước đã biết màn sau thì ngồi làm chi cho mỏi xương sống. Bọn Trí len vào sau hậu trường để xem những chuyện bí ẩn mới thích.

Đào kép vô đó nằm ngồi gật gà gật gù chờ tới phiên ra diễn tiếp. Râu ria mũ mão bỏ làng khang, thanh long đao, gậy trầm hương ném bừa như củi mục. Còn những màn đánh phép thì vui lắm.

Phép là cây "tru liên kiếm", cái "hồ lô cốc", "Khổn tiên thằng" v.v... quăng lên là địch phải đỡ gạt, nếu không đỡ gạt nổi thì "hô chạy". Bọn Trí biết rõ cách đánh phép của các tiên còn hơn bài học thuộc lòng ở trường. Nó có cả một hệ thống ánh sáng, dây chạc, rỏ rẻ, màu mè do một người điều khiển cho ăn khớp. Quan trọng nhất là cái thùng ánh sáng. Đâu phải gánh hát nào cũng có máy đèn! Trung bang và đại bang mới có, còn tiểu bang thì chỉ xài đèn Aida thôi. Lắm khi hát nửa chừng đèn nghẹt xăng bơm cành cạch mà không cháy, đành phải dùng cái thùng ánh sáng xài bằng đèn dầu kia. Tuy vậy cũng "phực đèn màu" được. Khán giả ngồi bên ngoài xem rất mê ly. Mỗi khi tiên đánh kiếm với nhau thì sân khấu phải màu đỏ hoặc màu tím, để lỡ có sơ sót gì khán giả không hoặc khó nhìn thấy. Còn để đèn sáng thì không làm sao giấu được sơ sót. Ví dụ như Vương Thiền vuốt râu bỗng nhiên bộ râu rớt xuống đất. Nếu đèn mờ mờ thì cụ cúi xuống nhặt và gắn trở lại, giỏi lắm thì những người ngồi ghế thượng hạng mới trông thấy chớ hạng nhì hạng ba và hạng cá kèo làm sao mà thấy được?

Ngoài ra còn những vụ rắc rối hơn như "tiên bay đứt dây" nghĩa là tiên bay lên nửa chừng sợi dây nó chụp đứt ngọt làm tiên rơi xuống đất, hoặc tiên dậm chân "hô bay" hoài mà không bay được, cứ đứng đó mà dậm chân. Hoặc nữa, kép vô hậu trường ngủ quên, tới lớp ra tuồng giật mình chạy ào ra quên đội mão hoặc quên cả mang râu... Những vụ "chảy" bất ngờ như vậy cần có đèn mờ che chở.

Khi Tôn Tẫn vào "Kim Sa Tru Tiên Trận", Nguỵ Thiên Dân ném những hạt kim sa ra thì trời gầm, sấm chớp bủa giăng. Ban đầu bọn Trí không biết làm sao lại có tiếng trời gầm nghe rùng rợn vậy! Thì ra có gì đâu, họ treo một tấm thiếc Cao Bằng toòng teng từ nóc nhà thòng xuống. Mỗi khi kim sa bay ra thì một người cầm đầu tấm tôle mà rung. Rung mạnh thì trời gầm to, rung nhẹ thì trời gầm nhỏ. Chỉ có thế thôi. Thật quá dễ! Nhưng người nào nghĩ ra cách "làm cho trời gầm" mới là khó.

Bây giờ xin trở lại cái thùng ánh sáng. Đó là một cái thùng dầu lửa không còn đầu, để nằm ngang. Thay vì khoét trống trên đầu như người thường làm để xách nước mương thì khoét hông. Thế là ta có một cái thùng thiếc chỉ trống một mặt. Phải xài thùng thiếc để không bị cháy. Trong ruột thùng để một ngọn đèn dầu. Còn phía mặt trống

thì có những khung gỗ phất giấy màu. Màu xanh, màu đỏ, màu vàng, màu tím, màu nâu... tuỳ theo các vở tuồng, các lớp tuồng. Thí dụ hai bên đánh nhau thì dùng màu xanh hoặc màu đỏ. Người phụ trách chỉ cần lấy cái khung đúng màu yêu cầu của lớp tuồng che bít ngang mặt thùng thì tự nhiên ngoài sân khấu sẽ có màu đỏ. Viết thì lòng vòng, có khi đọc còn thấy khó hiểu nữa, nhưng làm thì dễ ợt. Bọn Trí chỉ lỏn vỏn hậu trường ngó qua là về nhà cóp được ngay. Điều quan trọng là người phụ trách ánh sáng phải thuộc lòng tuồng lớp để phục đèn cho đúng màu.

Bên cạnh nhà ông Ba là nhà ông Bảy xe hơi và nhà ông Tư. Ông Bảy lái xe cho tiệm bán đồ sắt, cho nên thỉnh thoảng ông lái chiếc Renault đen "mũi xẹp" về tận nhà để chùi rửa. Đó là dịp tốt cho bọn con nít trong xóm bu lại coi xe hơi. Bởi ông Bảy lái xe Rơ-nôn cho nên lối xóm gọi ổng là ông Bảy Rờ-nôn, rồi từ Rờ-nôn thành ra rờ-lôn rồi thành rờ... gì khác nữa tùy ý.

Ông Bảy Rờ-nôn có ba người con thuộc dòng lớn. Người con trai lớn học đâu trên Sài gòn, kế là chị Lượng đã có chồng. Chị rất đẹp gái và dịu dàng, ưa hát nhạc mới. Chị đã học hết lớp Superieur trường quận thì gia đình bắt ở nhà lấy chồng. Mái tóc chị suôn dài, gương mặt trái xoan. Lâu lâu đang ngồi học bài, nghe giọng chị buồn buồn văng vẳng bên kia rào làm bọn Trí ngẩn ngơ: *Ái tình nồng nàn đắm say! Nhành trúc sầu mơ... Đôi ta chung sống lướt trên bể tình...* Rồi một hôm có người đem xe hơi kết hoa đến rước chị đi, để lại trong lòng bọn Trí một nỗi nhớ nhẹ nhàng.

Trong nhà ông Bảy giờ chỉ còn bác gái và em trai của chị. Thằng này cũng cỡ tuổi Trí nhưng không đi học được vì nó nói đớt và hơi khùng khùng. Thỉnh thoảng Trí qua nhà nó chơi thì nó rủ cờ bạc bằng bao thuốc lá Job, Bastos hoặc bằng nút ve nước ngọt đập dẹp thay tiền.

Trong nhà nó có treo tranh truyện Tàu, mỗi bộ 4 bức, mỗi bức có 3 ô, mỗi ô vẽ lại một cảnh trong truyện. Trí thường qua xem hai bộ tứ thời Tây Du và Ngũ Hổ Bình Tây treo trên vách bên cạnh bàn thờ. Hình Lưu Khánh bay và hình Địch Thanh chạy trốn vợ là Thoại Ba công chúa. Thời đó ở Nam kỳ không thấy bán tranh gì ngoài tranh "tứ thời" kiểu trên đây. Nhà nông dân thường treo loại tranh này. Bước vào nhà thấy tranh là vui rồi.

Tuy thằng nhỏ hơi khùng như nó không ngu như người ta tưởng đâu. Nó đi chợ uống ly nước đá đưa đồng bạc, chủ tiệm thối lại thiếu nửa xu, nó trở lui đòi cho bằng được. Chủ tiệm là ông Tăng Kỳ không biết ai đúng ai sai nhưng để nó đòi cù nhầy mất khách, bèn đưa cho nó ngay. Người Tàu khôn vậy mà. Bỏ lợi nhỏ, lấy lợi to. Mỗi lần bác Bảy Rờ-nôn chạy xe về, nó oai lắm, nhảy tót lên xe ngồi vào ghế, bẻ tay lái miệng kêu ọ ọ tin tin y như lái thiệt. Bọn con nít rất thèm được làm như nó nhưng chỉ được rờ... đầu xe, bánh xe thôi. Vậy mà còn bị nó la hét om sòm nữa. Còn đám học trò bọn Trí thì đâu có thèm rờ. Thứ xe hơi có gì lạ đâu! Tụi Trí còn đi xe hơi nữa là khác!

Cách một con đường đất pha cát và một dãy hàng rào bông bụp là nhà ông Tư, lối xóm gọi là ông Tư thịt ngựa. Ông Tư người cao lớn, thường làm thịt ngựa để bán cho lối xóm nên mang hỗn danh đó.

Một hôm người con trai trưởng của ông chở một ghe lườn lúc nhúc toàn ngựa đủ các sắc lông: ngựa kim, ngựa ô, ngựa hồng,... không phải để làm thịt mà để bán. Đám học trò bọn Trí tới xem. Ngựa từ dưới ghe lườn (có lót rơm) được dắt lên buộc trên sân cỏ trước nhà ông Tư. Rồi anh con trai ông Tư cỡi thử từng con một chạy ra đường rồi quành vô sân. Bọn Trí rất muốn phóng lên lưng ngựa cỡi thử vài vòng vì coi bộ không có gì khó, nhưng không đứa nào dám, đành đứng coi và đặt tên từng con. Con ngựa hồng kia là con Đích Lư của Lưu Bị, con ngựa hồng này cao lớn hơn là con Hiện Nguyệt Long của Địch Thanh, chú ngựa kim kia là ngựa của Tiết Nhơn Quí... Chiều chiều đi học về ngang sân ngựa, đám học trò dừng lại coi Lưu Bị, Địch Thanh và Tiết Nhơn Quí phi ngựa nhưng không có đánh nhau.

Bên góc đường có nhà của một ông chệt già. Hình như đó là ông chệt gánh nước mướn trước kia, bây giờ là chủ tiệm tạp hoá Đại Thành. Sau một đời vất vả, bây giờ ông để tiệm lại cho con trai con gái, còn ông thì rút lui về ẩn sĩ qui điền. Chiều chiều bọn Trí xem ngựa chạy thì ông cũng ngồi trên chiếc ghế mây cũ trước cửa nhà hút ống điếu. Có lẽ ông cũng coi ngựa chạy như bọn Trí nhưng với vẻ mặt trầm ngâm gần như lạnh lùng.

Ông chệt bình thản trước vó ngựa tung bụi mù mịt trước mặt. Ông ngồi kẹp chiếc điếu bình bằng đồng ở giữa hai đùi, tay cầm một lọn giấy bạch đang cháy, một tay rút mớ thuốc từ trong hộc bên hông chiếc điếu, cẩn thận nhét vào nõ rồi giơ ngọn giấy bạch thổi đánh "phụt" một cái nhẹ, ngọn lửa bùng lên. Ông kê ngọn lửa vào mồi thuốc, đôi môi thâm nhạt ngậm khẽ ống điếu, mấp mấp... Nước trong bình sôi nghe "róc róc". Tiếng nước sôi ấy kéo dài cho đến lúc mồi thuốc cháy hết. Ông rít mạnh làm cho nó tụt hẳn vào nõ rồi hơi ngả đầu ra phía sau, ông từ từ phà khói như một ông tiên đang hoá phép. Làn khói toả ra dày đặc, bao quanh chỗ ông ngồi như Thái Bạch Kim Tinh ngồi giữa làn mây mỏng. Cho đến khi lọn giấy bạch cháy hết thì một chú chệt con đầu cạo nhẵn để

hai vá, đem ra cho ông một cây mồi khác.

Trí đứng nhìn ông, say mê như nhìn một hiện tượng lạ lùng.

Lão già nhìn mặt trời đang lặn
Mặt trời cũng nhìn lại đời lão đang tàn.

Đó là hai câu thơ trong bài *Hoàng hôn (Crépuscule)* của Victor Hugo mà Trí mới học ở trường, bây giờ đem dùng cho ông già thật đúng.

Ở xóm này dần dần có nhiều ông chệt già mua đất cất nhà dưỡng lão như ông. Rồi phong tục, cách sống của họ được phô bày, bất chấp chung quanh. Họ phơi những con vịt đã làm lông và những miếng thịt ba rọi trước cửa. Họ bày những rổ trứng vịt muối bọc vỏ tro đen trong nắng ở thềm nhà. Đám cưới của họ cũng khác thường. Những buổi cúng vái của họ vào ban đêm, đỏ rực những bó nhang đốt cắm quanh nhà. Cả đến cách bế con của họ cũng khác người Việt. Họ đeo con sau lưng để hai tay rảnh rỗi mà làm lụng. Cả đến việc ăn uống trong nhà cũng khác. Một chậu cơm để ở góc nhà. Ai ăn hết chén thì đi xúc lấy chớ không như người Việt, người lớn ăn hết đưa chén cho người nhỏ bới và trao lại bằng hai tay tỏ vẻ cung kính.

Con đường đất pha cát chạy qua nhà trọ của Trí dần dần trở thành một khu phố kéo dài từ rìa chợ đến bờ ngọn rạch Mương Điều. Con rạch này cắt ngang lộ đá đi về Cầu Mống, có cây cầu bắc ngang gọi là cầu Bếp Lý. Đi xa về phía Ngải Đăng có một cây cầu khác gọi là cầu Đúc Nhỏ. Kế đó là cầu Đúc Lớn. Rồi đến cầu Ông Ngò. Trí học trường quận nên thuộc từng chiếc cầu một trên đường về nhà. Chiếc cầu cuối cùng trước khi rẽ ra ấp gọi là Cầu Mống là chiếc cầu có dốc cao nhất tỉnh.

Trở lại ven rạch Mương Điều. Ở đây ngọn rạch thu nhỏ lại nên có một cây cầu khỉ bắc qua. Ở đầu cầu bên này là nhà ông Bảy Ngàn. Ông Bảy Rơ-nôn, ông Bảy Ngàn đều là bạn của ông Ba, chủ nhà trọ của Trí. Ông Ba chuyên cho học trò ở trọ. Mỗi năm có trên mười đứa học trò trường quận ăn cơm nhà ông. Hai ông Bảy thì cùng làm công cho tiệm bán đồ sắt ở ngoài chợ, nhưng ông Bảy Rờ-nôn thì có vẻ phóng túng, còn ông Bảy Ngàn thì rất mô phạm. Ông Bảy Ngàn khá đông con. Các con ông đều học giỏi và hạnh kiểm tốt. Trong nhà treo đầy bằng cấp. Trí chưa thấy gia đình nào vừa đông con vừa học giỏi như vậy. Người anh cả tên Nguyễn Văn Vàng, sau này làm tới Bộ trưởng phủ Thủ tướng, còn chị Quyên là người con gái thứ năm thì rất đẹp, nết na đàm thắm, sau này có chồng là tỉnh trưởng Hậu Giang.

Đây là một gia đình theo Nho giáo hết sức gương mẫu dù dưới bất cứ thời đại nào. Sáng sáng thức dậy gạo bài trước khi đến trường, Trí cũng thấy một người đàn ông mặc đồ bà ba trắng mang guốc vông đi nhanh qua trước cửa. Và ông Ba chủ nhà đều cất tiếng chào:

- Anh Bảy đi làm?
- Dạ, anh Ba ra chợ chưa?

Còn ông Bảy Rờ-nôn thì nhỏ người hơn, đầu hói, hay mặc đồ tây. Bữa nào không bận việc thì ông ở nhà, không làm gì mà ra đứng trước sân. Bà Ba gọi sang:

- Anh Bảy có rảnh không?
- Bộ thiếu tay hả chị? Ông hỏi.
- Dạ, thiếu một tay. Nhưng bữa

tình riêng vẫn giấu

Hoa đào tới tấp bay trong gió
Mấy cánh còn phơi nắng lửng lơ
Mùa xuân mới thấy mà nhung nhớ
Như thể trời mới sáng đã trưa!

Nước sông Hoàng trên cao đổ xuống
Nước chưa ngừng, năm tháng cứ qua
Hoa đào tươi thắm hay sầu muộn
Gợi ý cho ta biết tuổi già!

Sinh lão bệnh rồi ta sẽ chết
Kiếp người trăm tuổi có bao nhiêu!
Ba vạn sáu ngàn, con số chẵn
Đếm hoài không hết nỗi buồn hiu!

Hỏi ai trăm tuổi ngồi rung nhịp?
Ta mới năm mươi đã thở dài!
Đâu phải mình ta hờn số kiếp
Có ngàn hoa thắm gió vừa bay...

Mùa xuân em thấy chứ, như mơ
Đừng trách sao ta cứ thẫn thờ
Thân chẳng được vùi trên chiến địa
Giấu tình non nước mãi trong thơ!

trần vấn lệ

nay chến dài 5 đồng.

- Chắc có thầy Hương Chánh lên hả chị Ba?

- Bả chớ không phải ổng.

Nghe đoạn đối thoại ngắn như vậy thường xuyên trao đổi qua hàng rào kim quít thì bọn Trí biết là một cuộc chầu binh tướng sắp xảy ra ở gian chính nơi nhà trọ. Bà Hương Chánh là dâu ông Hội Đồng ở làng Tân Trung, cứ vài ngày lại đi xe ngựa nhà lên đây đánh tứ sắc. Bà đánh bài giải muộn, ăn thua bất cần. Bà có quá nhiều ruộng lúa mà chỉ có một thằng con trai thôi. Hai vợ chồng bà xưng hô nghe ngọt còn hơn đường phèn, nhưng đàn bà vá ở xứ này đều là vợ bé của ông. Điều lạ lùng là bà không ghen, trái lại còn đi tìm vợ bé cho chồng. Và ông cũng nhận mọi sắp xếp của bà một cách vui vẻ. Có lẽ vì vậy mà cái ghè tương nhà ông vẫn cứ nguyên lành, mặc tình cho nó đựng tương tây tương tàu hay tương ta...

Thằng con trai ông bà khi bắt đầu lên trường quận thì gia đình lấy làm hãnh diện cỡ bằng người ta đỗ trạng nguyên thời trước. Ông bà đem nó lên đây gởi cho ông Ba bà Ba. Nhưng nó chỉ ăn trọ ở đây không đầy một năm là đã vọt đi nơi khác. Nó không chịu nổi sự chăn giữ nghiêm khắc của ông bà Ba, và ông bà cũng không chịu nổi sự lêu lổng của nó. Chẳng những nó bỏ nhà trọ mà thôi, nó còn bỏ trường nữa. Nó đi học trường tư chớ không thèm học trường nhà nước nữa. Thời bấy giờ quận Mỏ Cày văn minh sớm, có cả trường tư lập ra để hứng các cậu ấm trong quận. Học sinh cũng khá đông.

Cậu ấm này vô trường tư thục nhưng lớp học của cậu lại mở ở ngoài chợ, còn thầy giảng bài cho cậu là ông bán chim.

Nếu ai muốn chim mau khôn, đến hỏi cậu, cậu sẽ giảng giải cho tường tận. Cậu rành tất cả các loại chim. Cậu mê chim đến đổi để chim đậu trên vai, mỗi bên một con và điều khiển bằng tiếng huýt sáo. Cậu muốn con nào nhảy xuống tay thì nó nhảy xuống và muốn con nào nhảy lên vai lúc nào thì nó nhảy lên lúc ấy. Cậu giỏi về chim tới nỗi nổi danh là trò Chim.

May mắn thay khi Trí lên trọ nhà ông Ba thì trò Chim đã đi nơi khác. Nếu không đố khỏi bị lây các tính của trò. Tới lúc Trí học lớp nhất thì trò Chim bị bắt ở nhà cưới vợ. Vợ cậu là con gái của một ông điền chủ ở Giồng Luông, một làng có tiếng là nhà ngói nhiều hơn nhà lá!

Ngoài cái thú vui coi hát, bọn Trí còn môn đá banh và đọc truyện Tàu.

Cầu thủ trứ danh của đội banh chúng tôi là thằng Bê. Anh chàng này học kém nhưng ra sân banh thì anh ta là vua. Bê có trái banh ten-nít đã mòn hết lông, lúc nào cũng lận sẵn trong lưng như hiệp sĩ đeo kiếm. Hễ giờ chơi nghe tiếng banh giẫn bộp bộp ở hàng ba thì đúng là cầu thủ Bê. Ra dân chơi đá được vài cú cũng đá, ở vị trí nào cũng đá... Giữ gôn thì Bê biết bay, biết chuồi, biết lăn; đứng a-de thì nó chận banh cũng khá; còn đi a-văng-xăng thì nó cũng nhạy làm bàn. Chỉ còn cú đá lộn mèo như Bảy Ủi (a-de của hội quận) thì nó chưa làm được thôi. Nó đang ra sân cỏ để luyện cú này. Đá té, cái mình cong như tôm, bụng ngửa lên, hai chân móc ngược, cái lưng nện xuống đất khá đau chớ đâu phải giỡn! Ngoài ra Bê còn đội cái bê-rê méo méo qua một bên, ra vẻ thể thao lắm. Nhưng nó cũng rất nhanh mắt, hễ thấy ông đốc là lật đật lột xuống nhét vô túi. Vì luật nhà trường là học trò phải hớt tóc trọc, không được hớt ca-rê, đờ-mi thì đội bê-rê sao được!

Bên cạnh tay cầu thủ học lóm này còn có một đám khá đông, trong đó có Trí và thằng Trưởng được Bê chấm vào hội. Trí được nó xếp cho đứng đờ-mi, còn Trưởng thì chạy *rôn* nào cũng khá. Trưởng bị cận thị sớm nên phải mang kiếng. Trưởng thân với Trí lắm, đi về chung đường.

Chả là Trưởng ngồi cạnh Trí mà Trí vốn yếu toán nên được Trưởng vui lòng cho cọp-dê. Trí ghét nhất giờ toán đố. Hễ thầy chép đầu bài lên bảng xong, trong vòng 5 phút sau là Trưởng đã đem bài lên nộp, còn Trí cứ cắn bút suy nghĩ hoài không làm được. Trưởng bèn xề tập vở của nó qua một bên cho Trí "ngó". Thường hễ thấy đáp số là Trí làm được cả bài. Nhưng thầy biết Trí yếu toán nên hay kêu Trí lên bảng. Thật là một cực hình cho nên giờ toán là Trí núp sau lưng hai người bạn gái là Báu và Chuộng.

Một hôm trong giờ Pháp văn, thầy dạy ngữ vựng, cắt nghĩa tiếng *aimer*, xong rồi bảo cả lớp tìm những tiếng có dòng họ với tiếng ấy như *aimable, ami, amical, amour, amoureux*... Các bạn Trí đều tìm ra cả. Sau đó ít hôm trong giờ toán, rủi thay Trưởng lại vắng mặt, Trí mới biết "ngó" bài vở của ai đây? Đang gặm bút chờ thời như vậy thì trước mặt Trí, Báu ngồi nép qua một bên, để tập vở cho Trí dễ thấy. Trí chộp được liền cái đáp số, bèn mò ra ngay.

Nhưng giờ toán đâu phải chỉ có một bài toán đố. Thông thường là 2, 3 bài. Qua được hai bài rồi, tới bài thứ ba Trí định qua ải bằng cách ngó lên bàn trên nữa. Nhưng lần này không thấy đáp số mà chỉ thấy một chữ. Đó là chữ *amour*, cái chữ trong dòng họ của chữ *aimer* học hôm trước. Trí không để ý cho lắm vì đang bận lo mấy anh chàng xe đạp trong bài toán đố kia. *Amour* là cái quái gì, ai mà biết! Rồi để cho nó trôi qua.

Hồi Trí mới ở trường làng lên, vô học lớp nhì một năm A do thầy Cang dạy, Trí được thầy khen là tiếng Pháp giỏi. Có lần Trí trả bài

Jeanne d'Arc đọc rót một hơi không vấp, được thầy cho 8 điểm là điểm mà suốt năm không trò nào được. Sau đó gặp dịp quan Toàn quyền Decoux ghé ngang, các vị hương chức hội tề làng Đa Phước Hội và quan chủ quận Mỏ Cày phải nghênh đón bằng cửa tam quan và nhạc lễ theo nghi thức. Nhân đó nhà trường chọn một cặp học trò, 1 nam 1 nữ, đọc một bài chào mừng ngắn và tặng ngài một bó hoa.

Chỉ có thế mà ông Đốc phải đích thân đi từng lớp để chọn. Rủi cho Trí bị ổng xách chóp lên (vì thầy Cang điểm chỉ), còn trò nữ là Báu do cô giáo Tửng chọn. Bữa đó Trí mặc áo sơ-mi trắng mới giặt xà-bông rất kỹ và cái quần cụt đen; còn Báu thì mặc áo tay phùng màu hồng.

Bài diễn văn chỉ có chừng mươi câu thôi, nhưng cô giáo phải tập cho Trí cả một buổi sáng. Nội cái câu *Monsieur le Gouverneur genéral de l'Indochine* Trí phải dượt cho đúng giọng và cuối câu phải ngước lên nhìn ông Toàn quyền cho đúng cách cũng phải tập cả giờ đồng hồ. Tội nghiệp cho Báu tuy không phải nói năng gì hết nhưng vẫn phải đứng cạnh Trí mỏi rã gió, trán mướt mồ hôi, chờ Trí đọc diễn văn xong là dâng bó hoa lên và cúi đầu. Chỉ thế thôi.

Lên lớp nhứt, Báu cũng học chung lớp Sup A với Trí và ngồi bàn trên Trí như đã kể. Lần này Báu lại cho Trí cái đáp số *amour*, cái chữ Trí không hề chờ đợi từ một người nào lúc ấy và cũng chưa hiểu nó.

Nhưng thôi, hãy để nó nằm im với kỷ niệm xưa. Xin trở lại với bạn Trưởng của Trí.

Trưởng là con trai thứ ba của Dược sĩ Ngô Quang Thọ, dược sĩ duy nhất ở chợ quận này. Hồi đó chợ quận chưa có bác sĩ mà chỉ có thầy thuốc tây thôi (médicin). Việc có một dược sĩ là điều rất hiếm. Ông Ngô Quang Thọ có ba người con trai: Ngô Quang Hồng, Ngô Quang Tăng và bạn của Trí: Ngô Quang Trưởng. Hai người con trai lớn đang đi học ở Sài gòn, một người chung lớp với chú tôi.

Ở chợ quận có nhiều nơi hấp dẫn bọn Trí, một trong những nơi đó là tiệm thuốc Tây của thầy Thọ. Căn tiệm nằm ngay nơi thị tứ của chợ quận. Đứng trên thềm nhà việc Đa Phước Hội thì tiệm nằm bên tay mặt. Đó là một ngôi nhà lầu độc lập. Tầng trệt làm tiệm thuốc còn tầng trên làm nơi ăn ở. Bên trái có cây me tơ. Dưới tàn me là một cái kiosque của một hoạ sĩ. Từ ngày ông Quận Phước đáo nhậm thì ông cho đặt nhiều kiosque trước mặt các dãy phố. Người thuê làm quán giải khát, kẻ thuê để bán hàng vặt, có người dùng nó để trưng bày hoạ phẩm và làm phòng vẽ truyền thần luôn. Bên hông tiệm thuốc tây là cái kiosque được một hoạ sĩ thuê để làm phòng triển lãm.

Mỗi buổi trưa, Trí thường đến trường sớm một chút để có thì giờ đứng coi ông hoạ sĩ vẽ. Ông đang hoạ hình Napoleon I. Một bức chân dung thật đẹp, ai đi ngang cũng phải trầm trồ, không biết về sự oai hùng của nhân vật trong tranh hay về tài ba của hoạ sĩ. Xem xong hình hoạ, quay lại sau lưng thì đụng chiếc tủ kiếng cao lớn 5 ngăn của tiệm thuốc tây ở ngay mặt tiền. Ngăn cao nhất bày những *bibelots* (đồ trang trí vặt vãnh trong phòng), còn mấy ngăn dưới cao ngang đầu trở xuống thì bày toàn là sách hồng Việt Pháp và tiểu thuyết Việt.

Thuở đó Trí đang mê truyện Tàu, nhưng thấy sách Hồng thì cũng ham, thấy tiểu thuyết thì cũng muốn đọc. May cho Trí là Trưởng cũng rất ham đọc sách. Trong cặp anh ta lúc nào cũng có vài cuốn sách Hồng. Còn trong tủ kiếng thì đầy ắp, ngổn ngang. Nào là *Hai thứ khôn* của Thế Lữ, Anh Khoá Lành của Thạch Lam; rồi *Rắn báo oán, Thần Hổ* của Tchya, *Bí mật đời con kiến* của Phạm Cao Củng, *Bước đường cùng* của Nguyễn Công Hoan, *Bà Chúa Chè* của Nguyễn Triệu Luật, *Bánh xe khứ quốc* của Phan Trần Chúc, *Tả quân Lê Văn Duyệt, Phan Đình Phùng* của Đào Trinh Nhất, v.v nhiều lắm, không thể nào nhớ hết. Do sự tò mò, một hôm Trí hỏi mượn. Trưởng bằng lòng ngay.

Nhờ những bài học lịch sử ở trường mà Trí ham đọc tiểu thuyết và nhờ đọc tiểu thuyết mà Trí hiểu thêm lịch sử nước nhà. Trí trao đổi với bạn về sự ly kỳ của Thần Hổ hay về sự dũng cảm của Tả quân Lê Văn Duyệt. Hai cuốn sách của Đào Trinh Nhất, Trí có thấy trong tủ sách nhà nhưng hồi đó Trí chưa đọc nổi. Cái tủ sách lịch sử của gia đình, những quyển sách xưa cũ nát, từ *Nho học Khổng Tử* đến *Võ Đông Sơ Bạch Thu Hà;* từ *tự vị Pháp Việt* đến *Kim Vân Kiều*, rồi *Cổ Kim thi tập* ... những câu chuyện tuy không có hô giáng hô thâu những cũng hấp dẫn không thua gì *Phong thần, Tây du, Tam quốc*, nay đã tiêu tan hết, nhắc đến mà không khỏi ngậm ngùi.

Mỏ Cày là cái cửa sổ mở ra cho tâm hồn thơ dại của Trí. Ở đây Trí bắt đầu biết đọc truyện của người Việt, có nhân vật Việt Nam, coi tuồng cải lương *Lan và Điệp, Giọt*

muộn phiền

Ta ngồi
tâm sự với ta
Hoàng hôn ngả sắc
Chiều là là rơi.
Quẩn quanh sắp hết một đời
Biển dâu chưa cạn
đầy vơi muộn phiền.

thiên di

máu chung tình, Võ Đông Sơ Bạch Thu Hà... và cũng bắt đầu đọc truyện Tây với những nhân vật tên Tây. Có lần Trí được xem vở kịch trứ danh Pháp *Le Cid* của Corneille dịch ra tiếng Việt do gánh hát Đồng Ấu Hoà Bình từ ngoài Bắc vào trình diễn. Một nghệ sĩ tí hon tên là Paul Sĩ đóng vai Rodrigue.

Xen kẽ giữa hai màn kịch có một lớp ca múa rất đặc sắc do một nữ nghệ sĩ xinh đẹp như tiên vừa múa vừa hát bản *C'est à capri:*

Vì đâu gặp gỡ em Tuyết Nga một ngày xuân kia
Tình yêu tăng lên, hai quả tim nhịp cùng nhau...

Người nữ nghệ sĩ mặc đồ ngắn, hai cánh tay xoay chiếc dù nhỏ như một đoá hoa nở lớn trên đầu, đôi chân trần nhảy nhót theo điệu hát vui tươi nhí nhảnh, ca lời Pháp rồi Việt:

C'est à capri que je l'ai rencontrée
Au milieu de mille fleurs...

Lần đầu tiên tuổi học trò, Trí biết rung động vì một bài hát... Tây do một người con gái Việt trình bày, giữa ngàn hoa... hồng, đúng ra là đèn sân khấu phụt màu hồng.

Lần thứ hai cũng ở nhà lồng chợ Mỏ Cày này, Trí được nghe giọng ca của chị Oanh (nghe nói là em gái của nghệ sĩ Trần Văn Trạch. Sau này Trí lên college thì anh Trạch là chef d'orchestre của Trí). Chị Oanh mặc áo dài trắng tha thướt, tóc không phi-dê lên sân khấu nhưng Trí có nghe gì đâu, chỉ thấy tà áo dài lượn đi lượn lại trước mắt...

Chữ nghĩa đơn sơ như thế đó, có gì nhiều đâu, nhưng sao đọc lại mà tôi rưng rưng nước mắt! Tôi như thấy lại tất cả, trường học Mỏ Cày, chợ Mỏ Cày với những dãy phố, bến xe, những kiosque, những quán giải khát, nhà lồng chờ... và những cái tủ kiếng chứa đầy sách.

Mới đây mà đã hơn nửa thế kỷ! Bất ngờ năm ngoái đây, người bạn học Mỏ Cày, thứ nam của dược sĩ Ngô Quang Thọ, đến thăm tôi tại nhà. Thuở đá banh ten-nít với nhau như sống lại. Cả cái tập vở của hắn từng ghi đáp số chìa ngang cho tôi nhìn. Và tôi đọc câu văn của Balzac gửi Napoléon: *"Tu lais ton oeuvre par ton epée. Je l'achève ave ma plume"* (Ngài lập nên sự nghiệp bằng thanh kiếm. Còn tôi hoàn thành nó với ngòi bút của tôi).

Chúng tôi ngồi đối diện nhau. Hai đứa trẻ ngày xưa đều đã trở thành lão nhân. Hai đứa cùng nhắc lại những bài học và những vị thầy của trường Mỏ Cày.

Sau khi chia tay, tôi đã có một giấc mơ. Xin ghi lại bằng thơ để kết thúc những dòng hồi ký này.

Mơ lại trường xưa quận Mỏ Cày

Tôi đã yêu nàng trong giấc mơ
Và trong ý tứ những bài thơ
Trong khoé mắt ai xuân ửng sắc
Trong lá thư tình chẳng dám đưa.

Một sáng bất ngờ nàng lướt qua
Tôi sẵn cành hoa nhẹ ném ra
Dừng lại mỉm cười, nàng nhặt lấy
Tôi đứng nhìn theo gót nở hoa.

Như mẻ bắp rang tuổi học trò
Trắng thơm như giấy mới vừa mua
Đẹp như hoa phượng sân trường nở
Như mắt trong veo chẳng bụi mờ.

Tương cay muối ớt rủ trèo me
Miếng kẹo da trâu buổi học về
Những con toán lén cho nhau chép
Roi mây cắn đít, khóc lê mê!

Luận văn chánh tả khá gay go
Sử ký địa dư chẳng dễ mò
Vẫn được điểm cao ai biết nổi
Bửu bối nào hơn những "phép bùa"!

Hiệu sách trưa nào cũng ghé ngang
Thạch Lam, Thế Lữ, Nguyễn Công Hoan
Cho tôi tri thức thời thơ dại
Bằng những truyện đầu tiếng Việt Nam.

Đang đọc bỗng nghe trống đổ hồi
Sách Hồng ném trả, chạy cong đuôi
Tiểu lâm, tiểu thuyết vùi trong cặp
Tây Du, Tam Quốc thuộc hơn bài.

Vú sữa xanh lè cạp rát môi
Bưởi non cũng hái đá tung trời
Ra quân mù mịt sân trường cát
Vào lớp còn mơ quả bóng nhồi.

Ngồi bên cửa sổ ngóng tàu qua
Sóng vỗ bờ sông, vệt khói nhoà
Tiếng còi réo gọi niềm mơ ước
Làm khách viễn hành đến bến xa.

Nóng ran đường nhựa phỏng chân em
Lá điệp im nghe tiếng guốc huyền
Vấn vương tà áo đôi chàng bướm
Nón nghiêng che má lúm đồng tiền.

Hoa niên như lá trên cành hát
Trái thơm hồng lý, dạ sầu riêng
Tóc mượt dừa xanh, con mắt phượng
Má đào, môi mật, búp tay sen.

Gót em in dấu con đường nhỏ
Quê ta còn dính đất nồng nàn
Cho anh nắm chặt tay tiên nữ
Đã viết đời anh thắm những trang.

*Người qua phố cũ nhớ cô Hai**
Nhan sắc quê mình dễ mấy ai
Tơ thắm se cùng trang tuấn kiệt
Ngờ đâu mẹ ghẻ tráo duyên hài.

Cô đem cái chết giữ chung tình
Hồn gái đồng trinh vốn hiển linh
Dân đem bài vị thờ trong miếu
Quanh năm hương khói góc sân đình.

Có nghĩa gì hai tiếng "Mỏ Cày"
Như đời thở mạnh lá me bay
Dẫu biết tuổi thơ lai bất vãn
Mà dạ bâng khuâng nhớ tiếc hoài.

Hỡi ôi, tóc liễu muôn năm cũ
Sao còn quấn chặt mảnh hồn tôi
Trường xưa gạch ngói rêu phong vũ
Giữa bụi thời gian vẫn chói ngời.

Mỏ Cày yêu dấu của riêng tôi
Tuy gần mà lại hoá xa xôi
Xa xôi vẫn hẹn ngày tao ngộ
Anh, Mỏ Cày - em, ở một nơi.

Có ai trở lại thời xa vắng
Xin hốt giùm tôi nhúm cát nâu
Bên gốc điệp già mình trốn nắng
Má em, anh đặt chiếc hôn đầu.

---

* Giai thoại cô Hai Vàng.

- Hết -

vạch mặt

TỐNG MINH
LONG QUÂN
phóng-tác

(khởi đăng từ số 187)

Chương 20

Brian hối hả chạy lại máy điện thoại. Tay ông run rẩy bấm số. Khi nghe tiếng người ở đầu giây bên kia trả lời, Brian nói như hụt hơi vì quá khích động. Giọng khàn khàn của người đàn ông bên kia có vẻ sốt ruột.

- Bác sĩ nói chầm chậm lại một chút coi, tôi không hiểu ông muốn nói gì.

Brian nuốt nước miếng cách khó khăn, lấy một tay chận lên ngực để giữ cảm xúc:

- Xin lỗi, tại vì tôi xúc động quá. Tôi đã tìm ra đáp số của bài toán... Tôi đã biết được ai đang âm mưu giết tôi. Tôi biết được Don Vinton là ai...

Brian có cảm tưởng Angeli ở đầu giây bên kia cũng ngạc nhiên không kém khi nghe được tin này. Giọng của Angeli có vẻ khác thường:

- Làm sao ông tìm ra Don Vinton được? Cảnh sát chúng tôi đã điều tra mà không tìm thấy người nào tên này cả mà?

- Đúng, nhưng anh có biết tại sao không? Vì Don Vinton không phải là một cái tên mà biểu hiện cho một người.

Angeli vẫn không hiểu Brian muốn nói gì, anh ta hơi xuống giọng với tất cả kích thích:

- Đâu, ông nói lại cho tôi nghe đầu đuôi như thế nào. Nói chậm và rõ ràng cho tôi hiểu.

- Vâng, anh gốc người Ý, chắc anh hiểu chữ Don Vinton có nghĩa là người to lớn, có thế lực. Như vậy Vinton không phải là cái tên mà là một nghĩa bóng của một nhân vật, đúng như thám tử Norman đã nói với tôi qua điện thoại, anh ta nói một "người to lớn", có nghĩa là một "Bố già" đang đứng đằng sau ám hại tôi.

Bên kia im lặng một hồi lâu, sau đó giọng của Angeli có vẻ bối rối:

- Bác sĩ nói gì tôi vẫn không hiểu... Ý ông muốn nói là tổ chức Mafia của Bố già?

- Chứ còn gì nữa! Anh xem đó, ai có đủ thế lực để điều khiển cả một đám sát nhân với đầy đủ dụng cụ nào là át xít, nào là bom, súng...! Anh có nhớ là tôi đã nói với anh, theo sự phân tích của tôi, kẻ chủ mưu phải là một người Châu Mỹ La Tinh. Thì ra hắn người Ý...

Angeli lên tiếng cắt ngang lời của Brian:

- Bác sĩ lập luận cách hồ đồ, vô lý. Tổ chức Mafia muốn giết ông để làm cái gì?

- Chuyện này thì tôi hoàn toàn không biết được. Tôi không có làm ăn, đụng chạm gì với tổ chức tội ác này nhưng tôi chắc chắn là chính bọn họ làm đủ mọi cách để hại tôi, để giết tôi. Điều này phù hợp với những lời Norman nói cho tôi biết trước khi chết. Anh ta kêu tôi đến hãng thịt đông lạnh một mình để cho tôi biết ai là kẻ chủ mưu. Anh ta nói là có cả một nhóm người muốn giết tôi chứ không phải một người.

Angeli hừ mũi có vẻ bực dọc:

- Lần đầu tiên tôi mới nghe một người lập luận cách điên khùng để đổ tội cho kẻ khác...

Im lặng một hồi, sau đó Angeli mới tiếp tục:

- Giả dụ những lời ông nói là đúng đi...

Nói đến đây Angeli bỏ lửng. Brian nghe hy vọng với niềm vui mãnh liệt. Nếu anh trung sĩ cảnh sát này mà không tin lời Brian nói thì còn ai khác nữa đây!

Chỉ có anh chàng này là còn dễ thương, đứng về phe của Brian chứ nếu ông nói những chuyện vô căn cứ này với trung uý Andrew thì ông ta đã gạt phắt và kết án ngược lại Brian là cố ý đánh lạc sự điều tra của nhà chức trách. Brian cần có một đồng minh để giúp ông làm sáng tỏ vấn đề. Đầu giây bên kia Angeli ngập ngừng hỏi:

- Ông đã đem lý luận này nói với người nào khác biết chưa?

- Chưa, anh là người đầu tiên tôi tin cậy nên mới nói hết mọi ý kiến của tôi.

Giọng Angeli có vẻ hấp tấp:

- Nếu ông chưa nói với ai thì đừng nói cho kẻ thứ hai biết nhé. Nếu những lời ông nói là đúng thì mạng của ông như chỉ mành treo chuông đó. Nhớ đừng đi đến văn phòng hay về nhà của ông, người ta sẽ giăng bẫy bắt ông ở đó.

Brian sốt sắng trả lời:

- Tôi hứa. - Như sực nhớ đến một việc, Brian hấp tấp hỏi tiếp - Thế anh có biết là Trung uý Andrew đã ra lệnh tập nã tôi chưa?

Angeli ngần ngừ trước khi trả lời:

- Rồi. Nếu ông trung uý mà tóm được ông thì ông chỉ có nước chết thôi đó, bác sĩ. Ông ta sẵn sàng giết

ông để bịt miệng.

Nghe đến đây mặt của Brian trở nên xanh lè. Trời đất. Ông nghĩ thằng cha trung uý này đúng quá mà. Thằng chả thù Brian từ kiếp nào nên tìm đủ cách để hại ông. Nhưng Andrew không thể nào là người hoạch địch mọi kế hoạch sát nhân cách khéo léo như vậy. Phải có ai đó đứng đằng sau lưng ông ta điều khiển. Biết đâu, biết đâu chính là Don Vinton?

Thấy Brian im lặng không trả lời, Angeli lên tiếng:

- Ông có nghe những lời tôi nói không?

Brian trả lời "có" mà nghe cổ họng mình khô đắng. Bất ngờ, Brian quay lại đằng sau. Phía ngoài phòng điện thoại có một người đàn ông mặc áo khoác xám đang nhìn Brian đăm đăm, không biết ông ta sốt ruột muốn dùng điện thoại hay ông ta ngạc nhiên về thái độ hốt hoảng của ông. Brian nghe tim mình đánh trật một nhịp. Ông thấy mặt người đàn ông này có vẻ quen quen nhưng không nhớ ở đâu. Hoảng sợ, Brian bịt ống nói và thì thào nhỏ giọng:

- Angeli...

- Cái gì vậy?

- Tôi không biết những người theo dõi tôi là ai nhưng có một ông đứng ngoài phòng điện thoại nhìn tôi, có vẻ đáng nghi lắm. Trời ơi, nếu phen này mà họ bắt được tôi chắc tôi chết mất...

Lúc này người đàn ông phía ngoài nhìn chăm bẩm vào mặt Brian không cần giấu diếm. Đầu giây bên kia Angeli nói với giọng hấp tấp:

- Để tôi sẽ đến đón ông ngay lập tức. Chúng mình đến thẳng trụ sở FBI để tường trình mọi sự, khỏi qua cơ quan cảnh sát. Tôi không muốn trung uý Andrew biết chuyện, ông ta vốn có ác cảm với ông. Tôi có người bạn làm việc ở cơ quan tình báo trung ương. Để tôi hỏi anh ta có cách nào bảo vệ cho bác sĩ được an toàn không. Mình không tin tưởng được cảnh sát địa phương nữa.

Angeli nói giọng chắc nịch làm như anh ta không phải là cảnh sát vậy. Nhưng Brian cảm thấy an tâm và phấn khởi khi có người đồng minh bên cạnh. Ông thầm cám ơn anh chàng cảnh sát dễ thương này. Không có anh ta, Brian không biết xoay xở làm sao để tránh khỏi rơi vào tay bọn sát nhân lẫn cảnh sát. Nghĩ đến đây hai đầu gối Brian mềm nhũn muốn khuỵu xuống. Angeli có vẻ nôn nao cho tình trạng của Brian:

- Bác sĩ đang ở đâu vậy?

- Tôi đang ở phòng điện thoại tầng dưới của quầy bán vé máy bay Delta ở phi trường.

- Vậy ở yên đó chờ tôi đến, đừng đi đâu nhé. Nhớ đứng chung với đám đông, đừng đứng lẻ loi một mình, tôi sẽ lái xe đến đó ngay lập tức.

Gác ống nghe điện thoại xuống, người đàn ông thấy muốn bệnh. Trong nghề nghiệp, ông đã từng tiếp xúc với bao nhiêu thủ phạm giết người, hiếp dâm, đủ thứ thành phần xấu xa của xã hội nhưng ông vẫn tin rằng bản chất con người vốn hướng thiện, tại hoàn cảnh hay tâm lý bị xáo trộn sao đó nên con người không tự chủ được mà nhúng tay vào tội ác. Nhưng một cảnh sát mà làm việc cho thành phần xã hội đen thì thật không thể nào tưởng tượng được. Ông vẫn thường thấy những cảnh sát viên theo đuổi bắt một tên say rượu lái xe ẩu, túm được hắn cũng trầy vi tróc vảy, nhiều khi hắn say mèm không tự chủ được, chỉ biết đánh trả để thoát thân. Có bao nhiêu cảnh sát vì thi hành nhiệm vụ mà phải chết, phải bưu đầu sứt trán nhưng không ai để ý, xem như đó là chuyện thường tình. Sự hy sinh cao cả của họ không ai biết nhưng nếu có một con cừu đen nào làm nhơ bẩn cho màu áo đồng phục thì báo chí sẽ tha hồ viết nhiều bài tường thuật để đánh gục cơ quan này. Ông đọc báo thấy bao nhiêu người vì quá hăng say trong công vụ mà bị đối phương thưa ngược lại là kỳ thị chủng tộc, là vi phạm nhân quyền. Nhiều người bị mất việc, mất chức cách oan uổng cũng chỉ vì sự quá trớn trong lúc thi hành nhiệm vụ. Nhưng chưa bao giờ ông đụng độ với một bạn đồng nghiệp làm tay sai cho thành phần xã hội đen. Hơn nữa, con cừu đen này lại chính là người cùng làm việc trong đội điều tra của ông.

Ông uể oải đứng lên, đi về căn phòng ở cuối hành lang và đưa tay gõ một tiếng trước khi đẩy cửa bước vào.

Phía sau chiếc bàn gỗ cũ kỹ, đầy những dấu cháy tàn thuốc, đại uý Bertelli đang ngồi thảo luận với hai nhân viên FBI mặc thường phục. Thấy cửa mở, đại uý Bertelli ngẩng đầu lên nhìn người đàn ông, hất hàm hỏi:

- Sao rồi?

Người đàn ông gật đầu với vẻ chán nản:

- Tôi đã điều tra xong. Người giữ phòng tang vật cho tôi biết là hắn có đến và mượn chiếc chìa khoá phòng mạch của cô thư ký Carol vào sáng thứ tư và trả lại chìa khoá đó vào buổi tối cùng ngày. Hèn chi lúc thử nghiệm để xem dấu làm chìa khoá giả thì không có. Điều này chứng tỏ hắn đã đột nhập vào phòng mạch của bác sĩ Brian bằng chìa khoá gốc. Người giữ tang chứng không chút nghi ngờ gì khi hắn đến hỏi mượn chìa khoá vì ông ta nghĩ hắn cùng ở trong đội điều tra của tôi, cần chiếc chìa khoá để nghiên cứu cũng chẳng có chuyện gì lạ.

Một nhân viên FBI trẻ tuổi có vẻ nóng lòng nên chận lời người đàn ông lại, hấp tấp hỏi:

- Ông có biết hiện tại hắn ở đâu không?

- Không. Chúng tôi cho người theo dõi hắn nhưng đã mất dấu hắn rồi. Theo tôi biết hắn vẫn còn lẩn quẩn ở thành phố này chớ không đi đâu xa.

Một nhân viên FBI thứ nhì lên tiếng:

- Chắc chắn hắn đang đi lùng kiếm cho được bác sĩ Brian Stevens.

Đại uý Bertelli nhìn hai ông cớm liên bang hỏi:

- Bác sĩ Brian có hy vọng sống sót hay không?

Ông cớm FBI lắc đầu chán nản:

- Nếu hắn bắt được ông bác sĩ trước khi chúng ta tìm được ông ta thì cơ hội sống sót chắc là không.

Đại uý Bertelli gật đầu tán thành:

- Tôi cũng nghĩ vậy. Điều trước nhất là chúng mình phải lùng bắt hắn trước. Này trung uý Andrew, tôi muốn ông bắt cho được tên Angeli về đây bằng mọi giá. Cho phép ông được tuỳ ý hành động miễn sao mang nó về đây là được rồi. Ông nên thi hành nhiệm vụ cấp tốc, nếu không chúng ta không còn cơ hội cứu sống ông bác sĩ nữa.

Người đàn ông gật đầu tuân lệnh và lui ra.

Máy truyền tin trên mấy xe tuần tiễu hoạt động liên tục: "Mật mã 10 đây... Mật mã 10... Tất cả mọi xe nghe lệnh... Hãy chận xe số 5 lại bằng mọi giá..."

Angeli đang lái xe, nghe mật hiệu này bèn đưa tay tắt máy liên lạc. Anh nhíu mày quay lại nhìn Brian hỏi:

- Trước khi tôi đến đón ông, ông có điện thoại báo cho ai biết không?

Brian lắc đầu quầy quậy:

- Tôi không có nói cho ai biết hết.

- Ông có đưa giả thuyết Bố già của Mafia ra bàn luận với ai khác ngoài tôi không?

- Chỉ có một mình anh biết thôi.

Angeli gật gù có vẻ hài lòng. Theo lời đề nghị của Angeli, Brian đã bỏ chiếc xe ông mướn lại phi trường mà đi chung xe cảnh sát nguỵ trang dân sự của Angeli. Bây giờ hai người đang ở trong xe, đi qua cầu New Washington, nhắm hướng New Jersey mà chạy.

Cũng trong hoàn cảnh chạy trốn nhưng tâm trạng Brian lúc này khác hẳn lúc trước. Ông không còn cảm thấy cô đơn bị kẻ thù săn đuổi tứ phương. Bây giờ ông có bạn đồng minh. Ông không còn cảm giác mình bị săn đuổi mà ngược lại, ông cảm thấy phấn khởi khi nghĩ chính ông và Angeli đang săn đuổi kẻ thù. Ông thầm cám ơn Đấng Thiêng Liêng đã cho ông gặp Angeli đúng lúc. Ít ra ông cũng còn một người hiểu và thông cảm cho ông, không nghi ngờ ông là thủ phạm gây ra những cái chết trong mấy ngày qua.

Angeli lên tiếng phá tan bầu không khí im lặng.

- Kể ra ông cũng khá thông minh mà đoán ra mọi việc... Chuyện xảy ra cũng đúng như ông nghi...

Brian gật đầu công nhận, vừa hăng say nói:

- Đáng lý tôi phải nghĩ ra từ sớm khi biết mọi chuyện giết người này phải do một nhóm người âm mưu thực hiện chứ không phải một người. Phải là một tổ chức tội ác với những tay giết người chuyên nghiệp mới đủ bản lãnh gây ra mọi cái chết cách tài tình mà không để lại dấu vết. Tôi nghĩ anh chàng thám tử Norman đã nghĩ ra điều này ngay lúc anh ta bắt được người ta lén đặt bom ở trong xe hơi của tôi. Chỉ có tụi Mafia mới có thứ dụng cụ giết người này.

Nói đến đây Brian ngừng bặt lại.

---

sầu viễn xứ

Đêm qua ra biển nhìn về
Phương trời xa thẳm. Bóng quê mịt mờ
Giọt sầu đọng lại thành thơ
Hồn đau như cũng vật vờ tỉnh say.
Ngày qua tháng lại cùng ngày
Vẫn phương trời lạ cuồng quay với đời
Chưa hề hoang phí nụ cười
Vẫn âm thầm đợi đổi dời quê xưa.
Ngày qua tháng lại vẫn chờ
Một ngày biển lặng, thuyền xưa trở về
Tìm mình dưới ánh trăng quê
Nghe triền sóng đổ vỗ về yêu thương.
Quên phiền muộn buổi tha hương
Buông sầu lữ thứ đại dương muôn trùng.
Rồng mây gặp hội tương phùng
Sóng muôn phương cũng về cùng biển xưa.
Mơ hoài sao vẫn còn mơ
Đợi hoài cũng vẫn bơ vơ xứ người.
Lẽ đâu lãng phí một đời
Ôm sầu viễn xứ làm người tha hương.

bảo trân

Ông vừa nghĩ đến người đẹp Anne. Chắc chắn nàng cũng là một phần tử trong đám người này, cố tình cho Brian vào bẫy để bọn sát nhân dễ thực hiện ý đồ. Nhưng không hiểu sao Brian không thể ghét nàng được. Trong tận cùng trái tim của Brian, ông vẫn dành cho nàng một tình cảm nhẹ nhàng. Dù cho nàng có xấu xa như thế nào đi nữa, Brian cũng không thể ghét nàng được. Brian hình dung đến khuôn mặt diễm lệ của người đàn bà cùng đôi mắt đen trong sáng.

Đến một đoạn đường, Angeli rẽ vào một con đường nhỏ vắng vẻ, đầy cây cối bao phủ hai bên. Brian tò mò hỏi:

- Anh đã báo tin cho bạn của anh biết là chúng mình đến tìm anh ta hay chưa?

- Tôi điện thoại rồi. Mọi người đang chờ đợi mình đến.

Angeli chạy chậm trên con đường lát sỏi, lúc này không còn nhà nào chung quanh. Bỗng nhiên anh ta thắng xe trước một cổng sắt, cửa đóng im lìm, có hàng rào kẽm gai bao bọc chung quanh. Trên cột cao của một bên hàng rào có gắn máy thu hình nhỏ để người trong nhà có thể kiểm soát được kẻ ra người vào. Một tiếng "click" khô khan vang lên. Hai cổng sắt tự động mở ra. Angeli cho xe chạy thẳng vào. Hai cổng sắt từ từ khép lại đằng sau lưng hai người. Chiếc xe vẫn lăn bánh trên con đường dài tráng nhựa dẫn vào phía bên trong căn nhà. Thấp thoáng qua mấy rặng cây, Brian thấy một ngôi nhà đồ sộ thụt sâu bên trong với mái ngói màu nâu. Trên mái nhà, Brian thấy ẩn hiện một vật gì như đài ra đa...

Angeli ngừng xe trước cửa căn nhà và tắt máy xe. Anh ta hất hàm ra lệnh cho Brian bước xuống xe.

Chương 21

Trong văn phòng của Tổng Nha Cảnh sát, hơn một tá nhân viên đang ngồi làm việc trước máy điện thoại. Chính giữa căn phòng là một ống hút hơi để gởi những giấy tờ đến những văn phòng khác. Bao nhiêu cú điện thoại gọi đến, điện thoại viên ghi chép hết đại ý của người gọi đến rồi bỏ vào một ống tròn, bỏ vào ống liên lạc để gởi đến phòng liên lạc bên trên. Nơi đây, người ta sẽ phân tích mức độ khẩn cấp của người gọi để gởi người đến hoặc liên lạc với xe cảnh sát tuần tiễu nào đang ở gần khu vực đó. Cả ngày lẫn đêm, số điện thoại khẩn 911 hoạt động không ngừng. Người gọi bất kể là đàn ông hay đàn bà, giọng họ lúc nào cũng mang đầy vẻ lo sợ, hãi hùng... đánh nhau bị thương... tự tử... hay có người sắp chết. Khung cảnh ở phòng điện thoại 911 giống như một vở bi kịch câm, người ta làm việc trong im lặng, nghe mọi nỗi bi thương của xã hội.

Buổi chiều hôm nay không khí tại tổng đài 911 càng có vẻ nghiêm trọng hơn mọi ngày thường. Mỗi nhân viên chăm chú thi hành phận sự của mình một cách căng thẳng. Họ biết sau lưng họ, các viên chức chỉ huy và nhân viên tình báo trung ương đang đi tới đi lui để ra chỉ thị hay nhận tin tức từ nơi khác gọi về. Không ai nói chuyện bàn tán gì nhiều. Họ chỉ im lặng theo dõi từng cú gọi đưa tin. Thông cáo đã được chuyển qua máy liên lạc toàn quốc để tất cả nhân viên cảnh sát và tình báo trung ương theo dõi dấu vết của hai người đàn ông mà họ đang lùng kiếm: đó là bác sĩ Brian Stevens và cảnh sát viên Angeli. Mỗi tiếng điện thoại reo lên là mọi người nôn nóng hy vọng một cú phôn của bạn đồng nghiệp đưa tin về.

Đứng ở góc phòng, đại uý Bertelli thì thầm nói chuyện với ông Sullivan, một thành viên trong Uỷ ban chống tội ác của văn phòng Thị trưởng. Nét mặt hai người có vẻ căng thẳng tột độ. Vừa lúc đó trung uý Andrew bước vào. Sullivan và Andrew đã biết nhau từ trước nên hai người im lặng bắt tay nhau không cần giới thiệu. Đại uý Bertelli quay sang Andrew có ý chờ đợi người thuộc hạ báo cáo tin tức mới nhất. Andrew vào đề ngay:

- Cuộc điều tra tiến triển tốt đẹp. Chúng tôi đã tìm ra một người chứng, nhân viên giữ an ninh của toà cao ốc đối diện toà nhà của phòng mạch bác sĩ Brian. Anh ta nói tối hôm đó, tối thứ tư, anh ta thấy hai người đàn ông đi vào toà nhà. Lúc đó quá giờ làm việc nên mọi cửa ra vào đều đóng kín nhưng một người có chìa khoá. Hắn ta rút trong túi lấy chìa khoá ra mở cửa, vì vậy nên nhân viên an ninh kia tưởng đó là hai người làm việc ở trong toà nhà này nên cũng không để ý làm chi. Chỉ mấy phút sau khi hai người lạ mặt vào bên trong thì điện tắt tối thui...

- Thế anh ta có tả hình dáng hai kẻ lạ mặt đó là ai không? Đại uý Bertelli hỏi.

- Anh ta tả một hình dáng đúng y tên Angeli, còn người kia anh ta không rõ mặt.

- Có phải tối thứ tư vừa rồi Angeli xin phép ở nhà với lý do bị cúm không?

- Thưa đại uý, đúng vậy.

Vừa lúc đó một nhân viên tổng đài bấm nút đỏ đang nhấp nháy ở máy điện thoại, quay sang đại uý Bertelli với vẻ mặt nghiêm trọng.

- Cơ quan tuần tiễu xa lộ New Jersey muốn nói chuyện với đại uý gấp.

Bertelli nhanh nhẹn chụp ống nghe ở một máy điện thoại gần đó bấm nút. Ông ta im lặng nghe, khuôn mặt căng thẳng, sau đó ông ta gục gặc đầu.

- Mấy ông có chắc không?... Tốt... Mấy ông cho các toán tuần tiễu chặn hết các nẻo đường họ đi... ờ... Nhớ theo sát nút, đừng để xảy...

Nhớ liên lạc cho tôi biết tình hình biến chuyển như thế nào... Vậy thôi nhé, cám ơn các ông nhiều.

Đại uý cảnh sát gác điện thoại xuống, xoa hai tay vào nhau và nhìn Sullivan mỉm cười.

- Mình có thể an tâm một chút rồi đó. Một anh cớm chìm ở New Jersey đã theo dõi chiếc xe của Angeli và thấy hắn quẹo vào một con đường nhỏ, cây cối rậm rạp. Bây giờ cảnh sát ở New Jersey đang bố trí bao vây khu vực để xiết vòng vây bắt cho được tên Angeli.

- Còn bác sĩ Brian thế nào? Trung uý Andrew sốt ruột hỏi.

- Người ta nói thấy ông ta ngồi chung xe với tên Angeli. Vẫn còn sống, đừng có lo. Cảnh sát sẽ tìm cách đột nhập và cứu ông ấy.

Trung uý Andrew im lặng, móc trong túi hộp xì gà ra mời hai người đàn ông. Đại uý Bertelli rút một điếu gắn lên môi, còn Sullivan thì khoát tay cám ơn. Nhả khói thuốc lên trần nhà, trung uý Andrew nói bằng giọng tư lự:

- Tôi đã cho điều tra về bác sĩ Brian. Ông ta là người đứng đắn, có cuộc sống lành mạnh. Tôi có nói chuyện với bác sĩ Peter, bạn thân của bác sĩ Brian. Bác sĩ Peter nói hôm trước ông ta lên phòng mạch để đi ăn trưa với bạn thì thấy tên Angeli đang có mặt ở đó, trong tay hắn cầm cây súng. Thấy bác sĩ Peter tới thình lình, hắn có vẻ ngạc nhiên. Ông Peter cũng thấy cảnh một cảnh sát tay lăm lăm cây súng có vẻ khác thường. Peter có hỏi thì hắn ta nói lấp liếm nào là nghe phòng mạch của bác sĩ Brian bị trộm viếng nên hắn tạt qua xem để coi bác sĩ Brian có cần hắn giúp đỡ gì không. Theo nhận xét của bác sĩ Peter, nếu bữa đó mà ông ta không ghé qua thì có lẽ tánh mạng của ông Brian cũng không còn nữa. Kể ra mạng của bác sĩ Brian cũng còn cao nên thoát nhiều trận...

Sullivan nhìn trung uý Andrew hỏi tò mò:

- Làm sao mà ông nghi Angeli có dính líu đến chuyện này vậy?

- Lúc đầu, tôi nghe nguồn tin cho biết tên Angeli có đi làm tiền một hai nhà buôn bán làm ăn ở thành phố này. Tôi âm thầm đến điều tra mấy nạn nhân nhưng họ có vẻ sợ ra mặt và chối nói không biết gì cả. Tôi không hiểu tại sao mấy nạn nhân sợ hãi cách quá đáng. Tôi giấu không cho Angeli biết là tôi đang điều tra hắn nhưng tôi theo dõi mọi cử chỉ, hành động của hắn. Vừa lúc có án mạng của ông Hanson, Angeli đến xin tôi được làm chung trong toán điều tra vụ án mạng này. Hắn làm bộ ca tụng là hắn ngưỡng mộ tôi từ lâu, chỉ mong có dịp được hợp tác dưới quyền điều khiển của tôi. Tôi cũng đoán là hắn đang có một âm mưu nào đó nhưng tôi làm như không biết. Tôi có gặp riêng Đại uý Bertelli đây và trình bày hết mọi vấn đề để xin ý kiến của cấp trên. Đại uý đồng ý để hắn cộng tác chung trong toán điều tra của tôi. Thảo nào khi tôi chấp nhận cho hắn làm việc chung, hắn mừng rỡ vì chính hắn nằm trong đám sát nhân này, gặp cơ hội này thì còn gì bằng. Lúc đầu, tôi chưa biết bác sĩ Brian có dính líu gì về mấy cái chết này không nhưng bổn phận điều tra tôi phải hỏi rõ ngọn ngành. Tôi không nghĩ là bác sĩ Brian là kẻ giết người nhưng tôi làm bộ khép tội ông ta, dùng kế "điệu hổ ly sơn" để Angeli không nghi ngờ là tôi đang ngầm điều tra hắn, xem vì lý do nào hắn xin theo tôi để lo mấy vụ án mạng này. Kể cũng tội nghiệp ông bác sĩ Brian, tôi làm bộ nghi ngờ ổng đủ điều, coi bộ ổng cũng không ưa tôi lắm. Tôi làm như vô tình kể cho Angeli nghe là tôi muốn tìm đủ mọi cách để kết tội bác sĩ Brian là kẻ chủ mưu gây ra mấy án mạng trên để bắt bác sĩ Brian bỏ vào tù để hắn tưởng là không ai nghi ngờ hành tung hắn, hắn giở trò gì thì tôi chụp hắn lẹ...

- Kế này thành công không?

- Đâu có. Ngược với dự đoán của tôi. Angeli chống đối khi tôi bảo hắn tôi muốn tìm cách buộc tội cho ông bác sĩ để bỏ ông ta vào tù. Hắn ta nghe vậy thì không đồng ý. Hắn không muốn tôi bắt ông Brian.

Sullivan nhíu mày tỏ vẻ không hiểu:

- Sao lạ vậy? Tưởng đâu ông tròng vào cổ bác sĩ Brian cái án thì hắn sẽ tự do, không còn ai nghi ngờ hành tung của hắn nữa kia mà?

Trung uý Andrew mỉm cười:

- Bởi vậy tôi mới càng nghi ngờ hắn nhiều hơn. Thì ra hắn muốn cái gì đó ở ông bác sĩ này nên muốn chính tay hắn hành động. Nếu như tôi bỏ ông Brian vào tù thì hắn đâu có thực hiện ý định, làm cái gì được. Còn hắn muốn cái gì ở bác sĩ Brian thì tôi vẫn chưa nghĩ ra...

Đại uý Bertelli chen vào câu chuyện:

- Thằng Angeli nó đến gặp riêng tôi và nói xa gần là trung uý Andrew ghét ông bác sĩ Brian nên muốn tìm cách hãm hại. Hắn ta làm như muốn bảo vệ ông bác sĩ này... Vì vậy tôi có họp riêng với trung uý Andrew. Chúng tôi nghĩ rằng mọi nghi ngờ của chúng tôi về tên cảnh sát đạo tặc này là đúng. Hắn đang có một âm mưu nào đó. Tôi làm bộ hứa với hắn sẽ điều tra trung uý Andrew để không cho ông ta hãm hại bác sĩ Brian nhưng một mặt tôi bật đèn xanh cho Andrew canh chừng hắn kỹ hơn. Kể ra mình dùng kế "lấy độc trị độc" cũng khá lắm.

- Bác sĩ Brian có mướn một thám tử tư để điều tra vụ án mạng riêng cho ông ta. Rất tiếc anh chàng Norman này chết cách oan uổng. Tôi điều tra thì được biết Norman này lúc trước có đụng độ với Angeli. Lúc đó một người khách của Norman bị Angeli bắt trong vụ càn quét bạch phiến. Người khách

xót xa

Gió loạn đẩy đưa đời lữ thứ
Mưa sầu đọng tím đáy tâm tư
Nhớ đến công ai tô quốc sử
Ngậm ngùi trông ngọn lửa phần thư!

phan long yên

hàng này đến nhờ Norman điều tra vì ông ta cho rằng ông ta bị oan, bị cảnh sát Angeli làm hộp để đổ tội. Bây giờ tôi mới hiểu tại sao Norman lo việc điều tra cho bác sĩ Brian, anh ta nói úp mở cho ông bác sĩ là anh ta biết được ai đứng đằng sau mấy vụ này vì chẳng lẽ có sự trùng hợp với Angeli trong những vụ án như vậy sao?

- Nếu vậy anh chàng Norman này may mắn khám phá ra tông tích của Angeli ngay từ đầu? Đại uý Bertelli hỏi.

Trung uý Andrew rít một hơi thuốc dài, thả khói lên trần mới từ tốn nói:

- Không phải anh ta may mắn mà anh ta cực kỳ thông minh. Khi anh ta biết Angeli lo việc điều tra này, kế đến là kẻ nặc danh đặt bom trong xe bác sĩ Brian, Norman nghi thằng Angeli có nhúng tay vào nên anh ta gỡ trái bom và đưa về cơ quan FBI để nhờ điều tra.

- Bộ anh ta sợ báo cho cảnh sát biết thì thằng Angeli sẽ tìm cách thủ tiêu trái bom sao?

- Tôi đoán vậy. Trung uý Andrew trả lời. Không biết một ai đã vô tình tiết lộ tin này và thằng Angeli đã có một bản sao của vụ này. Hơn nữa, chính Norman điện thoại cho bác sĩ Brian và nói là đã biết một Don Vinton - tức người to lớn, "Bố già" đứng đằng sau điều khiển, cho nên anh ta mới bị diệt khẩu, chết cách oan uổng như vậy.

- Nói như vậy, anh chắc chắn là tụi Mafia đã giết Norman cũng như cho người theo ám hại bác sĩ Brian? Sullivan thắc mắc.

- Vâng, nhưng tôi chưa tìm ra nguyên do nào mà tụi Mafia này muốn giết ông bác sĩ Brian.

Đại uý Bertelli nhìn trung uý Andrew với vẻ hài lòng. Ông vỗ nhẹ lên cánh tay người thuộc hạ:

- Ông khá lắm. Nhưng tôi chưa hiểu ông lấy lý do nào mà nghi là thằng Angeli làm việc cho tụi Mafia?

Trung uý Andrew nhoẻn nụ cười đầu tiên trong ngày:

- Cám ơn xếp. Có gì đâu, tôi đi trở lại gặp mấy thương gia mà Angeli đã làm tiền họ. Hỏi gì họ cũng không nói, đến chừng tôi nhắc đến tên Mafia là người nào người nấy tản thần chứng tỏ họ sợ tổ chức tội ác này nên không dám khai báo gì. Theo những cuộc điều tra gần xa thì tôi khám phá ra là thằng Angeli làm việc dưới trướng mấy tay Mafia này. Nó giả dạng nhập ngành cảnh sát để dễ bề hoạt động, qua mặt nhà chức trách. Tại nó tham lam nên muốn kiếm chác riêng bằng cách đi tống tiền mấy nhà buôn nên tôi mới có đầu mối để phăng ra.

Sullivan trở lại câu hỏi cũ:

- Tôi vẫn thắc mắc không hiểu tụi Mafia muốn giết ông bác sĩ Brian để làm gì? Ông ta đâu phải là đối tượng để tụi nó nhắm vào! Việc làm ăn của ông ta cũng đâu có dính líu gì đến tổ chức tụi nó mà tụi nó phải ra tay? Biết đâu mấy cái chết vừa qua cũng liên hệ đến ông bác sĩ này nên tụi nó không tha một mạng nào...

Trung uý Andrew có vẻ mỏi mệt. Đây là câu hỏi hóc búa mà ông suy nghĩ mấy ngày hôm nay mà vẫn chưa tìm ra đáp số.

- Tôi cố gắng điều tra để xem ông bác sĩ có liên hệ gì đến tụi Mafia không. Nhưng theo cuộc điều tra, ông bác sĩ này rất đàng hoàng, lương thiện. Bây giờ mình còn phải làm việc nhiều dưới mọi khía cạnh khác nhau để tìm hiểu vấn đề. Nay mai bắt được thằng Angeli là mình có đáp số ngay chớ gì. Tôi không hiểu trong cơ quan cảnh sát ai đã hở môi khiến thằng Angeli biết là tôi đang nghi ngờ nó. Tôi cho hai nhân viên theo dõi nó hai ngày nay thì nó đánh lạc hướng làm họ mất dấu nó cách tài tình. Khi tôi chắc chắn là thằng Angeli có nhúng tay vào tội ác thì tôi hối hả đến bệnh viện định báo tin cho bác sĩ Brian biết để ông ta đề phòng hắn. Nhưng khi tôi đến bệnh viện, ông bác sĩ trưởng khoa không cho tôi gặp, nói ông Brian đang ngủ, chờ khi ông ta thức dậy, tôi mới được gặp. Đến khi bác sĩ bệnh viện ra cho phép tôi vào, tôi vội vã đi vào phòng ông ta thì ổng đã trốn khỏi bệnh viện. Thật là xui ghê vậy, chỉ chậm một tích tắc mà thôi. Nếu tôi vào sớm một chút thì tôi đã báo cho bác sĩ Brian biết và mời ông ta theo sự bảo vệ của chúng ta.

Vừa lúc đó, cô điện thoại tổng đài quay lại ra dấu cho đại uý Bertelli:

- Đại uý, có điện thoại khẩn muốn nói chuyện với đại uý.

Đại uý Bertelli cầm ống nghe. Ông im lặng nghe phía bên kia đầu giây nói. Một phút sau ông buông máy điện thoại xuống với vẻ chán nản tột cùng:

- Cảnh sát đã mất dấu thằng Angeli rồi!

(còn tiếp)

TRUYỆN CỦA MỘT TÁC-GIẢ
ĐI TỪ MIỀN BẮC

những mảnh đời

PHƯƠNG LIÊN

(khởi đăng từ số 173)

Chương 46

Để việc học tiếng Tiệp có hiệu quả người ta phân năm mươi chị em ra làm hai lớp, mỗi lớp hai mươi lăm người, cứ sau mỗi tuần lại đổi ca cho nhau, lớp này học buổi sáng thì lớp kia học buổi chiều.

Phụ trách hai lớp học là hai vợ chồng ông giáo bà giáo người Tiệp. Hai ông bà này nguyên là giáo sư dạy tiếng Tiệp tại một trường đại học Tổng Hợp trên tận Praha. Về hưu được ít lâu, họ mới ký mấy bản hợp đồng với nhà máy dệt cùng mấy hãng xưởng ở thành phố này để dậy tiếng Tiệp cho người lao động nước ngoài, vừa để có thêm một khoản thu nhập đáng kể lại cũng là vừa để giết thời gian... Và với những kinh nghiệm dày dặn của những năm tháng dạy học, cả hai ông bà đều chắc mẩm rằng dù có ngu muội đến đâu đi chăng nữa thì với ba tháng họ cũng vẫn thừa sức nhồi nhét vào những cái đầu tối tăm nhất một lượng kiến thức đủ biết đếm tiền và biết đi chợ.

Phương pháp dạy học của hai vị giáo sư khá đơn giản nhưng phải nói là khá hữu hiệu. Cả hai ông bà đều hết sức chú ý đến khoản thực hành. Mà không chỉ bằng cách nghe mấy cái băng cát xét cũ hay xem mấy cuộn băng video vớ vẩn. Hai vị xin nhà máy hẳn một cái xe buýt loại nhỏ, và liên hệ sẵn với một số cơ sở như cửa hàng, bưu điện, bệnh viện, nhà ga, bến xe, sân vận động, viện bảo tàng, rạp chiếu bóng trong thành phố... Gặp đề tài nào là họ bắt anh phiên dịch lùa mấy cô học sinh lên xe xong xồng xộc chở đến thẳng hiện trường để học rồi hành ngay tại chỗ. Và với những hiện thực hết sức cụ thể, sinh động, mắt thấy được, tai nghe được, nói chung là cả năm giác quan đều cảm được như thế thì việc tiếp thu của những con người vốn ít khi tiếp xúc với sách vở, chữ nghĩa này cũng bớt được rất nhiều cản trở.

Mà phải nói là các cô gái Việt Nam cũng rất háo hức với cách học rất thực tế này. Chẳng gì thì đây cũng là một cơ hội để các cô tiếp xúc với một xã hội, một thế giới khác. Một thế giới của sự văn minh, ngăn nắp, quy củ, lịch sự khác hẳn với cái thế giới của sự luộm thuộm, quái gở, ông chằng bà chuộc, một xã hội lừa lọc, đảo điên mà họ vừa thoát ra được. Thì cũng là cửa hàng, cũng là bệnh viện, hiệu thuốc, cũng là bưu điện... mà sao những công trình ở đây lại đàng hoàng, sáng sủa, đẹp đẽ đến như thế, và cái chính là tại sao thái độ phục vụ của người ta lại ôn tồn, tận tình, đến nơi đến chốn, chu đáo như thế. Cũng gọi là những con người xã hội chủ nghĩa như nhau, sao ở đây không thấy ai quát nạt, hò hét, lồng lộn lên với ai, không thấy ai sôi lên sùng sục, cũng không thấy ai có những đòi hỏi quái đản như ở nhà mình. Tại sao cái gì cũng khác nhau... Và có lẽ chính vì sự tò mò muốn tìm hiểu, khám phá ấy mà họ hăm hở nghe như nuốt lấy những gì mà ông bà giáo sư vốn rất tâm lý dạy cho. Rồi họ cố bắt chước. Luyện đi luyện lại mãi rồi cuối cùng trong số năm mươi cô ai cũng có thể nói được đôi ba điều.

Đến Giáng Sinh thì khóa học kết thúc. Người ta kết hợp tổ chức lễ tốt nghiệp cho các cô - thì cứ gọi như thế cho oai đi - cùng với lễ mừng Giáng Sinh và lễ đón năm mới tại câu lạc bộ của nhà máy. Cả quan khách lẫn chủ nhà vậy mà cũng phải đến mười lăm bàn. Không cần phải đợi anh phiên dịch phải nhắc, có bộ nào đẹp nhất sắm sửa được trong mấy tháng vừa qua các cô gái nhà ta đều mang ra diện. Váy áo ấy cùng với những chuỗi hạt thủy tinh Bomehem nổi tiếng mới mua được ngoài cửa hàng, thêm một ít son phấn vào, dưới ánh đèn màu lấp lánh của câu lạc bộ trông cô nào cô ấy cứ đẹp như văn công.

Rượu vang, bia, mấy loại nước ngọt và mỗi người một đĩa thức ăn gồm món khoai tây nghiền và món cá chép tẩm bột rán cổ truyền của người Tiệp. Bữa tiệc đơn giản nhưng khá vui... Cấu, chí, nói, cười, trêu trọc nhau thoải mái, nhưng cái mà các cô gái háo hức nhất là theo chương trình thì sau khi ăn uống xong họ sẽ được xem một bộ phim Việt Nam chưa lồng tiếng Tiệp.

Phòng chiếu phim của nhà máy được thiết kế rất hiện đại, thoáng đãng, rộng rãi, đủ cho cả năm trăm người vào xem một lượt hôm nay được sử dụng để chiêu đãi năm chục chị em Việt Nam hợp tác lao động. Họ ngồi không hết mấy hàng ghế đầu. Những quan khách khác đã tự động rút hết chỉ còn đúng có

mỗi bà phụ trách nhân lực. Bà ngồi lui xuống mấy hàng ghế cùng với anh phiên dịch. Ngay từ lúc đầu anh này đã tự xác định cho mình một nhiệm vụ là cố gắng truyền đạt lại cho bà những cái hay cái đẹp cái đặc sắc của nền điện ảnh Việt Nam càng nhiều bao nhiêu càng tốt bấy nhiêu.

Ngay sau khi mấy chị em chọn xong chỗ ngồi, buổi chiếu được bắt đầu ngay. Theo truyền thống ở các nước xã hội chủ nghĩa, bao giờ người ta cũng phải chiếu một bộ phim tuyên truyền nào đó quảng cáo cho tính ưu việt của chế độ, và tối hôm nay thì là cả mấy cuốn khá dài quay cảnh đoàn đại biểu đảng và nhà nước Liên Xô sang thăm hữu nghị chính thức nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Bà phụ trách nhân lực của nhà máy lần đầu tiên được xem quang cảnh sân bay quốc tế Hà Nội được trang hoàng rực rỡ để đón khách quý. Đúng là cả một rừng người, một rừng cờ và một rừng hoa. Mà toàn là người đẹp, hoa đẹp. Những cô gái Thủ đô rực rỡ trong những tà áo dài nhiều màu, tay cầm những bó hoa lay-ơn, hoa hồng tươi thắm, những lá cờ đỏ sao vàng và cờ búa liềm nho nhỏ, hồi hộp ngước những đôi mắt bồ câu mắt lên bầu trời trông chờ... Và mãi rồi chiếc máy bay chở những sứ giả của một đất nước hùng mạnh, thành trì vững chắc của cả một hệ thống xã hội cũng xuất hiện. Rồi nó từ từ hạ cánh, từ từ lăn bánh trên đường băng, từ từ dừng lại. Rồi những quý khách với những cái bụng thật to và những bộ com-lê sang trọng bước ra từ cửa máy bay... Anh phiên dịch nói lại với bà tên tuổi và chức danh những nhà lãnh đạo cao cấp nhất của đảng và nhà nước Việt Nam lúc các vị này chạy đến bắt tay, ôm hôn nồng nhiệt các vị lãnh đạo đảng và nhà nước Liên Xô. Anh cũng tường thuật lại với bà cảnh các thiếu nữ Hà Nội ôm hôn rồi tặng hoa các vị khách quý, cảnh những nhà lãnh đạo của hai nước đi trên thảm đỏ duyệt đội quân danh dự trong tiếng vang rền của những loạt đại bác.

Trên con đường từ sân bay về nhà khách chính phủ, nhìn những dòng người chen vai thích cánh nhau đông nghịt hai bên đường, tung hoa, tung bóng, vẫy cờ, vẫy tay khi đoàn xe chở những nhà lãnh đạo của hai nước đi qua, bà nhân lực nói nhỏ với anh phiên dịch:

- Không ngờ nhân dân Việt Nam các anh lại hiếu khách như vậy. Tôi không tưởng tượng ra đấy. Mấy ông này thỉnh thoảng cũng đến thăm đến làm việc ở Tiệp Khắc nhưng dân chúng tôi thấy bình thường lắm, không vồ vập vui vẻ như hội như thế này đâu.

Anh phiên dịch trả lời bà:

- Truyền thống dân Á Đông chúng tôi là như vậy. Làm gì thì làm nhưng khi khách đến nhà là phải hết lòng đón tiếp tử tế.

Bà nhân lực hỏi:

- Chứ không phải là vì các ông lãnh đạo huy động, bắt phải ra làm như vậy à?

Anh phiên dịch nhớ lại cảnh trước khi đi Tiệp, dạo còn học ở Hà Nội thỉnh thoảng tụi sinh viên bọn anh vẫn được cán bộ lớp, cán bộ đoàn vận động đi đón ông này ông kia, thằng nào khỏe mạnh mà cố tình nằm nhà là bị ghi vào sổ Tam Tào ngay, nghĩ thầm: "Bà già này ghê thật. Cái gì cũng biết. Cứ như là ma xó ấy!" Xong anh vẫn làm ra vẻ thật thà:

- Làm gì có chuyện ai phải huy động ai hở bà. Dân chúng tôi tự giác cả đấy. Nghe tin có khách quý sang thăm là họ kéo nhau đổ xô ra đón như vậy đấy.

Bà nhân lực tỉnh bơ:

- Thế mà tôi cứ tưởng.

Rồi bà hỏi anh:

- Anh có biết thằng Raun, phiên dịch cho đoàn Cu ba không?

Anh phiên dịch đáp:

- Tôi có biết. Nhưng sao ạ?

Bà nhân lực nói:

- Thằng Raun nói với tôi rằng ở Cu ba mỗi khi có đoàn khách quốc tế nào sang thăm thì người ta phải đến từng nhà xua dân chúng ra đón đấy.

Anh phiên dịch lắc đầu cười:

- Đấy là ở Cu ba... Còn ở Việt Nam chúng tôi thì không có chuyện ấy.

Mãi rồi cảnh đón tiếp ở nhà khách chính phủ, cảnh các đoàn mở tiệc chiêu đãi nhau, cảnh hội đàm trong không khí hữu nghị anh em đầy sự thông cảm và hiểu biết lẫn nhau, cảnh các nhà lãnh đạo Việt Nam hướng dẫn các nhà lãnh đạo Liên Xô đi thăm một số công trình xây dựng quan trọng, nơi có các chuyên gia đang làm việc, cảnh ký tá các văn kiện, cảnh ra tuyên bố chung cũng chấm dứt... Đến cảnh lãnh tụ và nhân dân Việt Nam lưu luyến ra tận chân cầu thang tiễn đưa những người bạn thân thiết về nước là hết bộ phim thời sự. Bộ phim chính mà mọi người mong chờ bắt đầu. Tự nhiên nghe năm mươi chị em ồ lên cả một lượt, bà nhân lực thắc mắc với anh phiên dịch:

- Chúng nó ồ lên vì cái gì vậy?

Anh trả lời:

- Họ ồ lên vì đọc được cái tên phim quá quen thuộc.

Câu nói ấy của anh làm bà phải căng mắt ra mà nhìn trước khi hai chữ to tướng chiếm gần hết màn ảnh kịp biến mất. Xong bà hỏi tiếp:

- Thế hả? Thế "Chi Dau" là cái gì?

Anh phiên dịch giải thích cho bà:

- Chị Dậu là tên nhân vật chính trong cuốn tiểu thuyết của một nhà văn nổi tiếng của đất nước chúng tôi. Cuốn tiểu thuyết ấy có tên là *Tắt Đèn*, và bộ phim này được xây dựng dựa vào đấy.

- A hà...

Bà nói và chăm chú theo dõi trên màn ảnh. Khi những thanh điệu bi thương ai oán vang lên thì cũng là lúc một cảnh làng quê tiều tụy của Việt Nam xuất hiện. Nhìn những bụi chuối, lũy tre, bờ dứa tiêu điều xơ xác, những mái tranh vách đất xiêu vẹo, những mảnh ruộng cằn cỗi nứt nẻ với những bông lúa phơ phất như bông cỏ may, những con người lam lũ gầy gò rách rưới giơ hết xương sống xương sườn, bà hỏi:

- Đây là đất nước của các anh đấy hả?

Anh phiên dịch trả lời:

- Vâng. Như trong cuốn tiểu thuyết miêu tả thì đây là những cảnh cách đây cả nửa thế kỷ ở đất nước chúng tôi.

Bà nhân lực có vẻ không mấy tin tưởng:

- Thế hả?

Anh phiên dịch khẳng định:

- Vâng! Đúng thế. Đây là quang cảnh cách đây cả năm sáu chục năm. Để làm bộ phim này chắc người ta phải dàn dựng lại, công phu lắm.

Miệng nói thế nhưng bụng anh lại nghĩ: "Cái bà này gớm thật. Cứ tinh như là ma xó ấy. Mà mấy ông làm phim chọn cảnh quay như thế này đâu phải đã là thực sự điển hình."

Anh phiên dịch đã được đi nhiều nơi, được thấy nhiều làng mạc còn tồi tàn gấp cả vạn lần. Nói đâu xa, ngay quê vợ của anh đây cũng chỉ toàn nhà tranh vách đất lụp xụp, hẳn là ngày mùa mà vẫn có người đói đến mức không bò ra đồng được, còn tháng ba ngày tám thì ăn cháo xương rồng là chuyện quá bình thường.

Trong khi đó thì bà nhân lực gặt gù:

- Mấy người làm phim của nước anh giỏi thật đấy, dàn dựng kiểu gì mà cứ y như thật. Chắc là tốn kém lắm?

Anh phiên dịch đáp bừa:

- Vâng. Làm nghệ thuật thì phải thế chứ, bà!

Bà nhân lực lại gật:

- Đúng. Làm nghệ thuật thì phải chấp nhận tốn kém, vất vả chứ.

Rồi bà làm như chợt nhớ ra:

- Cảnh quay thì như thế... Nhưng còn con người. Họ tìm đâu ra được nhiều người gầy gò lam lũ võ vàng để đóng bộ phim này đến thế. Hay là họ bắt người ta nhịn đói?

Anh phiên dịch bịa:

- Vâng. Tôi chắc là thế. Ngoài việc hóa trang ra chắc là họ phải động viên những người nông dân trong vai quần chúng này nhịn ăn cả tuần mới đạt được những hình hài như vậy.

Bà nhân lực lắc đầu:

- Tôi chịu cái tinh thần hy sinh cho nghệ thuật của nhân dân nước anh. Còn ở đất nước chúng tôi có đốt đuốc mà tìm giữa ban ngày cũng chẳng lấy đâu ra được lắm người đói rách, gầy gò như những bộ xương như vậy.

- Vâng.

Anh phiên dịch vừa trả lời bà vừa cười thầm trong đầu. Ở đất nước anh, người béo tốt tìm mới khó chứ còn người nghèo đói, rách nát thì ở đâu mà chả có.

Trên màn ảnh, những diễn biến của bộ phim vẫn thay đổi liên tục. Anh phiên dịch trung thành tường thuật lại với bà nhân lực những cảnh bọn hào lý hách dịch sai trương tuần đóng cổng làng ngăn cả mấy chục con người không được mang cầy cuốc ra đồng, cảnh dân làng chạy đôn chạy đáo vì bị thúc sưu giục thuế, cảnh anh Dậu bị bọn lính trói giật cánh khuỷu điệu ra đình, cảnh anh Dậu bị tra đầu vào gông, tra chân vào cùm, bị đánh đập, cảnh chị Dậu lếch thếch mang con mang chó đi bán, cảnh cái Tí mếu máo từ giã bọn em, mếu máo bốc cơm chó ăn, cảnh chị Dậu đi ở vú, cảnh cụ Thượng hơn tám mươi tuổi nửa đêm mò vào định tòm tem với chị, cảnh chị vất vả chống chỏi thoát khỏi vòng tay của cụ mà chạy ra ngoài giữa bầu trời tối đen như mực... Bà tỏ ra hết sức chăm chú xem và chăm chú lắng nghe, để rồi cuối buổi chiếu phim đưa ra một thắc mắc với anh phiên dịch:

- Tôi đọc được ở đâu đó một cuốn sách viết rằng người nước anh vẫn thường tự hào rằng mình là dân của một dân tộc anh hùng, một đất nước anh hùng... Nhưng bây giờ thì thấy hình như không phải thế. Nhất là những nhân vật đàn ông trong bộ phim này, không có vẻ láu cá thì cũng có vẻ hèn nhát, không có vẻ bần tiện thì cũng có vẻ bủn xỉn... không thể làm được việc lớn. Anh hùng kiểu gì mà lại như vậy.

Anh phiên dịch lại phải viện đến lịch sử:

- Tôi đã nói với bà rằng đây toàn là những cảnh xảy ra trước đây cả năm sáu chục năm. Ngày ấy đất nước chúng tôi chưa có đảng cộng sản lãnh đạo. Bây giờ thì mọi sự đều khác rồi.

Bà nhân lực hỏi lại:

- Thật thế hả? Thế mà tôi cứ tưởng...

Trước một câu nói như trêu tức thế mà anh phiên dịch không hề cáu. Anh vẫn giữ được vẻ điềm đạm, bình tĩnh chịu trận:

- Thật chứ bà.

Rồi anh nói một tràng dài như đọc bài học thuộc lòng:

- Từ ngày có đảng lãnh đạo, nhân dân chúng tôi đã đứng lên đánh bại hai tên đế quốc to lớn, hung bạo nhất thế giới là Pháp và Mỹ. Mặc dù phải hy sinh rất nhiều xương máu nhưng rồi chúng tôi cũng đã thống nhất được tổ quốc và bây giờ thì cả đất nước đang hàng ngày hàng giờ phấn đấu để tiến lên chủ nghĩa xã hội...

Bà nhân lực cười:

- Nói thế có nghĩa là đất nước anh bây giờ đã hết cảnh nghèo đói, đen tối như trong bộ phim vừa xong?

Anh phiên dịch đáp:

- Chắc chắn là thế... Thưa bà.

- Cũng hết luôn cả cảnh lý dịch cửa quyền hà hiếp, bóc lột dân chúng?

- Vâng.

Miệng thì khẳng định như đinh đóng cột như vậy nhưng trong đầu anh lại nghĩ: "Ôi! Thưa bà nội ghê gớm của tôi ơi. Nếu bà có dịp sang Việt Nam mà ở, thì chỉ một thời gian thôi bà sẽ thấy hiện trạng đất nước tôi bây giờ còn thê thảm, đen tối hơn thời của cái nhà chị Dậu này rất nhiều lần. Bà sẽ thấy mặt mũi bọn trương tuần, lính tráng thời nay, sẽ thấy mặt mũi bọn lý dịch, bọn cường hào đỏ bây giờ nó như thế nào... Ôi! Thưa bà, chẳng lẽ tôi phải nói cho bà biết rằng là cái bộ phim này chỉ là một cách mượn chuyện thời xưa để nói chuyện thời nay của những nhà điện ảnh của chúng tôi mà thôi."

(còn tiếp)

chùm hoa gửi bạn

trăng

Dưới hiên hâm rượu chờ trăng
Chuyển mưa! Mây đã kín giăng quanh nhà
Chờ chi? Rượu thấm ngà ngà
Giật mình trăng đã sáng loà từ lâu.

đêm

Quá khuya. Im. Vắng vô cùng
Không gian giờ cũng mịt mùng với đêm
Tan trong giấc ngủ im lìm
Chợt con chim hót gọi tìm nắng mai.

biển

Sóng xa dặm dặm xô bờ
Thủy triều nhịp nhịp mới vừa xuống... lên
Bọt tung trắng xoá bên mình
Chỉ còn mây nước bao quanh chỗ ngồi.

kiến

Đàn kiến dập dìu hiên tây
Như dòng xe cộ freeway sớm chiều
Chuyến nào vừa cuốn ta theo
Ngược xuôi ngoảnh lại trôi vèo tới đâu!

sót

Vườn trơ. Lá rụng. Thu tàn
Gió se sắt lạnh, chim than thở buồn
Còn lâu lắm mới vào xuân
Ô kìa! Một trái sót còn đong đưa...

t.t. mây trên ngàn

rừng chợt tỉnh cơn say

Rừng xưa chim bỏ hót
Theo đời ta phiêu du
Mây lìa khung trời cũ
Tan trong cõi sa mù.

Ta đã một đời sông
Chở bao niềm hy vọng
Theo con nước cuối dòng
Vẫn nuôi hoài viễn mộng.

Phong trần lên màu tóc
Từng sợi trắng hoàng hôn
Có sương mưa trong mắt
Thêm vương vấn nỗi buồn.

Thương thân ta thác lũ
Xót đời em mưa sa
Bên kia đời lữ thứ
Là ngày tháng phong ba.

Niềm vui nào để nhớ
Nỗi buồn nào để quên
Xót xa như sóng vỗ
Vào mộng mị hằng đêm.

Hỡi em, men rượu đắng
Có ấm thêm tình nồng
Hay ôn nhu tĩnh lặng
Làm rõ nghĩa sắc không!

Cuối dòng sông tịnh mặc
Lòng lắng đọng am mây
Nghe chim xưa về hót
Rừng chợt tỉnh cơn say!

tuỳ anh

dấu chân trên cát

NGUYÊN PHONG
(phóng-tác)

Phần kết

Khi Mekere và Horemheb bước vào nội cung thì họ thấy Akhenaten đang ôm ngực ho sặc sụa. Thấy hai vị tướng thân tín, ông nói:

- Này Mekere, ta thấy đầu óc quay cuồng... có lẽ cơn động kinh sắp đến...

Mekere cúi đầu thưa:

- Kính thưa Pharaoh, kẻ này đã cho gọi y sĩ Sinuhe đến săn sóc sức khoẻ cho ngài. Không lẽ hắn chưa làm việc đó?

- Không đâu... Ta mệt mỏi, không còn muốn sống nữa... Ta không thể chịu đựng mãi những cơn động kinh bất thường như thế này được. Đêm qua ta nằm mộng thấy Aten gọi ta trở về. Hiện nay ta chẳng thiết sống nữa.

- Xin Pharaoh đừng nói gở! Sinuhe là y sĩ đại tài có thể chữa mọi thứ bệnh.

- Này Sinuhe... Ta... ta muốn ngươi cho ta một liều thuốc độc để chấm dứt cơn đau không thể chịu đựng này và về với Aten.

Mekere và Horemheb giật mình, vội vã thưa:

- Pharaoh, ngài mệt mỏi rồi... xin đừng nói nữa.

Ngay khi đó cánh cửa nội cung mở rộng. Một số quan triều được lệnh gọi cũng vội vã bước vào. Akhenaten thong thả nhìn từng người rồi nói:

- Này các ông! Mấy lúc gần đây ta thấy trong người mệt mỏi và ta nằm mơ thấy Aten gọi ta trở về... Ta đã ra lệnh cho Sinuhe giúp ta hoàn tất ý nguyện. Đây là lệnh của ta, các ông không được cãi...

Các quan hoảng hốt vội quì cả xuống, rối rít van xin. Horemheb đưa mắt nhìn Mekere như hỏi ý. Vị tướng già quì xuống thưa:

- Pharaoh là thần linh, ý muốn của ngài là lệnh của thần linh.

Trước sự ngạc nhiên của mọi người, tôi lên tiếng:

- Kính thưa Pharaoh, có lẽ ngài cũng biết rõ truyền thống của trường y khoa Abydos là một y sĩ chỉ có thể cứu người chứ không thể giết người. Khi tốt nghiệp, kẻ này đã tuyên thệ như thế nên xin ngài hãy tìm kẻ khác.

Akhenaten thều thào:

- Ta đã ra lệnh mà ngươi dám cãi sao? Mekere, ông tính thế nào đây?

Chưa khi nào tôi thấy Mekere bối rối như thế. Khuôn mặt lạnh lùng của viên tướng già trở nên xanh xám, hai tay y run lên bần bật khiến y phải cố gắng lắm mới nói được:

- Y sĩ... Sinuhe... Pharaoh đã... có lệnh...

- Xin Tể tướng hiểu cho, kẻ này đã có lời nguyện, nếu vi phạm thì làm sao kẻ này có thể mong đợi sự xét xử công bình của Osiris ở thế giới bên kia!

Mekere tức giận:

- Pharaoh chính là thần linh, kẻ nào trái lệnh sẽ bị xử tử tức khắc. Ngươi không muốn sống nữa hay sao?

Thấy tình thế căng thẳng, Horemheb vội vã can thiệp:

- Có lẽ Sinuhe còn đang xúc động về cái chết của Thái hậu Taiya. Xin hãy thong thả. Việc này... việc này...

Akhenaten lắc đầu:

- Ta thật không ngờ... Ta đối xử tử tế với ngươi như thế mà ngươi lại...

Mekere và Horemheb bối rối chưa biết xử trí thế nào thì Akhenaten đã giơ cao chiếc vương ấn lên:

- Này Sinuhe, ngươi có công trong việc phát giác âm mưu của người Hittites nên ta đã tha tội chết cho ngươi. Lần này không lẽ ta lại kết tội ngươi một lần nữa. Một Pharaoh không thể nói đi nói lại như thế được. Này Mekere, ta muốn ông hãy thi hành lệnh này một cách nghiêm chỉnh: Sinuhe phải rời xa Ai Cập vĩnh viễn, không bao giờ được đặt chân vào đây nữa. Án biệt xứ sẽ được áp dụng ngay trong lúc này.

Mekere và Horemheb còn đang chần chừ chưa biết phải nói gì thì Akhenaten đã lạnh lùng tiếp:

- Mekere, nếu không thi hành lệnh ta thì ông sẽ phải chịu tội này thay cho Sinuhe.

Mỗi khi Pharaoh đưa vương ấn lên tuyên bố điều gì thì một vị quan đã ghi chép ngay lệnh vừa ban và đó là một điều bất di bất dịch nên Mekere đành cúi rạp người xuống:

- Xin tuân lệnh Pharaoh.

Vị tướng già phất tay ra lệnh cho quân sĩ đưa tôi ra ngoài. Horemheb nhăn nhó bước đến bên tôi nói thật nhỏ:

- Sao mày lại điên khùng như vậy? Cơ hội tốt thế mà mày không bắt lấy... Tao thật không hiểu nổi mày nữa.

Tôi không trả lời, chỉ tiếp tục bước thẳng ra ngoài. Vừa ra đến cửa, tôi thấy công chúa Baketamon chờ sẵn. Cô ghé sát vào tai tôi:

- Này Sinuhe, ngươi hãy cùng ta trốn đi Thebes ngay. Ta đã triệu tập được một số thủ hạ thân tín tại đền thờ thần Amun. Chúng ta sẽ thành hôn và ta sẽ tuyên bố cho ngươi làm Pharaoh, chúng ta sẽ kêu gọi dân chúng nổi dậy...

Tôi lắc đầu:

- Người như công chúa phải lấy Horemheb mới xứng. Tôi chắc lúc này hắn đang cầu hôn với Pharaoh trong triều đấy.

Công chúa Baketamon tức giận nhưng chưa kịp phản ứng gì thì đã nghe tiếng chân Mekere và quân sĩ ở trong bước ra nên cô vội lẩn tránh vào sau cánh cửa dày. Mekere cùng nhóm quân sĩ đưa tôi ra khỏi cung điện. Khi đến sa mạc, hắn ra lệnh cho quân sĩ lùi lại phía sau rồi giục ngựa đi song song bên tôi:

- Này Sinuhe, mạng sống của ngươi thật lạ lùng! Khi xưa ta đã khuyên ngươi nên lựa chọn một con đường thích hợp. Ngươi có thể đi theo chúng ta để hưởng thụ những gì mà cuộc đời mang lại, hoặc tiếp tục theo đuổi con đường tinh thần của cha mẹ ngươi. Tuy nhiên ngươi phải quyết định dứt khoát, không thể lang thang lúc thế này, khi thế khác như kẻ lạc lối trong sa mạc được! Hiện nay định mạng đã đưa đẩy ngươi vào một con đường khác, vượt ngoài sự suy tính của chúng ta. Dù sao ta cũng cám ơn ngươi đã làm tròn nhiệm vụ mà chúng ta giao phó. Ngươi giỏi thật! Không biết ngươi đã làm gì nhưng quan ngự y đã chẩn bệnh rất kỹ và cho biết Akhenaten khó thể sống qua kỳ trăng tròn này. Ta tiếc không thể thay đổi án biệt xứ của Pharaoh được, nhưng ta hứa sẽ đền đáp cho ngươi một cách xứng đáng.

Này Sinuhe, ta biết ngươi có giòng máu thiêng trong huyết quản và xứng đáng làm Pharaoh nhưng tình thế lúc này đã khác trước...

Mekere chăm chú nhìn tôi như chờ đợi một phản ứng, nhưng thấy tôi vẫn im lặng, hắn tiếp tục:

- Từ lâu ta vẫn có ý nhận ngươi làm con. Nếu ta làm Pharaoh thì ngươi sẽ làm thái tử và sẽ nối ngôi ta cai trị Ai Cập. Khi đó ta không biết rõ thân thế của ngươi mà vẫn nghĩ rằng ngươi chỉ là một đứa bé vô thừa nhận được Sen Moot nuôi dưỡng. Hiện nay mọi việc đã đổi khác, ngươi bị án lưu đày biệt xứ nhưng ta sẽ đền bù cho ngươi một cách xứng đáng. Này Sinuhe, ta sẽ nhận đứa con trai của ngươi làm con để sau này nó sẽ thay ngươi làm Pharaoh xứ này.

Tôi ngạc nhiên định lên tiếng hỏi thì Mekere đã vô tình nói tiếp:

- Ta không biết việc ngươi đã lập gia đình với Meryt và có một đứa con trai rất dễ thương với cô gái bán rượu ấy. Ta đã thu xếp để vợ ngươi có thể theo ngươi sống lưu đày tại bất cứ nơi nào ngươi muốn, nhưng ta sẽ giữ đứa con của ngươi tại Ai Cập. Nó mang trong mình giòng máu thiêng và sẽ làm Pharaoh thay cho ngươi.

Cho đến lúc đó tôi mới nhớ đến Meryt và đứa bé tên Tut kia. Thì ra Mekere chưa biết thân thế của đứa bé kia cũng như chuyện của tôi và Meryt. Bỗng nhiên tôi ý thức được một điều quan trọng rằng hiện nay Mekere đang sợ hãi. Có thể hắn lo ngại tôi sẽ tranh địa vị Pharaoh nên phải hứa hẹn như thế chăng? Dĩ nhiên một người mang dòng máu thiêng như tôi có thể khởi binh tranh giành địa vị nên hắn cần giữ bé Tut làm con tin? Dù không phải là kẻ mưu lược nhưng biết đâu tôi chẳng liên kết với Horemheb hay Baketamon? Bất chợt tôi nhận ra một sự thật rằng, ngay trong niềm vui khi đạt được điều mà con người thèm muốn đã ẩn giấu một nỗi lo sợ. Nỗi lo sẽ bị người khác cướp đoạt mất cái mình vừa đạt được. Hơn lúc nào hết, tôi nhận thức được sự mong manh của những quyền uy giả tạo mà biết bao người thèm muốn kia. Tôi lên tiếng:

- Cám ơn Tể tướng đã lo lắng chu toàn. Chúng tôi có thể trở về Palestine sinh sống vì có sẵn tài sản, cơ nghiệp tại đấy.

Mekere lắc đầu:

- Ngươi không thể trở về Palestine được! Bọn Do Thái sẽ giết ngươi ngay.

- Tại sao?

- Khi ngươi bị Pharaoh bắt phải đến các đạo viện học hỏi thì thằng nô lệ chột mắt của ngươi đã trốn về Palestine và lấy trọn tài sản của ngươi rồi. Với số bạc khổng lồ đó, hắn trở nên thủ lãnh của đám con buôn Do Thái. Hiện nay hắn là người cung cấp võ khí của bọn Hittites cho chúng ta. Tuy nhiên chúng ta sẽ rửa hận cho ngươi vì sau khi lên ngôi Pharaoh, ta sẽ ra lệnh cho Horemheb tấn công Palestine, mở rộng bờ cõi Ai Cập, bắt đám phản phúc này về làm nô lệ.

Tôi ngậm ngùi nghĩ đến lời tiên đoán của Akhenaten. Quả thế, những con người sinh sống trong hoàn cảnh hận thù, bạo lực sẽ chỉ biết nghĩ đến chém giết và chiến tranh. Tôi thở dài:

- Nếu thế, xin Tể tướng cho tôi

đến một nơi chốn nào thật xa vậy.

Mekere mừng rỡ:

- Được lắm! Ta biết có một bán đảo rất xa nơi đây. Ngươi có thể sống an lành mà không phải lo lắng gì. Ta mong ngươi sẽ theo đuổi con đường tinh thần của cha mẹ ngươi...

- Hay lắm! Phiền Tể tướng cho người đưa tôi và Meryt đến đó.

Mặt trời từ từ lặn. Những tia nắng rơi rớt vương vấn trên các cồn cát sa mạc. Xa xa, một con chim lạc lõng bay...

HẾT

Sử gia Heterodotus ghi nhận: Một người Ai Cập tên Sinuhe đến Hy Lạp mở trường dạy học. Ông có rất đông học trò. Sau khi ông qua đời, học trò của ông đã góp phần xây dựng Hy Lạp trở nên một quốc gia văn minh, hùng cường mà các thế hệ sau này gọi là "thời buổi hoàng kim của các triết gia". Học trò của ông là Plato, Aristotle, Socrates, Epitete, v.v.

Giới-thiệu đặc-biệt

Băng và sách tâm-linh do Làng Văn phát-hành

BĂNG THIỀN NGUYÊN PHONG

(Trích từ các chương-trình phát-thanh, Giờ Văn-học nghệ-thuật Làng Văn - Thính-giả ở Canada xin trả bằng gia-kim; ở Mỹ trả bằng mỹ-kim - miễn cước-phí)

Bên kia cửa tử
một chương trong cuốn *Trở về từ cõi sáng*, Nguyễn Hữu Nghĩa đọc.
$7.00

Chữa lành mọi bệnh & Đời sống siêu nhân
ba chương trong cuốn *Hành-trình về phương Đông*, Nguyên Hương đọc
$7.00

Cõi giới vô hình I, II
một chương trong cuốn *Hành-trình về phương Đông*, Nguyên Hương đọc.
$10.00 (2 cuốn)

Khoa-học Chiêm-tinh
một chương trong cuốn *Hành-trình về phương Đông*, Nguyên Hương đọc.
$7.00

Những sự kiện huyền bí & BS Bandyo
một chương trong cuốn *Hành-trình về phương Đông*, Nguyên Hương đọc.
$7.00

Trên đường thiên-lý & Thành-phố linh-thiêng
hai chương trong cuốn *Hành-trình về phương Đông*, Nguyên Hương đọc.
$7.00

Tử thư Tây-tạng
một chương trong cuốn *Trở về từ cõi sáng*, Nguyên Hương đọc.
$7.00

Yoga & Đạo-sĩ thành Benares
một chương trong cuốn *Hành-trình về phương Đông*, Nguyên Hương đọc.
$7.00

SÁCH THIỀN NGUYÊN PHONG:

Bên rặng tuyết sơn
US$13.00 - CA$20.50

Đường mây qua xứ tuyết
US$14.00 - CA$22.00

Đường mây trên đất hoa
US$13.00 - CA$20.50

Đường mây trong cõi mộng
US$18.00 - CA$28.50

Hành trình về phương Đông
US$10.00 - CA$16.00

Hoa sen trên tuyết
US$9.00 - CA$14.50

Hoa trôi trên sóng nước
US$13.00 - CA$20.50

Huyền thuật và đạo-sĩ Tây-tạng
US$16.00 - CA$25.50

Minh triết trong đời sống
US$12.00 - CA$19.00

Ngọc sáng trong hoa sen
US$20.00 - CA$32.00

Tây-tạng huyền-bí
US$8.00 - CA$12.50

Trở về từ cõi sáng
US$12.00 - CA$19.00

CÁC SÁCH KHÁC:

Ấn-độ huyền-bí
US$14.00 - CA$22.00

Đạo-lý cho thiên-niên-kỷ mới
Đạt-lai Lạt-ma, Linh Thuỵ dịch
US$13.00 - CA$20.50

Để có một tâm-linh lành lặn
Trần Viết An-Cựu
US$16.00 - CA$25.00

Góp nhặt cát đá
Muju - Đỗ Đình Đồng
US$7.00 - CA$11.00

Nước tôi dân tôi
Đạt-lai Lạt-ma
US$14.00 - CA$22.00

Sống hạnh-phúc, chết bình-an
Đạt-lai Lạt-ma
Chơn Huyền dịch
US$12.00 - CA$19.00

Tạng thư sống chết
Sogyal Rinpoch, Trí Hải dịch
US$20.00 - CA$32.00

Tăng sĩ và triết-gia
Hội-thoại về Phật-học
Revel và Ricard
US$22.00 - CA$35.00

Tâm bất sinh
Ngữ lục Bankei, Trí Hải dịch
US$12.00 - CA$19.00

Thế-giới hoà-đồng
Hội-luận giữa Đạt-lai Lạt-ma và 8 nhà tâm-lý-học Hoa-kỳ
US$8.00 - CA$12.50

Tự do trong lưu đày
Đạt-lai Lạt-ma
US$14.00 - CA$22.00

Chi-phiếu đề trả cho "Làng Văn" và gửi về:

Làng Văn
P.O. Box 218 Station "U"
Toronto, ON M8Z 5P1
Canada

Bút Chì phụ-trách

Làng Văn mở mục "Độc-giả thắc-mắc" để giải-đáp những nghi-vấn của bạn đọc về các lãnh-vực: văn-học nghệ-thuật, khoa-học, xã-hội, chính-trị, kinh-tế, nhân-văn, v.v.

Trong mục-đích học-hỏi, Bút Chì hoan-nghênh mọi ý-kiến đóng-góp về câu trả lời.

Vì khuôn-khổ hạn hẹp của một tiểu-mục, xin vui lòng hạn-chế mỗi lần hỏi tối-đa ba câu. Đa tạ.

Tên "Việt-nam" có từ bao giờ

Hỏi: 1) Quốc-hiệu "Việt-nam" được dùng từ bao giờ? Trước khi được dùng làm quốc-hiệu, hai chữ Việt-nam đã có chưa?

2) Trái "sao-cu-chê" đúng ra phải nói thế nào mới đúng? Còn quả "li-ki-ma"? Và măng-cụt, sầu riêng?

3) Xin kể sơ lại việc người Việt-nam thắng quân Mông-cổ. Xin bác dùng năm dương-lịch và tên Mông-cổ theo ký-âm tây-phương để cháu dễ ra cứu sách tây; và xin bác cho biết ý-kiến khách-quan tại sao ta lại thắng được Mông-cổ trong khi cả thế-giới chịu thua?

Lê Văn Việt
Pháp

Đáp: 1) Hai chữ "Việt-nam" được dùng làm quốc-hiệu lần đầu năm 1804, đời Gia-long; đến năm 1820, vua Minh Mạng đổi thành Đại-Nam. Năm 1948, vua Bảo-đại lấy lại quốc-hiệu Việt-nam.

Trước khi được dùng làm quốc-hiệu, hai chữ "Việt-nam" đã xuất-hiện trong các bài thơ, văn kể sau:

- Theo *Đại-nam thực lục chính biên*, đệ nhị ký, tập 18, thì hai chữ "Việt-nam" đã xuất-hiện trong các câu ca dân gian từ trước thời Nguyễn Ánh.

- Trong *Trình tiên sinh quốc ngữ* của Nguyễn Bỉnh Khiêm.

- Trong *Địa-dư-chí* của Nguyễn Trãi.

- Trong *Vân-đài loại ngữ* (một loại tự-điển bách-khoa) của Lê Quí Đôn.

- Trong *Lịch triều hiến chương loại chí* của Phan Huy Chú.

- Trong *Việt-nam thế chí*, sách sử của Hồ Tông Thốc, đời Trần (1225-1398).

2) Đó là trái hồng xiêm, tên khoa học là Achras sapota, gốc Mễ-tây-cơ. Từ tên la-tinh "sapota", người Pháp gọi là cây sapotier hay sapotillier, và người Việt đọc trại thành "sa-pô-chê."

Li-ki-ma là quả "trứng gà", tên khoa-học là likima.

Măng-cụt, tên khoa-học là garcinia mangostana, gốc Mã-lai; người Pháp gọi là mangoustan (quả) hay mangoustanier (cây).

Sầu riêng, tên khoa-học là Duriozibethinus, gốc Mã-lai. Đồng-bào miền Tây Nam-phần gọi là "tu-rên" và miền Đông gọi là sầu riêng. Người Pháp gọi là durio hay durion. Tiếng Anh là durian.

3) Một cách vắn-tắt, dân-tộc Việt đã thắng quân Mông-cổ ba lần trong thế-kỷ 13.

Lần thứ nhất, tháng 1.1257, lúc Mông-cổ vừa đánh Tống, vừa chia quân đánh Việt-nam.

Đạo quân đánh Việt-nam gồm kỵ-binh Mông-cổ và quân người Thoan (Vân-nam), tổng-cộng 40.000 người do Uryangquadai (Ngột Lương Hợp) chỉ-huy. Quân ta dùng chiến-thuật thanh-dã (vườn không nhà trống), triệt binh ra ngoại thành, để Mông-cổ chiếm Thăng-long rồi ta bao vây Thăng-long trong 9 ngày, đợi quân Mông hết thức ăn, ta tiến đánh và thắng. Quân Mông rút về Vân-nam, bị phục-kích, đánh tập hậu, thiệt-hại rất nặng.

Sau trận đó, Mông-cổ lâm tình-trạng nội-chiến trong 5 năm và đánh nhau với Tống mất 15 năm nữa nên nước ta được tạm yên, triều-đình cho củng-cố binh-lực, chuẩn-bị chịu-đựng một cuộc trả thù.

Lần thứ hai, năm 1279, quân Mông chiếm trọn Trung-hoa. Năm 1284, Quibilai (Hốt Tất Liệt) sai con là Togan (Thoát Hoan), Nasirud Din (Nạp-Tốc-Lạp-Đinh) cùng Ariquaya (A-Lý-Hải) từ trên đánh xuống và Sogatu (Toa-Đô) từ Chiêm-thành đánh ngược lên.

Quân Nam tập-trung được 200.000 người, nhưng không trực diện đánh ngay khi thế giặc còn mạnh.

Kế-hoạch "thanh-dã" lại được thi-hành. Quân Mông chiếm được thành trống, không dân, không lương-thực nên thiếu ăn và quân-tình xao-xuyến. Gặp lúc mùa hè, miền Bắc nóng bức, quân lính sống chật-chội sinh ra bệnh dịch, lại thêm nạn lụt ở sông Hồng, quân Mông-cổ khốn-đốn nhiều bề. Trong khi đó, hễ cắt các toán nhỏ ló ra ngoại-ô đi kiếm ăn là bị phục-kích giết hết; mà cử đại binh thì quân dân Việt-nam trốn mất, đi không rồi lại về không, mệt mỏi, tốn kém.

Cuối tháng 5.1285, đúng lúc thế giặc nao-núng, quân Việt-nam tổng phản-công, đẩy lui quân Mông về phía bắc, Sogatu tử trận.

Mông-cổ tấn-công Việt-nam lần

thứ ba năm 1287, Quibilai sai Togan, Agurucxi (A-Lỗ-Xích), Airuq (Ái-Lỗ) cùng hải-quân Omar (Ô-Mã-Nhi), với tổng-cộng 300.000 quân. Tướng Việt-nam là Trần Khánh Giư đánh úp, chiếm được đội lương thuyền của Mông-cổ khiến đại-quân của họ lại lâm nạn đói lần thứ ba, phải tìm đường rút.

Trận tập-kích của Trần Hưng Đạo trên sông Bạch-đằng đã gây tổn-thất trầm-trọng cho quân Mông. Tướng Abaci (A-Bát-Xích) tử-trận, 10 ngày sau tàn quân Mông-cổ mới chạy về tới biên-giới và bỏ luôn ý-định đánh chiếm Việt-nam.

Tổng-kết trận chót, Mông-cổ chết 80.000 thủy-quân, bỏ lại 400 chiến thuyền; tướng Omar và 3 tướng khác bị bắt.

Một cách công-bằng, Mông-cổ thất-bại tại Việt-nam vì nhiều yếu-tố:

- Tiếp-liệu: Đánh trận ở xa, lương thực, tên đạn không thể mang theo nhiều. Cách đánh của Mông-cổ là tốc chiến, chiếm thành, đoạt lương thực tại chỗ mà sống. Khi họ chiếm Trung-hoa và các nước Đông Âu giàu có, lương-thực đầy đủ, vấn-đề tiếp-liệu không phải lo tới. Đánh nhau với nước nghèo Việt-nam, dân-chúng, quân-lính lại còn tiêu-thổ kháng-chiến, không để lại thứ gì, khiến đoàn quân viễn chinh chịu đói ngay sau vài ngày chiếm đóng!

Mãi đến lần thứ ba, quân Mông mới cho thủy-quân vận lương hết sức hùng-hậu đi theo đại binh, thì bị Trần Khánh Giư đánh úp, mất hết lương-thực. Lại đói, quân Mông nhốn-nháo tức thì.

- Thời-tiết: quân Mông quen sống ở phương Bắc khí-hậu ôn-hoà, kéo quân xuống phương Nam nóng bức, sống chật-chội, sinh ra nhiều bệnh, tâm thần căng-thẳng khó chịu, lòng quân dễ sinh biến.

- Chiến-thuật: quân Nam nhỏ con, lanh lẹ, quen phong-thổ, thuộc địa-hình, giỏi du-kích-chiến trong vùng rừng núi rậm rạp. Ngược lại, đại binh Mông-cổ quen đánh trận địa chiến tại các vùng thảo nguyên, nay lâm chiến tại những nơi sông ngòi chằng chịt, đất hẹp nên khó xoay trở; muốn đánh lớn không đánh được, cứ bị tỉa dần từng ngày khiến tinh-thần mỏi-mệt, sức mạnh hao-mòn.

- Chuẩn-bị chiến-trường: Từ trận thứ nhất đến trận thứ hai cách nhau 27 năm, quân Nam đã ròng-rã chuẩn-bị kỹ-lưỡng mọi đường tiến thoái, kể cả việc bố-trí hàng ngàn cọc nhọn để sau này đóng trong lòng sông Bạch-đằng và làm thêm hàng ngàn thuyền nhỏ, dễ di-động trên sông. Trong khi đó, quân Mông giỏi đánh trên bộ, nhưng không biết gì về thủy binh.

- Tinh-thần: Quân Mông-cổ và quân Hán là khách binh, đánh không thắng thì nghĩ tới việc bỏ về, trong khi quân Việt-nam ở vị-thế chủ, không còn chỗ nào khác để đi, ngoài cái nhà bị giặc chiếm phải lấy lại cho bằng được.

Nhà Trần điều động được lòng dân (hội-nghị Diên Hồng), khích động và giữ vững tinh thần tướng sĩ (hội-nghị Bình-than và hội-nghị Vạn-kiếp, hịch Tường-sĩ), vận-động được tất cả các sắc dân thiểu-số cùng chống Mông-cổ.

Tâm-lý tiến thủ của hai bên như thế quá rõ, và sự thất bại của quân Mông trở nên tất yếu, không tránh khỏi.

Thời giá

Hỏi: 1) Có phải ngày xưa, người da đỏ đã bán đảo Manhattan cho người Anh với giá 24 mỹ-kim? Sao họ dại thế? Và sao người Anh "gian-ác" thế?

2) Tại sao ở Bắc Mỹ gọi cảnh sát là "cop" và gọi tiền thưởng cho bồi bàn là "tip"?

3) Nghe nói ở một đảo nào đó phía Nam Thái-bình-dương, để tỏ tình, một cô gái tặng một chàng trai miếng bánh ngọt, có đúng không?

Trương Văn Kim
New York

Đáp: 1) Đúng ra, không phải người Anh mua bằng tiền mặt, mà bằng đổi-chác. Họ đổi lấy đảo Manhattan bằng một số nữ-trang lóng-lánh, vụn-vặt trị giá tổng-cộng 24 mỹ-kim.

Tuy-nhiên, không nên trách-cứ người Anh "gian-ác", mà phải tính theo thời giá, và trông vào những gì người da trắng đã xây-dựng trên hòn đảo ấy gần 400 năm nay. Nếu không có bàn tay xây dựng, hòn đảo ấy sẽ không lên giá như ngày nay!

Vả chăng, nếu nhìn một cách khác, nếu người da đỏ dùng 24 mỹ-kim ấy để ký-thác vào nhà băng, và mua trái phiếu, chứng-khoán, với lãi-suất tổng-hợp 7% một năm, thì từ năm 1626 đến nay, đã trở thành một món tiền khổng-lồ!

2) Cả hai chữ "cop" va "tip" đều du-nhập từ Anh-quốc.

C.O.P. viết tắt từ Constable On Patrol: cảnh-sát tuần-tiễu hay tuần-cảnh.

T.I.P. viết tắt từ hàng "To Insure Promptness", in trên một cái hộp nhỏ đặt tại quầy các khách-sạn và nhà hàng ở Anh-quốc thời xưa, để nhắc khách hàng bỏ tiền thưởng vào đó để được tiếp-đãi nhanh-nhẹn hơn.

3) Đúng. Đó là phong-tục cổ-truyền của đảo-quốc Fiji gần Úc-đại-lợi. Khi cô gái tự tay làm bánh ngọt tặng người yêu, đó không phải chỉ là sự tỏ tình, mà còn mạnh hơn một cấp: "anh cưới em nhé?" Nếu chàng trai nhận bánh, coi như ván đã đóng thuyền. Quí ông hảo ngọt nên cẩn-thận!

Bỏ phiếu tại Ấn-độ

Hỏi: 1) Nghe nói ở Ấn-độ có cách bầu cử khác ở Việt-nam và các nước tự-do, không hiểu khác thế nào?

2) Australia là nước Úc hay châu Úc? Tôi đọc báo thấy nói tới "thủ-tướng Úc-châu", rồi "thủ-tướng Tây Tây-lan". Vậy thì Tân Tây-lan có thuộc Úc-châu không?

Lê Văn Định
Saskatoon

Đáp: 1) Tại một số vùng ở Ấn-độ và ở một số nước trình-độ dân trí thấp, cử-tri không biết đọc biết viết, mỗi cử-tri được phát cho một cái "token", hình dạng giống như đồng tiền.

Trong phòng bầu cử đặt nhiều thùng phiếu, mỗi ứng-cử-viên một thùng, có dán ảnh và tên lên trên. Cử-tri chọn bầu cho người nào thì bỏ "token" vào thùng phiếu của người đó. Bầu xong, ban bầu cử chỉ cần đếm các đồng "token" rồi cộng lại.

Cách bỏ phiếu này kềnh càng, chậm chạp nhưng chính-xác, không sợ cử-tri nhầm lẫn, không biết đọc vẫn bỏ phiếu đúng người họ chọn, chỉ cần xem ảnh để nhận diện.

2) Australia là nước Úc. Australian continent là châu Úc.

Châu Úc gồm các nước và tiểu-quốc kể sau:

- Úc-đại-lợi (Australia, trong khối Thịnh-vượng chung của Anh, gồm lục-địa Úc, 6 tiểu-bang, 2 lãnh-địa và các đảo thuộc-địa)
- Tân Tây-lan (New Zealand, trong khối Thịnh-vượng chung của Anh, gồm 93 quận, 9 hạt, 3 thành phố và các đảo thuộc-địa.
- Tân Thế-giới (New Caledonia, thuộc-địa của Pháp)
- Tân Ghi-nê (Papua New Guinea, trong khối Thịnh-vượng chung của Anh, 20 tỉnh, từ 16.9.1975, độc-lập, đặt dưới sự uỷ-nhiệm cai-trị của Liên-hiệp-quốc, do Úc-đại-lợi phụ-trách). ●

lạnh áo hoàng hoa

Không gian tuyết trắng một trời
Trang thơ hoài niệm bồi hồi tuyết hoa
Tuyết bay trắng cả thiên hà
Tuyết rơi lạnh áo hoàng hoa tuyết nhàu.
Ý thơ tịch tịch về đâu
Nghe hồn cố quận thấm màu tuyết pha
Tuyết bay bao dặm quan hà
Phố phường trắng tuyết, nhà nhà tuyết che.
Tuyết chập chùng... Tuyết mê mê
Đầy trời tuyết trắng, bốn bề tuyết vây.
Hồn thơ ý bút vơi đầy
Mở trang tịch mặc thấy ngày hư vô
Bâng khuâng mình lại hỏi thơ
Mùa xuân viễn xứ tuyết hoa phủ đầy.
Gửi lòng theo cánh tuyết bay
Mênh mang trời biển, hương ngày xuân xa.
Tuyết rơi... lạnh mấy giang hà
Vào cung trầm tưởng, tuyết hoa tặng người
Một đời như thoáng mây trôi
Tuyết hoa, hoa tuyết chơi vơi bềnh bồng
Trời xuân sao lạnh thu phong
Hoa thơ, hoa tuyết mênh mông cõi người.
Tuyết rơi mấy ngả luân hồi
Lòng ai tuyết đổ... đất trời hoang sơ.
Tuyết lênh đênh... gió đôi bờ
Thơ ai gọi nắng, những hờ chiêm bao
Gió lên cao, tuyết bay cao
Bút nào vẽ tuyết, thơ nào gom hương!
Cho đời mãi ngát thi chương
Vẫn trời tuyết đổ... mù phương tuyết sầu.
Ngoài trời bão tuyết đổ mau
Áo hoàng hoa đã lạnh màu tuyết pha.

tuệ nga

Sự hữu-dụng của ngoại-ngữ

Một mụ mèo cái dẫn đàn con đi kiếm ăn. Tại một ngã tư, mấy mẹ con "tao-ngộ-chiến" với một chú chó nhỏ.

Lập tức mụ xông tới trước che chở cho các con, đồng thời nhe răng, giương móng ra sủa một thôi dài khiến chú chó dột lòng, lui lại rồi bỏ đi.

Mụ mèo quay lại bảo các con:

- Lũ chúng mày thấy chưa? Biết thêm một thứ ngoại ngữ, nó có ích như thế đấy!

Yên lặng tuyệt-đối

Toronto là thành-phố đông dân, số đơn-vị gia-cư được xây cất thêm hàng ngày nhưng vẫn không đáp-ứng nổi nhu-cầu của di dân mới tới. Việc tìm thuê một chỗ ở trong các cao-ốc đôi khi trở nên phiền-hà vì các ông bà chủ phố tha-hồ bắt chẹt.

Chuyện nghe được trong một cuộc phỏng-vấn người thuê nhà:

Chủ phố:

- Ông bà có trẻ con không?

Người thuê:

- Không.

Chủ phố:

- Ông bà có dương cầm không?

Người thuê:

- Không.

Chủ phố:

- Ông bà không chơi một loại nhạc khí nào khác chứ, chẳng hạn như các loại kèn, đàn ghi-ta, sáo?

Người thuê:

- Không. Chúng tôi không chơi bất cứ một loại nhạc khí nào và không có ý-định sẽ chơi nhạc trong tương-lai.

Chủ phố:

- Ông bà có gia súc như chó, mèo, chim... không?

Người thuê:

- Không. Chúng tôi không có gia-súc.

Như để chắc ý, anh ta nó. thêm:

- Nhưng tôi phải thú thực với ông, cứ hai tuần thì chúng tôi giũa móng tay một lần...

Yêu thiên-nhiên

Mùa Valentine, hai cô cậu bồ câu hẹn gặp nhau ở bao-lơn tầng 15 của một cao-ốc.

Đúng giờ hẹn, nàng bay sà tới, đậu xuống chờ đợi. Mãi một giờ sau chàng mới lò-dò tới.

Nàng hỏi:

- Trời ơi! Sao anh đến muộn thế? Em lo lắng muốn phát bệnh luôn!

Chàng cười rất tươi đáp:

- Em xem! Trời đẹp thế kia mà bay đi một cái vèo, uổng quá! Anh thủng-thỉnh đi bộ để tiện thể ngoạn cảnh một chút!

Thông-minh cái con khỉ!

Ba Búa đến thăm một người bạn mới, thấy anh bạn đang trầm-ngâm trước bàn cờ tướng với một con chó nhỏ.

Ba Búa ngạc-nhiên trợn mắt hỏi:

- Trời đất quỉ thần ơi! Con chó của anh nó biết đánh cờ hả? Quả thật là thông-minh! Tôi chưa từng thấy con chó nào giỏi như vậy!

Anh bạn cười khẩy:

- Thông-minh cái con khỉ! Tôi chấp nó gần phân nửa cờ mà nó cứ bị chiếu bí dài dài!

Chuyện cọp và người

Một hôm Tám Tàng gặp Ba Búa ngoài đường, tay cầm dây dắt theo một con cọp đã trưởng thành, trông oai phong lẫm-liệt.

Tám Tàng đứng ké-né một bên hỏi:

- Trời ơi! Con ...cọp! Ở đâu mà anh có nó vậy?

Ba Búa cười, tâm-sự:

- Ông chú tao gửi từ Việt-nam qua cho! Khổ! Nhà tao thì chật-chội, vườn tược chẳng bao nhiêu. Bữa nay tao dắt nó vô sở thú!

Tám Tàng nhìn theo bạn, chép miệng:

- Cơ khổ! Cho gì không cho, lại cho cháu một con cọp!..

Hai hôm sau, Tám Tàng lại gặp Ba Búa ngoài đường. Vẫn chủ đi trước, cọp đi sau. Tám Tàng ngạc-nhiên:

- Ủa! Tôi tưởng anh đã đem nó tới sở thú rồi?

Bá Búa nhớ ra:

- A! Đó là hôm nọ. Bữa nay tôi dắt nó đi xi-nê. Ở nhà mãi, cuồng chân cuồng cẳng nó quá!

Chuyện chi-phiếu

Ba Búa báo cho thằng con trai anh ta biết là cái chi-phiếu nó ký trả cho tiệm quần áo bị trả lại.

Thằng nhỏ cười toe:

- Hay quá! Vậy thì con sẽ dùng nó để mua giày!

Ba Búa giải-thích cho thằng nhỏ biết là trong trương-mục nó không đủ tiền.

Thằng nhỏ ngạc-nhiên:

- Sao kỳ vậy ba? Con còn đây tới 22 cái chi-phiếu nữa kia mà!

Tường tốt

Vì chỉ số cung-cầu chênh-lệch quá xa, các nhà thầu xây cất ở vùng Toronto "làm ngày không đủ tranh thủ làm đêm, làm thêm ngày nghỉ" để có đủ nhà bán. Vật liệu cũng vậy, làm sao cho rẻ để dễ cạnh tranh và lời nhiều, miễn được thanh-tra xây-cất chấp-nhận cho "qua" là được.

Chuyện sau đây nghe được trong một dịp xem và mua nhà.

Trong một căn nhà vừa xây xong, cô nhân-viên địa-ốc nói với khách tìm mua nhà:

- Ông bà đứng ngay tại đây, tôi bước sang phòng bên cạnh, đóng cửa lại nhé!

Cặp vợ chồng khách hàng đồng ý. Cô địa-ốc từ phòng bên nói vọng sang:

- Ông bà nghe tiếng tôi gọi không?

Vợ chồng khách hàng:

- Nghe rõ lắm! Nghe rõ từng tiếng như không có tường ngăn gì hết!

- Ông bà có trông thấy tôi không?

Vợ chồng khách hàng trả lời:

- Không! Chúng tôi không hề trông thấy cô.

Cô địa-ốc mở cửa bước ra, cười tươi-tắn:

- Thấy chưa! Vật-liệu tốt như thế mà ông bà cứ chê mãi! Thế là thế nào?

Bí-quyết

Một thương-gia thành-công, trong phút lâm-chung, gọi các con lại trối-trăn:

- Này các con! Cha đã dạy các con tất cả các nguyên-tắc điều-hành doanh-nghiệp. Và đây là hai bí-quyết cuối cùng, các con mở lòng ra mà ghi-nhận.

Các con:

- Thưa cha, chúng con xin nghe cha dạy!

Thương-gia:

- Bí-quyết thứ nhất là thành-tín: "đã hứa, phải giữ lời!"

Các con:

- Thưa cha, chúng con xin ghi nhớ. Thế còn bí-quyết thứ hai?

- "Đừng hứa!"

Lịch-sự

Tám Tàng bị hỏng máy xe trên một con đường xe cộ qua lại rộn-ràng. Anh ta cố-gắng "đề" máy một cách vô vọng, trong khi bà tài-xế ở phía sau cứ luôn tay bóp còi giục-giã inh-ỏi một cách cáu-kỉnh.

Tám Tàng thử "đề" thêm một lần nữa rồi mở cửa bước xuống, lễ-phép trình-bày:

- Thưa bà, xe tôi chẳng may bị hỏng, "đề" mãi không nổ. Bà khéo tay, xin "đề" giúp tôi. Tôi tình-nguyện đứng đây bóp còi thay bà trong chốc-lát!

Tôi cũng vậy!

Một chủ trại ở Texas khoe mẽ với ông nông-dân nghèo ở Illinois, khi thấy ông này làm chủ mảnh đất nhỏ xíu:

- Ở dưới đó, mỗi lần đi thăm đất, buổi sáng tôi thức dậy, ngồi vào xe từ lúc 6 giờ sáng, lái suốt 6 giờ đồng hồ mới thăm được phân nửa; ăn trưa xong, lại phải lái 6 giờ nữa mới đi trọn một vòng trang trại của tôi!

Nhà nông Illinois tặc lưỡi, thông-cảm:

- Cơ khổ! Tội-nghiệp ông! Mấy năm trước tôi cũng có một chiếc xe cà-tàng như vậy!

Không một trục-trặc nhỏ...

Hãng Kuku Airline giới-thiệu một đường bay quốc-tế hoàn-toàn tự-động. Các chuyên-gia điện-toán vùi đầu nghiên-cứu hàng năm trời, thí-nghiệm tới lui hàng chục lần rồi đưa vào thực-hành.

Hành-khách ngồi tại nhà, vào internet mua vé máy bay, xong tới giờ tới phi trường. Mọi giai-đoạn lấy vé lên tàu, cân hành lý, hướng dẫn lên máy bay, ráp cầu thang, tháo cầu thang, đóng cửa máy bay, trình-bày hệ-thống cấp-cứu, v.v. hoàn-toàn tự-động. Trên máy bay chỉ có hanh-khách, không có phi-công và tiếp-viên phi-hành. Khách cần giúp-đỡ, chỉ cần bấm vào các nút ở lưng ghế trước mặt, người máy tự-động mang đến.

Tới giờ cất cánh, chiếc máy bay tự-động bò ra phi-đạo, máy phóng-thanh nhẹ-nhàng lên tiếng:

- Hãng Kuku Airline hân hạnh chào mừng quí khách tham-gia chuyến bay đầu-tiên hoàn-toàn tự-động hôm nay. Với hệ-thống điều-động tân-kỳ của chúng tôi, bảo-đảm sẽ không có bất cứ một trục-trặc nhỏ nào xảy ra... không có bất cứ một trục-trặc nhỏ nào xảy ra... không có bất cứ một trục-trặc nhỏ nào xảy ra... không có bất cứ một trục-trặc nhỏ nào xảy ra...

Kỳ thị

Nhân-viên tiệm sửa computer cho biết:

- Thưa ông, trong vòng ba ngày nữa, khi phụ-tùng tới, hệ-thống vi-tính của chúng tôi sẽ tự-động gọi điện-thoại, báo tin ông biết.

Ông khách:

- Chúng tôi không có nhà trong ba ngày tới. Tuy-nhiên không sao, tôi có máy trả lời điện-thoại. Từ xa, chúng tôi sẽ gọi về và nghe được lời nhắn.

Nhân-viên tiệm sửa lắc đầu:

- Ô! Thưa ông! Rất tiếc, computer của chúng tôi không thích nói chuyện với cái máy!

Thiên-đường của các tài-xế mới

Một chuyên-viên dạy lái xe từ sở làm về nhà, đá tung đôi giày vào góc tủ, lầu bầu:

- Ước gì tôi tống được cả lũ học lái xe sang Anh một chuyến!

Bà vợ ngạc-nhiên:

- Chi vậy ông?

Ông chồng đáp:

- Ở bển chúng nó tha-hồ lấn sang bên trái mà không bị ai rầy-rà!

Trà và cà-phê

Bà khách hỏi anh hầu bàn:

- Này anh, cái này là trà hay cà-phê? Mùi vị cứ như là thuốc bắc ấy!

Anh hầu bàn lễ-phép:

- Thưa bà, đó là trà. Còn cà-phê của chúng tôi mùi vị giống thuốc rửa bát. ●

nhận được giới-thiệu

KHẢI CHÍNH

Ông Tướng Sang Sông

Tập truyện ngắn của Hoài Ziang Duy. Xuân Vũ đề tựa, Phạm Thăng viết "Lời Bạt," tranh bìa của Nguyễn Quốc Tuấn, phụ bản của Đinh Cường và Nguyễn Quốc Tuấn. Nghiêu Minh trình bày.

Tuyển tập gồm 13 truyện ngắn. *Ông Tướng Sang Sông* là tên của 1 trong 13 truyện, được tác giả dùng làm tên của toàn tác phẩm.

Qua nội dung tác phẩm, tác giả đã khéo léo lồng vào mỗi truyện ngắn những mẩu đời có thật của các vị tướng anh hùng, những người lính QLVNCH, và những người vợ lính thủy chung, v.v. Lòng hiếu thảo và lòng yêu quê hương đất nước cũng như thói đen bạc của người đời đều được tác giả đề cập một cách tinh tế.

Sách dày 184 trang, giá 10 mỹ kim/16 gia kim. Liên lạc: Làng Văn

Những Cánh Thư Hồng

Truyện dài của Dương Huệ Anh và Tân Ngọc. Thay lời tựa là "Tấm Lòng Thành", bài góp ý của Diệu Tân. Phương Đông thuộc Hội Văn Học Nghệ Thuật xuất bản, Hoa Kỳ, 1999.

Đây là một truyện dài tình cảm tâm lý xã hội, một chuyện tình có thật của "một người yêu thơ và một kẻ làm thơ." Họ *"đã thành thật yêu nhau tha thiết trong ngang trái tuyệt vọng nên cả hai đã nếm nhiều khổ đau cay đắng song song với chuỗi ngày vui ngắn ngủi."* Chính vì thế mà chúng ta có thể gọi *Những Cánh Thư Hồng* là một hồi ký tự sự. Câu chuyện có thật, nhưng tên của các nhân vật trong truyện đã được hai tác giả thay đổi để tránh sự phiền lụy cho những người liên hệ.

Chương "Hai Mươi Ba" của truyện dài này - "Những Vần Lưu Niệm" - có thể được coi là phần "Phụ Lục" về thơ , gồm 40 bài thơ được trích trong các thi phẩm của Dương Huệ Anh đã xuất bản trước đây.

Sách dày 510 trang, giá 20 mỹ kim. Liên lạc: 1923 Mt. Pleasant Rd., San Jose, CA 95148, USA.

Suối Hoa

Thi phẩm của Tuệ Nga. Phụ bản gồm thư họa của họa sĩ Vũ Hối và tranh *Suối Nhạc* của họa sĩ Trịnh MinhTrí. Hồng Trúc xuất bản tại Hoa Kỳ, 1999.

Suối Hoa gồm 146 bài thơ với các thể loại: lục bát, thất ngôn và ngũ ngôn cổ phong, Đường luật, thơ mới 8 chữ, và thơ tự do. Tuy nhiên, thể lục bát được tác giả sử dụng nhiều hơn cả. Ngoài ra, thi tập còn có 24 bài thơ được các nhạc sĩ sau đây phổ nhạc: Từ Công Phụng, Ngô Mạnh Thu, Mạnh Bích, Mộng Lan, Trọng Nghĩa, Trực Tâm, Tô Mai Lễ, Việt Hồ, Nguyễn Thu, và Hoán Trần.

Thơ Tuệ Nga chan hoà tư tưởng Phật giáo, đầy cảm xúc, âm hưởng, và tiết tấu; khiến người đọc rung động với từng vần thơ, tứ thơ.

Sau đây là một số những vần thơ tiêu biểu trong thi tập:

Nắng sớm thêm tươi màu áo đạo
Xuân chiều mãi thắm cánh hoa duyên.
Lời vàng mở pháp khai tâm tuệ,
Bút ngọc gieo vần sáng cảnh tiên.
(Trăng Thiền)

Tạ ơn huệ Phật hoa mưa,
Mưa hoa Cam Lộ tươi mùa trầm luân.
(Hoa Mưa)

Đạo Từ Bi khai ngộ,
Mở tâm cảnh hài hòa,
Lấy Thế Tôn từ ái
Độ muôn loại hằng sa.
(Suối Hoa)

Cửa Không không sẵn mở,
Phật chính tại tâm người.
(Tiếng Thầm Vang Mãi)

Thi tập dày 258 trang, in trên giấy Hoàng Lan, không đề giá bán và địa chỉ liên lạc.

Vietnamologica

Vietnamologica (số 4, 2000) là niên san phát huy Việt Nam học do Trung Tâm Việt Nam Học Canada chủ trương với Lê Hữu Mục làm chủ nhiệm, Thái Công Tụng làn chủ bút, và Ngô Văn Hoa làm tổng thư ký.

Theo như "Lời Nói Đầu" của nhóm chủ trương, *Vietnamologica* có *"mục đích phổ biến rộng rãi những kiến thức về Việt Nam Học đến nhiều thành phần trẻ, già, người Việt lẫn ngoại quốc."* Hiện nay *"sách nghiên cứu về Việt Nam không có bao nhiêu mà phần lớn các sách xuất bản chỉ có đề tài về chiến tranh"* trong khi ngành Việt Nam Học lại có rất nhiều đề tài để khai thác và nghiên cứu, chẳng hạn như: *"ngôn ngữ học, xã hội học, môi sinh học, tài nguyên thiên nhiên, phát triển bền vững, kinh tế, phụ nữ học (giới tính)..."*

Với mục đích trên, *"Vietnamologica ước mong là một nhịp cầu để nối dây liên lạc giữa mọi người chú trọng đến Việt học..."* Vì thế, những bài đăng trong *Vietnamologica* gồm nhiều đề tài liên quan đến các bộ môn khác nhau và được viết bằng Việt ngữ, Anh ngữ, và Pháp ngữ.

Vietnamologica 4 dày 306 trang, không đề giá. Liên lạc: Trung Tâm Việt Nam Học, Canada, C.P. 51182, Montreal, PQ H1N-3T9, Canada. ●

LỆ LÀNG

MUA BÁO DÀI HẠN
NHANH . RẺ . NHIỀU QUYỀN LỢI KHÁC

Độc-giả mua báo dài hạn nhận báo gửi về tận nhà, được bớt từ 10% đến 25% khi mua sách do *Làng Văn* phát-hành.

Xin điền phiếu mua báo, gửi kèm ngân-phiếu hoặc bưu-phiếu về tòa-soạn tại Gia-nã-đại (Canada).

GIÁ BÁO DÀI HẠN
(hiệu-lực từ tháng 1 năm 2000, thay thế tất cả các giá trước đó)

. ***Báo gửi trong Canada:*** - một năm 12 số: CA$55gia-kim
- hai năm 24 số: CA$105 gia-kim

. ***Gửi đi Hoa-kỳ:*** **nên mua báo gửi bằng đường bộ**

đường bộ: - một năm 12 số: US$55 (CA$82 gia-kim)
- hai năm 24 số: 105 mỹ-kim (157 gia-kim)

hàng không: - một năm: US$70 mỹ-kim (CA$105 gia-kim)

. ***Các nước khác:***

đường thủy: - một năm 12 số: US$55 (CA$82 gia-kim)
- hai năm 24 số: 105 mỹ-kim (157 gia-kim)

hàng-không: - một năm 12 số: US$85 mỹ-kim (CA$127)

Ghi-chú:
- CA$: gia-kim, tiền Canada; US$: mỹ-kim, tiền Mỹ
- Nếu trả bằng tiền địa-phương, xin theo giá sau (1 năm):

Anh:	đường thủy 30 bảng/ hàng-không 50 bảng
Đan-mạch:	đường thuỷ 400 krone / hàng không 650 krone
Đức:	đường thủy 100 đức mã / hàng không 160 đức-mã
Hòa-lan:	đường thủy 110 gulden / hàng-không 180 gulden
Na-uy:	đường thuỷ 450 krone / hàng-không 700 krone
Nhật-bản:	đường thủy 6.000 yen/hàng-không 10.000 yen
Pháp:	đường thủy 300 quan / hàng-không 500 quan
Úc:	đường thủy 80 úc-kim / hàng-không 130 úc-kim

- Gửi về tòa soạn Canada: Độc-giả cư-ngụ tại Canada, Mỹ, Anh và Pháp, xin gửi chi-phiếu cá-nhân bằng tiền Canada, Mỹ, Anh hoặc Pháp về tòa-soạn. Độc-giả tại các nước khác xin gửi ngân-phiếu (money-order) bằng tiền Mỹ hoặc bưu-phiếu (postal money-order, mua tại bưu-điện) bằng tiền Canada .

- Các nước khác, trả bằng chi phiếu địa-phương, xin gửi về:

Đức:	Na-uy:	Hòa-lan:	Úc-đại-lợi:
Dr. Ngô Việt Dũng	Dương Kim	Hồ Thị Chiến	P. Đan Hà
Postfach 104122	Bjorn Bodesvei 153	Bazillehof 36yster 77	
44041 Dormund	1253 Oslo	1628 XD-Hoorn-NH	

Lưu ý: các văn-phòng đại-diện chỉ nhận chi-phiếu, chuyển hồ-sơ; không có dữ-kiện để giải-quyết các vấn-đề giao-dịch.

Quí vị sẽ nhận được số báo đầu-tiên trong vòng 4 tuần (nếu mua báo gửi bằng máy bay) hoặc 12 tuần (nếu mua báo gửi bằng đường thủy) sau ngày tòa-soạn nhận được chi-phiếu. Sau thời-hạn này, nếu chưa nhận được, xin thông-báo cho tòa-soạn biết để xem lại.

Mỗi độc-giả sẽ có một mã-số riêng, in ở hàng đầu trên nhãn địa-chỉ của bạn ngoài phong-bì gửi báo. Xin vui lòng cắt nhãn này để dành. Khi cần giao-dịch với tòa-soạn (khiếu-nại, mua sách, gia-hạn báo, đổi địa-chỉ, v.v.), xin gửi kèm mã-số để tránh nhầm lẫn. Mã-số này gồm ba nhóm số và chữ. Nhóm thứ nhất là mã-số riêng, không bao giờ thay-đổi. Nhóm thứ hai là hạn báo của quí vị, ghi số báo chót sẽ nhận được. Nhóm chữ cuối cùng (nếu có), là cách gửi báo (máy bay, đường bộ,..).

Quí độc-giả mới, hoặc vừa tái hạn, trong vòng 90 ngày, xin vui lòng kiểm-soát lại nhóm số thứ hai (hạn báo). Nếu thấy không đúng với con số do quí vị tính, xin thông-báo ngay cho tòa-soạn.

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

Họ, tên đệm, tên:.....

Địa chỉ:.....

.....

.....

mua:.....số báo; từ số:.....; kèm chi-phiếu:.....$

Ngân, chi-phiếu xin đề và gửi về:

"LÀNG VĂN"

P.O. Box 218, Station "U", Toronto, ON M8Z 5P1, Canada

PHIẾU TẶNG BÁO

Tôi muốn mua.....số báo, kể từ số:.....

để tặng cho:.....

Địa-chỉ:.....

.....

.....

Xin đề: "Do.....tặng

kèm theo ngân, chi-phiếu:.....$

Lưu ý: Khi đổi địa-chỉ, xin quí độc-giả vui lòng báo trước cho tòa-soạn biết. Dùng phiếu đổi địa-chỉ in ngoài phong bì gửi báo; hoặc ghi rõ: tên người mua báo, mã-số và địa-chỉ cũ kèm theo địa-chỉ mới. Tòa-soạn không gửi bù các số báo bị trả lại.

BÀI VỞ

1. Bài gửi đăng có thể viết trên hai mặt giấy, nếu trong hoàn-cảnh khó-khăn. Nếu viết bằng máy vi-tính IBM hoặc tương-đương, xin vui lòng gửi đĩa bài về tòa-soạn, và cho biết loại Việt-chương (VNI, VPS, VNU,..). Tòa-soạn dùng chữ Việt chương VNU (và WinWord).

2. Tòa-soạn không hoàn lại bản-thảo, dù kèm tem, xin quí tác-giả vui lòng sao giữ lại.

3. Ngoại-trừ các bài có tính-cách tin-tức, thời-sự tòa-soạn cần phổ-biến rộng, *Làng Văn* tránh đăng bài trùng. Bài gửi riêng cho *Làng Văn*, xin ghi chữ *"riêng"* ở góc trái, phía trên đầu bài.

4. Nếu không cho phép tòa-soạn nhuận-sắc, xin ghi thêm các chữ *"không sửa"*.

5. Bài đã ghi vào cột *"sẽ đăng"*, muốn gửi cho báo khác, xin vui lòng báo trước.

6. Bài đã đăng trên *Làng Văn*, sau ba tháng, tác-giả có thể gửi đăng lại trên các báo khác.

7. Khi gửi bài cho *Làng Văn*, tác-giả đương-nhiên đồng ý cho phép toà-soạn đăng trên báo, in sách, phát-thanh, và phổ-biến trên băng.

Nếu tác-giả cần giữ lại cho sách riêng sau khi đăng báo, hoặc giao cho các nhà xuất-bản khác, xin thông-báo cho tòa-soạn để tránh in trùng.

Khi in sách, tòa-soạn sẽ trả nhuận bút hoặc tặng sách.

8. Quí đồng-nghiệp muốn trích đăng lại, xin vui lòng báo trước và chờ sự thỏa-thuận bằng thư. Bài trích đăng, xin ghi rõ các chữ: *(Làng Văn số...)* ngay bên dưới tên tác-giả hoặc ở cuối bài.

THƯ ĐI TIN LẠI

Nguyên Hương

Thiệp Xuân nhận được
(kỳ 2)

Nhà văn Xuân Tước, Colorado; Hội Người Việt Toronto; Nhà văn Nguyễn Văn Chức, TX; Thi sĩ Vân Nương, Pháp; Ký-giả Trọng Kim và bán nguyệt san Ngày Nay, Texas; Anh chị Lâm Văn Trung, TN; Nhạc sĩ Việt Dzũng, California; Thi-sĩ Nguyễn Đăng Tuấn và Mỹ, Pennsylvannia; Thi-sĩ Trần Ngân Tiêu và Mộng Cầm, Florida; Ông Phạm Sỹ và gia-đình, Na-uy; Anh chị Bành Công Tín và Bích Giao, Florida; Tạp-chí Người Việt Hải Ngoại, BC; Ông Hoàng Văn Vui, New York; Ký-giả Tống Nhiệm và nguyệt-san Người Dân, California; Anh chị Trần Quang Hải & Bạch Yến, Pháp; Nhà văn Tôn-nữ Hoàng Hoa, Florida; Nhà văn Phạm Quân Khanh, Ontario; Về Nguồn Foundation, Hoa Kỳ; TS Tăng Quyền Vinh, Ontario; Nhà văn Trần Đỗ Cẩn và nguyệt-san Đoàn-kết, Texas; Ông Trần Mộng Vũ, Úc-đại-lợi; Anh chị Nguyễn Ngọc Bảo, Texas; Nhà văn Từ Nguyên và gia-đình, Pháp; Ông Nguyễn Kim; Ontario; Nhà thơ Vĩnh Liêm và gia-đình, Maryland; Nhà thơ Phan Xuân Sinh và gia-đình, Massachusetts; Dược-sĩ Hoàng Ngọc Tuệ và gia-đình, California; GS Đoàn Viết Hoạt và GS Trần Thị Thức, Virginia; Ngọc Minh, California; Hoa-kỳ; Nhà thơ Phù Vân, Đức; Ông bà Phạm Văn Nhuệ, Texas; BS Nguyễn Đức Tùng và gia-đình, Ontario; Anh chị Nguyễn Hữu Nhật, Nguyễn Thị Vịnh, Na-uy; Ông bà Phan Văn Minh, Pháp; Anh chị Võ Đại Tôn, Hoa-kỳ; LS Hoàng Duy Hùng, Hoa-kỳ; Thi-sĩ Phong Vũ, Toronto; Ông Nguyễn Đại Dzương và gia-đình, Pháp; Nhà văn Đại Dương, Virginia; Chi và Long, Virginia; Nhà văn Trường Xuân Triệu, Đức; Ông Trần Độ, Việt-nam; Nhà văn Nguyễn Xuân Hoàng, California; Nhà văn Văn Quang, Việt-nam.

Làng Văn, Nguyên Hương và Nguyễn Hữu Nghĩa xin đa tạ và kính chúc quí tiền bối, văn hữu và thân hữu năm mới vạn sự tốt đẹp.

CÁO LỖI

Vì một sự trục trặc nào đó ở Bưu điện, một số độc giả ở Hoa Kỳ nhận được số tân niên trước số xuân , mặc dù số xuân (197) đã gửi trước số 198 hai tuần lễ.

Toà soạn xin chân thành tạ lỗi.

BÁO BỊ TRẢ VỀ

Xin quí độc giả có tên sau đây vui lòng cập-nhật địa chỉ mới. Tòa soạn không gửi lại những số báo bị trả về, ngoại-trừ có lời yêu cầu, kèm theo 4$ tem (2$ bồi hoàn tem phạt và 2$ tem gửi lần thứ hai):

Nhơn Nguyễn, Carmel, IN; Toàn Văn Quan, Austin; TX; Cao Thị Thu Vân, Hoà-lan.

Trả lời chung về cuốn "Hành trình về phương Đông": Toà soạn và nhà văn Nguyên Phong không biết nơi nào bán bản anh văn của cuốn *Hành trình về phương Đông (Journey to the East)*. Quí độc giả, nếu biết (nơi nào bán, thư viện nào có) xin vui lòng mách giúp. Đa tạ.

Anh Tăng Trí Dũng, NJ: Anh có thể liên lạc ông NQH qua địa chỉ vi thư thoibao@interlog.net.

Chúc anh toại nguyện.

Nhà văn Phan Long Yên, Hoa kỳ: Đã nhận được cuốn băng hình hôm ra mắt sách, xin đa tạ. Băng rất đẹp, rất nhà nghề! Cũng xin cảm ơn ông bà về bộ tượng Y phục Việt nam và hai đĩa hình ảnh do Michael mang về. Kính.

Đoan Vy, Rochester: Cháu có thể chọn bất cứ đề tài nào cháu muốn, miễn là diễn đạt cho "tới". Các cụ độc giả (và cô NH) dù cao tuổi hạc, vẫn đọc được "chuyện tình áo trắng" mà! Thân.

Cao Kim, Thái Lan: Đã gửi ông một tờ báo. Ông muốn hợp tác, xin cứ gửi bài. Kính.

Chiến sĩ Lý Tống, LA: Cảm ơn anh về băng hình và tài liệu. Chúc anh sớm tập trung được nhiều phương tiện để tiến hành các chương trình kế.

Sông Mao, WA: Đã nhận được bài cập nhật, và lời chúc "trúng lotto", cảm ơn anh.

Anh Đặng Hồng Trinh, Thái Lan: Đã đọc thư anh và thư cha Olivier. Cha Olivier cầu nguyện cho các anh cho hằng đêm, và gõ mọi cánh cửa hằng ngày, nhưng vô vọng. Vấn đề lớn nhất ở đây là phương tiện. NH suy nghĩ nát óc, mong giúp 60 anh chị và các cháu nhỏ thoát khỏi cảnh giam cầm tại IDC Vọng Các. Cũng như cha Olivier, LV cảm thấy bị bó tay, nhưng không đầu hàng, vẫn tin rằng sẽ giúp được phần nào, ít nhất là cho các gia đình có con nhỏ. Chúc các anh chị giữ vững.

Ông Đỗ Danh Tâm, Ottawa: Đã đăng mẫu đính chính. Mười bảy cuốn tuyển tập *"VBVN Ontario*

1999" gửi cho ông là quà của BCH nhờ NH gửi hộ, để đáp tạ món tiền ông gửi ủng hộ tuyển tập trước đó, ngoài ra không có lý do nào khác.

Riêng chi phiếu số #232, đã chuyển 100% vào quỹ Văn Bút.

Nhà văn Thanh Phương, Pháp: Đầu năm lạnh lẽo đọc thư chị, rất ấm lòng. Có gì mới, xin chị gửi qua. Kính chúc anh chị năm mới an lạc.

Ông Lê Hữu Minh Toán, TX: Cảm ơn ông về sự cảm thông qua TT. Xứ tuyết, xuân lạnh, tết nhất ở quê người cũng tẻ nhạt. Có "thi vị" chăng là nhìn tuyết mà cảm được tâm trạng người Hoa Bắc qua các bài thơ xuân. Người ta trông mai (trắng) nở trong trời lạnh, biết không phải tuyết vì ngửi thấy mùi hương thoang thoảng *(Tường giác sổ chi mai, Lăng hàn độc tự khai, Dao tri bất thị tuyết, Vị hữu ám hương lai* - Vương An Thạch); còn NH ở đây, có những ngày cành khô bám đầy hoa tuyết, trông đẹp như cây ngọc, nhưng vẫn biết không phải mai, vì quê hương cách xa ngàn dặm! Kính.

Anh Phùng Nhân, Úc: Đã sửa lại tên người nhận trên tấm chi phiếu và gửi lại anh. Cảm ơn về cái truyện mới. Chúc vui.

Ngô Kiệt, WA: Cảm ơn em về những điều đã viết.

Các anh chị ở bên này bâng khuâng chuyền nhau bốn trang thư em góp ý về vấn đề *"Roots of Unrest"*. Hai hình ảnh nổi lên: một em Việt Nam tuổi ngoài hai mươi, phóng viên có tương lai, sống ung dung trong xã-hội mới, và một em Việt Nam khác trong nhà tù Mỹ, em nào có thiên lương hơn em nào? Thiên lương đối với cội nguồn, đồng bào và đồng loại. Sự vi phạm đạo đức cá nhân và đạo đức xã hội. Sự phạm tội đối với một người, và sự phạm tội với một dân tộc. Và cuối cùng, sự cao cả của một người phạm lỗi biết nhận lỗi và sự cứng lòng, kiêu ngạo của một kẻ tự cho rằng mình "không bao giờ lầm lỗi". Cảm ơn em.

Ông Việt Thao, CA: Đã nhận được bài viết về thành Bình Định, một công trình gian nan không kém gì việc xây thành ngày xưa. Cảm ơn ông.

Nhà văn Nguyễn Văn Chức, TX: Bếp Mập NHN rất đồng ý với lời nhận xét người bạn thân của ông.

Cảm ơn ông về lời chúc đầu thiên niên kỷ, và xin kính chúc ông bà an lạc.

BÀI NHẬN ĐƯỢC

(không kể bài gửi qua e-mail)

Văn: Đào Đức Chương, Nguyễn Ngọc Châu, Tôn Nữ, Vy Khâm, Phùng Nhân, Phạm Thành Châu.

Thơ: Trần Vấn Lệ (5), Vân Nương (3), Nguyễn Văn Ngọc, Đan Hà (2), Lê Hữu Minh Toán (3), Khương Nhật, Nguyễn Tứ Phương (2), Xuân Ngữ (4), Rợ Giao Châu, Tinh Nguyên, Việt Liễu (2), Lộc Quy.

BÀI SẼ ĐĂNG

Văn: Thành Bình Định (ĐĐC), Năm Chích hầu toà (PN), Nước mắt mùa xuân (VK), Chỉ là sự công bằng (TN), Nghe tin lũ lụt, nhớ Huế (PTC).

Thơ: Xuân nhớ Chi Phương (LQ), Ngắm hoa (VL), Tháng Sáu (NVN), Đợt nắng cuối thu, Chòm mây cố lý (VN) Xuân già, Vọng âm, Nhớ quê, Gặp o bạn Huế (LHMT), Bến trong, Ta cứ ôm hoài giấc mộng du (XN), Mối thù phải trả (PĐH),cái thuở ban đầu, Ba mươi tháng tư (TVL).

ĐÍNH CHÍNH

Trong Tuyển-tập Văn Bút VN Ontario 1999 có một số điểm cần được sửa lại, như sau:

1) Trang 5: Mục-lục, tên *"Đỗ Văn Tầm"* xin sửa lại là *"Đỗ Danh Tầm"*.

2) Trang 7: dòng 5, bằng tốt-nghiệp của ông Đỗ Danh Tầm, sách in là *"tiến sĩ"*, xin sửa lại là *"tiến-sĩ đệ tam cấp" (master)*.

3) Trang 26: dòng 5 từ dưới đếm lên: *"Tới một ngày dân-tộc biết đau thương"*, xin sửa lại là *"Tới một ngày dân-tộc hết đau thương."*

GÓP VUI

Nhận được tin vui, anh chị Dương Kiền & Kim Anh (Na-uy), làm lễ thành-hôn cho thứ nam

DƯƠNG KHANH

kết hôn cùng cô

TRẦN THỊ HUỆ

trưởng nữ của ông bà Trần Công Sơn, Thụy-điển;
Hôn lễ cử-hành ngày 12 tháng 2 năm 2000 tại Thụy-điển;
Xin góp vui cùng hai họ Dương-Trần, thân chúc các cháu Khanh & Huệ hạnh phúc bên nhau trọn đời.

Vợ chồng Võ Bá Thiện, Montréal
Nguyên Hương & Nguyễn Hữu Nghĩa

SÁCH MỚI VỀ

(Bổ-túc Thư-Mục 2000, in trên Làng Văn số 197)

Ăn trưa nghe kể chuyện tình
Truyện ngắn
Nguyễn Hữu Trí
US$9.00 - CA$14.00

Ca dao đố vui học tiếng Việt
Đỗ Quang Vinh
US$10.00 - CA$16.00

Cảm nhận
Tạp văn, Võ Phiến
US$10.00 - CA$16.00

Chọn hướng nhà và bố trí nội thất
Phong thuỷ, Nguyễn Hà
US$9.00 - CA$14.00

Chuyện đồng quê
Truyện ngắn, Trần Văn
US$15.00 - CA$24.00

Chuyện lành
Tạp văn
Nguyễn Văn Thông
US$12.00 - CA$19.00

Chuyện tình thời thổ tả
Truyện ngắn
Nguyễn Hoài Phương
US$12.00 - CA$19.00

Đại Việt Quốc Dân Đảng
Tài liệu, Quang Minh
US$12.00 - CA$19.00

Đó đây
Tùy bút, Trúc Chi
US$12.00 - CA$19.00

Đổi đời
Truyện ngắn
Nguyễn Khắc Hoàng
US$14.00 - CA$22.00

Hành trang vào đời
Kiến thức phổ thông
Lê Phương Thuý
US$15.00 - CA$24.00

Học đọc tiếng Việt
Đỗ Quang Vinh
US$15.00 - CA$24.00

Hỏi sao không buồn cho được
Thơ, Trần Vấn Lệ
US$10.00 - CA$16.00

Kẻ giật dây
Truyện ngắnLê Đình Chi
US$10.00 - CA$16.00

Lá thư Sài gòn
Tạp văn
Người Tân Định
US$12.00 - CA$19.00

Lò cừ
Truyện ngắn
Lâm Chương
US$14.00 - CA$22.00

Loanh quanh những nẻo đường
Ký, Trần Doãn Nho
US$10.00 - CA$16.00

Luyện Dưỡng Sinh
Nguyễn Minh Kính
US$10.00 - CA$16.00

Nhân chứng một chế độ
Hồi ký
Huỳnh Văn Lang
US$23.00 - CA$36.00

Ông tướng sang sông
Truyện ngắn
Hoàng Ziang Duy
US$10.00 - CA$16.00

Phong thuỷ dẫn giải và thực hành I, II
Đoàn Văn Thông
US$28.00 - CA$44.00

Quê mẹ
Bút ký về Phú Yên
Phan Long Yên
US$10.00 - CA$16.00

Sống hạnh phúc, chết bình an
Đạt Lai Lạt Ma
Chơn Huyền dịch
US$12.00 - CA$19.00

Rừng mắm văn nghệ
Truyện ngắn, Võ Đình
US$13.00 - CA$20.00

Tăng sĩ và triết gia
Hội thoại Phật học
Revel & Ricard,
Linh Thụy dịch
US$22.00 - CA$35.00

Thế kỷ
Nhận định
Nguyễn Văn Chức
US$14.00 - CA$22.00

Tiến sĩ Lê Mai
Truyện dài
Thanh Thương Hoàng
US$14.00 - CA$22.00

Tiếng Việt tuyệt vời
Đỗ Quang Vinh
US$15.00 - CA$24.00

Tuyệt tình
Tiểu thuyết Trung Hoa
Nguyễn Vạn Lý phóng tác
US$15.00 - CA$24.00

Tuyết thư
Tạp văn
Nguyên Hương
US$10.00 - CA$16.00

. Độc-giả dài hạn Làng Văn được bớt như thường-lệ.

. Thư-từ chi phiếu gửi về:

Làng Văn
P.O. Box 218
Station "U"
Toronto, Ontario
M8Z 5P1, Canada

CHIA BUỒN

Nhận được tin buồn,

Luật-sư, giáo-sư, bình-luận-gia

PHẠM KIM VINH

đã qua đời ngày 25 tháng 1 năm 2000 tại California, Hoa-kỳ, hưởng thọ 68 tuổi.

Xin thành-kính phân-ưu cùng quí tang-quyến; cầu-nguyện hương-linh ông sớm về nơi an nghỉ đời đời.

Ban Chấp-hành Văn Bút Việt-Nam Hải-Ngoại
Gia-đình Minh Đức Hoài Trinh
Gia-đình Sơn Tùng Nguyễn Minh Ngọc
Gia-đình Duy Lam
Gia-đình Khải Chính Phạm Kim Thư
Gia-đình Ngọc Anh
Gia-đình Trương Sĩ Lương
Gia-đình Phạm Quang Trình
Tuệ Nga và các con
Cao Mỵ Nhân và các con
Gia-đình Vũ Quang Trân
Gia-đình Nghiêu Minh
Gia-đình Nguyễn Văn Diễn
Gia-đình Thi Giang Vũ Hữu Quyền
Nguyên Hương & Nguyễn Hữu Nghĩa

24/24
phát thanh

VPR

ĐÀI TIẾNG NÓI
VIỆT NAM HẢI NGOẠI

VIETNAMESE PUBLIC RADIO

Đang Phát-Thanh:
Washington DC, Maryland, Atlanta, Virginia, Dallas, Austin, New Orleans, Tampa, Baton Rouge, St. Petersburg, Portland, Boston, Philadelphia

Sẽ Phát-Thanh:
Jacksonville, San Diego, Toronto, Montreal, Vancouver

TIN TỨC
Sưu Tầm Tài Liệu
Học Hỏi
diễn đàn
Thơ Văn
âm nhạc

Chúng tôi sẵn sàng trực-tiếp truyền-thanh đến địa-phương của quí vị

Tiếp vận các đài
VOA
BBC
Á CHÂU TỰ DO

Xin vui lòng liên-lạc:

tel (703) 533-0011 toll-free 1-888-264-1528
fax (703) 533-0111 email VPR@erols.com

900 South Washington St, Suite 302
Falls Church, VA 22046, USA

Thi-tập mới nhất
của
TRẦN VẤN LỆ
do Người Tàu
xuất-bản
tại Hoa-kỳ
năm 2000
208 trang,
ấn-loát mỹ-thuật
US$10 - CA$16

Chi-phiếu đề trả cho: "Làng Văn"
và gửi về:

LÀNG VĂN
P.O. Box 218 Station "U"
Toronto, Ontario M8Z 5P1
Canada

HomeLife Realty Centre Corp
2579 Hurontario St., Missisauga, Ont., L5A 2G4

Steven
KIEN TRONG DAO
Sales Representative
(Đào Trọng Kiền)
Bus: (905) 279-8300
Fax: (905) 279-5344
Res: 905) 566-5234
Pager 24/24 qua văn-phòng

Chuyên-viên phụ-trách mua bán Sản-Thương-Mại
Nhà Đất · Cơ Sở Thương Mại ..
Tuyển dụng [illegible] tài-năng [illegible]

- **Phục vụ tận tâm, uy tín, đứng đắn, tín nhiệm.**
- **Theo dõi thị trường, định giá chính xác.**
- **Giúp đỡ định giá, trả giá và hoàn tất thủ tục.**
- **Giới thiệu tìm vay mortgage dễ dàng.**
- **Giới thiệu Luật sư uy tín tận tâm**

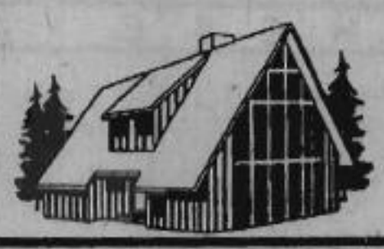

Nhà in của người Việt-Nam

SILVER PRINTING INC.

1545 Dupont St., Toronto, Ont. M6P 3S5
Tel: (416) 539-8113 - Fax: (416) 539-0442

- Các loại sách, báo, bìa offset màu
- Đóng sách (perfect binding), đóng kim, đóng chỉ bìa cứng
- Thiệp cưới hỏi, cáo-phó, thiệp mời
- Ấn-chỉ văn-phòng, hóa-đơn, toa thuốc
- Thực-đơn, niên-giám
- Bích-chương, bươm-bướm quảng-cáo

Nhận đánh máy, trình bày sách vở, báo chí bằng computer chữ Việt, Anh, Pháp

Xin gọi: cô Trang (416) 539-0442 Chủ-nhật: (905) 625-9194

NHANH - ĐẸP - RẺ - ĐÚNG HẸN
TÍN NHIỆM NHẤT

Bác-sĩ HOÀNG HỮU NHUẬN

1444 R1A Dorchester Ave.,
Dorchester, MA 02122
(tại Fields Corner)
MASS MANAGE CARE PROGRAM
Điện-thoại: (617) 436-5641

Y-KHOA TỔNG-QUÁT

- Bệnh nội-khoa, người lớn, trẻ em.
- Khám sức-khoẻ cho đồng-bào mới đến.
- Khám sức-khoẻ cho học-sinh, chích ngừa.
- Cấp giấy chứng nhận tiền hôn-nhân.
- Cấp giấy chứng thương tai nạn xe cộ, nghề nghiệp

SẢN-KHOA, PHỤ-KHOA:

- Khám và trị các bệnh phụ-nữ, khám thai.
- Cấp giấy chương trình WIC.
- Nhận Mass Health và các loại bảo-hiểm.
- Tận tình giúp-đỡ đồng-bào mới đến, chưa có thẻ Mass Health.

Làm việc từ Thứ Hai đến Thứ Sáu: 10am-6pm
Thứ Bảy, Chủ Nhật: 10am-2pm
Thứ Tư: nghỉ

NHẬN LÀM BÁC-SĨ GIA-ĐÌNH
(Primary Care Physician - theo chương trình mới)
MASS HEALTH MANAGE PROGRAM

TORONTO . TORONTO . TORONTO . TORONTO

Bác-sĩ toàn-khoa
QUẢN ĐỨC MINH
Nha-sĩ, DDS
NGUYỄN THÙY DUNG
2580 Shepard Ave., Unit # 31,
MISSISSAUGA, ON L5A 4K3
ĐT: (905) 615-0468

Nha-sĩ NGUYỄN THANH NHÀN
1280 Finch Ave. W., Suite 707
Downsview, Ont. M3J 3K6
(trong Nor-Am Tower)
ĐT: (416) 663-3200

Nha-sĩ TỪ CHẤN PHONG
3085 Hurontario St., #209
MISSISSAUGA
ĐT: (905) 897-8527

Shuh Cline & Grossman
Barristers and Solicitors
17 Weber St. W., Kitchener/(519) 578-0910 Ext.326
TRƯƠNG TẤN HÙNG, Sinh viên Luật-khoa tập sự
(519) 645-0159 (Việt-Anh)-(519) 578-1160 (Việt)

Nha-sĩ NGUYỄN THỊ KIM HOÀN
741 Broadview Ave., #201, Toronto
Ont. M4K 2P6 - *Subway Broadview* ***Phố Tàu Đông***
CHUYÊN RĂNG GIẢ THẨM-MỸ
ĐT: (416) 461-5437

A-T SERVICES
VĂN-PHÒNG KẾ-TOÁN
&
KHAI-THUẾ LỢI-TỨC
TRẦN ÁNH TUYẾT
806 College St. (góc Ossington)
(416) 588-4256
Nhận chuyển hồ-sơ trực-tiếp lên sở thuế qua đường dây điện-tử

GIÁ BIỂU QUẢNG-CÁO, CHÚC MỪNG, CHIA BUỒN

. Trang trong:
- nguyên trang $120 một kỳ
- nửa trang $70 một kỳ
- 1/4 trang $40 một kỳ
- 1/8 trang $25 một kỳ

. Bớt 20% cho độc-giả dài hạn đăng phân ưu, chúc mừng.

. Bìa lưng: 1 ô (3.25"x1.50") $40 một kỳ

. Trang bìa trong:
- 1 ô nhỏ: $120 nguyên năm (12 kỳ báo)
- 2 ô: $200 nguyên năm (12 kỳ báo)
- 5 ô (1/6 trang) $40 một kỳ - trọn năm (12 kỳ) $400
- 15 ô (nửa trang): $100 một kỳ - trọn năm (12 kỳ) $1000

SÁCH CỦA CÁC TÁC-GIẢ CÓ MẶT THƯỜNG XUYÊN TRÊN LÀNG VĂN

Cả Cười:
7 tập truyện cười bể bụng
CƯỜI MẶN
CƯỜI CHẢY
CƯỜI CHO ĐỜI ĐỠ KHỔ
CƯỜI CHO ĐỜI LÊN HƯƠNG
CƯỜI TOE
CƯỜI TỦM
CƯỜI ĐỎ
Mỗi tập: 7 mỹ-kim (11 gia-kim)

Cung Vũ:
HỒNG TRẦN, *thơ*
7 mỹ-kim (11 gia-kim)
NGUYỆT BẠCH, *thơ*
10 mỹ-kim (16 gia-kim)
ĂN KHẾ TRẢ VÀNG
truyện thiếu-nhi song-ngữ Anh-Việt (soạn với Bích Giao)
5 mỹ-kim (10 gia-kim)
ÌNH KHÓ VÀ CON QUỶ
truyện thiếu-nhi
mỹ-kim (11 gia-kim)
ỤC KIỀN LIÊN
truyện thiếu-nhi Anh-Việt-Pháp soạn với TH và Bạch Thái Hà)
mỹ-kim (11 gia-kim)
Ự TÍCH TẾT TRUNG THU
truyện thiếu-nhi Anh-Việt
mỹ-kim (11 gia-kim)

iên Khánh
HÁP BÀ, THÁP NHẠN, IẮC HƯƠNG QUAN,
ập truyện ngắn viết về quê cũ
? mỹ-kim (19 gia-kim)

ương Thị Vành Khuyên:
ÃY DÀNH CHO NHAU

MỘT CHÚT NHỚ
tập truyện ngắn tình-cảm
12 mỹ-kim (19 gia-kim)

Dương Thượng Ngã:
HỒ XUÂN HƯƠNG
nhận-định, biên-khảo
8 mỹ-kim (14 gia-kim)

Đào Trường Phúc:
NHỮNG ĐIỂM NÓNG TRÊN THẾ-GIỚI SAU CHIẾN-TRANH LẠNH
nhận-định, biên-khảo
12 mỹ-kim (19 gia-kim)

Hoàng Nga:
hai tập truyện ngắn tình-cảm
NHƯ MỘT VẾT CHIM BAY
&
THÁNG GIÊNG THÁNG BẢY BUỒN NHƯ NHAU
Mỗi tập:
12 mỹ-kim (19 gia-kim)

Hồng Huy:
MÓN QUÀ CƯỚI
truyện ngắn hay nhất Canada
10 mỹ-kim (16 gia-kim)
ĐỌC KỸ TRUYỆN KIỀU
biên-khảo văn-học
24 mỹ-kim (38 gia-kim)

Khải Chính Phạm Kim Thư:
THAM-LUẬN THƠ, CA-DAO & TỤC-NGỮ
9 mỹ-kim (14 gia-kim)

Lệ Hữu Mục:
TRUYỆN KIỀU VÀ TUỔI TRẺ
biên-khảo Việt-Anh-Pháp (soạn chung với Phạm Thị Nhung và Đặng Quốc Cơ)
32 mỹ-kim (52 gia-kim)
HỒ CHÍ MINH KHÔNG PHẢI LÀ TÁC GIẢ 'NGỤC TRUNG NHẬT KÝ'
8 mỹ-kim (12,50 gia-kim)

Mộ Lăng Văn:
biếm-văn không cù mà cười:
ĐẦU LÀNG CUỐI XÓM
10 mỹ-kim (16 gia-kim)
SAU BỨC MÀN TRE
8 mỹ-kim (12.50 gia-kim)

Ngô Nguyên Dũng:
TIẾNG NÚI
14 mỹ-kim (22 gia-kim)
CHUÔNG ĐÊM
10 mỹ-kim (16 gia-kim)
GIA-ĐÌNH CÚN
10 mỹ-kim (16 gia-kim)
12 HOA CÚC
12 mỹ-kim (19 gia-kim)

Nguyên Hương:
TUYẾT THƯ
bút-ký văn-nghệ
10 mỹ-kim (16 gia-kim)

Nguyên Phong:
tập sách thiền mới nhất
BÊN RẶNG TUYẾT SƠN
13 mỹ-kim (20,50 gia-kim)
ĐƯỜNG MÂY QUA XỨ TUYẾT
14 mỹ-kim (22 gia-kim)
HOA TRÔI TRÊN SÓNG NƯỚC
13 mỹ-kim (20,50 gia-kim)
HUYỀN THUẬT VÀ ĐẠO SĨ TÂY TẠNG
16 mỹ-kim (25,50 gia-kim)
NGỌC SÁNG TRONG HOA SEN
20 mỹ-kim (32 gia-kim)
TRỞ VỀ TỪ CÕI SÁNG
12 mỹ-kim (19 gia-kim)

Nguyễn Nhạn Sơn:
CHUYỆN LẠ XỨ NGƯỜI
những chuyện khó tin nhưng có thật xảy ra trên khắp năm châu
16 mỹ-kim (25.50 gia-kim)

Nguyễn Hữu Nghĩa:
hai tập nhận-định chính-trị
DỌN ĐƯỜNG VỀ NƯỚC
18 mỹ-kim (28 gia-kim)
GIAI-ĐOẠN MỚI TRÊN CHIẾN-TRƯỜNG CŨ
10 mỹ-kim (16 gia-kim)
KÝ
bút-ký văn-nghệ
8 mỹ-kim (12,50 gia-kim)
EM HÁT EM VUI
tập bài hát thiếu-nhi
7 mỹ-kim (11 gia-kim)

Nguyễn Văn Thông:
ĐỨC GIÁO HOÀNG PHAOLO II VÀ TRANG SỬ CÒN GIẤU KÍN CỦA THỜI ĐẠI
12 mỹ-kim (19 gia-kim)
CHUYỆN LÀNH
12 mỹ-kim (19 gia-kim)

Nguyễn Đăng Tuấn:
DƯỜNG NHƯ TÔI NGẠI
THỐT LỜI YÊU EM, *thơ*
10 mỹ-kim (16 gia-kim)

Phan Long Yên:
ĐƯỜNG MÂY, *thơ*
10 mỹ-kim (16 gia-kim)
QUÊ MẸ, *bút ký quê nhà*
10 mỹ-kim (16 gia-kim)

Phùng Nhân:
truyện đồng quê miền Nam:
NGHỆ-THUẬT Ô MÈO
truyện ngắn
12 mỹ-kim (19 gia-kim)
VÀM ĐẤT CẢ CAO, *truyện dài*
15 mỹ-kim (24 gia kim)

Thái Văn Kiểm
VIỆT-NAM GẤM HOA, *biên-khảo*
18 mỹ-kim (28,50 gia-kim)

Tống Minh Long Quân:
ba cuốn tiểu-thuyết xã-hội đen
MẶT TRỜI VÀ BÓNG ĐÊM
16 mỹ-kim (26 gia-kim)
ĐÙA VỚI LỬA
18 mỹ-kim (29 gia-kim)
CUỘC ĐỜI VÔ ĐỊNH
17 mỹ-kim (27 gia-kim)

Trần Văn Tích
SỰ MUÔN NĂM CŨ
biên-khảo
15 mỹ-kim (25 gia-kim)

GIÁ BIỂU QUẢNG-CÁO TRÊN TRANG NÀY: 1 Ô $120 (1 NĂM - 12 KỲ); 2 Ô: $200 (NĂM - 12 KỲ)
Muốn đăng, xin gọi: Minh Trang (416) 539-0442 - (905) 625-9194 / Nguyên Hương (905) 607-8010

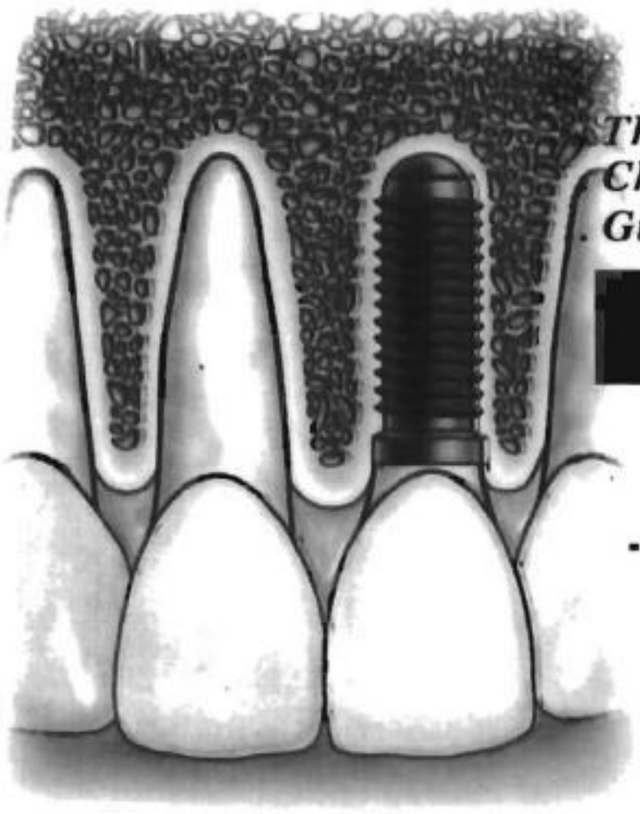

CẤY RĂNG

Thay những chiếc răng đã bị nhổ bằng phương-pháp tự-nhiên và thẩm-mỹ
Chữa trị trường-hợp răng giả bị sai lệch
. Giải-phẫu cấy chân răng và gắn răng giả

THAM-KHẢO MIỄN PHÍ TẠI VĂN-PHÒNG CHÚNG TÔI

(416) 531-5796 & (416) 665-9283
. Điện-thoại miễn phí toàn quốc Canada và Hoa-kỳ:
1 (877) NU-TEETH (688-3384)

OSCAR DALMAO, D.D.S., R.D.T., D.I.C.O.I.
Nha-sĩ tổng-quát, chuyên giải-phẫu cấy răng, làm răng giả,
tốt-nghiệp và được cấp bằng của Hội-đồng Quốc-tế
các nha-sĩ chuyên cấy răng

Ủng-hộ
Chương-trình phát-thanh
VĂN-HỌC NGHỆ-THUẬT LÀNG VĂN
phát về Việt-nam
từ 7giờ 30 - 8 giờ 30 tối Thứ Hai
trên làn sóng 9965 KHz (31 m)

NHA-SĨ GIA-ĐÌNH VÀ THẨM-MỸ
MICHAEL LÊ ĐÌNH HÒA
Dental Surgeon

10 Gateway Blvd., #111
Don Mills, Ontario
M3C 3A1
Tel: (416) 429-0150

336 Dundas St. W. #201
Toronto, Ontario
M5T 1G5
Tel: (416) 971-6956

Có chỗ đậu xe phía sau
LÀM VIỆC
TỪ THỨ HAI ĐẾN THỨ BẢY

BÁC-SĨ GIẢI-PHẪU THẨM-MỸ
NGUYỄN THẾ LẠC
FRCS (C), CSPQ
TỐT-NGHIỆP TẠI CANADA
Nguyên bác-sĩ giải-phẫu tạo hình Tổng Y-viện Cộng-hòa và Bệnh-viện Bình-Dân
Bác-sĩ giải-phẫu thẩm-mỹ tại Sài-gòn
984 Colborne St. E., Brantford, Ontario, Canada N3S 3T4
Điện-thoại: (519) 753-6477
Cell: (519) 755-9285 - Điện-thoại nhà (sau 9 giờ tối): (519-449-5434

Làm việc theo hẹn
Thứ hai tới Thứ bảy: 9g sáng-6g chiều
Chủ-nhật: theo hẹn

Lấy QEW (hướng Hamilton& Brantford), đổi sang 403 (Hamilton & Brantford), by pass Hamilton, exit Wilson St. West to Brantford (Wilson St. West là Hwy 2 West cũ), đường này nối vào Colborne St. East